nanoco

KIMQUANG
Electrical equipment

Panasonic

CATALOGUE

10.2026









THIẾT BỊ ĐIỆN DÂN DỤNG

THIẾT BỊ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

ĐIỆN GIA DỤNG

Ampo.vn

www.nanoco.com.vn

fb.com/nanoco.com.vn

info@nanoco.com.vn

Hotline: 1900 67 11

https://kimquang.vn

MỤC LỤC

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN PANASONIC 10-2026 T01 - 02

THIẾT BỊ ĐIỆN

Panasonic

WIDE SERIES ..... T03 - 05

Panasonic

MẶT CÓ NẮP CHE T05

Panasonic

MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP T05

Panasonic

WIDE SERIES - REFINA T06

Panasonic

WIDE SERIES - CHUYÊN DÙNG CHO KHÁCH SẠN T07

Panasonic

HALUMIE - ACRYLIC T08

Panasonic

HALUMIE T09

Panasonic

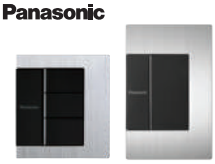
FULL COLOR T10

Panasonic

MODERVA ..... T11 - 12

Panasonic

MINERVA ..... T13 - 14

Panasonic

GEN - X SERIES CHUẨN A/ CHUẨN BS T14

Panasonic

Ổ CẮM CÓ DÂY T15

Panasonic

Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐẾ ÂM T15

Panasonic

Ổ CẮM ÂM SÀN TRÒN - CÓ ĐẾ ÂM T15

Panasonic

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN T15

Panasonic

6kA
MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH T16

Panasonic

10kA
MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH T16

Panasonic

COMPACT
RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ T17

Panasonic

RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ T17

Panasonic

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ T17

Panasonic

BỘ CẦU DAO AN TOÀN T17

Panasonic

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN SPD T17

Panasonic

KHỞI ĐỘNG TỪ DẠNG DIN T7

Panasonic NEW

CẦU DAO ĐÓNG NGẮT MCCB T18

Panasonic NEW

PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐÓNG NGẮT MCCB T19

Panasonic NEW

KHỞI ĐỘNG TỪ CÔNG NGHIỆP 3P T19

Panasonic NEW

RƠ LE NHIỆT T19

Panasonic NEW

MÁY CẮT KHÔNG KHÍ ACB T20

Panasonic

LEVEL ART TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG T21

Panasonic

MODERVA TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG T21

MỤC LỤC

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN PANASONIC 10-2026 T01 - 02

THIẾT BỊ ĐIỆN

Panasonic

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ T22

Panasonic

Ổ - PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP T22

Panasonic

CHUÔNG PANASONIC T22

nanoco

DIMMER - ĐÈN BÁO CẦU CHÌ T23

nanoco NEW

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN T23

nanoco

ĐUI ĐÈN E27 ..... T23

nanoco

BÚT THỬ ĐIỆN T24

nanoco

CÔNG TẮC THẺ T24

nanoco NEW

Ổ CẮM CÓ DÂY T24

nanoco NEW

TỦ ĐIỆN T25

nanoco NEW

ĐẦU BÁO CHÁY T26

nanoco NEW

CHUÔNG ĐIỆN T26

nanoco NEW

ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
NẸP LUỒN DÂY ĐIỆN T27

nanoco

PHỤ KIỆN PVC T28

nanoco NEW

HỘP NỐI - HỘP ÂM T29

nanoco

DÂY CÁP MẠNG T30

nanoco

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN T30

PCE

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM
CÔNG NGHIỆP ..... T31 - 32

nanoco

CẦU DAO CÁCH LY T32

nanoco

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM
CÔNG NGHIỆP T33

Panasonic

QUẠT HÚT T34

Panasonic NEW

QUẠT HÚT SƯỞI T34

Panasonic

QUẠT CẤP GIÓ T35

Panasonic NEW

QUẠT CHẮN GIÓ T35

Panasonic

QUẠT HÚT CABINET T35

ĐIỆN GIA DỤNG

Panasonic

QUẠT TRẦN T36-38

Panasonic NEW

QUẠT ĐIỆN T39

Panasonic NEW

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ
MÁY HÚT ẨM ..... T40 -41

Panasonic NEW

MÁY NƯỚC NÓNG
MÁY SẤY TAY ..... T42 - 44

Panasonic

MÁY BƠM T45



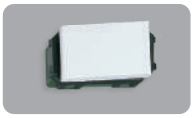
WEV502107SW
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ nhỏ, bắt vít
250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Pillar
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
85.600



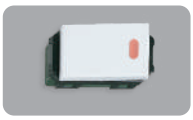
WEV5001SW/WEV5001-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
24.600



WEG5151-51SWK/WEG51517SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
124.200



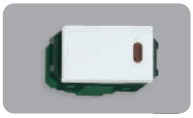
WEV5002SW/WEV5002-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C - 2 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
50.500



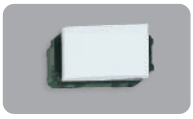
WEG5152-51SWK/WEG51527SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
147.000



WEV5033-7SW
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow switch D - 2 poles
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
269.000



WEG5141SW
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A
Illuminated switch B
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
342.500



WEG5004KSW
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E - 4 ways
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
273.000



WEG5401-011SW
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
76.000



WEG3032RSW
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
129.000





WEV502127SW
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít
Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị
250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
97.000



WEV5001H/WEV5001-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B (1 - way)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
40.500



WEG5151-51KH/WEG51517H
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
160.000



WEV5002H/WEV5002-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C (2 - ways)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
70.600



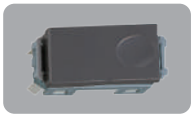
WEG5152-51KH
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
188.000



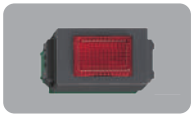
WEV5033-7H
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow switch D - 2 poles
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
334.000



WEG5004KH
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E (4 ways)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
350.000



WEG5401-7H
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
117.000



WEG3032RH
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
160.000



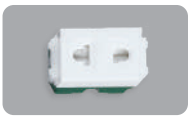
WEG3020H
Nút trống
Blank chip
Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng
17.200



WEG3020SW
Nút trống
Blank chip
Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng
12.300



WEG3023SW
Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/ 16mm
Telephone wire chip dia 9mm/ 16mm
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
12.300



WEV1081SW/ WEV1081-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
45.800



WEV1181SW/ WEV1181-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding universal receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
76.000



WEV1582SW/ WEV1582-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
111.000



WEI1171SW-VN Xuất xứ Ấn Độ 115.000
WEV117107SW NEW Xuất xứ Việt Nam 123.000
Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A
Multiple receptacle with safety shutter
Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng



WEV157207SW
Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A
Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
161.000



WEV2501SW
Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm
Television terminal
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
96.000



WEV2364SW
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
96.000



WEV2488SW - CAT5E 208.000
WEV24886SW - CAT6 249.000
Ổ cắm data CAT5E/ Ổ cắm data CAT6
Data modular CAT5E/ Data modular CAT6
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng



WEG2021SW
Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection
Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm
Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm
Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng
830.000



WEF108107-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-2,4A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
664.000



WEF412417W-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger
Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
963.000



WEF11821W Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-3A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
787.000



WEF14821W-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/
A-C type 2-port USB charger
Input: AC220V/ Output: 5V-3A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
1.113.000



WEG575151SW
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W
Loại có chức năng bật tắt
Dimmer for Incandescent lamp, Off function type
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
418.500



WEG57912SW
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
(Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
830.000



WEF5791501SW-VN Xuất xứ Đài Loan
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
Công suất: 200W
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
1.466.000



WEV1081H/WEV1081-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
56.000



WEV1181H/WEV1181-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
103.000



WEV1582H/WEV1582-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
150.000



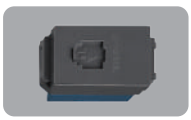
WEI1171H-VN Xuất xứ Ấn Độ 160.000
WEV117107H NEW Xuất xứ Việt Nam 172.000
Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A
Multiple receptacle with safety shutter
Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng



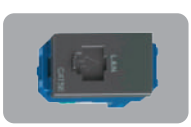
WEV157207H
Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A
Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
236.000



WEV2501H
Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm
Television terminal
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
143.500



WEV2364H
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
143.500



WEV2488H - CAT5E 248.500
WEV24886H - CAT6 300.000
Ổ cắm data
Data modular
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng



WEG2021H
Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection
Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm
Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm
Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng
994.000



WEF108107H-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-2,4A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
776.000



WEF412417H-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger
Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
1.118.000



WEF11821H Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-3A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
910.000



WEF14821H-VN Xuất xứ Đài Loan
Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/
A-C type 2-port USB charger
Input: AC220V/ Output: 5V-3A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
1.284.000



WEG575151H
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn,
loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W
Dimmer for incandescent lamp, Off function type
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
640.000



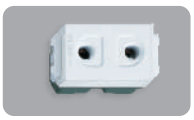
WEG57912H
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
(Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
946.000



WEF5791501H-VN Xuất xứ Đài Loan
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
Công suất: 200W
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb
Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
1.636.000



WEG1001SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A
Flat pin receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
34.500



WEG1090SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A
round pin receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
34.500



WEV68010SW
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV68020SW
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV68030SW
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV68040SW
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp,100 cái/thùng
38.000



WEV68060SW
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
38.000



WEV138307SW
Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A, Bắt vít
Triple universal WIDE receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
140.000



WEV1091SW
Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
34.500



WEV7001SW
Mặt dùng cho CB 1 tép
1 gang plate for MCB 1 pole
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV680290SW
Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV7061SW
Mặt dùng cho HB
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV68910SW
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
20.000



WEV68920SW
Mặt kín đôi
Double cover plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
38.000

MẶT CÓ NẮP CHE



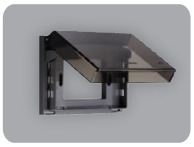
WEG7901K-VN - Màu beige
WEG7901SWK-VN - Màu trắng
WEG7901HK-VN - Màu xám
Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 1 device IP55
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
266.500



WEG7902K-VN - Màu beige
WEG7902SWK-VN - Màu trắng
WEG7902HK-VN - Màu xám
Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 2 devices IP55
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
266.500



WEG7903K-VN - Màu beige
WEG7903SWK-VN - Màu trắng
WEG7903HK-VN - Màu xám
Mặt 3 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 3 devices IP55
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
266.500



WEG8981K-VN
Mặt có nắp che mưa
Cần lắp cùng mặt nạ
Weatherproof plate - IP55
Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
256.000



WEG79029K-VN - Màu beige
WEG79029SWK-VN - Màu trắng
WEG79029HK-VN - Màu xám
Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu có nắp che
Weatherproof plate, 1 gang-Center 2-Devices IP55
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
266.500



WEG8973SW-VN
Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị, không cần lắp mặt nạ
Weatherproof plate with soft cover window,1 gang -3 Device
Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
372.500



WEG8973LH-VN
Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị, không cần lắp mặt nạ
Weatherproof plate with soft cover window, 1 gang -3 Device
Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
389.500



MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP



WEG6501-1
Dùng cho 1 thiết bị
1 device metal plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000



WEG6503-1
Dùng cho 3 thiết bị
3 devices metal plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000



WEG6502-1
Dùng cho 2 thiết bị
2 devices metal plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000



WEG65029-1
Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG ÁNH KIM (MW)		MÀU ĐEN ÁNH KIM (MB)		MÀU XÁM ÁNH KIM (MH)	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68010MW	33.300	WEV68010MB	33.300	WEV68010MH	33.300
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68020MW	33.300	WEV68020MB	33.300	WEV68020MH	33.300
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68030MW	33.300	WEV68030MB	33.300	WEV68030MH	33.300
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68040MW	55.700	WEV68040MB	55.700	WEV68040MH	55.700
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68060MW	55.700	WEV68060MB	55.700	WEV68060MH	55.700
	Mặt dùng cho HB Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV7061MW	33.300	WEV7061MB	33.300	WEV7061MH	33.300
	Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV7001MW	33.300	WEV7001MB	33.300	WEV7001MH	33.300
	Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV680290MW	33.300	WEV680290MB	33.300	WEV680290MH	33.300
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68910MW	33.300	WEV68910MB	33.300	WEV68910MH	33.300

Refina MÀU



WEG55317MB
Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
50.500



WEG55317MW
Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
50.500



WEG55317MH
Công tắc B, 1 chiều, màu xám ánh kim
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
50.500



WEG55327MB
Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000



WEG55327MW
Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000



WEG55327MH
Công tắc C, 2 chiều, màu xám ánh kim
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.000

Refina TRẮNG



WEV5531SW/ WEV5531-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ,
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
40.300



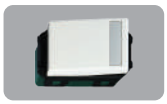
WEV5521SW/ WEV5521-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại trung,
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
40.300



WEV5511SW/ WEV5511-7SW
(Cắm nhanh, Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn,
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
40.300



WEC5542-7SW
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung
250VAC - 10A, Switch C - 2 ways
Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị
Đóng gói: 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
166.000



WEV5532SW/ WEV5532-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ,
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
74.000



WEV5522SW/ WEV5522-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại trung,
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
74.000



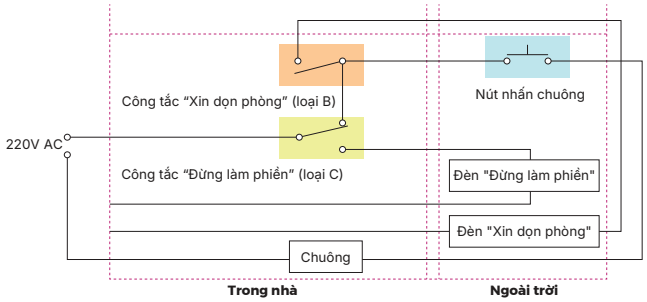
WEV5512SW/ WEV5512-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn,
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
74.000



WEV5533-7SW
(Bắt vít)
Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm,
250VAC - 20A, Glow Switch D (2 poles)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
321.000

CHUYÊN DÙNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES

Sơ đồ mạch điện dành cho đèn báo "Xin dọn phòng" - "Đừng làm phiền"





WEG5001K-031
Công tắc có đèn báo "Xin dọn phòng", 250VAC - 16A
Switch B "Make Up Room"
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
34.500



WEG5002K-021
Công tắc có đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
Switch C "Do not disturb"
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
60.000



WSBC9120SW-VN
Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu
Shaver socket build switch
In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC
Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng
1.659.000



WNBP5428690FK
Bộ công tắc D 2 cực có đèn báo chuẩn BS, 250VAC - 45A
Dùng cho bếp điện từ, máy nước nóng
BS Glow switch D double pole
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
517.000



WEB11119SW-VN
Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A
Receptacle - BS standard
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
135.000



WEB7811SW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
25.500



WEB7812SW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
25.500



WEB7813SW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
25.500



WEB7811MW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7812MW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7813MW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEG3032G-031
Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A
"Make Up Room" pilot lamp
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
188.000



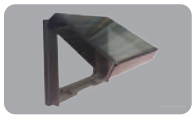
WEG3032R-021
Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
"Do not disturb" pilot lamp
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
188.000



WBC8981SW
Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS
dùng cho công tắc, ổ cắm
Cần lắp cùng mặt nạ
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
239.000



WBC8991W
Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS
dùng cho công tắc ổ cắm
Cần lắp cùng mặt nạ
Đóng gói: 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
257.000



WBG8981-P
Mặt vuông có nắp che mưa chuẩn BS
Weatherproof plate (BS type plate), IP55
Cần lắp cùng mặt nạ
Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
251.500



WEBP1041B-MH
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A
1 gang multiple socket (BS type plate)
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
262.000



WEB7811MH
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



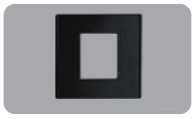
WEB7812MH
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7813MH
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7811MB
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7812MB
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000



WEB7813MB
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
46.000

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	(Cắm nhanh - bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off** Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511K WEVH5511-7K	26.800	WEVH5511MYZK WEVH5511-7MYZK	43.600	WEVH5511MYHK WEVH5511-7MYHK	43.600
	(Cắm nhanh - bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off** Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521K WEVH5521-7K	26.800	WEVH5521MYZK WEVH5521-7MYZK	43.600	WEVH5521MYHK WEVH5521-7MYHK	43.600
	(Cắm nhanh/Bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off** Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5531K WEVH5531-7K	26.800	WEVH5531MYZK WEVH5531-7MYZK	43.600	WEVH5531MYHK WEVH5531-7MYHK	43.600
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5151-51 WEVH5151-7	141.500	WEVH5151-51MYZ WEVH5151-7MYZ	189.500	WEVH5151-51MYH WEVH5151-7MYH	189.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5152-51 WEVH5152-7	166.000	WEVH5152-51MYZ WEVH5152-7MYZ	233.500	WEVH5152-51MYH WEVH5152-7MYH	233.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5512 WEVH5512-7	54.600	WEVH5512MYZ WEVH5512-7MYZ	78.500	WEVH5512MYH WEVH5512-7MYH	78.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5522 WEVH5522-7	54.600	WEVH5522MYZ WEVH5522-7MYZ	78.500	WEVH5522MYH WEVH5522-7MYH	78.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5532 WEVH5532-7	54.600	WEVH5532MYZ WEVH5532-7MYZ	78.500	WEVH5532MYH WEVH5532-7MYH	78.500
	Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít 250VAC - 16A Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH554127	107.000	WEVH554127MYZ	161.000	WEVH554127MYH	161.000
	Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị 250VAC - 10A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5542-7	177.000	WEVH5542-7MYZ	268.000	WEVH5542-7MYH	268.000
	Công tắc D, 2 tiếp điểm, có đèn báo 250VAC - 20A - Glow Switch - 2 poles Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5033-7	300.000	WEVH5033-7MYZ	412.000	WEVH5033-7MYH	412.000
	Nút nhấn chuông 250VAC - 10A - Bell push button Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5401-011	82.500	WEVH5401-011MYZ	139.500	WEVH5401-011MYH	139.500
	Công tắc D, 2 tiếp điểm 250VAC - 16A - Switch D - 2 poles Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5003	172.000				
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521	19.500				
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511	19.500				
	Acrylic Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6801CW-VN	245.000	WEGH6801CYZ-VN	273.000	WEGH6801CYH-VN	273.000
	Acrylic Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6802CW-VN	245.000	WEGH6802CYZ-VN	273.000	WEGH6802CYH-VN	273.000
	Acrylic Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6803CW-VN	245.000	WEGH6803CYZ-VN	273.000	WEGH6803CYH-VN	273.000
	Acrylic Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH68029CW-VN	245.000	WEGH68029CYZ-VN	273.000	WEGH68029CYH-VN	273.000

*Để lắp 2 mặt acrylic gần nhau, khoảng cách cạnh trên 2 để âm đơn là 1cm

*Giá bán đã bao gồm VAT

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68010	22.500	WEVH68010MYZ	43.600	WEVH68010MYH	43.600
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68020	22.500	WEVH68020MYZ	43.600	WEVH68020MYH	43.600
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68030	22.500	WEVH68030MYZ	43.600	WEVH68030MYH	43.600
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68040	40.500	WEVH68040MYZ	87.000	WEVH68040MYH	87.000
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68060	40.500	WEVH68060MYZ	87.000	WEVH68060MYH	87.000
	Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH8061	22.500	WEVH8061MYZ	43.600	WEVH8061MYH	43.600
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68910	22.500	WEVH68910MYZ	43.600	WEVH68910MYH	43.600
	Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH680290	22.500	WEVH680290MYZ	43.600	WEVH680290MYH	43.600
	Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC-16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEV1081SW WEV1081-7SW	45.800	WEV1081MYZ WEV1081-7MYZ	80.500	WEV1081MYH WEV1081-7MYH	80.500
	Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV1181SW WEV1181-7SW	76.000	WEV1181MYZ WEV1181-7MYZ	139.500	WEV1181MYH WEV1181-7MYH	139.500
	Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEV1582SW WEV1582-7SW	111.000	WEV1582MYZ WEV1582-7MYZ	195.000	WEV1582MYH WEV1582-7MYH	195.000
	Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEI1171SW-VN Ấn Độ WEV117107SW VN NEW	115.000 123.000	WEV1171MYZ WEV117107MYZ VN NEW	210.000 225.000	WEV1171MYH WEV117107MYH VN NEW	210.000 225.000
	Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEV157207SW NEW	161.000	WEV157207MYZ NEW	278.500	WEV157207MYH NEW	278.500
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng, bắt vít 1-port USB Fast Charger, Vertical, Pillar Terminal Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF108107-VN	664.000	WEF108107MYZ-VN	942.000	WEF108107MYH-VN	942.000
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng chuẩn C, PD-18W, bắt vít 1-port USB Charger (USB-C Power Delivery), Vertical, Pillar Terminal Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF412417W-VN	963.000	WEF412417MYZ-VN	1.391.000	WEF412417MYH-VN	1.391.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng, cắm nhanh 2-port USB Fast Charger, Vertical, Quick Connect Terminal Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF11821W	787.000	WEF11821MYZ-VN	1.091.000	WEF11821MYH-VN	1.091.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng chuẩn A - C, cắm nhanh 2-port USB A - C Type Fast Charger, Quick Connect Terminal Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF14821W-VN	1.113.000	WEF14821MYZ-VN	1.605.000	WEF14821MYH-VN	1.605.000
	Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2501SW	96.000	WEV2501MYZ	150.000	WEV2501MYH	150.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2364SW	96.000	WEV2364MYZ	150.000	WEV2364MYH	150.000
	Ổ cắm data Data modular Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2488SW - CAT5E WEV24886SW - CAT6	208.000 249.000	WEV2488MYZ - CAT5E WEV24886MYZ - CAT6	311.500 456.000	WEV2488MYH - CAT5E WEV24886MYH - CAT6	311.500 456.000



WNV5001-7W
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B(1 - way)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
14.700



WNG5051W-751
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated appellation switch B
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
124.000



WN5241W-801
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A
Appellation glow switch B
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
460.000



WNG5021W-7
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A
Twin Switch B, single pole
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
149.500



WNV5002-7W
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C(2 - ways)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
39.500



WNG5052W-751
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated appellation switch C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
141.000



WNG5343W-761
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy nước nóng (có chữ)
Đóng gói: 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
207.000



WBG5414699W
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy lạnh (có chữ)
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
207.000



WBG5414699W-SP
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ)
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
207.000



WNG5401W-7K
Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
65.500



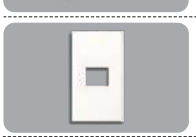
WNG5004W-7
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A
Switch E(4 - ways)
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
221.000



WSG3001
Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 250VAC - 10A
Surface mounting switch B, single pole
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
48.500



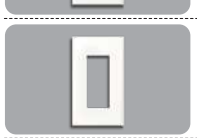
WN3023W
Lỗ ra dây điện thoại
Telephone wire chip
Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng
11.600



WZV7841W
Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
18.100



WZV7842W
Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
18.100



WZV7843W
Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
18.100



WNV1081-7W
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
34.000



WNV1091-7W
Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A
Universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
29.500



WN10907KW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn)
250VAC - 10A, round pin receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
38.000



WN1001-7KW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp)
250VAC - 10A, flat pin receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
35.000



WN11017W
Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp)
250VAC - 10A, grounding flat pin receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
65.500



WNV138307W
Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A
Triple universal FULL receptacle with safety shutter
Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
73.500



WNG159237W
Ổ cắm có dây nối đất, không màn che, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
89.500



WKG1092250
Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A
Surface mounting duplex universal receptacle
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
61.000



WZV1201W
Ổ cắm TV - Television terminal 75 Ohm
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
71.500



WNTG15649W
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
101.000



NRV3160W
Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5
Data modular jack RJ45 - CAT5
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
192.000



WN3020W
Nút trống
Blank chip
Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng
11.600



WN7601-8 Mặt 1 kim loại
WN7602-8 Mặt 2 kim loại
WN7603-8 Mặt 3 kim loại
Stainless steel plate
103.000



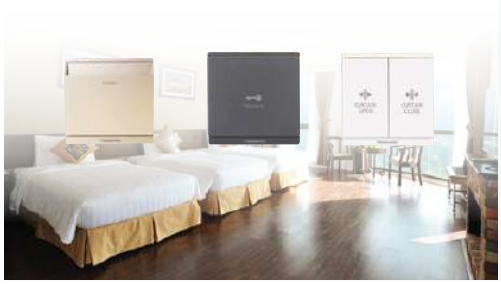
WZV7061W
Mặt góc vuông dùng cho HB
1 gang plate for HB breaker
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
18.100



WZV7844W
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gang - 4 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
36.000



WZV7846W
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gang - 6 devices plate
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
36.000



Moderva



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF501-VN	86.600	WMF501MYZ-VN	121.000	WMF501MYH-VN	121.000
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF511-1VN	94.500	WMF511MYZ-1VN	131.000	WMF511MYH-1VN	131.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF502-VN	112.500	WMF502MYZ-VN	158.000	WMF502MYH-VN	158.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF512-1VN	121.000	WMF512MYZ-1VN	168.000	WMF512MYH-1VN	168.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V - 20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMFV503307	204.000	WMFV503307MYZ	287.000	WMFV503307MYH	287.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMF594-VN	263.000	WMF594MYZ-VN	369.000	WMF594MYH-VN	369.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF503-VN	124.500	WMF503MYZ-VN	175.000	WMF503MYH-VN	175.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF513-1VN	136.000	WMF513MYZ-1VN	190.000	WMF513MYH-1VN	190.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF504-VN	148.000	WMF504MYZ-VN	204.000	WMF504MYH-VN	204.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF514-1VN	160.000	WMF514MYZ-1VN	222.000	WMF514MYH-1VN	222.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMF596-VN	414.000	WMF596MYZ-VN	577.000	WMF596MYH-VN	577.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF505-VN	168.000	WMF505MYZ-VN	238.000	WMF505MYH-VN	238.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF515-1VN	184.000	WMF515MYZ-1VN	254.000	WMF515MYH-1VN	254.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF506-VN	190.000	WMF506MYZ-VN	263.000	WMF506MYH-VN	263.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF516-1VN	202.000	WMF516MYZ-1VN	284.000	WMF516MYH-1VN	284.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF507-VN	249.000	WMF507MYZ-VN	346.000	WMF507MYH-VN	346.000

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF517-1VN	267.000	WMF517MYZ-1VN	373.000	WMF517MYH-1VN	373.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF508-VN	279.000	WMF508MYZ-VN	388.000	WMF508MYH-VN	388.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF518-1VN	299.000	WMF518MYZ-1VN	420.000	WMF518MYH-1VN	420.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMFV7811	53.500	WMFV7811MYZ	74.000	WMFV7811MYH	74.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMFV7812	53.500	WMFV7812MYZ	74.000	WMFV7812MYH	74.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMFV7813	53.500	WMFV7813MYZ	74.000	WMFV7813MYH	74.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type cover plate	WMF6891-VN	53.500	WMF6891MYZ-VN	74.000	WMF6891MYH-VN	74.000
	Công tắc thẻ - Không có đèn báo (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WMF535-VN	855.000	WMF535MYZ-VN	911.000	WMF535MYH-VN	911.000
	Công tắc có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF984-VN	263.000	WMF984MYZ-VN	366.000	WMF984MYH-VN	366.000
	Nút nhấn chuông có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF936-VN	1.229.000	WMF936MYZ-VN	1.278.000	WMF936MYH-VN	1.278.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Bell push button	WMF223-VN	118.000	WMF223MYZ-VN	166.000	WMF223MYH-VN	166.000
	Nút nhấn mở cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Unlock push button	WMF224-VN	118.000	WMF224MYZ-VN	166.000	WMF224MYH-VN	166.000
	Nút nhấn rèm cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Curtain switch	WMF533-VN	154.500	WMF533MYZ-VN	213.000	WMF533MYH-VN	213.000
	Ổ cắm máy cạo râu (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Shaver socket	WMF132-VN	1.342.000	WMF132MYZ-VN	1.407.000	WMF132MYH-VN	1.407.000
	Ổ cắm TV (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Television terminal	WMF301-VN	150.000	WMF301MYZ-VN	213.000	WMF301MYH-VN	213.000
	Ổ cắm CATV (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) High-shield television terminal	WMF311-VN	163.000	WMF311MYZ-VN	227.000	WMF311MYH-VN	227.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Telephone modular jack (6P4C)	WMF403-VN	160.000	WMF403MYZ-VN	207.000	WMF403MYH-VN	207.000
	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMF421-VN	305.000	WMF421MYZ-VN	428.000	WMF421MYH-VN	428.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMF422-VN	482.000	WMF422MYZ-VN	671.000	WMF422MYH-VN	671.000



MINERVA

TỔNG QUAN THIẾT KẾ
Tạo sự đồ bóng hài hòa đẹp mắt với không gian của ngôi nhà.

GÓC ĐÀO CHIỀU BẬT/TẮT NHỎ
Công tắc thanh mảnh thích nghi với toàn bộ ngôi nhà.

BỀ MẶT MƯỢT MÀ
Chất liệu cải tiến bóng mịn mượt mà.

MẶT TIẾP XÚC LỚN KHÔNG VIỀN
Tối đa hóa không gian vận hành nhờ loại bỏ sự gờ bó của khung viền. Tạo cảm giác vận hành hoàn hảo.



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMT501-VN	122.000	WMT501MYZ-VN	135.000	WMT501MYH-VN	135.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMT502-VN	150.000	WMT502MYZ-VN	163.000	WMT502MYH-VN	163.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMT594-VN	428.000	WMT594MYZ-VN	463.000	WMT594MYH-VN	463.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMT503-VN	195.000	WMT503MYZ-VN	205.000	WMT503MYH-VN	205.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMT504-VN	233.000	WMT504MYZ-VN	244.000	WMT504MYH-VN	244.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (5 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMT596-VN	817.000	WMT596MYZ-VN	887.000	WMT596MYH-VN	887.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMT505-VN	261.000	WMT505MYZ-VN	286.000	WMT505MYH-VN	286.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMT506-VN	279.000	WMT506MYZ-VN	303.000	WMT506MYH-VN	303.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMT507-VN	428.000	WMT507MYZ-VN	463.000	WMT507MYH-VN	463.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMT508-VN	512.000	WMT508MYZ-VN	548.000	WMT508MYH-VN	548.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V-20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMTV503307	490.000	WMTV503307MYZ	546.000	WMTV503307MYH	546.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMT7811-VN	76.000	WMT7811MYZ-VN	100.000	WMT7811MYH-VN	100.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị/ ổ đơn 3 chấu (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMT7812-VN	76.000	WMT7812MYZ-VN	100.000	WMT7812MYH-VN	100.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMT7813-VN	76.000	WMT7813MYZ-VN	100.000	WMT7813MYH-VN	100.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) Cover plate	WMT6891-VN	76.000	WMT6891MYZ-VN	100.000	WMT6891MYH-VN	100.000
NEW 	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMT421-VN	321.000	WMT421MYZ-VN	460.000	WMT421MYH-VN	460.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMT422-VN	589.000	WMT422MYZ-VN	728.000	WMT422MYH-VN	728.000
	Ổ Cắm Data Cat6 (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT6 modular jack	WMT431-VN	439.000	WMT431MYZ-VN	471.000	WMT431MYH-VN	471.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT6 (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT6 2 devices modular jack	WMT432-VN	674.000	WMT432MYZ-VN	813.000	WMT432MYH-VN	813.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

MINERVA

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng (1 cái/ hộp, 5 cái/ thùng) Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor	WMT707-VN	2.735.000	WMT707MYZ-VN WMT707MYZK-VN	2.954.000	WMT707MYH-VN	2.954.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Push button - 220VAC - 10A	WMT540108-VN	188.000	WMT540108MYZ-VN	233.000	WMT540108MYH-VN	233.000
	Bộ công tắc thẻ (10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WEC5781W-VN	2.026.000	WEC5781MYZ-VN	2.137.000	WEC5781MYH-VN	2.137.000

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN A - GEN-X





WTEGP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
1 - device with plate
899.000



WTEGP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
2 - devices with plate
1.541.000



WTEGP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
3 - devices with plate
2.301.000



WTEGP54562S-1-G
Bộ 4 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
4 - devices with plate
3.092.000



WTEGP55582S-1-G
Bộ 5 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
5 - device with plate
3.820.000



WTEGP56572S-1-G
Bộ 6 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
6 - devices with plate
4.601.000

*Bộ 4-5-6 công tắc lắp với đế âm NA102

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN BS



WTFBP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 1 device with plate
754.000



WTFBP52562S-1-G
WTFBP52562S-SP (lắp ngang)
Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 2 devices with plate
1.316.000



WTFBP53572S-1-G
WTFBP53572S-SP - lắp ngang
Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 3 devices with plate
1.969.000

MẶT ĐẬY



WTEG6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn A
1 - gang, 3 - devices
551.000



WTFB6503S-1-G
WTFB6503S-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn BS
1 gang, 3 devices plate
471.000

PHỤ KIỆN CHO DÒNG GEN-X



WEV2364B
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack (6P4C)
139.000



WEG57816B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối 500W, 220V
Dimmer switch 220VAC, 500W
706.000



WEG15829B-G
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây
16A - 250V
Grounding duplex universal receptacle
With safety shuter 16A - 250V
155.000



WEV2488B
Ổ cắm data CAT5 - Modular jack
295.000

WEG24886B-G
Ổ cắm data CAT6 - Modular jack
305.000



WEV2501B
Ổ cắm TV
DIN type television terminal
139.000



WEG3020B-G
Nút trống
Blank chip
19.500

Ổ CẮM CÓ DÂY



WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 3m
Extension cord 6 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói: 5 cái/thùng
979.000



WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói: 5 cái/thùng
1.289.000



WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 3m
Extension cord 5 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói: 5 cái/thùng
1.065.000





WCHG243322W-VN
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm - 2 USB - 2,1A, 3m
Extension cord 3 sockets - 2 USB, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói: 10 cái/thùng
954.000



WCHG24332W
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói: 10 cái/thùng
540.400

Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐẾ ÂM

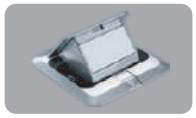
Loại lắp 3 thiết bị



DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box
1.269.000



DUFS1200LTH-1
Chất liệu: Kim loại
Tự động đóng khi không sử dụng
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (46 x 102 x 102mm)
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.
1.547.000



DU5900VTK (Kết hợp được với ổ đa năng WEI1171)
Chất liệu: Kim loại
Ổ cắm âm sàn dạng POP-UP
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (69 x 119 x 119mm)
Floor outlet POP-UP type, blank for triple device with cover unit.
1.402.000

(*) Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

Loại lắp 6 thiết bị



DUMF3200LT-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x120 x 120mm)
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box
2.092.000

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ ĐẾ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



DU81931HTK-1 ..... **939.000**
DU81931HT9-1 ..... **1.005.000**
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Grounding duplex universal receptacle



DU8199HTK-1 ..... **868.000**
DU8199HT9-1 ..... **929.000**
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/ BÁO CHÁY



Xuất xứ Đài Loan

WTKF24816-VN
Sensor chính - Loại âm trần
8A - 220V
8A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 6 sensor phụ
Độ cao trần 3,5m - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Vận hành lên đến 120.000 lần
2.048.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKG2311 ..... **2.777.000**
WTKF23113-VN **2.971.000**
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Độ cao trần 3,5m



Xuất xứ Đài Loan

WTKF339107-VN
Cảm biến gắn **trần cao** - chiều cao lắp đặt lên đến 12,7m
8A 220V-240V
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút
3.360.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKF337107-VN
Cảm biến **góc rộng**, gấp đôi vùng cảm biến (lên tới 13,3m)
8A 220V - 240V
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Loại gắn nổi, độ cao trần 4,2m
chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút
3.450.000



Xuất xứ Thái Lan

WTKG2411-P
Sensor chính - Loại âm trần
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1.000lux
Độ cao trần 3,0m
1.758.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKF2911-VN
Sensor phụ - Loại âm trần
Kết nối với WTKG2411-P/WTKF24816-VN
Không kết nối với đèn
Độ cao trần 3,0m
1.052.000



Xuất xứ Thái Lan

WTKG2310-P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Loại âm trần, độ cao trần 3,0m
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút
1.380.000



Xuất xứ Nhật Bản

SH28455911
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Loại gắn nổi
1.030.000

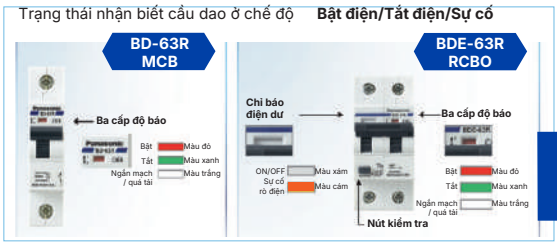
MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH

	Mã sản phẩm Code	I_n (A)	I_{CU} (kA)	Giá lẻ (Cái)
MCB 1P-1E C Curve 06kA	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	
	BBD1101CNV	10		
	BBD1161CNV	16		
	BBD1201CNV	20		99.000
	BBD1251CNV	25		
	BBD1321CNV	32		
	BBD1401CNV	40		
Đóng gói: 12 cái/hộp 48 cái/thùng	BBD1501CNV	50		
	BBD1631CNV	63		233.000
MCB 2P-2E C Curve 06kA	BBD2062CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	
	BBD2102CNV	10		
	BBD2162CNV	16		
	BBD2202CNV	20		
	BBD2252CNV	25		284.000
	BBD2322CNV	32		
	BBD2402CNV	40		
Đóng gói: 6 cái/hộp 24 cái/thùng	BBD2502CNV	50		
	BBD2632CNV	63		469.000
MCB 3P-3E C Curve 06kA	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	
	BBD3103CNV	10		
	BBD3163CNV	16		
	BBD3203CNV	20		502.000
	BBD3253CNV	25		
	BBD3323CNV	32		
	BBD3403CNV	40		
Đóng gói: 4 cái/hộp 16 cái/thùng	BBD3503CNV	50		
	BBD3633CNV	63		751.000
MCB 4P-4E C Curve 06kA	BBD4164CNV	16	415VAC 06kA	
	BBD4204CNV	20		
	BBD4254CNV	25		709.000
	BBD4324CNV	32		
	BBD4404CNV	40		
Đóng gói: 3 cái/hộp 12 cái/thùng	BBD4504CNV	50		
	BBD4634CNV	63		1.056.000

	Mã sản phẩm Code	I_n (A)	I_{CU} (kA)	Giá lẻ (Cái)
MCB 1P-1E C Curve 10kA	BBD1061CHHV	06	240VAC/ 415VAC 10kA	
	BBD1101CHHV	10		
	BBD1161CHHV	16		
	BBD1201CHHV	20		150.000
	BBD1251CHHV	25		
	BBD1321CHHV	32		
	BBD1401CHHV	40		177.000
	BBD1501CHHV	50		
Đóng gói: 12 cái/hộp 120 cái/thùng	BBD1631CHHV	63		345.000
	BBD10801CHV	80		857.000
Đóng gói: 8 cái/hộp	BBD11001CHV	100	240VAC 10kA	935.000
MCB 2P-2E C Curve 10kA	BBD2062CHHV	06	415VAC 10kA	
	BBD2102CHHV	10		
	BBD2162CHHV	16		435.000
	BBD2202CHHV	20		
	BBD2252CHHV	25		
	BBD2322CHHV	32		
	BBD2402CHHV	40		506.000
Đóng gói: 6 cái/hộp 60 cái/thùng	BBD2502CHHV	50		
	BBD2632CHHV	63		706.000
	BBD20802CHV	80	415VAC 10kA	1.697.000
Đóng gói: 4 cái/hộp	BBD21002CHV	100		1.869.000
MCB 3P-3E C Curve 10kA	BBD3063CHHV	06	415VAC 10kA	
	BBD3103CHHV	10		
	BBD3163CHHV	16		
	BBD3203CHHV	20		757.000
	BBD3253CHHV	25		
	BBD3323CHHV	32		
	BBD3403CHHV	40		
Đóng gói: 4 cái/hộp 40 cái/thùng	BBD3503CHHV	50		
	BBD3633CHHV	63		1.135.000
	BBD30803CHV	80	415VAC 10kA	2.271.000
Đóng gói: 2 cái/hộp	BBD31003CHV	100		2.393.000
MCB 4P-4E C Curve 10kA	BBD4064CHHV	06	415VAC 10kA	
	BBD4104CHHV	10		
	BBD4164CHHV	16		
	BBD4204CHHV	20		1.068.000
	BBD4254CHHV	25		
	BBD4324CHHV	32		
	BBD4404CHHV	40		
Đóng gói: 3 cái/hộp 30 cái/thùng	BBD4504CHHV	50		
	BBD4634CHHV	63		1.614.000
	BBD40804CHV	80	415VAC 10kA	3.505.000
Đóng gói: 2 cái/hộp	BBD41004CHV	100		3.739.000

NHẬN BIẾT TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA MCB/RCBO

Trạng thái nhận biết cầu dao ở chế độ **Bật điện/Tắt điện/Sự cố**

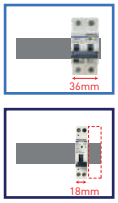


Các chỉ báo tình trạng Bật điện, Tắt điện và Sự cố ngắn mạch được hiển thị thành màu sắc giúp nhanh chóng và dễ dàng nhận diện mạch điện đã được ngắt.

RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ



Gọn hơn
Tối ưu hơn



* Hai cấp độ báo:
Bật: màu đỏ (cấp điện)
Tắt: màu xanh (ngắt điện)

RCBO Compact 2P1E



12 cái/ hộp
48 cái/ thùng

Mã sản phẩm	I_n(A)	$I_{\Delta n}$(mA)	I_{CU}(kA)	Giá lẻ (cái)
BBPE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	720.000
BBPE21631CNV	16			
BBPE22031CNV	20			
BBPE22531CNV	25			770.000
BBPE23231CNV	32			

RCBO 2P1E



6 cái/hộp
24 cái/thùng

Mã sản phẩm	I_n(A)	$I_{\Delta n}$(mA)	I_{CU}(kA)	Giá lẻ (cái)
BBDE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	672.000
BBDE21631CNV	16			
BBDE22031CNV	20			
BBDE22531CNV	25			720.000
BBDE23231CNV	32			
BBDE24031CNV	40			
BBDE25031CNV	50			1.021.000
BBDE26331CNV	63			

RCBO 4P4E



4 cái/thùng

Mã sản phẩm	I_n(A)	$I_{\Delta n}$(mA)	I_{CU}(kA)	Giá lẻ (cái)
BBDE42534CNV	25	30	415VAC 06kA	1.692.000
BBDE43234CNV	32			
BBDE44034CNV	40			
BBDE45034CNV	50			2.225.000
BBDE46334CNV	63			

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ

RCCB 2P

NEW



4 cái/hộp
40 cái/thùng

Mã sản phẩm	I_n(A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
BBDW22530V	25	30mA-2P	1.091.000
BBDW23230V	32		
BBDW24030V	40		1.310.000
BBDW26330V	63		

RCCB 4P

NEW



2 cái/hộp
20 cái/thùng

Mã sản phẩm	I_n(A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
BBDW42530V	25	30mA-4P	1.747.000
BBDW43230V	32		
BBDW44030V	40		2.621.000
BBDW46330V	63		

RCCB 2P



Mã sản phẩm	I_n(A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
BBDR22530HV	25	30mA-2P	1.091.000
BBDR23230HV	32		
BBDR24030HV	40		1.310.000
BBDR26330HV	63		
BBDR42530HV	25	30mA-4P	1.747.000

BỘ CẦU DAO AN TOÀN HB 2P1E - SAFETY BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{CU}(kA) 240VAC	Giá lẻ (cái)
	BS11106TV	6	1	91.000
	BS1110TV	10	1,5	
	BS1111TV	15	1,5	
	BS1112TV	20	1,5	
	BS1113TV	30	1,5	
	BS1114TV	40	1,5	

1 cái/ hộp
50 cái/ thùng

BỘ CẦU DAO AN TOÀN 2P2E

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{CU}(kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
Xuất xứ THÁI LAN 	BJS1532S1V	15	1,5	30	536.000
	BJS2032S1V	20			
	BJS3032S1V	30			
Xuất xứ NHẬT BẢN 	BJJ23022-8	30	1,5	15	972.000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ELB EARTH LEAKAGE BREAKER

Thiết bị chỉ chống dòng rò, không bảo vệ quá tải

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{CU}(kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
	NEW BJS3220NA2K PRO	32	2,5	15	396.000
	NEW BJS3230NA2K PRO			30	
	BJS3020NA2 NHẬT BẢN/THÁI LAN	30	1,5	15	383.000
	BJJ23030-8 NHẬT BẢN/THÁI LAN		2,5	30	827.000

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

SPD



Đóng gói
50 cái/thùng

Thông số kỹ thuật (Specifications)	BBDT2321BV
Điện áp định mức (Un)	230V
Điện áp làm việc lớn nhất (Uc)	320V (50/60Hz)
Dòng xả xung sét (8/20μs) (In)	20 kA
Dòng xả xung sét cực đại (8/20μs) (Imax)	40 kA
Cấp bảo vệ điện áp (Up)	≤ 1,5 kV
Thời gian phản hồi (tA)	≤ 25 ns
Dạng lắp đặt	35mm DIN Rail

* Thay thế SPD khi phần hiển thị màu xanh chuyển sang đỏ

3.360.000

KHỞI ĐỘNG TỪ DẠNG DIN, ĐIỆN ÁP ĐIỀU KHIỂN Uc = AC 240V

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC61095, IEC60947-4-1



Bật: màu đỏ (cấp điện)
Tắt: màu xám (ngắt điện)

Mã sản phẩm Code	Loại	I_n(A)	Kích thước (mm)	Giá lẻ (cái)
BMD2020204ACV	2NO (2 tiếp điểm thường mở)	20	17,8 x 82 x 60	1.049.000
BMD2025204ACV		25		
BMD2040204ACV		40	35,4 x 82 x 60	1.498.000
BMD2063204ACV		63		2.707.000
BMD4025404ACV	4NO (4 tiếp điểm thường mở)	25	35,4 x 82 x 60	1.102.000
BMD4040404ACV		40	54,0 x 82 x 60	1.990.000
BMD4063404ACV		63	54,0 x 82 x 60	3.146.000

* I_n(A) Tham chiếu cho thiết bị tải AC-7a

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

SF Series

Hình ảnh Images Xuất xứ P.R.C	Mã sản phẩm Code	Thông số kĩ thuật - Specifications Dòng định mức I_n(A)	Khung dòng điện	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BBSF2210CTCV	10	100AF	240 VAC 20kA	2P-2E	950.000
	BBSF2216CTCV	16				
	BBSF2220CTCV	20				
	BBSF2225CTCV	25				
	BBSF2232CTCV	32				
	BBSF2240CTCV	40				
	BBSF2250CTCV	50				
	BBSF2263CTCV	63				
	BBSF2280CTCV	80				1.100.000
	BBSF22100CTCV	100				
	BBSF3310CFCV	10	160AF	35kA	3P-3E	
	BBSF3316CFCV	16				
	BBSF3320CFCV	20				1.620.000
	BBSF3325CFCV	25				
	BBSF3332CFCV	32				
	BBSF3340CFCV	40				
	BBSF3350CFCV	50				
	BBSF3363CFCV	63				1.785.000
	BBSF33100CFCV	100				
	BBSF34160CFCV	160	250AF			
	BBSF34200CFCV	200				3.500.000
	BBSF34250CFCV	250				3.570.000
NEW	BBSF35315CMCV	315	400AF	50kA		
	BBSF35350CMCV	350				7.310.000
	BBSF35400CMCV	400				
	BBSF36500CMCV	500	630AF			
	BBSF36630CMCV	630				12.770.000
	BBSF37700CMCV	700	800AF			
	BBSF37800CMCV	800				14.950.000
NEW	BBSF45315CMCV	315	400AF		4P-4E	
	BBSF45350CMCV	350				13.860.000
	BBSF45400CMCV	400				
	BBSF46500CMCV	500	630AF			
	BBSF46630CMCV	630				21.860.000
	BBSF47700CMCV	700	800AF			
	BBSF47800CMCV	800				24.050.000

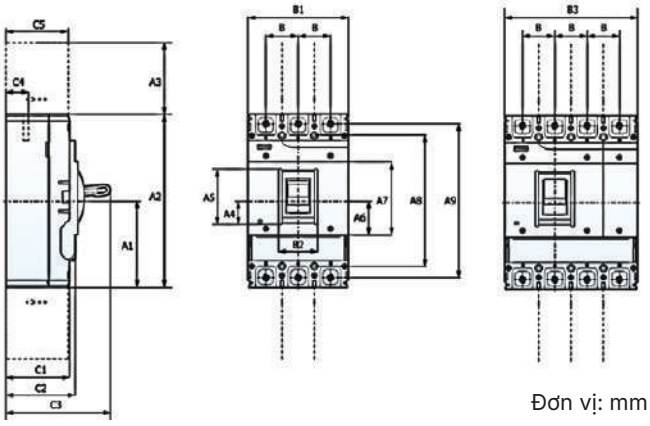
YH/ MH Series

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Thông số kĩ thuật - Specifications Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
 Xuất xứ Nhật Bản ***MCCB gắn kèm cuộn cắt	BBC31502YHVS	150	25kA	3P	3.970.000
	BBC32001YHVS	200			3.970.000
	BBC3250YHVS	250			4.040.000
 Xuất xứ Nhật Bản	BBC3600YHV	600	36kA	3P	
	BBC3630YHV	630			24.100.000
	BBC3800YHV	800			49.300.000
 Xuất xứ P.R.C	BBC35350CMHV	350	50kA	3P	
	BBC35400CMHV	400			7.310.000
	BBC36630GMHV	630			12.770.000
	BBC37700GMHV	700			
	BBC37800GMHV	800			14.950.000

Tiêu chuẩn Nhật Bản - JIS Standard - Xuất xứ Nhật Bản

	BBW240SKY	40	220VAC 2,5kA	2P	925.000
	BBW260Y	60			990.000
	BBW310Y	10	1,5kA	3P	
	BBW315Y	15			725.000
	BBW320Y	20			
	BBW330Y	30			

Kích thước MCCB SF Series



Đơn vị: mm

Model	Kiểu ngắt mạch/ Breaking type	A1	A2	A3	A4	A5	A6	A7	A8	A9
SF-160	F type	65	130	50	21	30	29,5	54,5	111	116
SF-250	F type	82,5	165	80	21	47,5	28,5	62	143	144
SF-400	M type	128,5	257	106	35	82,5	51	109	194	228
SF-630	M type	128,5	257	106	35	82,5	51	109	194	228
SF-800	M type	137,5	275	110	38	82	51	102	243	243

Model	Kiểu ngắt mạch/ Breaking type	B1	B2	B2	B3	C1	C2	C3	C4	C5
SF-160	F type	25	77	24.5	-	56.5	61.5	81.5	24.5	55
SF-250	F type	35	105	33	-	66	73	99.5	25.5	65
SF-400	M type	48	150	58	198	95	103.5	158	26.5	93
SF-630	M type	48	150	58	198	95	103.5	158	26.5	93
SF-800	M type	70	210	61.5	280	97	105	156.5	26	93

PHỤ KIỆN CHO DÒNG SF SERIES 3P - 3E/ 4P - 4E

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Diễn giải	Giá lẻ (cái)
	BBS160F10A8V NEW	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị 3P3E có dòng định mức 10A đến 100A	470.000
	BBS250Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 160A, 200A, 250A	470.000
	BBS800Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 315A, 350A, 400A, 500A, 630A, 700A, 800A	970.000
	BBS800Q20LV	Tiếp điểm phụ báo trạng thái, bên trái , cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q20RV	Tiếp điểm phụ báo trạng thái, bên phải, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q08LV	Tiếp điểm phụ báo tín hiệu , bên trái, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q10A7V	Cuộn cắt AC110V/50Hz của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q10D7V	Cuộn cắt DC110V của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q10D8V	Cuộn cắt DC220V của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q30A2V	Cuộn cắt thấp áp AC240V/50Hz của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	1.490.000

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Diễn giải	Giá lẻ (cái)
	BBS630QB1V NEW	Tay nắm xoay kéo dài của MCCB SF dòng định mức 315A đến 630A	3.010.000
	BBS800QB1V	Tay nắm xoay kéo dài của MCCB SF dòng định mức 700A và 800A	3.370.000
	BBS630QA1V	Tấm che đầu cực của Cầu dao điện tự động MCCB SF 3P3E từ 315A đến 630A	740.000
	BBS630QA2V	Tấm che đầu cực của Cầu dao điện tự động MCCB SF 4P4E từ 315A đến 630A	960.000

Model	SF-160	SF-250
Breaking type	F type	F type
SHT		

Trạng thái cầu dao	UVT	SHT/AX/AL	UVT+SHT/AX/AL
SF-160	Trạng thái đang ngắt mạch	Bật	Điều chỉnh về trạng thái "BẬT" (ON) trước, sau đó lắp đặt các phụ kiện SHT/AX/AL, sau đó đưa về trạng thái đang ngắt mạch và tiến hành lắp đặt phụ kiện UVT.
SF-250	Trạng thái đang ngắt mạch		

KHỞI ĐỘNG TỪ CÔNG NGHIỆP 3P NEW

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC60947-4-1

** Số cực: 3P* ** Dòng định mức (A) AC-3: 6A – 95A* ** Ue: 400V AC - Ui: 690V AC*

Hình ảnh Images Xuất xứ P.R.C	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức (A) AC-3	Tiếp điểm phụ	Giá lẻ (cái)
	BMS306104ACV	6	1 NO	540.000
	BMS306014ACV	6	1 NC	540.000
	BMS309104ACV	9	1 NO	560.000
	BMS309014ACV	9	1 NC	560.000
	BMS312104ACV	12	1 NO	582.000
	BMS312014ACV	12	1 NC	582.000
	BMS318104ACV	18	1 NO	650.000
	BMS318014ACV	18	1 NC	650.000
	BMS325104ACV	25	1 NO	910.000
	BMS325014ACV	25	1 NC	910.000
	BMS332104ACV	32	1 NO	1.670.000
	BMS332014ACV	32	1 NC	1.670.000
	BMS338104ACV	38	1 NO	1.940.000
	BMS338014ACV	38	1 NC	1.940.000
	BMS340114ACV	40	1 NO + 1 NC	2.180.000
	BMS350114ACV	50	1 NO + 1 NC	2.333.000
	BMS365114ACV	65	1 NO + 1 NC	3.060.000
	BMS380114ACV	80	1 NO + 1 NC	4.290.000
	BMS395114ACV	95	1 NO + 1 NC	4.580.000

RƠ LE NHIỆT NEW

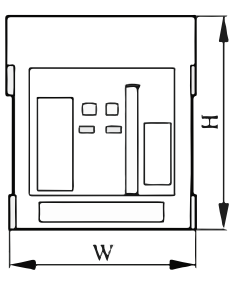
Tiêu chuẩn quốc tế - IEC60947-4-1

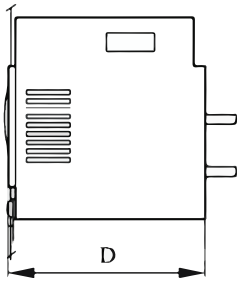
Hình ảnh Images Xuất xứ P.R.C	Mã sản phẩm Code	Dải điều chỉnh (A)	Khởi động từ phù hợp có dòng định mức (A)	Tiếp điểm	Giá lẻ (cái)
	BTS301611CV	0,1~0,16A	6A đến 25A	1 NO + 1 NC	361.000
	BTS302511CV	0,16~0,25A			361.000
	BTS304011CV	0,25~0,4A			361.000
	BTS306311CV	0,4~0,63A			361.000
	BTS31011CV	0,63~1A			361.000
	BTS310611CV	1~1,6A			361.000
	BTS320511CV	1,6~2,5A			361.000
	BTS34011CV	2,5~4A			361.000
	BTS36011CV	4~6A			361.000
	BTS38011CV	5,5~8A			361.000
	BTS310011CV	7~10A			361.000
	BTS313011CV	9~13A			361.000
	BTS318011CV	12~18A			361.000
	BTS325011CV	17~25A			361.000
	BTS332011CV	23~32A	32A đến 38A	1 NO + 1 NC	550.000
	BTS338011CV	30~38A			550.000
	BTS340011CV	30~40A	40A đến 95A	1 NO + 1 NC	1.080.000
	BTS350011CV	37~50A			1.080.000
	BTS365011CV	48~65A			1.080.000
	BTS370011CV	55~70A			1.080.000
	BTS380011CV	63~80A			1.080.000
	BTS395011CV	80~95A			1.160.000

MÁY CẮT KHÔNG KHÍ ACB NEW

Tiêu chuẩn IEC60947-2







ĐVT: mm

Khung dòng điện (AF)	H	W (3P)	W (4P)	D
2000AF	335	266	336	199
2500AF	393	422	537	290
4000AF	393	422	537	290

2000 AF - Dòng cắt danh định Icu = 50kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I_n(A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3B08001MFCV	800	3P-3E	65.340.000
	BASF3B10001MFCV	1000		67.440.000
	BASF3B12501MFCV	1250		69.550.000
	BASF3B16001MFCV	1600		71.660.000
	BASF3B20001MFCV	2000		75.880.000
	BASF4B08001MFCV	800	4P-4E	87.260.000
	BASF4B10001MFCV	1000		89.790.000
	BASF4B12501MFCV	1250		92.740.000
	BASF4B16001MFCV	1600		95.690.000
	BASF4B20001MFCV	2000		101.170.000

2000 AF - Dòng cắt danh định Icu = 66kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I_n(A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3B08001PFCV	800	3P-3E	69.550.000
	BASF3B10001PFCV	1000		69.550.000
	BASF3B12501PFCV	1250		71.660.000
	BASF3B16001PFCV	1600		75.880.000
	BASF3B20001PFCV	2000		84.310.000
	BASF4B08001PFCV	800	4P-4E	92.740.000
	BASF4B10001PFCV	1000		95.690.000
	BASF4B12501PFCV	1250		92.740.000
	BASF4B16001PFCV	1600		101.170.000
	BASF4B20001PFCV	2000		112.550.000

2500 AF - Dòng cắt danh định Icu = 85kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I_n(A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3C08001QFCV	800	3P-3E	86.410.000
	BASF3C10001QFCV	1000		88.520.000
	BASF3C12501QFCV	1250		92.740.000
	BASF3C16001QFCV	1600		96.950.000
	BASF3C20001QFCV	2000		105.380.000
	BASF3C25001QFCV	2500		113.810.000
	BASF4C08001QFCV	800	4P-4E	115.080.000
	BASF4C10001QFCV	1000		118.030.000
	BASF4C12501QFCV	1250		123.510.000
	BASF4C16001QFCV	1600		129.410.000
	BASF4C20001QFCV	2000		140.370.000
	BASF4C25001QFCV	2500		151.750.000

4000 AF - Dòng cắt danh định Icu = 100kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I_n(A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3D32001RFCV	3200	3P-3E	151.750.000
	BASF3D40001RFCV	4000		202.330.000
	BASF4D32001RFCV	3200	4P-4E	189.690.000
	BASF4D40001RFCV	4000		252.920.000

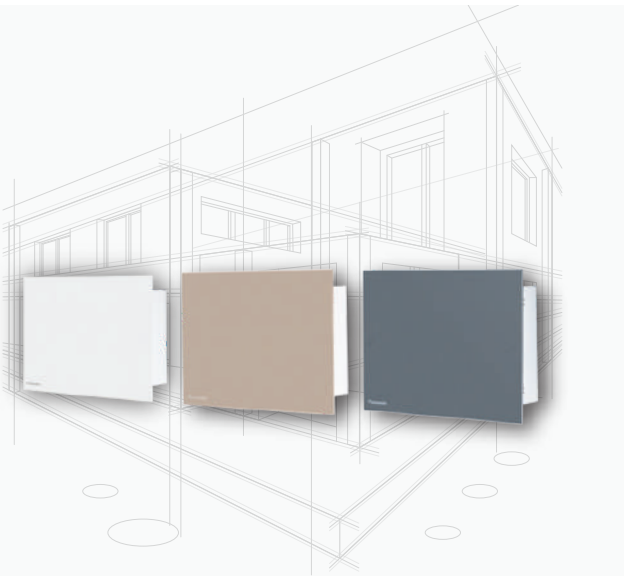
*Giá bán đã bao gồm VAT

TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG - DISTRIBUTION BOX

Moderva

Đặc điểm:

- Thiết kế tràn viền mang lại cảm giác thời thượng.
- Màu sắc trang nhã, hòa hợp cùng dòng sản phẩm Moderva hiện đại.
- Thiết kế cho phép mở từ 2 hướng.
- Tuân theo tiêu chuẩn IEC 60695-2-12, IEC60670-24, UL94V-0, RoHs.
- Cho khả năng chống vật rắn theo IP40.



Hình ảnh	Mã sản phẩm	Màu	Chất liệu	Số đường/ Phụ kiện kèm theo	Kích thước âm tường RxCxS (mm)	Thông số ống PVC (mm)					Giá lẻ (cái)
						Ø16	Ø20	Ø25	Ø32	Ø40	
Moderva	BQDF08W31AV	Trắng	- Đế sắt - Mặt che nhựa	8 đường Thanh lược + Nhãn dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	813.000
	BQDF08MG31AV	Vàng ánh kim									1.091.000
	BQDF08MH31AV	Xám ánh kim									1.091.000
	BQDF12W31AV	Trắng		12 đường Thanh lược + Nhãn dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	1.027.000
	BQDF12MG31AV	Vàng ánh kim									1.380.000
	BQDF12MH31AV	Xám ánh kim									1.380.000
	BQDF16W31AV	Trắng		16 đường Thanh lược + Nhãn dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.198.000
	BQDF16MG31AV	Vàng ánh kim									1.594.000
	BQDF16MH31AV	Xám ánh kim									1.594.000
	BQDF24W11AV	Trắng		24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	2.097.000
	BQDF24MG11AV	Vàng ánh kim									2.814.000
	BQDF24MH11AV	Xám ánh kim									2.814.000
	BQDF32W11AV	NEW Trắng		32 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	374 x 380 x 95	-	8	7	2	2	3.145.000
	BQDF32MG11AV	NEW Vàng ánh kim									3.970.000
	BQDF32MH11AV *** Dự kiến có hàng 11/2026	NEW Xám ánh kim									3.970.000
Level Art	BQDX08T11AV	Trắng	- Đế sắt - Mặt che nhựa - màu trắng - Mặt che nhựa phủ kim loại - màu vàng	8 đường Thanh lược + Nhãn dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	1.380.000
	BQDX08G11AV	Vàng ánh kim									3.060.000
	BQDX12T11AV	Trắng		12 đường Thanh lược + Nhãn dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	1.509.000
	BQDX12G11AV	Vàng ánh kim									3.296.000
	BQDX16T11AV	Trắng		16 đường Thanh lược + Nhãn dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.712.000
	BQDX16G11AV	Vàng ánh kim									3.649.000
	BQDX24T11AV	Trắng		24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	2.589.000
	BQDX24G11AV	Vàng ánh kim									5.596.000
	BQDX32T11AV	Trắng		32 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	374 x 380 x 95	-	8	7	2	2	3.338.000
	BQDX32G11AV	Vàng ánh kim									6.773.000
	BQDX40T21AV	Trắng		40 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	446 x 380 x 100	-	9	8	2	2	3.980.000
	BQDX40G21AV	Vàng ánh kim									8.057.000

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ



	TB178	TB118	TB35809NE5	TB38809NE7	TB4728KE7V
					
Giá lẻ (cái)	696.000	1.124.000	840.000	1.295.000	1.969.000
Loại/ Type	SPST - 24h	SPST - 24h	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	Điện tử - 24h/ Các ngày trong tuần
Hẹn giờ/ Functions	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off/Chu kỳ/Xung
Chương trình **Operation**	6	6	96	96	210; chọn các ngày nghỉ bất kỳ trong tuần
Công suất **Consumption**	220 - 240VAC 15A	220 - 240VAC 15A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 15A
Pin dự trữ **Battery**	-	300 giờ **TB380N2457V** Giá lẻ: 224.000	-	300 giờ **TB380N2457V** Giá lẻ: 224.000	5 năm
Độ chia nhỏ nhất **Min setting (mins)**	30 phút	30 phút	15 phút	15 phút	1 phút

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP



WK2315K 125V - 15A - 2P + Ground — 297.000
WK2320K 250V - 20A - 3P — 313.000
WK2330 250V - 30A - 2P + Ground — 867.000
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground — 472.000
WK2430 250V - 30A - 3P + Ground — 954.000
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black



WF6315 125V - 15A - 2P + Ground — 189.000
WF6320 250V - 20A - 3P — 259.000
WF6330 250V - 30A - 2P + Ground — 661.000
Phích cắm locking/ Locking Plug



WF6420 250V – 20A – 3P + Ground — 299.000
WF6430 250V - 30A - 3P + Ground — 840.000
Phích cắm locking/ Locking Plug



WF2315WK (Trắng) 125V - 15A - 2P + Ground — 286.000
WF2320WK (Trắng) 250V - 20A - 3P — 269.000
Lắp với WN9513

WF2420BK (Đen) 250V – 20A – 3P + Ground — 469.000
WF2430B (Đen) 250V – 30A – 3P + Ground — 887.000
WF2420WK (Trắng) 250V – 20A – 3P + Ground — 438.000
WF2330B (Đen) 250V - 30A - 2P + Ground — 718.000
Lắp với WN9514



WN1518R
Ổ cắm đôi có dây nối đất
Grounding flat pin receptacle 125V - 15A — 370.000



WN37008
Đai kim loại - Metal-Frame — 39.000



WK1330
Ổ cắm chuyên dùng
Surface mounting receptacle 250V - 30A - 3P — 730.000



WF4330
Phích cắm kín nước - Rubber plug 250V - 30A - 3P — 977.000



WN9513/ WN9514
Mặt nhôm lỗ tròn - Đường kính 35,5/ 45,5mm
1 gang - 1 device aluminum plate 35,5 dia/ 45,5 dia — 133.000



WN3040K-8
Trạm nối đất - Grounding - terminal — 113.000

CÔNG TẮC THẺ



WNH5611-801
Công tắc thẻ (3 tiếp điểm) - Tablet switch (3 cicuits)
Sử dụng với mặt WZV7843W
250V - 10A — 1.810.000

PHÍCH CẮM MEIKOSHA



ME2592W
Phích cắm 3 chấu - Grounding plug 125V - 15A
Đóng gói: 10 cái/hộp — 150.000

CHUÔNG ĐIỆN



EGG331
Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A
Bell push button
Đóng gói: 20 cái/ thùng
Kết nối được 02 chuông EBG888 — 136.000



EBG888
Chuông điện, 220V - 9,5W, 50Hz, 82dB
Door chime
Đóng gói: 10 cái/ thùng — 233.000

DIMMER



NDF603FL/NDL603FL-Full **FDL603FW-Full**
NDF603WL/ NDL603WL-Wide **FDL603W-Wide**
- Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/độ sáng đèn
- Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

63.500



NDL903FL-Full/ NDL903WL-Wide
- Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn - 220VAC - 1000W
- Dimmer for incandescent lamp
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

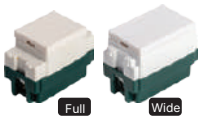
70.000

CẦU CHÌ



NF101WL - Wide
FF102W-Nano-Wide
- Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

16.800



NF102FL -Full
NF102WL -Wide
- Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

18.500

ĐÈN BÁO



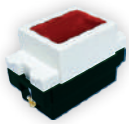
N302WF-Nanoco-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302WW-Nanoco-Wide
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302WW-Nano-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu trắng
- Pilot lamp, white 220VAC

18.000



N302GF-Nanoco-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302GW / N302GWN - Wide
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302GW-Nano-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu xanh
- Pilot lamp, green 220VAC

18.000



N302RF / N302RFN / N302RFL - Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302RWN / N302RWL - Wide
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
- Đèn báo LED màu đỏ
- Pilot lamp, red 220VAC

18.000

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN

** Đạt tiêu chuẩn TCVN6188-1:2007*



NP10250D / NP10250DM - đóng gói hộp
NP10250D1/ NP10250D1M - đóng gói dây
- Phích cắm đơn 10A - 250V
- Chân cắm bằng đồng Ø 4,0mm
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 10 cái/hộp; 200 cái/ thùng

7.500



NS10250A/ NS10250AM - đóng gói hộp
NS10250A1/ NS10250A1M - đóng gói dây
- Ổ cắm đơn 10A - 250V
- Tiếp điểm bằng đồng
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 10 cái/hộp; 200 cái/ thùng

13.000

PHÍCH CẮM - Ổ CẮM SIÊU TẢI
20A 250V
MAX 5000W
AN TOÀN TIỆN LỢI

ĐẠT CHUẨN QCVN25:2025/BKHCN
VỎ NHỰA PC CHỐNG CHÁY
ĐUÔI PVC CHỐNG GẬP GÃY
CHÂN CẮM HỢP KIM ĐỒNG
KẸP ĐỊNH VỊ DÂY ĐIỆN
CHỊU VA ĐẬP



NP20250DM NEW
- Phích cắm siêu chịu tải 20A 250V AC, max 5000W
- Chân cắm hợp kim đồng Ø 4,8mm
- Vỏ nhựa PC cao cấp chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đuôi nhựa PVC chống gãy gập dây điện
- Đạt chuẩn QCVN25:2025/BKHCN
- Tiết diện dây khuyến nghị: 2 x 2,5 - 3,0mm²
- Đóng gói: 10 cái/dây, 100 cái/thùng

*** Dự kiến có hàng 11.2026

16.000



NS20250AM NEW
- Ổ cắm siêu chịu tải 20A 250V AC, max 5000W
- Tiếp điểm hợp kim đồng, có kẹp tiếp điểm trợ lực
- Vỏ nhựa PC cao cấp chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đuôi nhựa PVC chống gãy gập dây điện
- Đạt chuẩn QCVN25:2025/BKHCN
- Tiết diện dây khuyến nghị: 2 x 2,5 - 3,0mm²
- Đóng gói: 10 cái/dây, 100 cái/thùng

*** Dự kiến có hàng 11.2026

19.000

ĐUI ĐÈN E27



NAE2790WM1 - Màu trắng, kèm vít 11.000
NAE2790W / NAE2790WM - Màu trắng 10.000
NAE2790BK - Màu đen 10.000
- Đui đèn E27 loại 90°
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



NAE2745WM1 - Màu trắng, kèm vít 11.000
NAE2745W / NAE2745WM - Màu trắng 10.000
NAE2745BK - Màu đen 10.000
- Đui đèn E27 loại nghiêng 45°
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



NAE2727W / NAE2727WM - Màu trắng 10.000
NAE2727BK / NAE2727BKM - Màu đen 10.000
- Đui đèn E27 loại di động
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



NAE4590WM1 - Màu trắng, kèm vít 13.500
NAE4590WM - Màu trắng 11.500
- Đui đèn E27 xoay đa năng
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



NAE2720W / NAE2720WM - Màu trắng 12.500
NAE2720BK / NAE2720BKM - Màu đen 12.500
- Đui đèn E27 loại di động có dây dài 20cm
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



BÚT THỬ ĐIỆN

An toàn, tiện lợi



NEP1501
- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vắt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng

19.500



NEP1502
- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vắt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng

19.500



NEP1201 - Bút thử điện đa năng
- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Đèn chỉ thị, đèn LED chiếu sáng, pin AG3-1.5V
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/blister, 10 cái/hộp

51.000



NEP1202 - Bút thử điện đa năng
- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/blister, 20 cái/hộp

24.000



NEP7250 - Bút thử điện đa năng
- Dễ dàng thấy đèn báo ngay cả trong ánh sáng tự nhiên
- Công nghệ 2 đèn báo LED 2 màu thông minh
- Nhựa chống rơi, kín nước IP66
- Kiểm tra điện cảm ứng khoảng cách 30 – 60 mm
- Đầu bút hợp kim titan bền bỉ
- Điện áp kiểm tra 70V – 250V (AC-DC)
- Đóng gói: 1 cái/blister, 10 cái/hộp

33.000

CÔNG TẮC THẺ



NCS7001
- Công tắc thẻ (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch -20A - 250V
- Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng

840.000

Ổ CẮM CÓ DÂY

Đạt tiêu chuẩn: IEC 60884-1:2002 ***An toàn và tiện lợi***



NES5215-3 - *Dây 3m* 185.000
NES5215-5 - *Dây 5m* 222.000
- Công suất 15A - 250V ~ 3750W
- Loại 5 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3332-3 - *Dây 3m* 235.000
NES3332-5 - *Dây 5m* 280.000
- Công suất 15A - 250V ~ 3750W
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES43415-3 - *Dây 3m* 252.000
NES43415-5 - *Dây 5m* 300.000
- Công suất 15A - 250V ~ 3750W
- Loại 4 ổ cắm đa năng + 4 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES4213-3S1 - *Dây 3m* 115.000
NES4213-5S1 - *Dây 5m* 140.000
- Công suất 10A - 250V ~ 2500W
- Loại 4 ổ 2 chấu + 1 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES332U-3 - *Dây 3m* 285.000
NES332U-5 - *Dây 5m* 340.000
- Công suất 15A - 250V ~ 3750W, USB 2.1A
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 2 USB + 2 công tắc
- Đèn báo chuyển sang màu xanh khi sạc đầy
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3320-5 - *Dây 5m* 248.000
- Công suất 20A - 250V ~ 5000W
- Nhựa chịu nhiệt cao
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
- Dùng cho nồi lẩu, bếp điện
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3332-3S1 - *Dây 3m* 145.000
NES3332-5S1 - *Dây 5m* 175.000
- Công suất 10A - 250V ~ 2500W
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng

NHỰA CHỐNG CHÁY
TIẾP ĐIỂM HỢP KIM ĐỒNG
CÔNG TẮC ĐÈN LED
MÀN CHE AN TOÀN
CHỊU LỰC CHỐNG VA ĐẬP
RƠLE BẢO VỆ QUÁ NHIỆT
DÂY ĐIỆN DÀI 3-5M



GaN 45W — CÔNG NGHỆ SẠC NHANH
TÍCH HỢP CHIP THÔNG MINH
V0 — VỎ NHỰA CHỐNG CHÁY
Cu — TIẾP ĐIỂM ĐỒNG
TƯƠNG THÍCH TẤT CẢ LAPTOP
ĐẾ CHỐNG TRƯỢT
MÀN CHE AN TOÀN
BẢO VỆ QUÁ TẢI

POWER, JUST FASTER
TURBO POWER ENGINE

CÔNG NGHỆ SẠC NHANH

TỰ ĐỘNG NHẬN BIẾT THIẾT BỊ ĐỂ ĐƯA RA TỐC ĐỘ SẠC NHANH NHẤT CÓ THỂ!





NES232C1A-2 NEW Ổ Cắm Có Dây Để Bàn
- Công nghệ sạc nhanh GaN 45W
- Tích hợp chip thông minh
- Tương thích với tất cả laptop
- 250V ~ 50/60Hz; 10A; max 2500W
- 2 Cổng sạc type C + 1 Cổng sạc type A max 45W
- 2 Ổ cắm đa năng cắm được phích kích thước lớn
- Vỏ nhựa chống cháy chuẩn V0
- Tiếp điểm đồng chất lượng cao
- Công tắc độ bền cao lên đến 15.000 lần nhấn
- Bảo vệ chống quá tải
- Màn che an toàn
- Dây điện dài 2m
- Đế chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hộp treo, 5 cái/thùng

699.000



CÔNG TẮC HẸN GIỜ 24H
MÀN HÌNH HIỂN THỊ
TỰ ĐỘNG NGẮT ĐIỆN

NES432C1A-2 NEW Ổ Cắm Có Dây Thông Minh
- Công nghệ sạc nhanh GaN 45W
- Tích hợp chip thông minh
- Màn hình hiển thị LED thông minh
- Tương thích với tất cả laptop
- 250V ~ 50/60Hz; 10A; max 2500W
- 2 Cổng sạc type C + 1 Cổng sạc type A max 45W
- 4 Ổ cắm đa năng cắm được phích kích thước lớn
- Vỏ nhựa chống cháy chuẩn V0
- Công tắc hẹn giờ từ 1h - 24h
- Tiếp điểm đồng chất lượng cao
- Bảo vệ chống quá tải
- Màn che an toàn
- Dây điện dài 2m
- Đế chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hộp treo, 5 cái/thùng

879.000

TỦ ĐIỆN - Đạt tiêu chuẩn IEC60439-1:2004

** Thanh lược đồng cho tủ điện đạt tiêu chuẩn IEC60439-2:2005*

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	NDP104P-1	Mặt - đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	99.000
	NDP104.	Mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	115.000
	NDP108P-1	Mặt - đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	155.000
	NDP108.	Mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	176.000
	NDP110.	Mặt - đế kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	270.000
	NDP114.	Mặt - đế kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	330.000
	NDP120.	Mặt - đế kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	550.000
	NDP126.	Mặt - đế kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	790.000
	NDP128.	Mặt - đế kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	895.000



NEW Hình ảnh	Mã sản phẩm	Mặt	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	NDB104P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	2 - 4	215 x 130 x 80	1 cái/ hộp 5 cái/đai	165.000
	NDB104PB	Kính					
	NDB108P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	4-8	215 x 215 x 80	1 cái/ hộp 5 cái/đai	270.000
	NDB108PB	Kính					
	NDB112P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	8 - 12	215 x 290 x 85	1 cái/hộp	410.000
	NDB112PB	Kính					
	NDB116P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	12 - 16	215 x 360 x 85	1 cái/hộp	510.000
	NDB116PB	Kính					
	NDB124P	Trắng	Mặt nhựa - Đế kim loại	16 - 24	415 x 300 x 95	1 cái/hộp	960.000
	NDB124PB	Kính					

ĐẦU BÁO CHÁY NEW



- Điện áp: 3V (pin lithium tích hợp, không thể thay thế)
- Nguyên lý hoạt động: Quang điện
- Âm lượng báo động: ≥ 85dB trong 3m
- Độ nhạy: 0,08 ~ 0,16 dB/m
- Dòng báo động: ≤ 50mA
- Dòng tĩnh: ≤ 7μA
- Nhiệt độ hoạt động: 0°C ~ 50°C
- Độ ẩm tối đa: 95%RH
- Tuổi thọ pin 10 năm



NSA08
- Thiết Bị Báo Cháy Không Dây Độc Lập
- Có chế độ báo pin yếu hoặc thiết bị có sự cố kỹ thuật
- Kích thước sản phẩm: Φ100 × H33,8mm
- Đóng gói: 1 cái/hộp, 50 cái/thùng

310.000



NSA08W
- Thiết Bị Báo Cháy Không Dây Độc Lập Kết Nối Wifi
- Có chế độ báo pin yếu hoặc thiết bị có sự cố kỹ thuật
- Kích thước sản phẩm: Φ113,5 × H47mm
- Đóng gói: 1 cái/hộp, 50 cái/thùng

ĐIỀU KHIỂN QUA APP

Chức năng WiFi
- Điện áp: 3V
- Pin thay thế: 2 viên pin AA 3V
- Dòng tĩnh: ≤ 8 μA
- Dòng báo động: ≤ 80 mA
- Tần số: 2.4 GHz
- Hỗ trợ: 802.11 b/g/n
- Kênh hỗ trợ: CH1 ~ CH13
- Tương thích hệ điều hành: Android và iOS

899.000

CHUÔNG BÁO CẢM BIẾN KHÔNG DÂY



NJX378



- Chuông báo cảm biến không dây
- DC 4,5V/ Max 0,5W
- Báo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Báo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa- nhỏ), 70 dB - 110 dB
- Vùng cảm biến: 4 - 8m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA; Có thể kết nối thêm với chuông ND1561/ND1571
- Đóng gói: 1 bộ/vỉ treo; 10 bộ/ thùng

330.000

NJX379-156



- Chuông báo cảm biến không dây kèm chuông điện báo xa đến 150m
- 110V - 240V/ Max 0,5W
- Báo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Báo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa- nhỏ), 70 dB - 110 dB
- 3 mức cảm biến: OFF, LOW ≤ 4m, HIGH ≤ 10m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA
- Đóng gói: 1 cái/vỉ treo, 10 bộ/thùng

550.000

CHUÔNG ĐIỆN KHÔNG DÂY



ND156 - Đóng gói hộp
ND1561 - Đóng gói vỉ treo



ND157 - Đóng gói hộp
ND1571 - Đóng gói vỉ treo





NDT15



- Bộ chuông điện không dây
- 110V - 220V/ Max 0,5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn - vừa- nhỏ - im lặng), 0dB - 110dB
- Hoạt động lên đến 300m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông cảm ứng NDT15
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông
- Đóng gói: 1 bộ/vỉ treo; 10 bộ/thùng

340.000

- Nút chuông cảm ứng
- Dùng cho chuông ND156/ ND157
- Pin CR2032 3V
- IP44, cảm ứng 1 lần chạm
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông ND156/157
- Đóng gói: 1 cái/hộp; 100 cái/thùng

140.000



ND153W



ND153BK





NDT153W **NDT153BK**



- Bộ chuông điện không dây không dùng pin
- 110V - 240V/ Max 0,5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn-vừa-nhỏ-im lặng), 0dB - 110dB
- Hoạt động lên đến 150m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông NDT153W/BK
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông
- Đóng gói: 1 bộ/vỉ treo, 10 bộ/ thùng

370.000

- Nút chuông không dùng pin
- Dùng cho ND153BK/ ND153W
- Có thể lắp ngoài trời
- Độ bền đến 100,000 lần nhấn
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông ND153W/BK
- Đóng gói : 1 cái/hộp, 100 cái/thùng

170.000

ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG TRÒN



Ống luồn dây điện dạng tròn

R O Y G B W

Mã sản phẩm		Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Lực nén (N)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ ống (cây) Trắng	Màu
FPC16L	FPC16LM	Ø16	1,25 ± 0,1	320	50	22.000	
FPC16L1					25		
FPC20L	FPC20LM	Ø20	1,3 ± 0,1	320	50	29.000	
FPC20L1					25		
FPC25L	FPC25LM	Ø25	1,4 ± 0,1	320	25	42.000	
FPC32L		Ø32	1,75 ± 0,1	320	20	67.000	
FPC16H		Ø16	1,55 ± 0,1	1.250	50	31.000	
FPC20H		Ø20	1,7 ± 0,1	1.250	50	41.000	
FPC25H		Ø25	2,0 ± 0,1	1.250	25	59.000	
FPC32H		Ø32	2,1 ± 0,1	1.250	20	111.000	
FPC40H		Ø40	2,3 ± 0,1	1.250	10	146.000	
FPC50H		Ø50	2,65 ± 0,1	1.250	10	193.000	
FPC16	FPC16M	Ø16	1,35 ± 0,1	750	50	25.000	28.000
FPC161					25		
FPC20	FPC20M	Ø20	1,4 ± 0,1	750	50	33.000	36.000
FPC201					25		
FPC25	FPC25M	Ø25	1,45 ± 0,1	750	25	48.000	53.000
FPC32		Ø32	1,85 ± 0,1	750	20	74.000	81.000

Ghi chú: Chiều dài 2,92m/ cây

ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG XOẮN

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BS EN 61386-22:2004 + A11:2010

	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
PVC 	FRG16W FRG16WM	16mm (50m/cuộn)	170.000
	FRG20W FRG20WM	20mm (50m/cuộn)	245.000
	FRG25WS FRG25WSM	25mm (40m/cuộn)	255.000
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	299.000
PVC 	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	199.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	285.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	305.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	310.000
Ống xoắn HDPE Trắng/ Xám 	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16PE/ PE3	16mm (50m/cuộn)	153.000
	FRG20PE/ PE3	20mm (50m/cuộn)	220.000
	FRG25PE/ PE3	25mm (40m/cuộn)	229.000
	FRG32PE/ PE3	32mm (25m/cuộn)	269.000



NẸP LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG VUÔNG



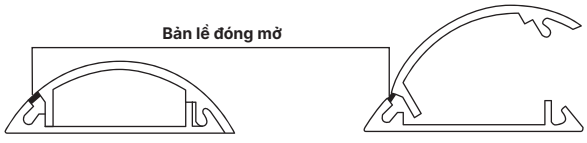
Mã sản phẩm		Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNV1715	NNV1715M	15x9	0,7 ± 0,1	1,7	50	9.000
NNV1720	NNV1720M	20x10	0,7 ± 0,1	1,7	50	11.400
NNV1725	NNV1725M	25x14	0,9 ± 0,1	1,7	50	17.400
NNV1730	NNV1730M	30x16	1,0 ± 0,1	1,7	50	21.000
NNV1740	NNV1740M	40x18	1,2 ± 0,1	1,7	25	32.600
NNV1750	NNV1750M	50x35	1,4 ± 0,1	1,7	10	70.000
NNV1760		60x40	1,5 ± 0,1	1,7	6	88.000
NNV1780		80x60	1,7 ± 0,1	1,7	6	143.000
NNV17100		100x60	1,8 ± 0,1	1,7	6	209.000
NNV2015		15x9	0,7 ± 0,1	2,0	50	10.500
NNV2020		20x10	0,7 ± 0,1	2,0	50	13.500
NNV2025	NNV2025M	25x14	0,9 ± 0,1	2,0	50	20.800
NNV2030		30x16	1,0 ± 0,1	2,0	50	24.800
NNV2040		40x18	1,2 ± 0,1	2,0	25	38.000
NNV2050		50x35	1,4 ± 0,1	2,0	10	83.000
NNV2060		60x40	1,5 ± 0,1	2,0	6	104.000
NNV2080		80x60	1,7 ± 0,1	2,0	6	165.000
NNV20100		100x60	1,8 ± 0,1	2,0	6	248.000

NẸP BÁN NGUYỆT NEW



*** Dự kiến có hàng 11.2026





Mã sản phẩm	Kích thước RxC (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNB1230	30 x 12	1,6	1,2	40	52.000
NNB1240	40 x 15	1,8	1,2	25	78.000
NNB1260	60 x 18	2,0	1,2	12	114.000
NNB1280	80 x 20	2,2	1,2	10	170.000
NNB12100	100 x 22	2,5	1,2	10	207.000

** Không bao gồm băng keo dán trên sản phẩm*

PHỤ KIỆN PVC

Khớp nối trơn



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA0116	Khớp nối trơn Ø16 Đóng gói: 100 cái/thùng	840
NPA0120 NPA0120M	Khớp nối trơn Ø20 Đóng gói: 200 cái/thùng	1.200
NPA0125 NPA0125M	Khớp nối trơn Ø25 Đóng gói: 100 cái/thùng	1.900
NPA0132	Khớp nối trơn Ø32 Đóng gói: 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.500
Nano FPA0140	Khớp nối trơn Ø40 Đóng gói: 30 cái/bao	9.500
Nano FPA0150	Khớp nối trơn Ø50 Đóng gói: 20 cái/bao	13.000

T nối



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao; 1.000 cái/thùng	2.000
NPA0420	T nối cho ống Ø20 Đóng gói: 50 cái/bao; 400 cái/thùng	3.900
NPA0425	T nối cho ống Ø25 Đóng gói: 25 cái/bao; 250 cái/thùng	5.800
NPA0432	T nối cho ống Ø32 Đóng gói: 15 cái/bao; 150 cái/thùng	8.100
Nano FPA0440	T nối cho ống Ø40 Đóng gói: 10 cái/bao	14.500
Nano FPA0450	T nối cho ống Ø50 Đóng gói: 10 cái/bao	17.000

T nối có nắp Nano



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói: 25 cái/bao	9.500
FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói: 10 cái/bao	15.000
FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói: 10 cái/bao	18.000

Hộp nối 1 ngã



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	7.000
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.600
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	8.100
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.500

Hộp nối 2 ngã thẳng



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	7.000
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.600
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	8.100
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.500

Hộp nối 2 ngã vuông



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	7.000
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.600
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	8.100
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.500

Hộp nối 3 ngã



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	7.000
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.600
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	8.100
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.500

Hộp nối 4 ngã



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	7.000
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.600
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	8.100
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32	10.500

Nắp đậy hộp nối tròn



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA2620	Nắp đậy hộp nối tròn, vít Đóng gói: 60 cái/bao, 1.500 cái/thùng	2.100
NPA2720F	Nắp đậy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói: 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.500

Kẹp đỡ ống



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói: 100 cái/bao, 3.000 cái/thùng	950
NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói: 100 cái/bao, 3.000 cái/thùng	1.200
NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói: 100 cái/bao, 2.000 cái/thùng	2.000
NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói: 100 cái/bao,1.000 cái/thùng	3.000
Nano FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói: 50 cái/bao	5.000

Đầu và khớp nối ren



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA02162	Đầu và khớp nối ren Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao, 1.200 cái/thùng	3.300
NPA02202	Đầu và khớp nối ren Ø20 Đóng gói: 100 cái/bao, 1.000 cái/thùng	3.500
NPA02252	Đầu và khớp nối ren Ø25 Đóng gói: 50 cái/bao, 500 cái/thùng	4.000
NPA02322	Đầu và khớp nối ren Ø32 Đóng gói: 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.300

Co nối



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao - 1.500 cái/thùng	1.500
NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói: 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.300
NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói: 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.500
NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói: 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.800
Nano FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói: 20 cái/bao	13.000
Nano FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói: 15 cái/bao	17.800

Co nối có nắp Nano



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co nối có nắp Ø20 Đóng gói: 50 cái/bao	6.000
FPA0325C	Co nối có nắp Ø25 Đóng gói: 40 cái/bao	10.500
FPA0332C	Co nối có nắp Ø32 Đóng gói: 20 cái/bao	16.000

Đầu nối ống mềm PVC Nano



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao	13.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói: 100 cái/bao	17.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói: 50 cái/bao	25.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói: 50 cái/bao	39.000

Đầu giảm Nano



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16 Đóng gói: 100 cái/bao	1.700
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20 Đóng gói: 100 cái/bao	2.600
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25 Đóng gói: 50 cái/bao	4.100
FPA4032	Đầu giảm 40 - 32 Đóng gói: 40 cái/bao	8.100
FPA5040	Đầu giảm 50 - 40 Đóng gói: 30 cái/bao	10.200

Lò xo uốn ống



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
FLXUO16M2	Lò xo uốn ống Ø16	53.000
FLXUO16L	Lò xo uốn ống Ø16	
FLXUO20M2	Lò xo uốn ống Ø20	79.000
FLXUO25M2	Lò xo uốn ống Ø25	92.000
FLXUO25L	Lò xo uốn ống Ø25	
FLXUO32M2	Lò xo uốn ống Ø32	137.000
FLXUO32L	Lò xo uốn ống Ø32	

Chỉ sử dụng cho ống 320N và ống 750N

PHỤ KIỆN DÙNG CHO HB



NS80/ NS801
Đai sắt dùng cho HB
(Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)
Frame for HB
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
9.000



NN81/ NN81M
Đai nhựa dùng cho HB
(Dùng cho WEVH68030 và WEV68030SW)
Frame for HB
Đóng gói: 100 cái/thùng
4.000



NHB9801/ NHB9801M
Hộp nổi dùng cho HB
Mounting surface plate for HB
Đóng gói: 100 cái/thùng
8.000



NBD9802
Hộp nổi dùng cho CB 2 tép
Mounting surface plate for MCB 2P
Kích thước: 121x54x69,47mm
Đóng gói: 30 cái/thùng
18.000

HỘP NỐI DÂY



NPA10050V
Hộp nối dây 100x100x50mm
Wiring box
Đóng gói: 30 cái/thùng
22.000



NPA12050V
Hộp nối dây 120x120x50mm
Wiring box
Đóng gói: 30 cái/thùng
27.000



NPA15055V
Hộp nối dây 150x150x55mm
Wiring box
Đóng gói: 20 cái/thùng
39.000



NPA20065V/ NPA20065VM
Hộp nối dây 200x200x65mm
Wiring box
Đóng gói: 10 cái/thùng
68.000



NPA103V
Hộp nối dây tròn 90x90x40mm
Round junction box
Đóng gói: 60 cái/thùng
12.000

MẶT THIẾT BỊ

NB9601
Nắp kín đơn
Wiring box lid - 1 gang
Đóng gói: 20 cái/hộp, 500 cái/thùng
6.000

NB9602
Nắp kín đôi
Wiring box lid - 2 gangs
Đóng gói: 10 cái/hộp, 400 cái/thùng
8.000



NA105-N
Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Wiring box lid - BS Standard
Đóng gói: 50 cái/bao, 700 cái/thùng
3.000

Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nổi, hộp nối dây đều có kèm vít

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔI



NBD200
Hộp âm cho CB tép
Wiring box for MCB
Kích thước: 115x66x58mm
Đóng gói: 20 cái/thùng
9.000



NA101TM - kèm vít 6.200
NA101TM1 - bắt vít 6.600
Hộp âm đơn
Wiring box - 1 gang
Kích thước: 106x64x43mm
Đóng gói: 100 cái/thùng



NA102T/ NA102TM - kèm vít 10.500
NA102T1/ NA102TM1 - bắt vít 11.200
Hộp âm đôi
Wiring box - 2 gang
Kích thước: 109x103x44mm
Đóng gói: 60 cái/thùng



NA105
Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Wiring box - BS Standard
Kích thước: 80x80x42,5mm
Đóng gói: 100 cái/thùng
6.200

NEW

HỘP ÂM ĐƠN VUÔNG
GHÉP NỐI

CHỊU LỰC CHỐNG VA ĐẬP
NHỰA CHỐNG CHÁY





NA1051
Hộp âm đơn vuông ghép nối chống cháy chuẩn BS
Wiring box - BS Standard
Kích thước: 85x85x50mm
Đóng gói: 100 cái/thùng
8.500



NA106
Hộp âm dùng cho ổ cắm máy cạo râu
(Dùng cho WEB1051W)
Wiring Box (Compatible with Shaver Socket)
Kích thước: 135x75,6x58mm
Đóng gói: 40 cái/thùng
18.000



NPCA104
Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
Wiring box - 2 gang
Kích thước: 131x106x42,5mm
Đóng gói: 50 cái/thùng
10.500



NN101FM - Full/ NN101WM - Wide
Hộp nổi đơn
Surface box
Kích thước: 120x70x35mm
Đóng gói: 100 cái/thùng
10.500



NN102FM - Full/ NN102WM - Wide
Hộp nổi đôi
Duplex surface box
Kích thước: 120x115x35mm
Đóng gói: 60 cái/thùng
16.000

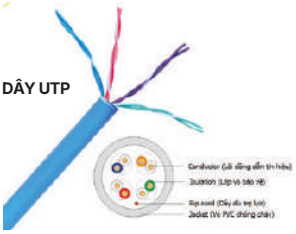


NN105
Hộp nổi đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Surface box - BS Standard
Kích thước: 86x86x35,2mm
Đóng gói: 100 cái/thùng
9.000

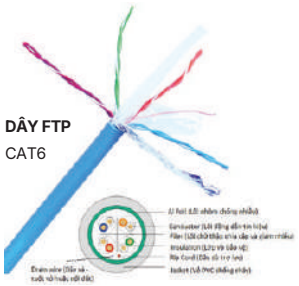
*Giá bán đã bao gồm VAT

DÂY CÁP MẠNG

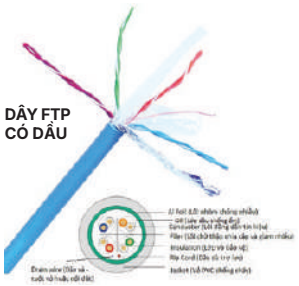
DÂY UTP



DÂY FTP
CAT6

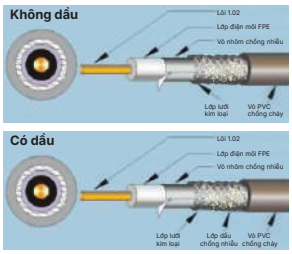


DÂY FTP
CÓ DẦU



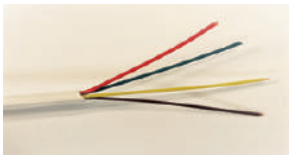
Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây dù trợ lực	Vỏ PVC chịu nhiệt (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10W Trắng	Cat5e UTP 0.50mm 4 Pairs **10% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0,50 CCA	PE 0,91	Có	PVC 5,1	**910.000**
NC5E-F10B Xanh **NC5E-F10W** Trắng	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu **10% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0,51 CCA	PE 1,00	Có	PVC 5,1	**1.130.000**
NC5E-F100B Xanh **NC5E-F100W** Trắng	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu **100% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305 m/cuộn	0,51 BC	PE 1,00	Có	PVC 5,1	**4.200.000**
NC5E-F100BO Xanh **NC5E-F100WO** Trắng	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, **có dầu, 100% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0,51 BC	PE 1,00	Có	PVC 5,1	**4.600.000**
NC6-U10W Trắng	CAT6 UTP 0.57 mm 4 Pairs **10% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0.57 CCA ±0,01 mm	PE 1,02	Có	PVC 6	**1.240.000**
NC6-F10B Xanh **NC6-F10W** Trắng	CAT6 FTP 0.57 mm 4 Pairs chống nhiễu **10% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0.57 CCA ±0,01 mm	PE 1,00	Có	PVC 6,6	**1.580.000**
NC6-F100B Xanh **NC6-F100W** Trắng	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **100% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	**5.440.000**
NC6-F100BO Xanh **NC6-F100WO** Trắng	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **Có dầu - 100% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	**5.770.000**

DÂY CÁP ĐỒNG TRỤC



Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu, chịu nhiệt	Khoảng cách hoạt động	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 80x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	**750.000**
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	**860.000**
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - **có dầu** Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	**1.050.000**
NRG6-961	RG6 - lõi Cu 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1,02 100% Đồng	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	~100m	**1.420.000**

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BÁO CHÁY



Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Lớp vỏ bảo vệ	Vỏ PVC	Giá lẻ (cuộn)
NTV405BK Đen **NTV405W** Trắng	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn	0,5 CCA	HDPE	PVC	**570.000**

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

- Độ bám dính >0,35 Kgf/25mm
- Điện áp đánh thủng >5kV



Xuất xứ Đài Loan

Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPT10	10YDS	**94.000/cây**
FKPT20	20YDS	**164.000/cây**

Đóng gói: 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng





Xuất xứ PRC

Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPC10	10YDS	**66.000/cây**
FKPC20	20YDS	**120.000/cây**

Đóng gói: 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng

*Giá bán đã bao gồm VAT

INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25ºC đến 80ºC
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100ºC
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất



Dãy điện áp hoạt động	Mã màu sản phẩm
20 - 25V	Tím
40 - 50V	Trắng
100 - 130V	Vàng
200 - 250V	Xanh dương
380 - 480V	Đỏ
500 - 1000V	Đen
>50V (100 - 500Hz)	Xanh lá
Không thuộc những dãy điện áp trên	Xám

Phích cắm cao su di động không kín nước
Plug (Splashproof)



F0511-SR
- Rubber plug (Splashproof)
phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP54 — **101.000**



F0512-SR
- Solid rubber plug (Splashproof)
phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP54, chịu va đập — **140.000**



F2510-SR
- Rubber connector (Splashproof)
ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP20 — **102.000**



F1050-0B
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54



F105-0B
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P+'E', 16A, 250V, IP54



86.000



F106-0
- Mouting box (Splashproof IP44)
- Đế nối cho ổ cắm âm không kín nước — **110.000**

Ổ cắm chia 3 ngã
Multiple-socket outlet



F9432007
16A - 3P - 230V - 6H - IP67 — **2.600.000**

F9432006
16A - 3P - 230V - 6H - IP44 — **1.670.000**



F9432000
16A - 3P - 230V - 6H - IP44 — **1.450.000**



F9430401
Ổ cắm chia 3 ngã
16A - 3P - 230V - IP44 — **1.240.000**

Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67)
Switched interlocked sockets (Watertight IP67)



F61132-6
16A - 3P - 230V - 6H - IP67 — **1.990.000**

F61252-6
32A - 5P - 400V - 6H - IP67 — **2.230.000**



F75252-6
32A -5P - 400V - 6H - IP67 — **3.800.000**

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44)
Plug (Splashproof IP44)



F013-6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44 — **85.000**



F014-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	**124.000**
F015-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	**139.000**
F023-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	**156.000**
F024-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	**163.000**
F025-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	**205.000**

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44)
Connector (Splashproof IP44)



F213-6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44 — **121.000**



F214-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	**156.000**
F215-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	**193.000**
F223-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	**189.000**
F224-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	**217.000**
F225-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	**277.000**

Ổ cắm gắn nổi loại không kín nước (IP44)
Wall socket (Splashproof IP44)



F113-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	**167.000**
F114-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	**205.000**
F115-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	**217.000**
F123-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	**233.000**
F124-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	**245.000**
F125-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	**262.000**

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44)
Flanged socket straight (Splashproof IP44)



F313-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	**175.000**
F314-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	**194.000**
F315-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	**205.000**
F323-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	**217.000**
F324-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	**224.000**
F325-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	**257.000**

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44)
Flanged socket sloping (Splashproof IP44)



F413-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	**195.000**
F414-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	**230.000**



F415-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	**256.000**
F423-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	**304.000**
F424-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	**334.000**
F425-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	**370.000**

*Giá bán đã bao gồm VAT

Phích cắm di động loại kín nước (IP67)
Plug (Watertight IP67)



F0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	330.000
F0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	350.000
F0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	371.000
F0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	403.000
F0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	430.000
F0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	454.000



F033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	920.000
F034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	950.000
F035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	980.000
F043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.760.000
F044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	2.080.000
F045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	2.370.000



F0822-10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	350.000

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)
Connector (Watertight IP67)



F2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	350.000
F2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	385.000
F2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	483.000
F2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	500.000
F2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	510.000
F2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	552.000



F233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.110.000
F234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.130.000
F235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.160.000
F243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.430.000
F244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.550.000
F245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.740.000



F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	440.000

Ổ cắm gắn nổi loại kín nước (IP67)
Wall socket (Watertight IP67)



F1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	510.000
F1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	582.000
F1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	640.000
F1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	690.000
F1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	740.000
F1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	780.000



F133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.220.000
F134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.350.000
F135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.460.000



F143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.980.000
F144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	3.170.000
F145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	3.350.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)
Flanged socket straight (Watertight IP67)



F3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	403.000
F3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	464.000
F3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	500.000
F3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	510.000
F3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	533.000
F3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	560.000



F333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	740.000
F334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	830.000
F335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	880.000
F343-6	125A - 3P - 230V - 6H - I P66/67	1.950.000
F344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.090.000
F345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.200.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)
Flanged socket sloping (Watertight IP67)



F4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	291.000
F4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	330.000
F4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	341.000
F4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	510.000
F4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	560.000



F433-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	770.000
F433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	770.000
F434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	830.000
F435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	880.000
F443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.890.000
F444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.080.000
F445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.310.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước
Container - Plug and Socket
(Watertight IP67)



F0242-3V
Phích cắm - Plug
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — 353.000



F1242-3V
Ổ cắm nổi - Wall socket
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — 1.040.000



F2242-3V
Ổ cắm nối - Connector
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — 510.000



F3242-3V
Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng
Flanged socket straight
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — 600.000

Bộ tủ điện phân phối



NDB313-232
Tủ điện phân phối IP44
1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp
3 ổ cắm 3P 16A PCE
Kích thước: 200x200x65mm
Có ráp bộ theo yêu cầu của khách hàng — 999.000



NDB313
Tủ điện phân phối IP44
3 ổ cắm 3P 16A PCE
Kích thước: 200x200x65mm — 670.000



nanoco

Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)



NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	380.000
NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	400.000
NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	500.000
NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	520.000
NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	480.000
NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	500.000
NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	620.000
NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	640.000
NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	550.000
NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	580.000
NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	700.000
NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	750.000

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP

Ổ cắm âm có nắp (IP54) - Outlet socket (IP54)



NIS105-0B	16A - 2P - 230V - IP54	60.000

Ổ cắm chia 3 ngã



NIS9432000	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	400.000

Ổ cắm gắn nổi loại không kín nước (IP44) - Wall socket (IP44)



NIS113-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
NIS114-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS115-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	120.000
NIS123-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	120.000
NIS124-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	135.000
NIS125-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44)
Flanged socket straight (IP44)



NIS313-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
NIS314-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS315-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS323-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	130.000
NIS324-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	140.000
NIS325-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000

Phích cắm di động loại kín nước (IP67) - Plug (Watertight IP67)



NIP0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
NIP0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	175.000
NIP0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	205.000
NIP0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
NIP0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
NIP0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	295.000



NIP033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	495.000
NIP034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	550.000
NIP035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	600.000
NIP043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	990.000
NIP044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.380.000
NIP045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67) - Connector (Watertight IP67)



NIS2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	210.000
NIS2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
NIS2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
NIS2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	300.000
NIS2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	330.000
NIS2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	370.000



NIS233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	600.000
NIS234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	660.000
NIS235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	740.000



NIS243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.200.000
NIS244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.320.000
NIS245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm gắn nổi loại kín nước (IP67) - Wall socket (Watertight IP67)



NIS1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	250.000
NIS1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	270.000
NIS1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
NIS1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
NIS1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	350.000
NIS1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000



NIS133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	540.000
NIS134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	600.000
NIS135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	660.000



NIS143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.250.000
NIS144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.450.000
NIS145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.580.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44)- Plug (IP44)



NIP013-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	70.000
NIP014-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	85.000
NIP015-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	100.000
NIP023-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	110.000
NIP024-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	120.000
NIP025-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) - Connector (IP44)



NIS213-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	95.000
NIS214-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	115.000
NIS215-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	130.000
NIS223-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	145.000
NIS224-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	165.000
NIS225-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	185.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44)
Flanged socket sloping (IP44)



NIS413-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	100.000
NIS414-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	130.000
NIS415-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000
NIS423-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	170.000
NIS424-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	180.000
NIS425-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	190.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)



NIS4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
NIS4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	185.000
NIS4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	200.000
NIS4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
NIS4242-6F78	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	290.000
NIS4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	340.000
NIS433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
NIS434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
NIS435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	510.000



NIS443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	980.000
NIS444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.150.000
NIS445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.250.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước (IP67)
Container - Plug and Socket (Watertight IP67)



Phích cắm - Plug

NIP0242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	215.000



Ổ cắm nổi - Wall socket

NIS1242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	490.000



Ổ cắm nối - Connector

NIS2242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	260.000



Ổ cắm gắn âm dạng thẳng
Flanged socket straight

NIS3242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	320.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)
Flanged socket straight (Watertight IP67)



NIS3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	230.000
NIS3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
NIS3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
NIS3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
NIS3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	340.000
NIS3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	360.000
NIS333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	380.000
NIS334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	490.000
NIS335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	550.000

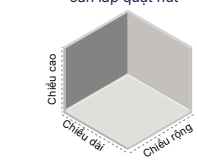


NIS343-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	900.000
NIS344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.180.000
NIS345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.320.000

LỰA CHỌN QUẠT HÚT

4 BƯỚC CHO KHÔNG GIAN KHÔNG ĐIỀU HÒA

1 Tính thể tích phòng cần lắp quạt hút



Thể tích phòng (m^3) = Chiều dài (m) x Chiều rộng (m) x Chiều cao (m)

2 Bội số (Số lần) Trao đổi không khí

LOẠI	BỘI SỐ (SỐ LẦN) TRAO ĐỔI KHÔNG KHÍ (LẦN/H)
Phòng khách	2-3
Phòng ngủ	2-3
Phòng bếp	2-3
Phòng tắm	10
Phòng vệ sinh	10

Các thông số trong bảng trên áp dụng cho các phòng trong nhà ở dân dụng.

3 Tính toán lưu lượng không khí cần thiết

Lưu lượng không khí cần thiết (m^3/h) =
Bội số (số lần) trao đổi không khí (lần/h) x
Thể tích phòng (m^3)

4 Lựa chọn loại quạt hút có lưu lượng không khí phù hợp



Lưu lượng không khí quạt hút > lưu lượng không khí cần thiết của mỗi loại phòng

2 BƯỚC CHO KHÔNG GIAN CÓ ĐIỀU HÒA

1 Lượng không khí từ bên ngoài cấp vào phòng trong nhà ở (phòng khách/ phòng ngủ) là 35m^3/h cho 1 người



2 Nhân 35 với số người ở trong phòng
⇒ lượng không khí cần thiết (m^3/h)
⇒ chọn quạt hút có lưu lượng không khí ≥ lưu lượng gió



Lượng không khí cần thiết = 35 x Số người trong phòng

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn



Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-25TGU5	26,5	612	39	31,5	1.090.000
FV-15TGU6	10	275	35	21,7	870.000
FV-20TGU6	18	520	40	27	980.000

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Hình	Mã sản phẩm	Loại	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
	FV-15AUL1		12,5	255	36	20	1.080.000
	FV-20AL1	1 chiều - Có màn che	18	550	38	25	1.100.000
	FV-25AL1		25	840	40,5	30	1.210.000
	FV-30AL1		28	1.000	39	35	2.410.000
	FV-20RL1	2 chiều - Có màn che	17/12,5	550/430	38/45	25	1.750.000
	FV-25RL1		25/16,5	840/600	40,5/43	30	2.130.000
	FV-30RL1		27,5/18	1.000/750	39/42	35	2.500.000
	FV-20AU1	1 chiều - Không màn che	18	590	36	25	880.000
	FV-25AU1		25	950	38	30	1.000.000
	FV-30AU1		28	1.200	37	35	1.610.000

QUẠT HÚT SỬ DỤNG CHO NHÀ TẮM

Hình	Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ trần (cm)	Kích thước lỗ tường (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	
	có lá lật							
	FV-10EGS2	4,3	76	35	Φ13 ~ 14	Φ12 ~ 12,5	19	840.000
	FV-15EGS2	5,7	155	36	Φ17,5~18,5	Φ16,5 ~ 17	23	1.020.000
	không có lá lật							
	FV-10EGD2	4,1	82	34	Φ13 ~ 14	Φ12 ~ 13	9	700.000
	FV-15EGD2	5,7	170	37	Φ17,5~18.5	Φ16,5~17,5	9	770.000

Thiết bị phát lon - Khử mùi nhanh, ức chế vi khuẩn bằng nanoe™X



Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ (cm)	
FV-15CSD1	4	15	23,5	15	7.480.000

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP



Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-25GS4	39	1.100	34	27,5	4.870.000
FV-30GS4	59	1.800	38	32,5	6.740.000
FV-35GS4	88	2.670	44	39,5	8.240.000
FV-40GS4	161	3.780	47	44,5	10.510.000

QUẠT HÚT SƯỞI

Chức năng thông gió, sưởi ấm



FV-30BZ1 — 4.700.000

Kích thước lắp đặt: 280x260mm/ Kích thước ống dẫn: Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.380	130	45
Thông gió	23		41

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote



FV-30BY1 — 6.690.000

Kích thước lắp đặt: 260 x 280mm/ Kích thước ống dẫn: Ø110mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.400	140	45
Thông gió	20		41

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote



FV-30BG3 — 10.920.000

Kích thước lắp đặt: 300x 300mm/ Kích thước ống dẫn: Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.500	170	46
Thông gió	28		39

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát, đèn có remote

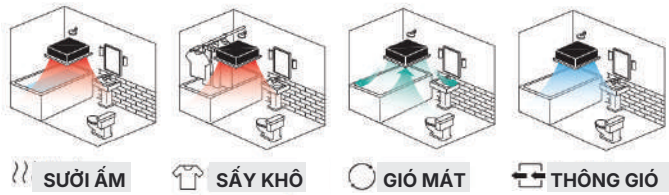


FV-54BVZL1 NEW — 11.250.000

Kích thước lắp đặt: 284 X 556mm/ Kích thước ống dẫn: Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	2650	140	46
Thông gió	23		39

CHỨC NĂNG QUẠT HÚT SƯỞI

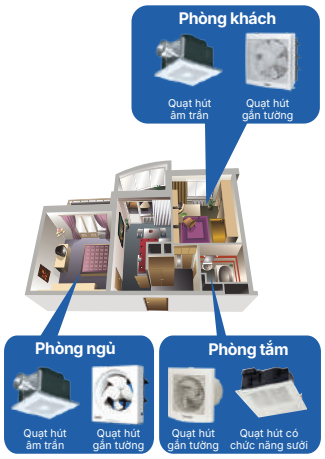


Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

· Duy trì dưỡng khí trong lành
· Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc, ...)
· Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp từ 23dB
- Thiết kế tinh tế dễ lắp đặt
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000h
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- Động cơ được trang bị cảm biến nhiệt - tự động tắt khi quạt quá nóng - đảm bảo an toàn cho thiết bị và người sử dụng



QUẠT CẤP GIÓ

Quạt cấp gió Cabinet - Động cơ DC

Thiết bị cấp "gió tươi"

Động cơ DC

Lọc bụi mịn PM 2.5



- Kích thước ống dẫn Ø100mm
- Siêu êm

13.125.000

FV-01NAP1	Công suất (W)	Lưu lượng gió(CMH)	Độ ồn (dB)
Cao	10	133	26
Thấp	3	42	20

Lọc bụi mịn PM 2.5



FV-06PHP1	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ tường (cm)	
Cao	7,5	63	36	Φ164 - Φ168	4.010.000
Thấp	3,2	32	25		

QUẠT CHẮN GIÓ



Mã sản phẩm	Hz		Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	
FY-3509U1	50	Cao	95	1.150	51	16.800.000
		Thấp	85	1.000	49	
FY-4009U1	50	Cao	110	1.340	54,5	17.150.000
		Thấp	94	1.190	51	

Mã sản phẩm	Hz		Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	
FY-3512U1	50	Cao	114	1.550	49	18.334.000
		Thấp	100	1.300	46	
FY-4012U1	50	Cao	126	1.700	52,5	18.500.000
		Thấp	105	1.530	48,5	

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Quạt êm, hiệu năng cao

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng

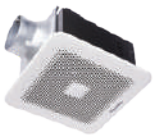


	Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ						
	FV-17CU9	7,5	85	23	17,7	2.440.000
NEW	FV-17CH9	9,5	100	27,5	17,7	2.600.000
	FV-24CU9	10,5	140	25	24	3.010.000
	FV-24CD9	13,5	170	28,5	24	3.100.000
	FV-24CH9	16,5	200	32	24	3.280.000



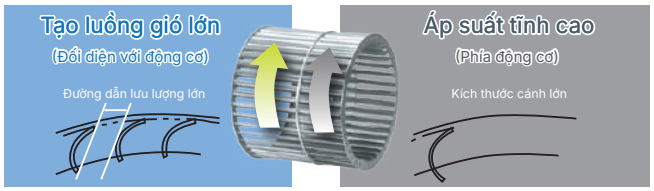
Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ					
FV-27CH9	23 (Low) / 28 (Hi)	260 (Low) / 330 (Hi)	30 / 34	27	5.020.000
FV-32CD9	32 (Low) / 42 (Hi)	300 (Low) / 430 (Hi)	28 / 36	32	6.700.000
FV-32CH9	45 (Low) / 55 (Hi)	400 (Low) / 530 (Hi)	34 / 41	32	7.280.000
FV-38CD8	66 (Low) / 90 (Hi)	430 (Low) / 640 (Hi)	35 / 44	38,5	9.080.000
FV-38CH8	89 (Low) / 122 (Hi)	525 (Low) / 800 (Hi)	40 / 50	38,5	9.900.000

Dòng quạt hút có sensor



Sensor

	Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ						
*Sensor chuyển động	FV-24CUR2	11	140	25	24	4.320.000
	FV-24CHR2	17	200	32	24	4.515.000
*Sensor chuyển động & độ ẩm	FV-24CURV2	11	140	25	24	5.720.000
	FV-24CHRV2	17	200	32	24	5.920.000



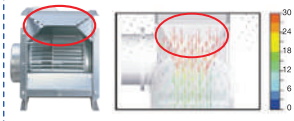
Mạnh mẽ với luồng gió kép
Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.

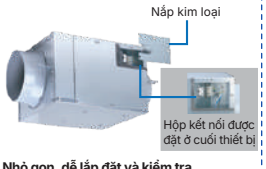
QUẠT HÚT CABINET - Độ ồn thấp

3 pha



Mã sản phẩm	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)	
FV-28NX3	600	2.600	44	Ø250	21.540.000
FV-25SW3	940	4.000	43	250 x 500	36.790.000
FV-25SM3	1.180	5.200	45	250 x 700	44.350.000





Thiết kế đặc trưng hình nón, xiên
Vận tốc gió thổi ra thay đổi theo hình dạng của vỏ quạt, với thiết kế mới giúp giảm thiểu sự lưu thông không đều của không khí bên trong quạt, trang bị thêm vật liệu hấp thụ âm thanh làm giảm tiếng ồn trong lúc vận hành.

Nhỏ gọn, dễ lắp đặt và kiểm tra
Thiết kế nhỏ gọn thích hợp lắp đặt ở nơi có không gian trần hẹp. Hộp kết nối dây được trang bị vỏ bọc kim loại tăng độ bền và an toàn và giúp dễ dàng trong việc tháo lắp, kiểm tra sản phẩm.

Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

Mã sản phẩm	Cấp độ	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)	
FV-12NS3	Hi	18	180	21	Ø100	3.360.000
	Low	17	145	17		
FV-15NS3	Hi	33	340	25	Ø150	4.450.000
	Low	29,5	275	22		
FV-18NS3	Hi	60	500	29	Ø150	5.310.000
	Low	55	405	27		
FV-18NF3	Hi	91	770	31	Ø200	6.490.000
	Low	80	620	29		
FV-20NS3	Hi	120	920	32	Ø200	8.020.000
	Low	113	720	29		
FV-23NL3	Hi	230	1.200	40	Ø200	9.740.000
	Low	170	900	34		
FV-25NS3	Hi	345	1.700	41	Ø250	12.880.000
	Low	265	1.380	38		
FV-25NF3	Hi	390	1.900	43	Ø250	14.720.000
	Low	325	1.600	40		



QUẠT TRẦN - Ceiling Fan



KẾT NỐI QUẠT TRẦN BẰNG WIRELESS

App: Ceiling Fan

Wi Fi CERTIFIED
Download on the App Store
Google Play

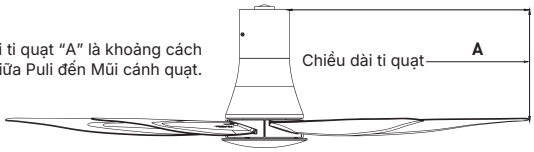
ĐIỀU KHIỂN BẰNG ỨNG DỤNG DI ĐỘNG

Để điều khiển quạt trần bằng điện thoại, người dùng chỉ cần kết nối ứng dụng với bộ định tuyến.
* Thiết bị di động cần có: iOS 12,2 và Android 7 trở lên.

Cách xác định chiều dài ti quạt

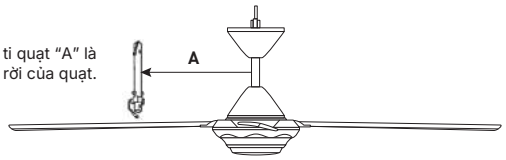
Quạt trần có Ti quạt cố định với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là khoảng cách được tính từ giữa Puli đến Mũi cánh quạt.



Quạt trần có Ti quạt rời (không cố định) với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là chiều dài đoạn ti rời của quạt.



F-60DGN



Available on the App Store
GET IT ON Google Play



Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 37,3 cm

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 73W (quạt 54W, đèn: 19W)
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

13.970.000

F-60DHN



Available on the App Store
GET IT ON Google Play



Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 37,3 cm

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 54W
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

10.800.000

nanoeX | INTELLIGENT ECO SENSORS ECONAVI | 1/f yuragi | DC MOTOR | SAFETY | TỰ HÀO VIỆT NAM

F-60FEN





Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 28,8 cm

- Tích hợp công nghệ nanoe™ X giúp ức chế đến 99,9% vi khuẩn, vi rút, khử 90% mùi khó chịu trong vòng 15-30 phút, giữ ẩm cho da và tóc
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ ECONAVI - điều chỉnh lượng gió theo nhiệt độ môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể, giúp tiết kiệm điện đến 52%
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

11.970.000

F-48DGL



Available on the App Store
GET IT ON Google Play



Đường kính cánh 120 cm
Chiều dài ti 27,8 cm

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 50W (quạt: 31W, đèn 19W)
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 200 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt cải tiến giúp lan tỏa gió nhẹ nhàng, êm dịu
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

11.730.000

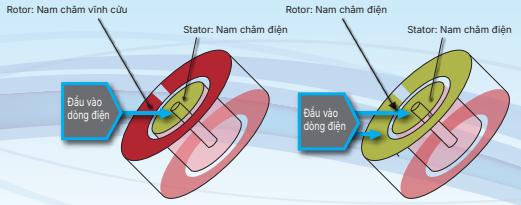
Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

QUẠT TRẦN - Ceiling Fan

Động cơ điện một chiều

Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần.
Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức tiêu thụ điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC).
Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC).

Động cơ điện một chiều (DC)	Động cơ điện xoay chiều (AC)



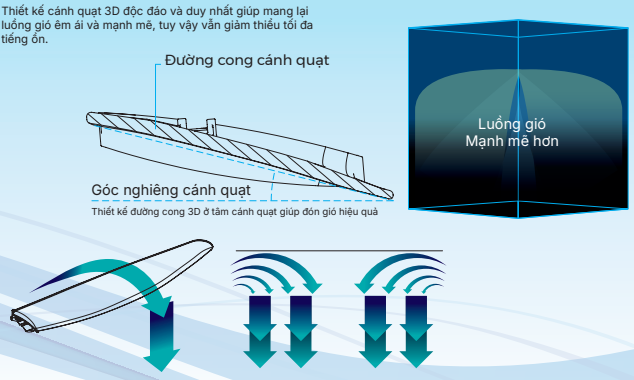
Chỉ cần đấu vào dòng điện cho Stator

Cần đấu vào dòng điện cho cả Rotor và Stator

Cảnh báo: Dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch

Thiết kế cánh quạt 3D

Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.



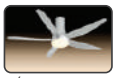


F-60GFN

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ty: 28,8cm
Đèn led có 4 chế độ sáng


Ánh sáng trắng


Ánh sáng ban ngày


Ánh sáng vàng


Ánh sáng vàng dịu

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 58W (motor: 40W, đèn: 18W)
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- 1 chế độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- 1 chế độ ánh sáng tối đa (Full light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

12.750.000





F-60GDN (Trắng, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDN-S (Trắng, chiều dài ty 21,2cm)
F-60GDN-LG (Xám trắng, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDN-LGS (Xám trắng, chiều dài ty 21,2cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Đường kính cánh 150cm

7.160.000



F-60TAN

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28,8cm

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi - điều chỉnh lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

10.000.000







F-60GDS-W (Trắng, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDS-WS (Trắng, chiều dài ty 21,2cm)
F-60GDS-B (Nâu, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDS-BS (Nâu, chiều dài ty 21,2cm)
F-60GDS-BE (Beige, chiều dài ty 28,8cm)
F-60GDS-BES (Beige, chiều dài ty 21,2cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Đường kính cánh 150cm

7.160.000



Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28,8cm

F-60HAN (Xám)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi – điều chỉnh lưu lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285m³/phút
- Có chế độ hẹn giờ mở/tắt trong vòng 24h
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

9.600.000





F-60XDN (Đen)
F-60XDN-W (Trắng)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28,8cm

8.480.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT TRẦN - Ceiling Fan



Đường kính cánh 180cm

F-70ZBP (Chiều dài ti 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 51W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 310 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

20.700.000



Đường kính cánh 140cm
Chiều dài ti 29,2cm

F-56XPG (Đen)
F-56XPG-W (Trắng)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 191 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

4.020.000



Đường kính cánh 120cm
Chiều dài ti 14cm

F-48CZL

- Công suất 55W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 160 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

5.050.000



Đường kính cánh 140cm
Hộp số loại nổi

F-56NCL
(Đồng cổ điển, chiều dài ti 18inch - 45.7cm)

F-56NCL-S
(Đồng cổ điển, chiều dài ti 12inch - 30.4cm)

- Công suất 70W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 220 m³/phút

2.650.000



105 59 105
Đường kính cánh 150cm
Hộp số lắp nổi hoặc lắp âm (nếu thay hộp đế âm)

F-60FV2-MS (Trắng, chiều dài ty 9inch - 22,8cm)
F-60FV2-S (Trắng, chiều dài ty 12inch - 30,4cm)
F-60FV2 (Trắng, chiều dài ty 18inch - 45,7cm)
F-60FV2-L (Trắng, chiều dài ty 22inch - 55,8cm)

- Công suất 74W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 270 m³/phút
- Hộp số có thể lắp âm nếu dùng hộp đế âm đơn mặt vuông:
  W:80mm x L:80mm x H: trên 50mm (Kích thước đề nghị)

2.020.000



Đường kính cánh 200cm

F-80ZBR (Chiều dài ti 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 57W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 345 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

22.230.000



Đường kính cánh 140cm

F-56MZG-GO (Vàng ánh kim, chiều dài ti 40,6cm)
F-56MZG-GOS (Vàng ánh kim, chiều dài ti 22,9cm)
F-56MZG-S (Bạc, chiều dài ti 40,6cm)
F-56MZG-SS (Bạc, chiều dài ti 22,9cm)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

3.640.000



Đường kính cánh 140cm
Chiều dài ti 31,9cm

F-56MPG-GO (Vàng ánh kim)
F-56MPG-S (Bạc)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

3.640.000



Đường kính cánh 150cm
Hộp số loại nổi

F-60MZ2-MS (Trắng, chiều dài ti 9inch - 22,8cm)
F-60MZ2-S (Trắng, chiều dài ti 12inch - 30,4cm)
F-60MZ2 (Trắng, chiều dài ti 18inch - 45,7cm)
F-60MZ2-L (Trắng, chiều dài ti 22inch - 55,8cm)

F-60MZ2-KMS (Đen, chiều dài ti 9inch - 22,8cm)
F-60MZ2-KS (Đen, chiều dài ti 12inch - 30,4cm)
F-60MZ2-K (Đen, chiều dài ti 18inch - 45,7cm)
F-60MZ2-KL (Đen, chiều dài ti 22inch - 55,8cm)

- Công suất 66W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 215 m³/phút

1.700.000

⚠ Khuyến cáo: - Hộp số của quạt nào nên dùng đúng của quạt đó.
- KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan



F-409MB (Xanh)
F-409MG (Trắng ngà)

- Công suất 51W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió 77,5 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
- Có remote

2.930.000



F-409UB (Xanh)
F-409UGO (Vàng kim)

- Công suất 47,5W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió: 76 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

2.370.000



F-50YUZ (Đen)

- Công suất 53 ~ 63W
- Đường kính quạt 50 cm
- Lưu lượng gió 100 m³/phút
- 850 ~ 1230 vòng quay/phút
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

4.570.000

QUẠT ĐẢO - Orbit fan



F-409QB (Xanh)
F-409QGO (Vàng)

- Công suất 45W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió: 79 m³/phút
- Quạt đảo 360°
- Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

3.340.000

QUẠT BÀN - Table fan



F-400CB (Xanh)
F-400CI (Trắng ngà)

- Công suất 48W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió: 75 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Di chuyển dễ dàng

1.580.000

QUẠT ĐỨNG - Standing fan



F-409KB (Xanh)
F-409KBE (Beige)
F-409KMR (Đỏ)

- Công suất 51W
- Đường kính quạt 40 cm
- Chiều cao quạt 128 - 143 cm
- Lưu lượng gió 77,5 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
- Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
- Có remote

4.130.000



F-30JLVW (Trắng)
F-30JLVG (Xám)

- 7 cánh quạt
- Động cơ: DC
- Công suất: 20W
- Đường kính quạt: 30cm
- Chiều cao quạt: 58cm – 101,5cm
- Lưu lượng gió: 35,3 m³/ phút
- 6 cấp độ gió
- 3 chế độ gió: Thường - Tự nhiên - Ngủ
- Hẹn giờ tắt 1 – 8 giờ
- Có remote

2.930.000



F-308NHB (Xanh)
F-308NHP (Hồng)

- Công suất 37W
- Đường kính quạt 30 cm
- Chiều cao quạt 91 - 105 cm
- Lưu lượng gió: 40 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
- Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
- Có remote

4.060.000



F-307KHB (Xanh)
F-307KHS (Bạc)

- Công suất 37W
- Đường kính quạt 30 cm
- Chiều cao quạt 66 - 85 cm
- Lưu lượng gió: 50,7 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Màng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
- Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
- Có remote

2.840.000



F-407WGO (Vàng kim)

- Công suất 53.5W
- Đường kính quạt 40 cm
- Chiều cao quạt 134 - 157 cm
- Lưu lượng gió: 76 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Có trang bị đèn ngủ

3.400.000

CÔNG NGHỆ NANOE™



KHÁNG KHUẨN/ NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (H1N1) (*1) và (H5N1) (*2)
- Diệt 99.9% vi khuẩn (E Coli O 157, MRSA.H)



Bao vây virus và vi khuẩn — Vô hiệu hóa virus và vi khuẩn

KHỬ MÙI

- Diệt 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút



Tấn công phân tử mùi — Phân rã và loại bỏ mùi

GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt



CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.



Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.



Tiết kiệm điện 50% (*1)

So sánh với chế độ tự động

TẤM LỌC KHÍ

Tấm lọc khí tích hợp



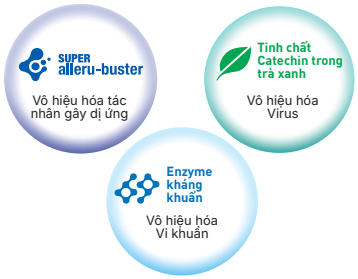
Chỉ vệ sinh khô tránh tiếp xúc với nước

Tấm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Alleru-buster, tinh chất Catechin trong nhà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano



Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI - Air Purifier & Deodorization



*Sản phẩm thích hợp dùng cho xe hơi

F-GPT01A-K (Đen)
F-GPT01A-R (Đỏ)

- Lưu lượng gió: 0,07 m³/phút
- Phạm vi sử dụng: 3m³
- Độ ồn (MSK): 34dB
- Công suất: 3,5W
- Công nghệ lọc: nanoe™X
- Dây cáp sạc: USB - Chiều dài 1.5m
- Hiệu điện thế: DC 5V (Nguồn 1,5A hoặc hơn)
- Kích thước: Ø66 x Ø90 x H170 mm
- Khối lượng: 0,4 kg

4.500.000

LƯU Ý

- Không sử dụng trong môi trường ẩm ướt (VD: phòng tắm, ...).
- Điều kiện để phát nanoe™X:
- Nhiệt độ phòng: khoảng 5-40°C (Nhiệt độ điểm sương khoảng 2°C hoặc hơn).
- Độ ẩm: Khoảng 30-85% (Không thể sử dụng trong môi trường ẩm ướt hoặc những nơi đang có lửa).



F-VXV70A — 16.000.000



F-PXU70A — 14.400.000



F-PXV55A — 14.000.000



F-PXV50A — 10.750.000



F-PXV35A — 7.770.000



F-PXJ30A — 4.850.000



F-P15EHA — 3.930.000

	F-VXV70A	F-PXU70A	F-PXV55A	F-PXV50A	F-PXV35A	F-PXJ30A	F-P15EHA
- Lưu lượng gió (m³/min) - hi	6.7	7	5.3	5	3.5	2.8	1.6
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	36	49	29	24	30	29
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	49	52	47	49	44	44
- Phạm vi hoạt động [(m²)]	52	52	41	36	26	20	13
- Công nghệ lọc	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™	–
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	DC	AC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA (lọc được Formaldehyde)	HEPA	HEPA	HEPA	–	HEPA
- Hút gió 3 chiều	•	–	•	•	•	•	•
- Cảm biến sensor	Bụi và mùi - Độ ẩm Ánh sáng - Chuyển động	PM2.5/ Mùi /Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi	Mùi	Mùi	–
- Đo mức độ ô nhiễm	•	•	•	•	•	•	–
- Đèn báo PM2.5	–	•	•	•	–	–	–
- Chế độ tự động	•	•	•	•	•	•	–
- Chế độ Turbor	–	–	–	–	•	•	–
- Chế độ ngủ [8 giờ]	•	–	•	–	•	•	•
- Chế độ báo thay bộ lọc	•	•	•	•	•	•	•
- Chế độ khóa trẻ em	•	•	•	–	–	–	•
- Kích thước (C x R x S) (mm)	636x398x265	560x362x280	580x300x205	550x340x208	520x300x189	540x311x210	385x310x152
- Chế độ Econavi	•	–	•	–	–	–	–
- Điều khiển bằng remote	–	–	–	–	–	–	–
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp]	10 năm	2 năm	10 năm	4 năm	3 năm	2 năm	2 năm
[Khử mùi]							
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp]	1.790.000	2.150.000	1.920.000	2.520.000	1.340.000	890.000	1.210.000
[Khử mùi]	840.000	1.220.000	840.000	Hỗn hợp + khử mùi	750.000	610.000	Hỗn hợp + khử mùi
[Tạo ẩm]	970.000						

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ - Air Purifier

Thiết bị xử lý không khí Ziaino™



F-JPU70A

Thông số kỹ thuật	75.000.000		
- Công nghệ lọc	Điện phân muối trong nước để tạo axit hipoclorơ (HOCL)		
- Diện tích sử dụng (m^2)	92(**)		
- Chế độ không khí	Cao	Trung bình	Thấp
- Lưu lượng gió (m^3/phút)	7,0	4,0	2,0
- Điện năng tiêu thụ (W)	72	31	20
- Độ ồn (dB)	49	37	20
- Thời gian vận hành liên tục khi bình chứa nước đầy (*)	9,6	14,0	22,6
- Dung tích bình chứa (L)	Khoảng 7,8 (Dung tích thực: 7,0)		
- Bộ lọc	Bộ lọc bụi bẩn (2 năm)/ Bộ lọc khử trùng (5 năm) / Cụm chống nấm mốc (5 năm)		
- Chỉ báo	Chỉ báo lỗi/ Chỉ báo cửa mở/ Chỉ báo thêm nước/ Chỉ báo xả nước/ Chỉ báo trạng thái/ Chỉ báo xác nhận nạp muối/ Chỉ báo thay điện cực/ Chỉ báo đến lúc cần vệ sinh máy		
- Chức năng khác	Tự động vệ sinh bên trong máy		
- Chế độ khóa trẻ em	Có		
- Kích thước sản phẩm (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	730 × 510 × 307		
- Trọng lượng sản phẩm (kg)	17		

- Hủ muối: 1000 viên/hủ, dùng khoảng 3 năm (Ngày dùng 1 viên - 8 tiếng liên tục mỗi ngày)
* Thời gian vận hành liên tục với đầy nước đạt được trong môi trường có nhiệt độ phòng là 20°C và độ ẩm tương đối là 30%
** Diện tích sử dụng được tính toán bởi bộ phận nghiên cứu của Panasonic.

Thiết bị xử lý không khí Compact Ziaino™

NEW



MADE IN JAPAN



F-JP20DV

* Dự kiến có hàng 10/2026

Thông số kỹ thuật	17.500.000		
- Công nghệ lọc	Điện phân muối trong nước để tạo Axit Hipoclorơ (HOCL)		
- Diện tích sử dụng (m^2)	30		
- Chế độ không khí	Cao	Trung Bình	Thấp
- Lưu lượng gió (m^3/phút)	2	1	0,3
- Điện năng tiêu thụ (W)	27	10	6
- Độ ồn (dB)	48	33	15
- Thời gian vận hành liên tục khi bình chứa nước đầy (*)	6,1	10,5	23,5
- Dung tích bình chứa (L)	Khoảng 0,9		
- Cảm biến Sensor	Mùi - Nhiệt độ - Độ ẩm		
- Bộ lọc	Bộ lọc phức hợp HEPA tĩnh điện (3,5 năm)/ Bộ lọc diệt khuẩn (7 năm)/ Bộ điện cực (7 năm)/ Cụm chống nấm mốc (7 năm) ***Điều kiện: Vận hành 12 giờ mỗi ngày		
- Chỉ báo	Chỉ báo lỗi/ Chỉ báo cửa mở/ Chỉ báo thêm nước/ Chỉ báo xả nước/ Chỉ báo trạng thái/ Chỉ báo xác nhận nạp muối/ Chỉ báo thay điện cực/ Chỉ báo đến lúc cần vệ sinh máy		
- Chức năng khác	Tự động vệ sinh bên trong máy		
- Chế độ khóa trẻ em	Có		
- Chế độ tự động	Có		
- Chế độ ngủ	Có		
- Kích thước sản phẩm (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	450 × 280 × 185		
- Trọng lượng sản phẩm (kg)	5,7		

- Hủ muối: 100 viên/ hủ, dùng khoảng 10-12 tháng (12 tiếng liên tục mỗi ngày). Khoảng 7 tháng bổ sung muối 1 lần (60-70 viên/lần, máy sẽ tự động lấy từng viên một vào khay).

MÁY HÚT ẨM - Dehumidifier

***Màng lọc 4 trong 1**
+ Khử mùi: 90%
+ Vô hiệu hóa vi khuẩn: 99%
+ Vô hiệu hóa vi rút: 90%
+ Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng: 80%







Thông số kỹ thuật		F-YCT10V 8.550.000	F-YCT14V 11.000.000	F-YCT17V 12.000.000
- Phạm vi sử dụng	m^2	25	35	42
- Khả năng hút ẩm (30°C/80%)	L/Ngày	10	14	17
- Công suất	W	220	230	285
- Loại máy		Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh
- Bình chứa	L	2,5	2,5	4,8
- Hẹn giờ	H	-	2/4/8 (tắt)	2/4/8 (tắt)
- Báo độ ẩm		-	●	●
- Báo đầy bình chứa		●	●	●
- Màng lọc		Màng lọc bụi thô	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1
- Chế độ hoạt động	Sets	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt
- Kích thước (C x R x S)	mm	530 × 293 × 230	580 × 300 × 215	605 × 360 × 260
- Tuổi thọ màng lọc (4 trong 1)	năm	-	3	3
- Khối lượng	Kg	13,0	11,5	14,0

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Dòng máy nước nóng trực tiếp chỉ phù hợp cho những vùng có môi trường nhiệt độ bên ngoài trên 20°C đối với loại 4,5kW và trên 25°C đối với loại 3,5kW. Với nhiệt độ bên ngoài dưới 20°C thì khuyến cáo sử dụng sang máy nước nóng gián tiếp.

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỪ EMC" và 9 tính năng an toàn
MADE IN MALAYSIA

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - Instant water heater

KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - U SERIES



DH-4US1VW
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm^2)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện .

VÔ CẤP

4.050.000



DH-4US1VS
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm^2)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

VÔ CẤP

4.250.000



DH-4UD1VZ
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích).
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm^2)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

VÔ CẤP

5.660.000

CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - U SERIES



DH-4UP1VW
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm^2)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện .

VÔ CẤP

6.000.000



DH-4UP1VS
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm^2)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

VÔ CẤP

6.200.000

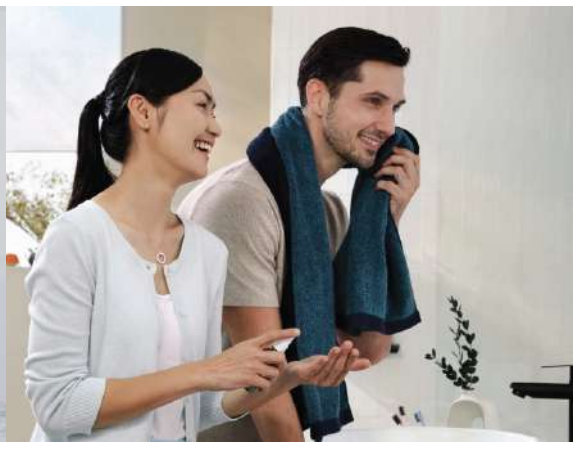


DH-4UDP1VZ
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích)
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm^2)
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

VÔ CẤP

7.620.000





(*) Lưu ý: Dòng máy nước nóng trực tiếp chỉ phù hợp cho những vùng có môi trường nhiệt độ bên ngoài trên 20°C đối với loại 4,5kW và trên 25°C đối với loại 3,5kW. Với nhiệt độ bên ngoài dưới 20°C thì khuyến cáo sử dụng sang máy nước nóng gián tiếp.

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỪ EMC" và 9 tính năng an toàn
MADE IN MALAYSIA

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - Instant water heater

KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP – X SERIES



DH-4XS1VH
- Công suất: 4,5kW
- Màn hình hiển thị nhiệt độ tiện lợi
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun
- Đầu vòi sen siêu rộng 109mm cho trải nghiệm tắm thoải mái hơn
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, núm xoay
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

* Dự kiến có hàng 10/2026

4.080.000

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP – V SERIES



DH-3VS1VW
- Công suất: 3,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag^+ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

3.220.000



DH-4VS1VW
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag^+ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.520.000



Dòng tiêu chuẩn



DH-4MS1VW
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag^+ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

3.710.000

CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP – X SERIES



DH-4XP1VH
- Công suất: 4,5kW
- Màn hình hiển thị nhiệt độ tiện lợi
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun
- Đầu vòi sen siêu rộng 109mm cho trải nghiệm tắm thoải mái hơn
- Công nghệ tinh thể Ag^+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, núm xoay
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

* Dự kiến có hàng 10/2026

6.120.000

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP – V SERIES



DH-3VP1VW
- Công suất: 3,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag^+ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.210.000



DH-4VP1VW
- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag^+ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.430.000



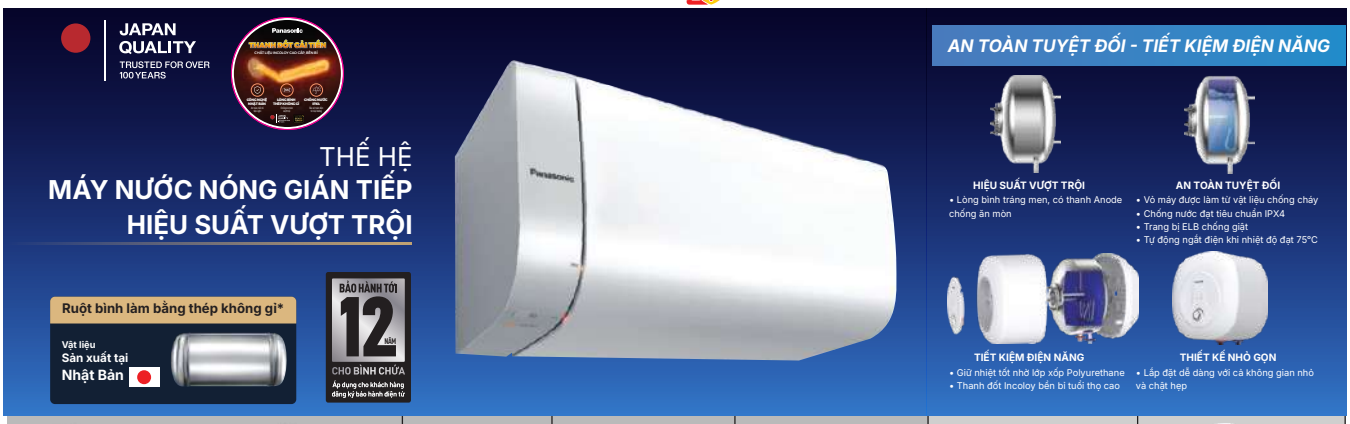
Dòng tiêu chuẩn



DH-4MP1VW
- Công suất: 4,5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag^+ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

5.670.000

MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP - Storage water heater



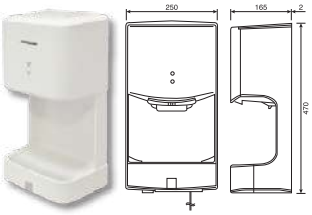
Mã sản phẩm		DH-15HBMVWL	DH-20HBMVWL	DH-30HBMVWL	DH-15SASVW (NEW)	DH-30SASVW (NEW)
		4.570.000	4.760.000	5.280.000	4.120.000	4.750.000
Thông số kỹ thuật	Dung tích (lít)	15	20	30	15	30
	Điện vào (V)	220	220	220	220	220
	Công suất (kW)	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5
	Áp lực nước (Tối đa) (Mpa)	0,75	0,75	0,75	0,75	0,75
	Nhiệt độ cao nhất (°C)	75	75	75	75	75
	Thời gian đun sôi (xấp xỉ) (phút)	30	40	60	30	60
Thân máy	Màu	Trắng	Trắng	Trắng	Trắng	Trắng
	Đèn LED báo đang đun nước	•	•	•	•	•
	Trọng lượng tịnh (kg)	7	8	10	8	13,1
	Kích thước (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	323 × 437 × 310	323 × 526 × 310	323 × 704 × 310	380 × 380 × 325	440 × 440 × 390
Chất liệu	Ruột bình	Thép không gỉ từ Nhật			Lòng bình tráng men	
	Thanh đốt	Incoloy			Incoloy	
	Thanh anode	-			•	
	Chống nước	•			•	
	Vật liệu cách nhiệt	Mút Styrofoam			Lớp xốp Polyurethane dày 20mm	
	Đầu nước vào - đầu nước ra	Đồng			Thép không gỉ	
An toàn	Trang bị ELB chống giật	Tích hợp			•	
	Tự động ngắt nhiệt	•			•	
	Vỏ thân máy chống tia nước phun	IPX4			IPX4	
	Cấu trúc cách điện	•			•	
	Tuân thủ chất liệu không bắt lửa	•			•	
Xuất xứ		Malaysia			Trung Quốc	

*Khuyến cáo lắp đặt: Không bật ON cho đến khi bình chứa được đổ đầy nước để tránh hư hại sản phẩm

MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer

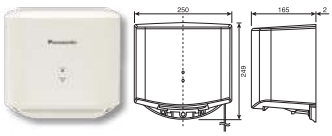
An Toàn - Tiết Kiệm
Bảo Vệ Môi Trường





FJ-T09A3 (Có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1.020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 110 m/s
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.621.000



FJ-T09B3 (Không có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1.020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 110 m/s
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

6.436.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

MÁY BƠM ĐẨY CAO



GP-129JXK-SV5
(Dây điện 12,5cm) **1.780.000**
GP-129JXK-NV5
(Dây điện 125cm + phích cắm) **1.800.000**
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 30m



GP-200JXK-SV5
(Dây điện 12,5 cm) **2.170.000**
GP-200JXK-NV5
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.190.000**
- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng

NEW



GP-201JXK-SV5
(Dây điện 12,5cm) **2.300.000**
GP-201JXK-NV5
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.320.000**
- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng



GP-250JXK-SV5
(Dây điện 20cm) **3.830.000**
GP-250JXK-NV5
(Dây điện 125cm + phích cắm) **3.860.000**
- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 38m
- Mô tơ dây đồng

Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm



Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát.



Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm.

MÁY BƠM TĂNG ÁP TỰ ĐỘNG



A-130JAK
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.480.000**
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 32 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m



A-200JAK
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.800.000**
- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

NEW



A-201JAK
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.970.000**
- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng



A-130JACK
(Dây điện 125cm + phích cắm) **3.530.000**
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng



A-130JTX
(Dây điện 125cm + phích cắm) **4.850.000**
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 9m
- Mô tơ dây đồng



GA-125FAK
(Dây điện 135cm + phích cắm) **3.250.000**
- Bơm tăng áp điện tử nước LẠNH
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
**** Lưu ý lắp đặt bơm (áp dụng cho GA-125FAK và GA-200FAH)***
1. Sản phẩm này không dùng cho hút giếng và đẩy cao, chỉ sử dụng tăng áp từ trên xuống.
2. Bơm cần đặt thấp hơn bồn chứa và vòi nước ra thấp hơn bồn chứa ít nhất 1m



GA-200FAH
(Dây điện 120cm + phích cắm) **4.210.000**
- Bơm tăng áp điện tử nước NÓNG/LẠNH
- Công suất: 200W
- Lưu lượng nước: 50 lít/phút
* Lưu ý:
Chịu được nước nóng 100°C
Yêu cầu lắp đặt tương tự GA-125FAK

MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN



Technology centrifugal	Công suất (W)	Công suất (HP)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Chiều hút sâu (m)	Độ cao hút đẩy tối đa (m)	Mô tơ dây đồng	Giá bán
GP-10HCN1SVN	750	1	10-99	9	34-25	●	6.840.000
GP-15HCN1SVN	1.100	1,5	30-145	9	38,7-22	●	9.660.000
GP-20HCN1SVN	1.500	2	30-154	9	46,2-26	●	11.190.000



Panasonic

CÙNG PANASONIC CHỐNG LẠI HÀNG GIẢ

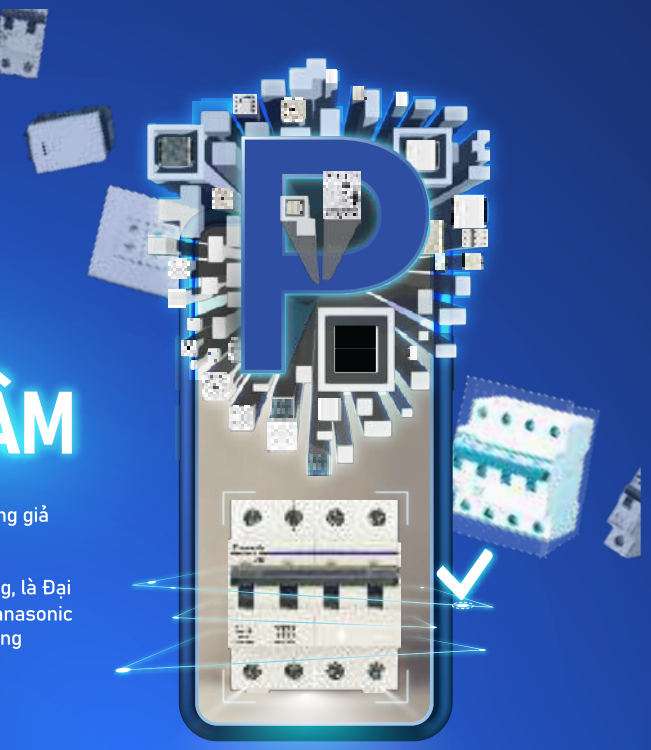
với 3 bước trên Hệ thống QR!

- TIỆN LỢI
  Xác thực nhanh chóng. Kích hoạt bảo hành mọi lúc mọi nơi
- UY TÍN
  Giúp khách hàng phân biệt hàng chính hãng làm nên thương hiệu Panasonic
- CHẤT LƯỢNG
  Đem đến trải nghiệm sản phẩm chân thực & vượt trội cho khách hàng

ĐỊNH DANH HÀNG THẬT CẬP BẾN AN TÂM

Chống lại các hành vi buôn bán hàng giả cùng Hệ thống QR của Panasonic!

Để bảo vệ quyền lợi cho khách hàng, là Đại lý phân phối và Người tiêu dùng, Panasonic xin giới thiệu Quy trình xác thực hàng chính hãng trên Hệ thống QR.



3 BƯỚC TRÊN HỆ THỐNG QR!

01 **TÌM TEM QR TRÊN SẢN PHẨM**
Trên thân sản phẩm Quý khách hàng sẽ tìm thấy tem chính hãng với mã QR.

02 **QUÉT TEM QR VỚI CAMERA ĐIỆN THOẠI**
Mở camera điện thoại và quét tem QR, Quý khách hàng sẽ thấy hiển thị đường dẫn đến Hệ thống quản lý PEWVN.

03 **HIỂN THỊ KẾT QUẢ HÀNG CHÍNH HÃNG**
Kết quả tra cứu bao gồm
1) Mã sản phẩm. 2) Tên sản phẩm,
3) Mã tham chiếu, 4) Ngày sản xuất.

KẾT QUẢ HIỂN THỊ



XÁC THỰC HÀNG CHÍNH HÃNG

Sản phẩm chính hãng của Panasonic sẽ hiển thị thông tin chi tiết như hình bên.



KÍCH HOẠT BẢO HÀNH SẢN PHẨM CHÍNH HÃNG

Sau khi xác minh, Quý khách nhập thông tin cá nhân để thực hiện Kích hoạt bảo hành.



BÁO CÁO HÀNG KHÔNG CHÍNH HÃNG

Nếu sản phẩm là hàng giả, Quý khách vui lòng báo về Hotline trên màn hình để được hỗ trợ.

**Hình ảnh chỉ mang tính minh họa*

QUÉT MÃ QR ĐỂ TÌM HIỂU THÊM
QUÉT NGAY

Panasonic

https://kimquang.vn

ProClub

TÍCH ĐIỂM CỰC DỄ NHẬN QUÀ THÍCH MÊ



Kích hoạt bảo hành ngay khi **tích điểm thành công**

Thêm bạn **thưởng vô hạn**

Xem thêm chi tiết tại:

Nanoco Group

info@nanoco.com.vn

fb.com/nanoco.com.vn

www.nanoco.com.vn

ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Thợ thầu

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN



BƯỚC 1:
Đăng ký tài khoản

* Chọn đối tượng là Nhà phân phối cấp 2

* Điền thông tin và mật khẩu để đăng ký tài khoản



BƯỚC 2:
Quét QR trên sản phẩm

* Nhấn vào mục "Quét QR" trên app để quét mã QR trên sản phẩm



BƯỚC 3:
Kích hoạt bảo hành/ tích điểm

* Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành" nếu muốn kích hoạt bảo hành cho mình

* Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành cho người khác" nếu kích hoạt bảo hành cho người khác và điền thông tin vào

19006711

Bảo hành Panasonic: 18001593

https://kimquang.vn

Zalo

FB Messenger

Youtube

nanoco

KIMQUANG
Electrical equipment

CATALOGUE

10.2026



Hotline: 1900 67 11

Ampo.vn

info@nanoco.com.vn

www.nanoco.com.vn

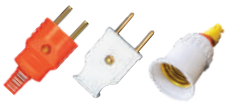
fb.com/nanoco.com.vn

MỤC LỤC

BẢNG GIÁ ĐIỆN GIA DỤNG NANOCO 10-2026 T01 - 02

THIẾT BỊ ĐIỆN


DIMMER - ĐÈN BÁO CẦU CHÌ T04


Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN ĐUI ĐÈN - CẦU DAO CÁCH LY T04


CÔNG TẮC THẺ BÚT THỬ ĐIỆN T05


Ổ CẮM CÓ DÂY T05


TỦ ĐIỆN T06


ĐẦU BÁO CHÁY CHUÔNG ĐIỆN T07


ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN NẸP LUỒN DÂY ĐIỆN T08


PHỤ KIỆN PVC HỘP NỐI - HỘP ÂM T09-10


DÂY CÁP MẠNG BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN T11


Ổ CẮM - PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP T12

ĐIỆN GIA DỤNG


QUẠT HÚT T14-15


QUẠT TRẦN T16-18


QUẠT ĐIỆN, QUẠT SẠC T19-22


BÌNH ĐUN SIÊU TỐC, BÌNH THỦY ĐIỆN T24


NỒI CƠM ĐIỆN T25-26


NỒI, CHẢO T26


NỒI ĐIỆN ĐA NĂNG T27

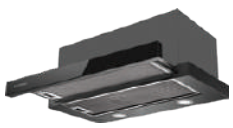

NỒI CHIÊN KHÔNG DẦU T27


NỒI ÁP SUẤT, NỒI NẤU CHẬM T27


MÁY XAY SINH TỐ, MÁY ÉP CHẬM MÁY LÀM SỮA HẠT T28


MÁY XAY THỊT, MÁY VẮT CAM T28


BẾP ĐIỆN TỪ, BẾP HỒNG NGOẠI T29-30


MÁY HÚT MÙI T30


MÁY SƯỞI CÓ THÔNG GIÓ T30


MÁY LỌC KHÔNG KHÍ T32


MÁY LỌC NƯỚC T32


MÁY HÚT BỤI, MÁY HÚT ẨM T33


MÁY SƯỞI DẦU TỦ SẤY QUẦN ÁO T34


MÁY SẤY TÓC, ĐẦU VÒI SEN TẮM T34


MÁY BƠM NƯỚC T35

MỤC LỤC

BẢNG GIÁ ĐÈN LED NANOCO 10-2026 T01 - 02

ĐÈN CHIẾU SÁNG - TRANG TRÍ


ĐÈN DOWNLIGHT T36-40


ĐÈN SPOTLIGHT ÂM TRẦN T41


ĐÈN TRẦN CHỐNG ẨM T42


ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR T42


ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ T43


ĐÈN ỐP NỔI TRẦN T43-45

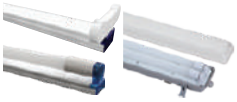

ĐÈN OFFICE PANEL T46


ĐÈN BULB TRÒN E27/ HOA CÚC -TRANG TRÍ T47


ĐÈN BULB TRỤ E27 ..... T48


DÂY ĐÈN BULB E27 KÍN NƯỚC T48


ĐÈN TUÝP T8 ..... T49


MÁNG ĐÈN TUÝP T8
MÁNG ĐÈN KÍN NƯỚC
BỘ MÁNG ĐÈN T8 ..... T50


ĐÈN BÁN NGUYỆT T51


ĐÈN TRACKLIGHT ..... T53 - 54


ĐÈN RAY NAM CHÂM & PHỤ KIỆN ..... T55 - 56


LED DÂY NGOÀI TRỜI & PHỤ KIỆN ..... T57 - 59


LED DÂY NEON & COB DC24V & PHỤ KIỆN T60-62


LED DÂY TRONG NHÀ & PHỤ KIỆN T63-64


LED DÂY ĐỔI MÀU RGB T65


ĐÈN PHA T65-67


KHỚP NỐI KÍN NƯỚC ĐÈN ĐƯỜNG T67


ĐÈN PHA SOLAR
ĐÈN SOLAR SÂN VƯỜN T68-69


ĐÈN NGOÀI TRỜI STELLA SERIES GẮN TƯỜNG/ LỐI ĐI T69-72


ĐÈN SÂN VƯỜN/ TRẦN/ GẮN TƯỜNG/ LỐI ĐI T73-76


ĐÈN BÀN T77


ĐÈN ĐỘI ĐẦU
ĐÈN PIN
ĐÈN SẠC CẦM TAY T78


ĐÈN BẮT MUỖI
VỢT MUỖI T79


ĐÈN SƯỞI PHÒNG TẮM T80



ĐÈN KHẨN CẤP
THOÁT HIỂM T81


ĐÈN HIGHBAY
PIN T82

TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG PHẲNG

Tủ điện âm tường phẳng Nanoco sở hữu thiết kế phẳng hiện đại, chất liệu nhựa chống cháy, chịu va đập cùng không gian lắp đặt rộng rãi, mang đến giải pháp bảo vệ và bố trí hệ thống điện an toàn, gọn gàng, thuận tiện cho nhà ở, căn hộ, văn phòng và công trình dân dụng



NDB104P

THIẾT KẾ PHẲNG – TỐI ƯU THẨM MỸ
Kiểu dáng hiện đại, gọn gàng, hài hòa với không gian nội thất.

NHỰA CHỐNG CHÁY – BỀN BỈ, AN TOÀN
Vật liệu nhựa chống cháy, chịu va đập, tăng độ bền và an toàn trong quá trình sử dụng.

KHÔNG GIAN RỘNG – DỄ DÀNG LẮP ĐẶT
Không gian bên trong rộng rãi, kết hợp nắp tự giữ và góc mở rộng, thuận tiện cho thao tác đi dây, lắp đặt và bảo trì.

- DIMMER - ĐÈN BÁO
- Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN
- ĐUI ĐÈN



- CÔNG TẮC THẺ
- BÚT THỬ ĐIỆN
- Ổ CẮM CÓ DÂY



- TỦ ĐIỆN
- ĐẦU BÁO CHÁY
- CHUÔNG ĐIỆN



- ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
- NẸP LUỒN DÂY ĐIỆN
- NẸP BÁN NGUYỆT



- PHỤ KIỆN PVC
- HỘP NỐI - HỘP ÂM
- DÂY CÁP MẠNG



- BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN
- Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP
- PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP



https://kimquang.vn

DIMMER



NDF603FL/NDL603FL-Full **FDL603FW-Full**
NDF603WL/ NDL603WL-Wide **FDL603W-Wide**
- Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/độ sáng đèn
- Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng — **63.500**

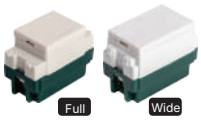


NDL903FL-Full/ NDL903WL-Wide
- Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn - 220VAC - 1000W
- Dimmer for incandescent lamp
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng — **70.000**

CẦU CHÌ



NF101WL - Wide
FF102W-Nano-Wide
- Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng — **16.800**



NF102FL -Full
NF102WL -Wide
- Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng — **18.500**

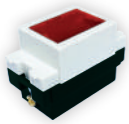
ĐÈN BÁO



N302WF-Nanoco-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302WW-Nanoco-Wide
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302WW-Nano-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu trắng
- Pilot lamp, white 220VAC — **18.000**



N302GF-Nanoco-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302GW / N302GWN - Wide
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302GW-Nano-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu xanh
- Pilot lamp, green 220VAC — **18.000**



N302RF / N302RFN / N302RFL - Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302RWN / N302RWL - Wide
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
- Đèn báo LED màu đỏ
- Pilot lamp, red 220VAC — **18.000**

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN

** Đạt tiêu chuẩn TCVN6188-1:2007*



NP10250D / NP10250DM - đóng gói hộp
NP10250D1/ NP10250D1M - đóng gói dây
- Phích cắm đơn 10A - 250V
- Chân cắm bằng đồng Ø 4,0mm
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 10 cái/hộp; 200 cái/ thùng — **7.500**



NP20250DM NEW
- Phích cắm siêu chịu tải 20A 250V AC, max 5000W
- Chân cắm hợp kim đồng Ø 4,8mm
- Vỏ nhựa PC cao cấp chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đuôi nhựa PVC chống gãy gập dây điện
- Đạt chuẩn QCVN25:2025/BKHCN
- Tiết diện dây khuyến nghị: 2 x 2,5 - 3,0mm²
- Đóng gói: 10 cái/dây, 100 cái/thùng

*** Dự kiến có hàng 11.2026 — **16.000**



NS10250A/ NS10250AM - đóng gói hộp
NS10250A1/ NS10250A1M - đóng gói dây
- Ổ cắm đơn 10A - 250V
- Tiếp điểm bằng đồng
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 10 cái/hộp; 200 cái/ thùng — **13.000**



NS20250AM NEW
- Ổ cắm siêu chịu tải 20A 250V AC, max 5000W
- Tiếp điểm hợp kim đồng, có kẹp tiếp điểm trợ lực
- Vỏ nhựa PC cao cấp chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đuôi nhựa PVC chống gãy gập dây điện
- Đạt chuẩn QCVN25:2025/BKHCN
- Tiết diện dây khuyến nghị: 2 x 2,5 - 3,0mm²
- Đóng gói: 10 cái/dây, 100 cái/thùng

*** Dự kiến có hàng 11.2026 — **19.000**

ĐUI ĐÈN E27



NAE2790WM1 - Màu trắng, kèm vít — **11.000**
NAE2790W / NAE2790WM - Màu trắng — **10.000**
NAE2790BK - Màu đen — **10.000**
- Đui đèn E27 loại 90°
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



NAE2727W / NAE2727WM - Màu trắng — **10.000**
NAE2727BK / NAE2727BKM - Màu đen — **10.000**
- Đui đèn E27 loại di động
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



NAE2720W / NAE2720WM - Màu trắng — **12.500**
NAE2720BK / NAE2720BKM - Màu đen — **12.500**
- Đui đèn E27 loại di động có dây dài 20cm
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



NAE2745WM1 - Màu trắng, kèm vít — **11.000**
NAE2745W / NAE2745WM - Màu trắng — **10.000**
NAE2745BK - Màu đen — **10.000**
- Đui đèn E27 loại nghiêng 45°
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



NAE4590WM1 - Màu trắng, kèm vít — **13.500**
NAE4590WM - Màu trắng — **11.500**
- Đui đèn E27 xoay đa năng
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng

PHÍCH CẮM - Ổ CẮM SIÊU TẢI

20A 250V
MAX 5000W
AN TOÀN TIỆN LỢI

ĐẠT CHUẨN QCVN25:2025/BKHCN
VỎ NHỰA PC CHỐNG CHÁY
ĐUÔI PVC CHỐNG GẬP GÃY
CHÂN CẮM HỢP KIM ĐỒNG
KẸP ĐỊNH VỊ DÂY ĐIỆN
CHỊU VA ĐẬP

CẦU DAO CÁCH LY



Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)

NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	**380.000**
NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	**400.000**
NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	**500.000**
NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	**520.000**
NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	**480.000**
NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	**500.000**
NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	**620.000**
NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	**640.000**
NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	**550.000**
NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	**580.000**
NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	**700.000**
NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	**750.000**

BÚT THỬ ĐIỆN

An toàn, tiện lợi



NEP1501
- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vắt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng

19.500



NEP1201 - Bút thử điện đa năng
- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Đèn chỉ thị, đèn LED chiếu sáng, pin AG3-1.5V
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/blister, 10 cái/hộp

51.000



NEP7250 - Bút thử điện đa năng
- Dễ dàng thấy đèn báo ngay cả trong ánh sáng tự nhiên
- Công nghệ 2 đèn báo LED 2 màu thông minh
- Nhựa chống rơi, kín nước IP66
- Kiểm tra điện cảm ứng khoảng cách 30 – 60 mm
- Đầu bút hợp kim titan bền bỉ
- Điện áp kiểm tra 70V – 250V (AC-DC)
- Đóng gói: 1 cái/blister, 10 cái/hộp

33.000



NEP1502
- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vắt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng

19.500



NEP1202 - Bút thử điện đa năng
- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/blister, 20 cái/hộp

24.000

CÔNG TẮC THẺ



NCS7001
- Công tắc thẻ (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch -20A - 250V
- Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng

840.000

Ổ CẮM CÓ DÂY

Đạt tiêu chuẩn: IEC 60884-1:2002 ***An toàn và tiện lợi***



NES5215-3 - *Dây 3m* **185.000**
NES5215-5 - *Dây 5m* **222.000**
- Công suất 15A - 250V ~ 3750W
- Loại 5 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3332-3 - *Dây 3m* **235.000**
NES3332-5 - *Dây 5m* **280.000**
- Công suất 15A - 250V ~ 3750W
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES43415-3 - *Dây 3m* **252.000**
NES43415-5 - *Dây 5m* **300.000**
- Công suất 15A - 250V ~ 3750W
- Loại 4 ổ cắm đa năng + 4 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES4213-3S1 - *Dây 3m* **115.000**
NES4213-5S1 - *Dây 5m* **140.000**
- Công suất 10A - 250V ~ 2500W
- Loại 4 ổ 2 chấu + 1 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES332U-3 - *Dây 3m* **285.000**
NES332U-5 - *Dây 5m* **340.000**
- Công suất 15A - 250V ~ 3750W, USB 2.1A
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 2 USB + 2 công tắc
- Đèn báo chuyển sang màu xanh khi sạc đầy
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3320-5 - *Dây 5m* **248.000**
- Công suất 20A - 250V ~ 5000W
- Nhựa chịu nhiệt cao
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
- Dùng cho nồi lẩu, bếp điện
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3332-3S1 - *Dây 3m* **145.000**
NES3332-5S1 - *Dây 5m* **175.000**
- Công suất 10A - 250V ~ 2500W
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng

NHỰA CHỐNG CHÁY
TIẾP ĐIỂM HỢP KIM ĐỒNG
CÔNG TẮC ĐÈN LED
MÀN CHE AN TOÀN
CHỊU LỰC CHỐNG VA ĐẬP
RƠLE BẢO VỆ QUÁ NHIỆT
DÂY ĐIỆN DÀI 3-5M





NES232C1A-2 NEW Ổ Cắm Có Dây Để Bàn
- Công nghệ sạc nhanh GaN 45W
- Tích hợp chip thông minh
- Tương thích với tất cả laptop
- 250V ~ 50/60Hz; 10A; max 2500W
- 2 Cổng sạc type C + 1 Cổng sạc type A max 45W
- 2 Ổ cắm đa năng cắm được phích kích thước lớn
- Vỏ nhựa chống cháy chuẩn V0
- Tiếp điểm đồng chất lượng cao
- Công tắc độ bền cao lên đến 15.000 lần nhấn
- Bảo vệ chống quá tải
- Màn che an toàn
- Dây điện dài 2m
- Đế chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hộp treo, 5 cái/thùng

699.000

GaN 45W — CÔNG NGHỆ SẠC NHANH
TÍCH HỢP CHIP THÔNG MINH
V0 — VỎ NHỰA CHỐNG CHÁY
Cu — TIẾP ĐIỂM ĐỒNG
TƯƠNG THÍCH TẤT CẢ LAPTOP
ĐẾ CHỐNG TRƯỢT
MÀN CHE AN TOÀN
BẢO VỆ QUÁ TẢI

POWER, JUST FASTER
TURBO POWER ENGINE

CÔNG NGHỆ SẠC NHANH

TỰ ĐỘNG NHẬN BIẾT THIẾT BỊ ĐỂ ĐƯA RA TỐC ĐỘ SẠC NHANH NHẤT CÓ THỂ!





NES432C1A-2 NEW Ổ Cắm Có Dây Thông Minh
- Công nghệ sạc nhanh GaN 45W
- Tích hợp chip thông minh
- Màn hình hiển thị LED thông minh
- Tương thích với tất cả laptop
- 250V ~ 50/60Hz; 10A; max 2500W
- 2 Cổng sạc type C + 1 Cổng sạc type A max 45W
- 4 Ổ cắm đa năng cắm được phích kích thước lớn
- Vỏ nhựa chống cháy chuẩn V0
- Công tắc hẹn giờ từ 1h - 24h
- Tiếp điểm đồng chất lượng cao
- Bảo vệ chống quá tải
- Màn che an toàn
- Dây điện dài 2m
- Đế chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hộp treo, 5 cái/thùng

879.000

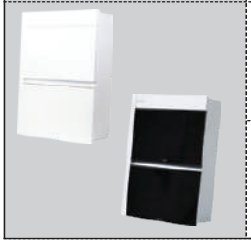
CÔNG TẮC HẸN GIỜ 24H
LED — MÀN HÌNH HIỂN THỊ
TỰ ĐỘNG NGẮT ĐIỆN

TỦ ĐIỆN - Đạt tiêu chuẩn IEC60439-1:2004

** Thanh lược đồng cho tủ điện đạt tiêu chuẩn IEC60439-2:2005*

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	NDP104P-1	Mặt - đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	99.000
	NDP104.	Mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	115.000
	NDP108P-1	Mặt - đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	155.000
	NDP108.	Mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	176.000
	NDP110.	Mặt - đế kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	270.000
	NDP114.	Mặt - đế kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	330.000
	NDP120.	Mặt - đế kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	550.000
	NDP126.	Mặt - đế kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	790.000
	NDP128.	Mặt - đế kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	895.000



NEW Hình ảnh	Mã sản phẩm	Mặt	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	NDB104P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	2 - 4	215 x 130 x 80	1 cái/ hộp 5 cái/đai	165.000
	NDB104PB	Kính					
	NDB108P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	4-8	215 x 215 x 80	1 cái/ hộp 5 cái/đai	270.000
	NDB108PB	Kính					
	NDB112P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	8 - 12	215 x 290 x 85	1 cái/hộp	410.000
	NDB112PB	Kính					
	NDB116P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	12 - 16	215 x 360 x 85	1 cái/hộp	510.000
	NDB116PB	Kính					
	NDB124P	Trắng	Mặt nhựa - Đế kim loại	16 - 24	415 x 300 x 95	1 cái/hộp	960.000
	NDB124PB	Kính					

ĐẦU BÁO CHÁY NEW



- Điện áp: 3V (pin lithium tích hợp, không thể thay thế)
- Nguyên lý hoạt động: Quang điện
- Âm lượng báo động: ≥ 85dB trong 3m
- Độ nhạy: 0,08 ~ 0,16 dB/m
- Dòng báo động: ≤ 50mA
- Dòng tĩnh: ≤ 7μA
- Nhiệt độ hoạt động: 0°C ~ 50°C
- Độ ẩm tối đa: 95%RH
- Tuổi thọ pin 10 năm



NSA08
- Thiết Bị Báo Cháy Không Dây Độc Lập
- Có chế độ báo pin yếu hoặc thiết bị có sự cố kỹ thuật
- Kích thước sản phẩm: Φ100 × H33,8mm
- Đóng gói: 1 cái/hộp, 50 cái/thùng

310.000



NSA08W
- Thiết Bị Báo Cháy Không Dây Độc Lập Kết Nối Wifi
- Có chế độ báo pin yếu hoặc thiết bị có sự cố kỹ thuật
- Kích thước sản phẩm: Φ113,5 × H47mm
- Đóng gói: 1 cái/hộp, 50 cái/thùng

Chức năng WiFi
- Điện áp: 3V
- Pin thay thế: 2 viên pin AA 3V
- Dòng tĩnh: ≤ 8 μA
- Dòng báo động: ≤ 80 mA
- Tần số: 2.4 GHz
- Hỗ trợ: 802.11 b/g/n
- Kênh hỗ trợ: CH1 ~ CH13
- Tương thích hệ điều hành: Android và iOS

ĐIỀU KHIỂN QUA APP

899.000

CHUÔNG BÁO CẢM BIẾN KHÔNG DÂY



NJX378



- Chuông báo cảm biến không dây
- DC 4,5V/ Max 0,5W
- Báo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Báo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa- nhỏ), 70 dB - 110 dB
- Vùng cảm biến: 4 - 8m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA; Có thể kết nối thêm với chuông ND1561/ND1571
- Đóng gói: 1 bộ/vỉ treo; 10 bộ/ thùng

330.000

NJX379-156



- Chuông báo cảm biến không dây kèm chuông điện báo xa đến 150m
- 110V - 240V/ Max 0,5W
- Báo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Báo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa- nhỏ), 70 dB - 110 dB
- 3 mức cảm biến: OFF, LOW ≤ 4m, HIGH ≤ 10m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA
- Đóng gói: 1 cái/vỉ treo, 10 bộ/thùng

550.000

CHUÔNG ĐIỆN KHÔNG DÂY



ND156 - Đóng gói hộp
ND1561 - Đóng gói vỉ treo



ND157 - Đóng gói hộp
ND1571 - Đóng gói vỉ treo



- Bộ chuông điện không dây
- 110V - 220V/ Max 0,5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn - vừa- nhỏ - im lặng), 0dB - 110dB
- Hoạt động lên đến 300m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông cảm ứng NDT15
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông
- Đóng gói: 1 bộ/vỉ treo; 10 bộ/thùng

340.000



NDT15



- Nút chuông cảm ứng
- Dùng cho chuông ND156/ ND157
- Pin CR2032 3V
- IP44, cảm ứng 1 lần chạm
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông ND156/157
- Đóng gói: 1 cái/hộp; 100 cái/thùng

140.000



ND153W



ND153BK



- Bộ chuông điện không dây không dùng pin
- 110V - 240V/ Max 0,5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn-vừa-nhỏ-im lặng), 0dB - 110dB
- Hoạt động lên đến 150m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông NDT153W/BK
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông
- Đóng gói: 1 bộ/vỉ treo, 10 bộ/ thùng

370.000



NDT153W **NDT153BK**



- Nút chuông không dùng pin
- Dùng cho ND153BK/ ND153W
- Có thể lắp ngoài trời
- Độ bền đến 100,000 lần nhấn
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông ND153W/BK
- Đóng gói : 1 cái/hộp, 100 cái/thùng

170.000

ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG TRÒN



R O Y G B W

Ống luồn dây điện dạng tròn

Mã sản phẩm		Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Lực nén (N)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ ống (cây)	
						Trắng	Màu
FPC16L	FPC16LM	Ø16	1,25 ± 0,1	320	50	22.000	
FPC16L1					25		
FPC20L	FPC20LM	Ø20	1,3 ± 0,1	320	50	29.000	
FPC20L1					25		
FPC25L	FPC25LM	Ø25	1,4 ± 0,1	320	25	42.000	
FPC32L		Ø32	1,75 ± 0,1	320	20	67.000	
FPC16H		Ø16	1,55 ± 0,1	1.250	50	31.000	
FPC20H		Ø20	1,7 ± 0,1	1.250	50	41.000	
FPC25H		Ø25	2,0 ± 0,1	1.250	25	59.000	
FPC32H		Ø32	2,1 ± 0,1	1.250	20	111.000	
FPC40H		Ø40	2,3 ± 0,1	1.250	10	146.000	
FPC50H		Ø50	2,65 ± 0,1	1.250	10	193.000	
FPC16	FPC16M	Ø16	1,35 ± 0,1	750	50	25.000	28.000
FPC161					25		
FPC20	FPC20M	Ø20	1,4 ± 0,1	750	50	33.000	36.000
FPC201					25		
FPC25	FPC25M	Ø25	1,45 ± 0,1	750	25	48.000	53.000
FPC32		Ø32	1,85 ± 0,1	750	20	74.000	81.000

Ghi chú: Chiều dài 2,92m/ cây

ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG XOẮN

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BS EN 61386-22:2004 + A11:2010

	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
PVC 	FRG16W FRG16WM	16mm (50m/cuộn)	170.000
	FRG20W FRG20WM	20mm (50m/cuộn)	245.000
	FRG25WS FRG25WSM	25mm (40m/cuộn)	255.000
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	299.000
PVC 	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	199.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	285.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	305.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	310.000

	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
Ống xoắn HDPE Trắng/ Xám 	FRG16PE/ PE3	16mm (50m/cuộn)	153.000
	FRG20PE/ PE3	20mm (50m/cuộn)	220.000
	FRG25PE/ PE3	25mm (40m/cuộn)	229.000
	FRG32PE/ PE3	32mm (25m/cuộn)	269.000



NẸP LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG VUÔNG



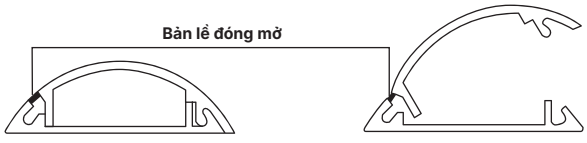
Mã sản phẩm		Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNV1715	NNV1715M	15x9	0,7 ± 0,1	1,7	50	9.000
NNV1720	NNV1720M	20x10	0,7 ± 0,1	1,7	50	11.400
NNV1725	NNV1725M	25x14	0,9 ± 0,1	1,7	50	17.400
NNV1730	NNV1730M	30x16	1,0 ± 0,1	1,7	50	21.000
NNV1740	NNV1740M	40x18	1,2 ± 0,1	1,7	25	32.600
NNV1750	NNV1750M	50x35	1,4 ± 0,1	1,7	10	70.000
NNV1760		60x40	1,5 ± 0,1	1,7	6	88.000
NNV1780		80x60	1,7 ± 0,1	1,7	6	143.000
NNV17100		100x60	1,8 ± 0,1	1,7	6	209.000
NNV2015		15x9	0,7 ± 0,1	2,0	50	10.500
NNV2020		20x10	0,7 ± 0,1	2,0	50	13.500
NNV2025	NNV2025M	25x14	0,9 ± 0,1	2,0	50	20.800
NNV2030		30x16	1,0 ± 0,1	2,0	50	24.800
NNV2040		40x18	1,2 ± 0,1	2,0	25	38.000
NNV2050		50x35	1,4 ± 0,1	2,0	10	83.000
NNV2060		60x40	1,5 ± 0,1	2,0	6	104.000
NNV2080		80x60	1,7 ± 0,1	2,0	6	165.000
NNV20100		100x60	1,8 ± 0,1	2,0	6	248.000

NẸP BÁN NGUYỆT NEW



*** Dự kiến có hàng 11.2026





Mã sản phẩm	Kích thước RxC (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNB1230	30 x 12	1,6	1,2	40	52.000
NNB1240	40 x 15	1,8	1,2	25	78.000
NNB1260	60 x 18	2,0	1,2	12	114.000
NNB1280	80 x 20	2,2	1,2	10	170.000
NNB12100	100 x 22	2,5	1,2	10	207.000

** Không bao gồm băng keo dán trên sản phẩm*

PHỤ KIỆN PVC

Khớp nối trơn



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA0116	Khớp nối trơn Ø16 Đóng gói: 100 cái/thùng	840
NPA0120 NPA0120M	Khớp nối trơn Ø20 Đóng gói: 200 cái/thùng	1.200
NPA0125 NPA0125M	Khớp nối trơn Ø25 Đóng gói: 100 cái/thùng	1.900
NPA0132	Khớp nối trơn Ø32 Đóng gói: 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.500
Nano FPA0140	Khớp nối trơn Ø40 Đóng gói: 30 cái/bao	9.500
Nano FPA0150	Khớp nối trơn Ø50 Đóng gói: 20 cái/bao	13.000

T nối



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao; 1.000 cái/thùng	2.000
NPA0420	T nối cho ống Ø20 Đóng gói: 50 cái/bao; 400 cái/thùng	3.900
NPA0425	T nối cho ống Ø25 Đóng gói: 25 cái/bao; 250 cái/thùng	5.800
NPA0432	T nối cho ống Ø32 Đóng gói: 15 cái/bao; 150 cái/thùng	8.100
Nano FPA0440	T nối cho ống Ø40 Đóng gói: 10 cái/bao	14.500
Nano FPA0450	T nối cho ống Ø50 Đóng gói: 10 cái/bao	17.000

T nối có nắp Nano



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói: 25 cái/bao	9.500
FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói: 10 cái/bao	15.000
FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói: 10 cái/bao	18.000

Hộp nối 1 ngã



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	7.000
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.600
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	8.100
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.500

Hộp nối 2 ngã thẳng



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	7.000
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.600
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	8.100
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.500

Hộp nối 2 ngã vuông



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	7.000
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.600
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	8.100
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.500

Hộp nối 3 ngã



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	7.000
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.600
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	8.100
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.500

Hộp nối 4 ngã



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	7.000
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.600
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	8.100
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32	10.500

Nắp đậy hộp nối tròn



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA2620	Nắp đậy hộp nối tròn, vít Đóng gói: 60 cái/bao, 1.500 cái/thùng	2.100
NPA2720F	Nắp đậy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói: 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.500

Kẹp đỡ ống



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói: 100 cái/bao, 3.000 cái/thùng	950
NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói: 100 cái/bao, 3.000 cái/thùng	1.200
NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói: 100 cái/bao, 2.000 cái/thùng	2.000
NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói: 100 cái/bao,1.000 cái/thùng	3.000
Nano FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói: 50 cái/bao	5.000

Đầu và khớp nối ren



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA02162	Đầu và khớp nối ren Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao, 1.200 cái/thùng	3.300
NPA02202	Đầu và khớp nối ren Ø20 Đóng gói: 100 cái/bao, 1.000 cái/thùng	3.500
NPA02252	Đầu và khớp nối ren Ø25 Đóng gói: 50 cái/bao, 500 cái/thùng	4.000
NPA02322	Đầu và khớp nối ren Ø32 Đóng gói: 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.300

Co nối



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao - 1.500 cái/thùng	1.500
NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói: 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.300
NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói: 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.500
NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói: 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.800
Nano FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói: 20 cái/bao	13.000
Nano FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói: 15 cái/bao	17.800

Co nối có nắp Nano



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co nối có nắp Ø20 Đóng gói: 50 cái/bao	6.000
FPA0325C	Co nối có nắp Ø25 Đóng gói: 40 cái/bao	10.500
FPA0332C	Co nối có nắp Ø32 Đóng gói: 20 cái/bao	16.000

Đầu nối ống mềm PVC Nano



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao	13.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói: 100 cái/bao	17.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói: 50 cái/bao	25.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói: 50 cái/bao	39.000

Đầu giảm Nano



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16 Đóng gói: 100 cái/bao	1.700
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20 Đóng gói: 100 cái/bao	2.600
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25 Đóng gói: 50 cái/bao	4.100
FPA4032	Đầu giảm 40 - 32 Đóng gói: 40 cái/bao	8.100
FPA5040	Đầu giảm 50 - 40 Đóng gói: 30 cái/bao	10.200

Lò xo uốn ống



Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
FLXUO16M2	Lò xo uốn ống Ø16	53.000
FLXUO16L	Lò xo uốn ống Ø16	
FLXUO20M2	Lò xo uốn ống Ø20	79.000
FLXUO25M2	Lò xo uốn ống Ø25	92.000
FLXUO25L	Lò xo uốn ống Ø25	
FLXUO32M2	Lò xo uốn ống Ø32	137.000
FLXUO32L	Lò xo uốn ống Ø32	

Chỉ sử dụng cho ống 320N và ống 750N

PHỤ KIỆN DÙNG CHO HB



NS80/ NS801
Đai sắt dùng cho HB
(Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)
Frame for HB
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
9.000



NN81/ NN81M
Đai nhựa dùng cho HB
(Dùng cho WEVH68030 và WEV68030SW)
Frame for HB
Đóng gói: 100 cái/thùng
4.000



NHB9801/ NHB9801M
Hộp nổi dùng cho HB
Mounting surface plate for HB
Đóng gói: 100 cái/thùng
8.000



NBD9802
Hộp nổi dùng cho CB 2 tép
Mounting surface plate for MCB 2P
Kích thước: 121x54x69,47mm
Đóng gói: 30 cái/thùng
18.000

HỘP NỐI DÂY



NPA10050V
Hộp nối dây 100x100x50mm
Wiring box
Đóng gói: 30 cái/thùng
22.000



NPA12050V
Hộp nối dây 120x120x50mm
Wiring box
Đóng gói: 30 cái/thùng
27.000



NPA15055V
Hộp nối dây 150x150x55mm
Wiring box
Đóng gói: 20 cái/thùng
39.000



NPA20065V/ NPA20065VM
Hộp nối dây 200x200x65mm
Wiring box
Đóng gói: 10 cái/thùng
68.000



NPA103V
Hộp nối dây tròn 90x90x40mm
Round junction box
Đóng gói: 60 cái/thùng
12.000

MẶT THIẾT BỊ

NB9601
Nắp kín đơn
Wiring box lid - 1 gang
Đóng gói: 20 cái/hộp, 500 cái/thùng
6.000

NB9602
Nắp kín đôi
Wiring box lid - 2 gangs
Đóng gói: 10 cái/hộp, 400 cái/thùng
8.000



NA105-N
Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Wiring box lid - BS Standard
Đóng gói: 50 cái/bao, 700 cái/thùng
3.000

Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nổi, hộp nối dây đều có kèm vít

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔI



NBD200
Hộp âm cho CB tép
Wiring box for MCB
Kích thước: 115x66x58mm
Đóng gói: 20 cái/thùng
9.000



NA101TM - kèm vít 6.200
NA101TM1 - bắt vít 6.600
Hộp âm đơn
Wiring box - 1 gang
Kích thước: 106x64x43mm
Đóng gói: 100 cái/thùng



NA102T/ NA102TM - kèm vít 10.500
NA102T1/ NA102TM1 - bắt vít 11.200
Hộp âm đôi
Wiring box - 2 gang
Kích thước: 109x103x44mm
Đóng gói: 60 cái/thùng



NA105
Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Wiring box - BS Standard
Kích thước: 80x80x42,5mm
Đóng gói: 100 cái/thùng
6.200

NEW

HỘP ÂM ĐƠN VUÔNG
GHÉP NỐI

CHỊU LỰC CHỐNG VA ĐẬP
NHỰA CHỐNG CHÁY





NA1051
Hộp âm đơn vuông ghép nối chống cháy chuẩn BS
Wiring box - BS Standard
Kích thước: 85x85x50mm
Đóng gói: 100 cái/thùng
8.500



NA106
Hộp âm dùng cho ổ cắm máy cạo râu
(Dùng cho WEB1051W)
Wiring Box (Compatible with Shaver Socket)
Kích thước: 135x75,6x58mm
Đóng gói: 40 cái/thùng
18.000



NPCA104
Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
Wiring box - 2 gang
Kích thước: 131x106x42,5mm
Đóng gói: 50 cái/thùng
10.500



NN101FM - Full/ NN101WM - Wide
Hộp nổi đơn
Surface box
Kích thước: 120x70x35mm
Đóng gói: 100 cái/thùng
10.500



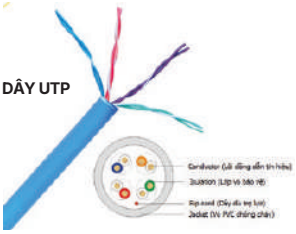
NN102FM - Full/ NN102WM - Wide
Hộp nổi đôi
Duplex surface box
Kích thước: 120x115x35mm
Đóng gói: 60 cái/thùng
16.000



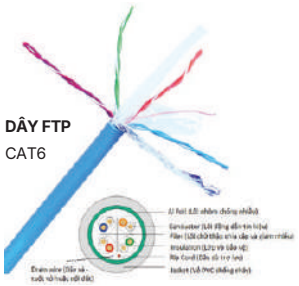
NN105
Hộp nổi đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Surface box - BS Standard
Kích thước: 86x86x35,2mm
Đóng gói: 100 cái/thùng
9.000

DÂY CÁP MẠNG

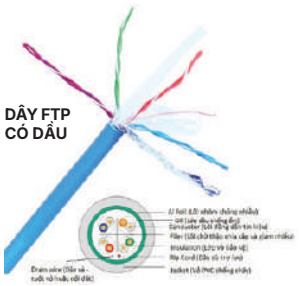
DÂY UTP



DÂY FTP
CAT6

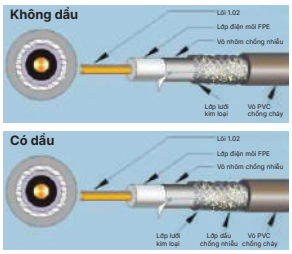


DÂY FTP
CÓ DẤU



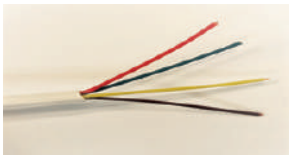
Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây dù trợ lực	Vỏ PVC chịu nhiệt (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10W Trắng	Cat5e UTP 0.50mm 4 Pairs **10% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0,50 CCA	PE 0,91	Có	PVC 5,1	**910.000**
NC5E-F10B Xanh **NC5E-F10W** Trắng	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu **10% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0,51 CCA	PE 1,00	Có	PVC 5,1	**1.130.000**
NC5E-F100B Xanh **NC5E-F100W** Trắng	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu **100% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305 m/cuộn	0,51 BC	PE 1,00	Có	PVC 5,1	**4.200.000**
NC5E-F100BO Xanh **NC5E-F100WO** Trắng	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, **có dầu, 100% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0,51 BC	PE 1,00	Có	PVC 5,1	**4.600.000**
NC6-U10W Trắng	CAT6 UTP 0.57 mm 4 Pairs **10% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0.57 CCA ±0,01 mm	PE 1,02	Có	PVC 6	**1.240.000**
NC6-F10B Xanh **NC6-F10W** Trắng	CAT6 FTP 0.57 mm 4 Pairs chống nhiễu **10% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0.57 CCA ±0,01 mm	PE 1,00	Có	PVC 6,6	**1.580.000**
NC6-F100B Xanh **NC6-F100W** Trắng	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **100% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	**5.440.000**
NC6-F100BO Xanh **NC6-F100WO** Trắng	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **Có dầu - 100% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	**5.770.000**

DÂY CÁP ĐỒNG TRỤC



Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu, chịu nhiệt	Khoảng cách hoạt động	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 80x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	**750.000**
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	**860.000**
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - **có dầu** Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	**1.050.000**
NRG6-961	RG6 - lõi Cu 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1,02 100% Đồng	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	~100m	**1.420.000**

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BÁO CHÁY



Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Lớp vỏ bảo vệ	Vỏ PVC	Giá lẻ (cuộn)
NTV405BK Đen **NTV405W** Trắng	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn	0,5 CCA	HDPE	PVC	**570.000**

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

- Độ bám dính >0,35 Kgf/25mm
- Điện áp đánh thủng >5kV



Xuất xứ Đài Loan

Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPT10	10YDS	**94.000/cây**
FKPT20	20YDS	**164.000/cây**

Đóng gói: 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng



Xuất xứ PRC



Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPC10	10YDS	**66.000/cây**
FKPC20	20YDS	**120.000/cây**

Đóng gói: 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP

Ổ cắm âm có nắp (IP54) - Outlet socket (IP54)



NIS105-0B
16A - 2P - 230V - IP54 — 60.000

Ổ cắm chia 3 ngã



NIS9432000
16A - 3P - 230V - 6H - IP44 — 400.000

Ổ cắm gắn nổi loại không kín nước (IP44) - Wall socket (IP44)



NIS113-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
NIS114-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS115-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	120.000
NIS123-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	120.000
NIS124-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	135.000
NIS125-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44)
Flanged socket straight (IP44)



NIS313-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
NIS314-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS315-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS323-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	130.000
NIS324-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	140.000
NIS325-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000

Phích cắm di động loại kín nước (IP67) - Plug (Watertight IP67)



NIP0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
NIP0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	175.000
NIP0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	205.000
NIP0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
NIP0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
NIP0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	295.000



NIP033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	495.000
NIP034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	550.000
NIP035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	600.000
NIP043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	990.000
NIP044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.380.000
NIP045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67) - Connector (Watertight IP67)



NIS2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	210.000
NIS2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
NIS2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
NIS2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	300.000
NIS2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	330.000
NIS2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	370.000



NIS233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	600.000
NIS234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	660.000
NIS235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	740.000



NIS243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.200.000
NIS244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.320.000
NIS245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm gắn nổi loại kín nước (IP67) - Wall socket (Watertight IP67)



NIS1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	250.000
NIS1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	270.000
NIS1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
NIS1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
NIS1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	350.000
NIS1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000



NIS133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	540.000
NIS134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	600.000
NIS135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	660.000



NIS143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.250.000
NIS144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.450.000
NIS145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.580.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44)- Plug (IP44)



NIP013-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	70.000
NIP014-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	85.000
NIP015-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	100.000
NIP023-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	110.000
NIP024-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	120.000
NIP025-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) - Connector (IP44)



NIS213-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	95.000
NIS214-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	115.000
NIS215-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	130.000
NIS223-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	145.000
NIS224-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	165.000
NIS225-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	185.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44)
Flanged socket sloping (IP44)



NIS413-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	100.000
NIS414-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	130.000
NIS415-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000
NIS423-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	170.000
NIS424-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	180.000
NIS425-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	190.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)



NIS4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
NIS4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	185.000
NIS4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	200.000
NIS4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
NIS4242-6F78	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	290.000
NIS4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	340.000
NIS433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
NIS434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
NIS435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	510.000



NIS443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	980.000
NIS444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.150.000
NIS445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.250.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước (IP67)
Container - Plug and Socket (Watertight IP67)



Phích cắm - Plug

NIP0242-3V - 32A - 4P - 400V - 3H - IP67 — 215.000



Ổ cắm nổi - Wall socket

NIS1242-3V - 32A - 4P - 400V - 3H - IP67 — 490.000



Ổ cắm nối - Connector

NIS2242-3V - 32A - 4P - 400V - 3H - IP67 — 260.000



Ổ cắm gắn âm dạng thẳng
Flanged socket straight

NIS3242-3V - 32A - 4P - 400V - 3H - IP67 — 320.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)
Flanged socket straight (Watertight IP67)



NIS3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	230.000
NIS3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
NIS3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
NIS3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
NIS3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	340.000
NIS3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	360.000
NIS333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	380.000
NIS334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	490.000
NIS335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	550.000



NIS343-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	900.000
NIS344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.180.000
NIS345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.320.000

QUẠT ĐỨNG

NEF1499P

*Động cơ BLDC

Giảm tiếng ồn cho động cơ được vận hành êm ái, đồng thời tiết kiệm điện sử dụng.

*4 chế độ gió linh hoạt

Tùy thuộc nhu cầu sử dụng, bạn có thể chọn chế độ gió và tận hưởng phút thư giãn trọn vẹn.

*Màu sắc trang nhã

Tông màu tinh tế, nhẹ nhàng phù hợp với mọi phong cách nội thất, từ đơn giản đến sang trọng.



- QUẠT HÚT
- QUẠT TRẦN
- QUẠT ĐIỆN
- QUẠT SẠC

QUẠT HÚT SIÊU MỎNG

Ưu việt về thiết kế

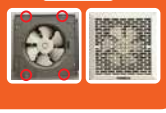
Thiết kế góc côn gió từ các hướng dễ đi vào. Bầu gió có đường kính lớn và sâu làm tăng lưu lượng gió, giảm ồn.



Mặt lưới có khoảng không lớn, giúp gió dễ dàng lưu thông



Vít bắt thân quạt phía trong mặt lưới
→ Tính thẩm mỹ cao



Đa dụng cho cả tường và trần mỏng



An toàn và tiện lợi

Hộp điện có Domino tiện dụng cho đấu nối dây



Lỗ tản nhiệt động cơ lớn
→ Làm nguội động cơ nhanh, tăng hiệu suất làm việc



Chắc chắn, ổn định và bền bỉ

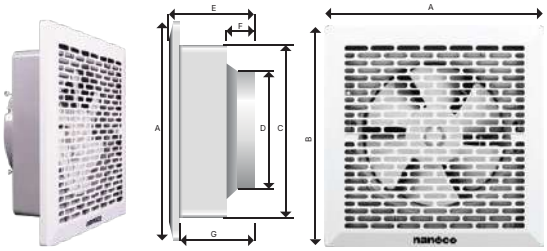
Kết cấu giữ motor có 5 xương keo

Hộp điện có Domino tiện dụng cho đấu nối dây



Tán cánh cố định cánh chắc chắn
→ Không đảo cánh khi bị sinh nhiệt





NMV1523
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 12W
- Lưu lượng gió: 185 m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 150 x 150mm
- Độ ồn: <50dBA
- Diện tích đề xuất: 8m² - 26m²

375.000

NMV2023
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 20W
- Lưu lượng gió: 265 m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 200 x 200mm
- Độ ồn: <50dBA
- Diện tích đề xuất: 11m² - 37m²

420.000

NMV2523
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 24W
- Lưu lượng gió: 400m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 250 x 250mm
- Độ ồn: <50dBA
- Diện tích đề xuất: 17m² - 56m²

490.000

Model	A	B	C	D	E	F	G
NMV1523	205	205	150	119	95	35	85
NMV2023	255	255	200	138	99.8	33	87.8
NMV2523	305	305	250	175	101.5	33.5	88.5

QUẠT HÚT ÂM TRẦN LỒNG SÓC

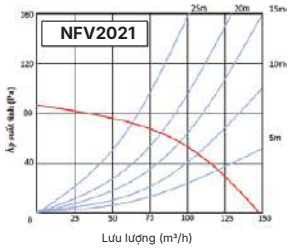






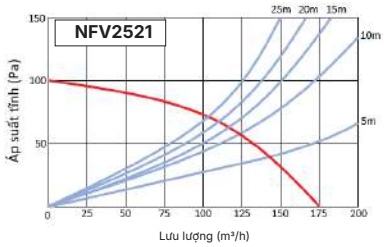
NFV2021
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 12,5W
- Cánh lồng sóc
- Lưu lượng gió: 145m3/h
- Kích thước lỗ khoét: 200 x 230mm
- Độ ồn: <45dBA
- Kích thước ống dẫn: ϕ100mm hoặc ϕ110mm
- Diện tích đề xuất: 6m² - 20m²

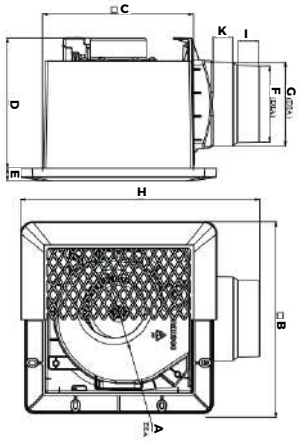
670.000



NFV2521
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Cánh lồng sóc
- Lưu lượng gió: 175m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 250 x 280mm
- Độ ồn: <45dBA
- Kích thước ống dẫn: ϕ100mm hoặc ϕ110mm
- Diện tích đề xuất: 8m² - 26m²

840.000

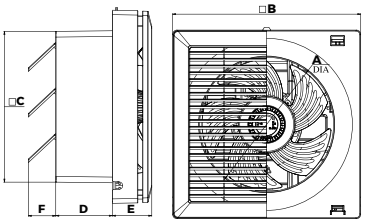




Model	Kích thước (mm)									
	A	B	C	D	E	F	G	H	I	K
NFV2021	78	250	191	166	16	98	108	305	28	28
NFV2521	116	305	242	183	17	98	108	357	28	28

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG 1 CHIỀU





NWV1520
- Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 252m³/h - Độ ồn <50dBA
- Kích thước lỗ khoét: 200 x 200mm
- Diện tích đề xuất: 11m² - 35m²

610.000

Model	Kích thước (mm)					
	A	B	C	D	E	F
NWV1520	160	260	190	90	62	30
NWV2020	210	302	240	90	62	45
NWV2520	260	350	290	90	62	50

NWV2020
- Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 21W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 570m³/h - Độ ồn <50dBA
- Kích thước lỗ khoét: 250 x 250mm
- Diện tích đề xuất: 24m² - 79m²

680.000

NWV2520
- Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 31W
- Đường kính cánh: 25cm
- Lưu lượng gió: 888m³/h - Độ ồn <50dBA
- Kích thước lỗ khoét: 300 x 300mm
- Diện tích đề xuất: 37m² - 123m²

770.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT HÚT ÂM TRẦN

KHÔNG DÙNG ỐNG DẪN



NCV1520
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 252m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 210x210mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 11m² - 35m²

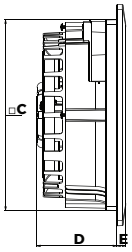
530.000

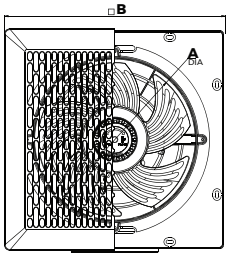


NCV2020
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 21W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 570m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 262x262mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 24m² - 79m²

580.000







Model	Kích thước (mm)					
	A	B	C	D	E	F
NCV1520	160	260	204	110	12	-
NCV2020	210	302	260	110	12	-

DÙNG ỐNG DẪN



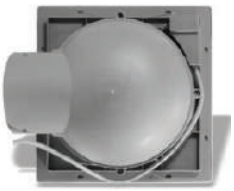
NCV1520-C
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 87,6m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 210x210mm
- Kích thước ống dẫn: Ø100mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 4m² - 12m²

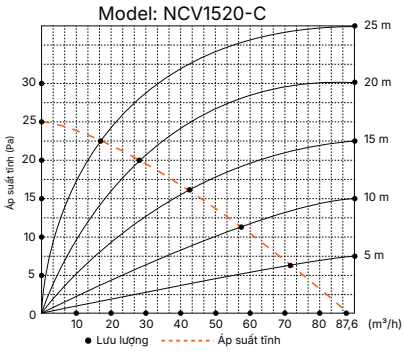
560.000

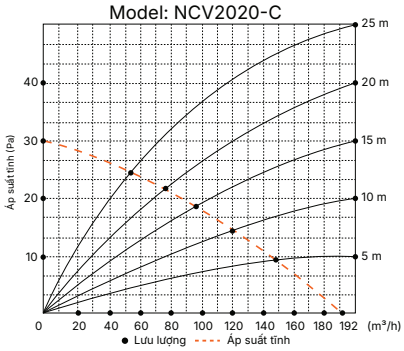


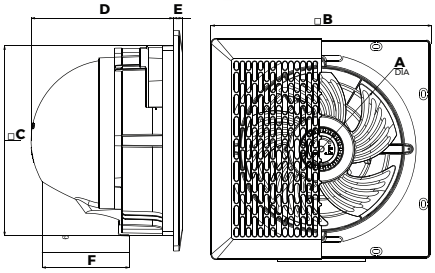
NCV2020-C
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 18W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 192m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 262x262mm
- Kích thước ống dẫn: Ø110mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 8m² - 27m²

620.000









Model	Kích thước (mm)					
	A	B	C	D	E	F
NCV1520-C	160	260	204	182	12	98
NCV2020-C	210	302	260	195	12	108

QUẠT HÚT NỐI ỐNG

NEW



Model	Điện áp (V/Hz)	Công suất (W)	Tốc độ vòng quay (RPM)	Lưu lượng gió (m³/h)	Áp suất tĩnh (Pa)	Độ ồn (dBA)	Kích thước ống nối (mm)	Cấp bảo vệ	Giá
NILV100	220/50	30	2700	280	130	<50	Ø100	IPX2	1.060.000
NILV125		40	2600	330	180	<60	Ø125		1.170.000
NILV150		70	2590	605	260	<65	Ø150		1.330.000
NILV200		150	2500	1550	331	<65	Ø200		1.780.000
NILV250		200	2530	1880	480	<70	Ø250		3.100.000

1. Nới lỏng đai xiết và tháo động cơ



2. Cố định giá đỡ



3. Kết nối ống dẫn gió



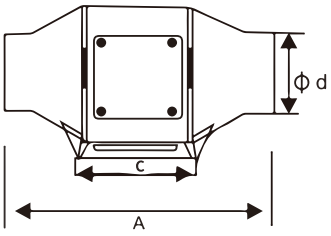


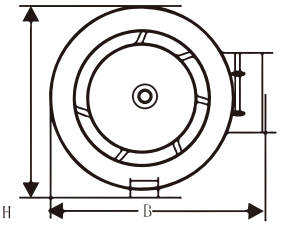
4. Lắp lại quạt





Model	A	B	Φ d	C	H
NILV100	225	170	95	120	150
NILV125	250	205	122	120	185
NILV150	310	220	145	130	210
NILV200	300	255	195	160	255
NILV250	380	300	245	215	290





QUẠT TRẦN 3 CÁNH - Ceiling Fan



NCF5631-GO (Vàng đồng - Chiều dài ti 40cm)
NCF5631-GOS (Vàng đồng - Chiều dài ti 30cm)



NCF5631-W (Trắng - Chiều dài ti 40cm)
NCF5631-WS (Trắng - Chiều dài ti 30cm)



NCF5631-K (Đen - Chiều dài ti 40cm)
NCF5631-KS (Đen - Chiều dài ti 30cm)



Hộp số lắp nổi hoặc lắp âm
(thay hộp đế âm)

- Điện áp sử dụng: 220V/ 50Hz
- Công suất: 80W
- Chất liệu cánh: Nhôm
- Có dây an toàn
- Đường kính cánh: 140cm
- Lưu lượng gió: 293 m³/min
- Động cơ AC - 5 cấp độ gió
- Hộp số có thể lắp âm (dùng hộp đế âm đơn mặt vuông)

1.630.000





NCF5231-PL (Vân gỗ - Chiều dài ti 37 và 47 cm)



NCF5231-WL (Trắng – Chiều dài ti 37 và 47cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 53W (Quạt: 35W, Đèn Led: 18W)
- 3 cánh – Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 132cm
- Có dây an toàn - điều khiển remote
- Động cơ BLDC - 06 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 274,73m³/min
- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt
- Trang bị 2 loại: móc treo và pad treo trong cùng 1 thùng quạt

3.500.000



NCF6031-K (Đen – Chiều dài ti 43cm)
NCF6031-KS (Đen – Chiều dài ti 33cm)



NCF6031-W (Trắng – Chiều dài ti 43cm)
NCF6031-WS (Trắng – Chiều dài ti 33cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 40W
- 3 cánh - Chất liệu nhựa PP-GF
- Đường kính cánh: 150cm
- Có dây an toàn - Điều khiển remote
- Động cơ BLDC - 9 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 300,76m³/min
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h - 6h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Tính năng tạo gió mạnh - turbo
- Chế độ sleep

2.230.000

QUẠT TRẦN 4 CÁNH - Ceiling Fan







NCF6041-K (Đen – Chiều dài ti 33cm)
NCF6041-KS (Đen – Chiều dài ti 23cm)



NCF6041-W (Trắng – Chiều dài ti 33cm)
NCF6041-WS (Trắng – Chiều dài ti 23cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 40W
- 4 cánh - Chất liệu nhựa PP-GF
- Đường kính cánh: 150cm
- Có dây an toàn - Điều khiển remote
- Động cơ BLDC - 09 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 301,98m³/min
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h - 6h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Tính năng tạo gió mạnh - turbo
- Chế độ sleep

2.770.000

QUẠT TRẦN 5 CÁNH - Ceiling Fan



NCF5653-WL (Trắng - Chiều dài ti 27cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 69W (Quạt: 45W, Đèn led: 24W)
- 5 cánh – Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 140cm
- Có dây an toàn
- Điều khiển remote
- Động cơ BLDC
- 6 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 312,75m³/min
- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ.
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên

3.850.000



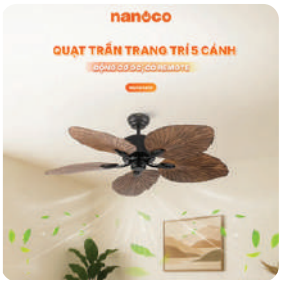
NCFD5252L (Vân gỗ - Chiều dài ti 37cm và 47cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 69W (Quạt: 45W, Đèn Led: 24W)
- 5 cánh – Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 132cm
- Có dây an toàn – Điều khiển remote
- Động cơ BLDC - 06 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 294,16m³/min
- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt
- Trang bị 2 loại: móc treo và pad treo trong cùng 1 thùng quạt

4.200.000



NCFD5251 (Vân gỗ – Chiều dài ti 34cm và 44cm)



- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 35W
- 5 cánh – Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 132cm
- Có dây an toàn - điều khiển remote
- Động cơ BLDC
- 06 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 258m³/min
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt

3.900.000



NCFD5658K (Đen– Chiều dài ti 41 cm và 51 cm)



- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 45W
- 5 cánh – Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 140cm
- Có dây an toàn - điều khiển remote
- Động cơ BLDC
- 06 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 304,75m³/min
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt
- Trang bị 2 loại móc treo trong cùng 1 thùng quạt

4.000.000



NCF6051-K (Đen – Chiều dài ti 33cm)
NCF6051-KS (Đen – Chiều dài ti 23cm)



NCF6051-W (Trắng – Chiều dài ti 33cm)
NCF6051-WS (Trắng – Chiều dài ti 23cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 40W
- 5 cánh - Chất liệu nhựa ABS-GF
- Đường kính cánh: 150cm
- Có dây an toàn - Điều khiển remote
- Động cơ BLDC - 09 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 314,94m³/min
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h - 6h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Tính năng tạo gió mạnh - turbo
- Chế độ sleep

4.200.000

NEW



NCFD5659P (Gỗ - Chiều dài ti 41 cm và 51 cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 45W
- 5 cánh – Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 140cm
- Có dây an toàn
- Điều khiển remote
- Động cơ BLDC
- 6 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 310,98 m³/min
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt.
- Trang bị 2 loại móc treo trong cùng 1 thùng quạt

5.400.000

QUẠT TRẦN 5 CÁNH - Ceiling Fan

NEW





NCF5259-PL (Màu vân gỗ – Chiều dài ti 20,5cm)



- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 69W (Quạt: 45W, Đèn Led: 24W)
- 5 cánh – Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 132cm
- Động cơ BLDC
- 06 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 302,76m³/min
- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 loại móc treo trong cùng 1 thùng quạt

* Dự kiến có hàng 11/2026

3.900.000

QUẠT TRẦN 6 CÁNH - Ceiling Fan



NCF5462-GL (Vàng đồng - Chiều dài ti 41,5cm và 51,5cm)



- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 69W (Quạt: 45W, Đèn led: 24W)
- 6 cánh – Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 137cm
- Có dây an toàn



NCF5462-SL (Bạc - Chiều dài ti 41,5cm và 51,5cm)

- Điều khiển remote
- Động cơ BLDC
- 6 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 298,45m³/min
- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ



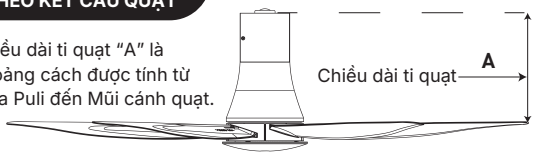
NCF5462-PL (Vân gỗ - Chiều dài ti 41,5cm và 51,5cm)

- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 loại móc treo trong cùng 1 thùng quạt
- Trang bị 2 loại ống ty trong cùng 1 thùng quạt

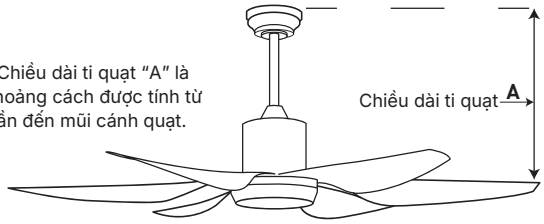
3.100.000

THEO KẾT CẤU QUẠT

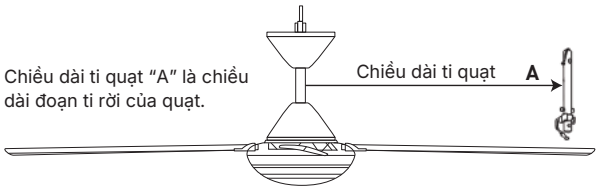
Chiều dài ti quạt "A" là khoảng cách được tính từ giữa Puli đến Mũi cánh quạt.



" Chiều dài ti quạt "A" là khoảng cách được tính từ trần đến mũi cánh quạt.



Chiều dài ti quạt "A" là chiều dài đoạn ti rời của quạt.



NEW



NCF6665-PL (Màu gỗ – Chiều dài ti 41.5cm và 51.5cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 89W (Quạt: 65W - Đèn LED: 24W)
- 6 cánh – Chất liệu cánh nhựa ABS
- Đường kính cánh: 168cm
- Động cơ BLDC
- 06 cấp độ gió
- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt.
- Trang bị 2 loại móc treo trong cùng 1 thùng quạt

* Dự kiến có hàng 11/2026

4.100.000

QUẠT TRẦN 8 CÁNH - Ceiling Fan





NCFD6089L (Vân gỗ – Chiều dài ti 41cm và 51cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 89W (Quạt: 65W, Đèn Led: 24W)
- 8 cánh – Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 152cm
- Có dây an toàn - điều khiển remote
- Động cơ BLDC
- 06 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 364,04m³/min
- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt
- Trang bị 2 loại: móc treo và pad treo trong cùng 1 thùng quạt

5.800.000

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall Fan





Quạt treo CN

NWF1670K (Đen)



- Công suất: 50W
- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 81,07 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/ thùng

* Giá 1 cây **790.000**

Quạt treo CN B5

NWF1870K (Đen)



- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Công suất: 70W
- Lưu lượng gió: 115,36 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/ thùng

* Giá 1 cây **920.000**

Quạt treo cơ B3

NWF1218GR (Ghi)



- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 30cm
- Đường kính lồng: 35,5cm
- Công suất: 30W
- Lưu lượng gió: 40,8 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

* Giá 1 cây **640.000**

Quạt treo Remote B3

NWF1219RC-GR (Ghi)



- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 30cm
- Đường kính lồng: 35,5cm
- Công suất: 30W
- Lưu lượng gió: 39,4 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h -3h -6h
- Điều khiển bằng remote

800.000



Quạt treo cơ

NWF1611G (Xám)
NWF1611BL (Xanh)
NWF1611BE (Beige)



- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 65,7 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

* Giá 1 cây **660.000**

Quạt treo cơ

NWF1614GR (Ghi)
NWF1614LG (Xám nhạt)



- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 72,6 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

* Giá 1 cây **740.000**



Quạt treo remote

NWF1612RC-G (Xám)
NWF1612RC-BL (Xanh)
NWF1612RC-BE (Beige)
NWF1612RC-CB (Xanh Coban)



- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 66,5 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h-3h-6h
- Điều kiển bằng remote

850.000

Quạt treo remote

Ampo.vn

NWF1615RC-GR (Ghi)
NWF1615RC-LG (Xám Nhạt)



- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 77,3 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h-3h-6h
- Điều kiển bằng remote

970.000



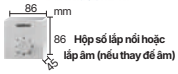
QUẠT ĐẢO - Orbit Fan

NEW

Quạt đảo cơ
NOF1655BE (Beige)



- Công suất: 47 W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 71,1 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

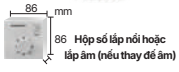


* Giá 1 cây **750.000**

Quạt đảo cơ
NOF1650GR (Ghi)
NOF1650BE (Beige)



- Công suất: 47 W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 72 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng



* Giá 1 cây **840.000**



Quạt đảo Remote
NOF1651RC-GR (Ghi)
NOF1651RC-BE (Beige)



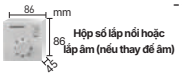
- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 72 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h-3h-6h
- Điều khiển bằng remote
- Đóng gói: 2 cái/thùng

* Giá 1 cây **1.000.000**

Quạt đảo cơ B5
NOF1853GR (Ghi)



- Công suất: 65W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Lưu lượng gió: 93,28 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/ thùng



* Giá 1 cây **980.000**

Quạt đảo remote B5
NOF1852RC-GR (Ghi)



- Công suất: 65W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Lưu lượng gió: 113,64 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h-3h-6h
- Điều khiển bằng remote
- Đóng gói: 2 cái/ thùng

* Giá 1 cây **1.140.000**

QUẠT LỬNG - Living Fan

Quạt lửng BCN
NLF1627K (Đen)



- Công suất: 50W
- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 75,52 m³/min
- Chiều cao: 101,5cm
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió

920.000

ĐỘNG CƠ BẠC ĐẠN
MOTOR DÂY ĐỒNG 100%
CẦU CHÌ BẢO VỆ





Quạt lửng cơ
NLF1625P (Hồng)
NLF1625BL (Xanh)
NLF1625GR (Ghi)



- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 73,2 m³/min
- Chiều cao: 75-93 cm
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió

830.000

NEW
Quạt lửng remote
NLF1626RC-BL (Xanh)
NLF1626RC-BE (Beige)



- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40 cm
- Đường kính lồng: 44.5 cm
- Lưu lượng gió: 70,7 m³/min
- Chiều cao quạt: 75 – 93cm
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h - 3h- 6h
- Điều khiển bằng remote

1.050.000



QUẠT BÀN - Table Fan



Quạt bàn B3
NTF1209G (Xám)
NTF1209BE (Beige)
NTF1209P (Hồng)



- Công suất: 30W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 30cm
- Đường kính lồng: 35,5cm
- Lưu lượng gió: 38,2 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió

660.000

Quạt bàn
NTF1630G (Xám)
NTF1630BE (Beige)
NTF1630J (Xanh ngọc)



- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Lưu lượng gió: 63,6 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió

730.000

QUẠT SÀN - Floor Fan



Quạt sàn lửng

NPF1685K (Đen)

- Công suất: 50W
- 5 cánh quạt
- Lồng vuông đen
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 75,85 m³/min
- Chiều cao: 82,7 - 97,9cm
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cây/ thùng

* Giá 1 cây **980.000**



Quạt sàn lửng B5

NPF1885K (Đen)

- Công suất: 70W
- 5 cánh quạt
- Lồng vuông đen
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Lưu lượng gió: 107,24m³/min
- Chiều cao: 84,8 - 100cm
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cây/ thùng

* Giá 1 cây **1.120.000**







Quạt sàn

NKF1680K (Đen)



- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Lồng vuông đen
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 77,96 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió

850.000

Quạt sàn B5

NKF1880K (Đen)



- Công suất: 65W
- 3 cánh quạt
- Lồng vuông đen
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Lưu lượng gió: 114,48 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió

990.000

QUẠT ĐỨNG - Standing Fan



ĐỘNG CƠ BLDC

Quạt đứng remote

NEF1499W (Trắng)
NEF1499P (Hồng)

- Công suất: 30W
- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Động cơ: không chổi than (BLDC)
- Đường kính quạt: 35cm
- Cánh quạt: 7 cánh
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Cấp độ gió: 12 cấp độ
- Lưu lượng gió: 43,34 m³/min
- Chế độ gió: 4 chế độ (Thông thường/ Tự nhiên/ Cảm biến Eco/ Ngủ)
- Hẹn giờ bật/tắt: 1h - 12h
- Điều khiển: Nút nhấn & Remote
- Kích thước: 400 × 380 × 1100mm



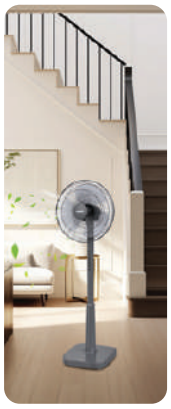
2.250.000



Quạt đứng remote

NSF1641RC-GR (Ghi)
NSF1641RC-DN (Xanh navy)
NSF1641RC-LG (Xám nhạt)

- Công suất: 50W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 86,83 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- Chiều cao quạt: 116 – 140cm
- Hẹn giờ tắt: 1h -3h -6h
- Điều khiển bằng phím bấm & remote
- 3 cấp độ gió



1.500.000



Quạt đứng BCN

NSF1660K (Đen)

- Công suất: 50W
- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 76,31 m³/min
- Chiều cao: 121,5cm
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió

975.000



Quạt đứng BCN B5

NSF1860K (Đen)

- Công suất: 70W
- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Lưu lượng gió: 109,1m³/min
- Chiều cao: 124,5cm
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió



1.100.000

QUẠT SẠC - Rechargeable Fan



NFF1618W (Trắng)
NFF1618P (Hồng)

GẤP GỌN

- Điện áp: DC 5V - Lithium: 10.000mAh (± 10%)
- 4 cấp độ gió
- Chất liệu hợp kim nhôm cao cấp và nhựa ABS
- Kích thước xếp: 214 × 214 × 97mm
- Kích thước mở: 214 × 214 × 1.070mm
- Cổng sạc: Type C
- Thời gian sử dụng: 6h – 24h
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

820.000



NRF6219W (Trắng)
- Điện áp: DC 5V/ 2A
- Công suất: 6W - Pin: 3,7V – 3.600mAh
- 4 cấp độ gió - Chức năng xoay: có
- Đèn led: có
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Thời gian sử dụng: 1,5h – 9,5h
- Kích thước sản phẩm: 160,6 × 225 × 94mm
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

460.000



NRF5210G (Xanh)
- Điện áp: DC 5V/ 1A
- Công suất: 5 W - Pin: 3,7V - 1.800 mAh
- 3 cấp độ gió - Chất liệu: Nhựa ABS
- Thời gian sử dụng: 1h – 8h
- Kích thước sản phẩm: 140 × 190 × 110mm
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

190.000



NRF6213G (Xanh)
NRF6213P (Hồng)
- Điện áp: DC 5V/ 2A
- Công suất: 7W - Pin: 3,7V – 3.600mAh
- 4 cấp độ gió - Chức năng xoay: có
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Thời gian sử dụng: 1,5h – 10,5h
- Kích thước sản phẩm: 190 × 250 × 150mm
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

500.000



NRF6536W (Trắng)
- Điện áp: DC 5V/ 2 A
- Công suất: 6W - Pin: 3,7V - 4.000mAh (±10%)
- 3 cấp độ gió - Chức năng xoay: có
- Đèn led: có
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Thời gian sử dụng: 1h-8h
- Kích thước quạt: 207 × 334 × 170mm
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

570.000



NRF1230L (12 inch) **1.720.000**
NRF1640L (16 inch) **2.000.000**
- Điện áp: DC 12V/ AC 90~240V, 50/60 Hz
- Pin: Lithium - 12.000mAh
- Động cơ: Không chổi than (BLDC)
- Công suất: NRF1230L (20W) & NRF1640L (29W)
- Chất liệu: Cánh: Nhôm & Thân: Kim loại phủ sơn tĩnh điện
- Đường kính cánh:
+ NRF1230L: 30cm
+ NRF1640L: 40cm
- Thời gian sạc: 3h-4h
- Thời gian hoạt động:
+ NRF1230L: Từ 3h - 30h
+ NRF1640L: Từ 1h - 18h
- Đèn hiển thị hoạt động và adapter: có
(Tùy vào điều kiện sử dụng)





NHF3081B (Xanh)
NHF3081P (Tím)
- Điện áp: DC5V/2A
- Công suất: 5,8W
- Cổng sạc: Type C
- Thời gian sạc: Khoảng 4,5h
- Thời gian hoạt động: 2h-8h (tùy vào điều kiện sử dụng)
- Dung lượng pin: Lithium 3.000mAh
- Trang bị dây sạc và dây đeo
- Khối lượng sản phẩm: 182g
- Kích thước sản phẩm: 60 × 54,5 × 164mm



460.000





NHF4858G (Vàng đồng)
- Điện áp: DC5V/ 2A
- Công suất: 7,3W
- Cổng sạc: Type C
- Có sò lạnh
- Thời gian sạc: Khoảng 4,5h
- Thời gian hoạt động: tùy vào điều kiện sử dụng
+ Chỉ sử dụng quạt: 3h – 9h
+ Sử dụng quạt kết hợp làm lạnh: 1,5h – 3h
- Dung lượng pin: Lithium 4.800mAh
- Trang bị dây sạc
- Khối lượng sản phẩm: 220g
- Kích thước sản phẩm: 60 × 62 × 184mm

650.000



ĐA DẠNG CÁCH DÙNG:
QUẠT ĐỨNG, QUẠT BÀN, QUẠT TREO

NRF9025W (Trắng)
NRF9025P (Hồng)
- Điện áp: AC 220V 50/60Hz/ DC 18V 1,2A
- Động cơ: không chổi than (BLDC)
- Công suất: 21W
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Đường kính cánh: 24cm
- Pin: Lithium 10.000mAh
- Thời gian sạc: 5h – 7h
- Thời gian hoạt động: 1h – 20h
- Đèn hiển thị hoạt động và adapter: có
- Điều khiển: Cảm ứng & Remote
- Kích thước sản phẩm: 307 × 307 × 1.067mm
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

2.100.000

BẾP ĐIỆN TỪ ĐÔI



NICL481

*Công nghệ Half-Bridge

NICL481 trang bị công nghệ Half-Bridge hiện đại, nhờ đó bạn có thể thỏa sức chế biến vạn món ngon bùng vị mà không đắn đo tiêu tốn quá nhiều năng lượng.

*Cảm ứng trượt

Bếp có 2 bảng điều khiển độc lập với màn hình LED và cảm ứng trượt hiện đại, giúp thao tác dễ dàng và thuận tiện.

*Đa chức năng

Bếp từ NICL481 tích hợp nhiều chức năng như hâm nóng (Warm), hấp (Stew), xào (Stir-fry), nấu nhanh (Booster), khóa trẻ em (Lock) và hẹn giờ (Timer), đáp ứng đa dạng nhu cầu của người sử dụng.

*Tính năng an toàn

Tự động ngắt khi quá nhiệt, khi sử dụng sai dụng cụ nấu hoặc khi nước trào ra bề mặt bếp, đảm bảo an toàn tối đa trong quá trình sử dụng.

- BÌNH ĐUN SIÊU TỐC
- BÌNH THỦY ĐIỆN
- NỒI CƠM ĐIỆN



- NỒI, CHẢO
- NỒI ĐIỆN ĐA NĂNG



- NỒI CHIÊN KHÔNG DẦU
- NỒI ÁP SUẤT
- NỒI NẤU CHẬM



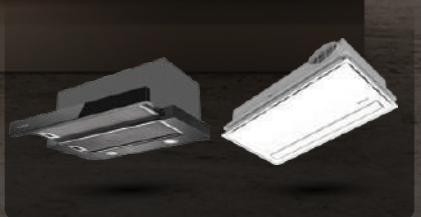
- MÁY XAY SINH TỐ
- MÁY ÉP CHẬM
- MÁY VẮT CAM
- MÁY XAY THỊT



- BẾP ĐIỆN TỪ
- BẾP HỒNG NGOẠI
- BẾP ĐIỆN ĐÔI



- MÁY HÚT MÙI
- MÁY SƯỞI CÓ THÔNG GIÓ



BÌNH ĐUN SIÊU TỐC - Kettle



NKT2241B (Xanh dương)
- Điện áp: 220-240V, 50-60Hz
- Công suất: 1.800W
- Dung tích: 2,2L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304
- Đèn LED: Đèn báo – đỏ
- Kích thước sản phẩm: 225 × 168 × 238mm

330.000



NKT1886N (Bình đun thân bóng)
NKT1887N (Bình đun thân nhám)
- Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
- Công suất: 1.800W
- Dung tích: 1,8L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304
- Đèn LED: Đèn báo – đỏ
- Kích thước sản phẩm: 216 × 159 × 235mm

250.000



NKT1761DB (Xanh đen)
NKT1761W (Trắng)
- Điện áp: 220-240V, 50-60Hz
- Công suất: 1.200-1.450W
- Dung tích: 1,7L
- Chất liệu ruột bình: Thủy tinh chịu nhiệt
- Đèn LED: Đèn báo – xanh
- Kích thước sản phẩm: 210 × 145 × 225mm

370.000



NKT3018BR (Nâu)
- Điện áp: 220-240V, 50-60Hz
- Công suất: 1.800W
- Dung tích: 3,0L
- Chất liệu ruột bình: Inox 201
- Đèn LED: Đèn báo – cam
- Kích thước sản phẩm: 210 × 190 × 290mm

DUNG TÍCH LỚN

370.000



NKT1875W (Trắng)
- Điện áp: 220-240V, 50-60Hz
- Công suất: 1.500W
- Dung tích: 1,8L
- Chất liệu ruột bình: Thủy tinh
- Đèn LED: Đèn báo – xanh
- Kích thước sản phẩm: 221 × 210 × 240mm

370.000



NKT1890BE (Beige)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 1.500W
- Dung tích: 1,8L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304
- Đèn LED: Đèn báo – cam
- Kích thước sản phẩm: 222 × 170 × 250mm

360.000



NKT1702
- Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
- Công suất: 1.850 - 2.200W
- Dung tích: 1,7L
- Chất liệu ruột bình: Thủy tinh chịu nhiệt
- Đèn LED: Đèn báo - xanh
- Kích thước sản phẩm: 216 × 161 × 244mm

440.000



NKT1718G (Xanh)
NKT1718BE (Beige)
- Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
- Công suất: 1.850-2.200W
- Dung tích: 1,7L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304
- Đèn LED: Đèn báo cam
- Kích thước sản phẩm: 210 × 151 × 259,5mm

440.000



NKT1790
- Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
- Công suất: 1.850-2.200W
- Dung tích: 1,7L
- Chất liệu ruột bình: Thủy tinh chịu nhiệt
- Đèn LED: Đèn báo - xanh
- Kích thước sản phẩm: 216 × 151 × 244mm

440.000



NKT1889B (Xanh)
NKT1889Y (Vàng)
- Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
- Công suất: 1.800W
- Dung tích: 1,8L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304
- Đèn LED: hiển thị nhiệt độ
- Kích thước sản phẩm: 230 × 170 × 255mm

HIỂN THỊ NHIỆT ĐỘ

420.000



NKT1791G (Xanh ngọc)
- Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
- Công suất: 1.850-2.200W
- Dung tích: 1,7L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304
- Điều khiển: Cảm ứng, LED thông minh
- Kích thước sản phẩm: 215 × 175 × 258mm
- Có tính năng giữ ấm theo 4 mức nhiệt (40ºC - 70ºC - 80ºC - 90ºC)

CHỨC NĂNG GIỮ ẤM
CẢM ỨNG

620.000



NKT1819DB (Xanh đen)
NKT1819GL (Vàng đồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 1.500W
- Dung tích: 1,8L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304
- Đèn LED: Đèn báo – cam
- Kích thước sản phẩm: 215 × 159 × 250mm

430.000

BÌNH THỦY ĐIỆN - Electric thermos pot



NETF320 (Beige)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 750W
- Dung tích: 3,2L
- Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ nhựa pp
- Kích thước sản phẩm: 310 × 230 × 300mm
- Kích thước hộp: 270 × 270 × 360mm
- Khối lượng: 2,75Kg

1.230.000



NETF500 (Xanh đen)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 750W
- Dung tích: 5L
- Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ kim loại
- Kích thước sản phẩm: 295 × 230 × 370mm
- Kích thước hộp: 266 × 266 × 420mm
- Khối lượng: 2,6Kg

1.280.000



NETF400 (Bạc)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 750W
- Dung tích: 4L
- Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ kim loại
- Kích thước sản phẩm: 305 × 230 × 350mm
- Kích thước hộp: 273 × 273 × 380mm
- Khối lượng hộp: 2,7Kg

1.230.000



NETF502 (Trắng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 1.200W
- Dung tích: 5L
- Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ nhựa PP
- Kích thước sản phẩm: 310 × 245 × 380mm
- Kích thước hộp: 295 × 295 × 405mm
- Khối lượng: 3,1Kg

HIỂN THỊ LED
HẸN GIỜ

1.770.000



NETF501 (Xám)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 1.600W
- Dung tích: 5L
- Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ kim loại
- Kích thước sản phẩm: 300 × 240 × 365mm
- Kích thước hộp: 300 × 240 × 365mm
- Khối lượng: 2,75Kg

CẢM ỨNG
HIỂN THỊ LED
HẸN GIỜ

1.450.000



NỒI CƠM ĐIỆN NẮP GÀI - Rice Cooker



NRC0801W (Trắng cam)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 250W
- Dung tích: 0,8L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính Whitford, dày 1,4mm
- Kích thước sản phẩm: 220 × 200 × 224mm
- Khối lượng hộp: 1,95 Kg

630.000



NRC1010P (Hồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 350W
- Dung tích: 1L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,4mm
- Kích thước sản phẩm: 306 × 263 × 247mm
- Khối lượng hộp: 3,33kg

970.000



NRC1850DB (Xanh đen)
- Điện áp: 220-240V, 50-60Hz
- Công suất: 700W
- Dung tích: 1,8L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính tổ ong, dày 1,4mm
- Kích thước sản phẩm: 286 × 275 × 292mm
- Khối lượng hộp: 3,1kg

920.000



NRC2250G (Xanh lá)
- Điện áp: 220-240V, 50-60Hz
- Công suất: 900W
- Dung tích: 2,2L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính tổ ong, dày 1,5mm
- Kích thước sản phẩm: 286 × 275 × 305mm
- Khối lượng hộp: 3,4kg

960.000



NRC1206W (Trắng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 500W
- Dung tích: 1,2L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính Whitford, dày 1,5mm
- Kích thước sản phẩm: 288 × 280 × 228mm
- Khối lượng hộp: 3,1 Kg

950.000



NRC1520GL (Vàng đồng)
- Điện áp: 220-240V, 50-60Hz
- Công suất: 650W
- Dung tích: 1,5L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,4mm
- Kích thước sản phẩm: 281 × 318 × 250mm
- Khối lượng hộp: 3,11kg

940.000



NRC1880DB (Xanh đen)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 700W
- Dung tích: 1,8L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,4mm
- Kích thước sản phẩm: 281 × 318 × 267mm
- Khối lượng hộp: 3,32kg

990.000



NRC1860P (Hồng)
- Điện áp: 220-240V, 50-60Hz
- Công suất: 700W
- Dung tích: 1,8L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,4mm
- Kích thước sản phẩm: 290 × 290 × 314mm
- Khối lượng hộp: 3,45kg

1.120.000

NỒI CƠM ĐIỆN TỬ - Digital Rice Cooker



NRC1807GO (Vàng đồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 900W
- Dung tích: 1,8L
- Điều khiển: Cảm ứng & màn hình Led
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,9mm
- Kích thước sản phẩm: 365 × 315 × 280mm
- Khối lượng hộp: 5,15kg

1.790.000



NRC1818M (Đen)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 800W
- Dung tích: 1,8L
- Điều khiển: Cảm ứng & màn hình Led
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính tổ ong, dày 1,5mm
- Kích thước sản phẩm: 320 × 260 × 230mm
- Khối lượng hộp: 3,8kg

1.610.000



NRC1202BE (Trắng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 500W
- Dung tích: 1,2L
- Điều khiển: Nút nhấn & màn hình Led
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính tổ ong, dày 1,5mm
- Kích thước sản phẩm: 320 × 260 × 230mm
- Khối lượng hộp: 2,2kg

1.050.000



NRC1802BE (Trắng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 800W
- Dung tích: 1,8L
- Điều khiển: Nút nhấn & màn hình Led
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,5mm
- Kích thước sản phẩm: 330 × 275 × 235mm
- Khối lượng hộp: 3,85kg

1.250.000

NỒI CƠM ĐIỆN NẮP RỜI - Rice Cooker

NEW



NRCO0630 (Xanh dương)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 300W
- Dung tích: 0,6L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Hợp kim nhôm không phủ chống dính
- Kích thước sản phẩm: 260 × 210 × 223mm
- Khối lượng hộp: 1,18kg

460.000



NRC1201G (Xanh lá)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 400W
- Dung tích: 1,2L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Hợp kim nhôm phủ chống dính
- Kích thước sản phẩm: 214 × 225 × 225mm
- Khối lượng hộp: 1,37 kg

525.000



NRC1802G (Xanh lá)
NRC1802DB (Xanh đen)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 700W
- Dung tích: 1,8L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Hợp kim nhôm phủ chống dính
- Kích thước sản phẩm: 254 × 255 × 255mm
- Khối lượng hộp: 1,93kg

635.000

NEW



NRCO1240B (Xanh dương)
NRCO1240P (Hồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 400W
- Dung tích: 1,2L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Hợp kim nhôm không phủ chống dính
- Kích thước sản phẩm: 275 × 228 × 230mm
- Khối lượng hộp: 1,41kg

510.000

NEW



NRCO1862B (Xanh dương)
NRCO1862P (Hồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 700W
- Dung tích: 1,8L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Hợp kim nhôm không phủ chống dính
- Kích thước sản phẩm: 324 × 266 × 264mm
- Khối lượng hộp: 1,92kg

625.000

NEW



NRCO2280P (Hồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 900W
- Dung tích: 2,2L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Hợp kim nhôm không phủ chống dính
- Kích thước sản phẩm: 333 × 280 × 286mm
- Khối lượng hộp: 2,27kg

720.000

NỒI CƠM ĐIỆN NẮP RỜI - Rice Cooker



NRC2203G (Xanh lá)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 900W
- Dung tích: 2,2L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Hợp kim nhôm phủ chống dính
- Kích thước sản phẩm: 266 × 275 × 275mm
- Khối lượng hộp: 2,33kg

745.000

NEW



NRC1245B (Xanh dương)
NRC1245P (Hồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 400W
- Dung tích: 1,2L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Hợp kim nhôm phủ chống dính
- Kích thước sản phẩm: 275 × 228 × 230mm
- Khối lượng sản phẩm: 1,41kg

540.000

NEW



NRC2285P (Hồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 900W
- Dung tích: 2,2L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Hợp kim nhôm phủ chống dính
- Kích thước sản phẩm: 333 × 280 × 286mm
- Khối lượng sản phẩm: 2,27kg

750.000

NEW



NRCO2890B (Xanh dương)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 1000W
- Dung tích: 2,8L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Hợp kim nhôm không phủ chống dính
- Kích thước sản phẩm: 370 × 310 × 283mm
- Khối lượng hộp: 2,95kg

810.000

NEW



NRC1865B (Xanh dương)
NRC1865P (Hồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 700W
- Dung tích: 1,8L
- Điều khiển: Nút nhấn
- Chất liệu: Hợp kim nhôm phủ chống dính
- Kích thước sản phẩm: 324 × 266 × 264mm
- Khối lượng sản phẩm: 1,92kg

660.000



NỒI, CHẢO - Cookware



NCWY320
- Kích thước: D=26 cm
- Chất liệu: Inox 410
- Khối lượng: 320 gram
- Đáy: cảm ứng từ
- Tay cầm: nhựa PP chịu nhiệt
- Kích thước thùng: 680 × 570 × 285mm
- Đóng gói: 20 cái/ thùng

100.000



NCWS850
- Gồm: + Nồi D=18 cm và D=24cm (có nắp)
+ Quánh (nồi) D=16cm (Có nắp)
+ Chảo D=24cm (Có nắp)
- Độ dày đáy: 5 lớp
- Chất liệu: Inox 304
- Khối lượng: 5kg/ bộ

Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

1.250.000



NCWS540
- Gồm:
+ Nồi D=18cm và D=24cm (có nắp)
+ Chảo D=24cm
- Màu sắc: Vàng kem
- Chất liệu:
+ Thân nồi: hợp kim nhôm
+ Phủ lớp đá cẩm thạch chống dính, chịu nhiệt
+ Tay cầm bằng Bakelite với silicon mềm mại
- Khối lượng: 3,5kg/ bộ

Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

1.070.000

NEW



NCWR241A-I (kèm nắp)
- Kích thước: L478 x W260 x H110mm
- Màu sắc: Kim loại
- Chất liệu: Inox 304, có phủ chống dính tổ ong
- Độ dày: 2mm, 3 lớp
- Khối lượng: 1,5kg
- Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

530.000



NCWR261A-I (kèm nắp)
- Kích thước: L498 x W280 x H115mm
- Màu sắc: Kim loại
- Chất liệu: Inox 304, có phủ chống dính tổ ong
- Độ dày: 2mm, 3 lớp
- Khối lượng: 1,7kg
- Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

600.000

NEW



NCWR550
- Kích thước sản phẩm (gồm)
+ Chảo: L47 x W25,8 x H8,5cm
+ Quánh: L38 x W20 x H11,8cm (có nắp)
+ Nồi: L36,8 x W26 x H18cm (có nắp)
- Màu sắc: Kim loại
- Chất liệu: Inox 304, chảo có phủ chống dính tổ ong
- Độ dày: 2mm, 3 lớp
- Khối lượng: 4,1kg/ bộ
- Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

1.820.000



	NCWR24A-G	NCWR26A-G	NCWR24DA-G	NCWR26DA-G
	290.000	330.000	290.000	330.000
• Kích thước (cm)	D24 x H4,8	D26 x H5,0	D24 x H7,0	D26 x H7,5
• Độ dày vành	4mm	4mm	2.5mm	2.5mm
• Đáy	Cảm ứng từ			
• Tay cầm	Bakelite với sơn silicon tạo cảm giác mềm mại			
• Chất liệu	Hợp kim nhôm cao cấp, phủ chống dính: Ceramic, không chứa PFOA			
• Khối lượng sản phẩm (Kg)	0,66	0,72	0,71	0,81
• Kích thước thùng (mm)	520 x 340 x 140	520 x 340 x 150	520 x 340 x 180	560 x 360 x 190
• Khối lượng thùng (Kg)	4,6	5	4,8	5,5
• Đóng gói	06 cái/ thùng			

NEW



NCWR650
- Gồm:
+ Nồi (18 × 8)cm, có nắp
+ Nồi lớn (20 × 9)cm, có nắp
+ Chảo (24 × 7)cm, có nắp
- Màu sắc: Vàng kem
- Chất liệu: Hợp kim nhôm phủ chống dính
- Độ dày vành: 4,0mm
- Khối lượng sản phẩm: 3,5kg/ bộ

Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

1.280.000

NEW



TAYCAMR-BE
- Kích thước sản phẩm: 190 × 45 × 40mm
- Màu sắc: Beige
- Chất liệu: Bakelite với sơn silicon tạo cảm giác mềm mại
- Khối lượng sản phẩm: 0,22kg
- Sản phẩm dùng được cho hầu hết các loại nồi, chảo trên thị trường

170.000

NEW



NCWR260T
- Kích thước sản phẩm: L37 x W28 x H24cm
- Màu sắc: Kim loại
- Chất liệu: Inox 304
- Cấu tạo đáy: 3 lớp
- Khối lượng: 2,9kg
- Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

830.000

NEW



NCWR300T
- Kích thước sản phẩm: L41 x W32 x H29cm
- Màu sắc: Kim loại
- Chất liệu: Inox 304
- Cấu tạo đáy: 3 lớp
- Khối lượng: 3,4kg
- Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

1.030.000

NỒI ĐIỆN ĐA NĂNG - Multi Pot



NMP160W (Trắng)
NMP160P (Hồng)
- Điện áp: 220-240V - 50/ 60Hz
- Công suất: 700W
- Chất liệu: Inox 410, phủ chống dính
- Thể tích: 1,6L
- Kích thước sản phẩm: 360 × 185 × 135mm
- Kích thước hộp: 400 × 205 × 117mm
- Khối lượng: 1,35kg

360.000

NEW



NMP5013G (Xanh lá)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 1300W
- Chất liệu: Lòng nồi bằng hợp kim nhôm phủ chống dính
- Thể tích: 5L
- Kích thước sản phẩm: 312 × 283 × 196mm
- Kích thước hộp: 312 × 312 × 200mm
- Khối lượng: 2,6kg

860.000

NEW



NMP3080P (Hồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 800W
- Chất liệu: Lòng nồi bằng hợp kim nhôm phủ chống dính
- Thể tích: 3L
- Kích thước sản phẩm: 266 × 216 × 213mm
- Kích thước hộp: 246 × 246 × 222mm
- Khối lượng: 1,8kg

700.000



NỒI CHIÊN KHÔNG DẦU - Air Fryer

NEW



NAFH500
- Điện áp: 220V-240V, 50-60Hz
- Công suất: 1300-1500W
- Nhiệt độ: 80–200°C
- Hẹn giờ: 1–60 phút
- Điều khiển: Núm xoay cơ
- Công nghệ: Luồng khí nóng tuần hoàn
- Kích thước sản phẩm: 265 × 295 × 360mm
- Khối lượng: 3,65kg

1.100.000

NEW



ĐIỀU KHIỂN CẢM ỨNG
LED HIỂN THỊ

NAFH800
- Điện áp: 220V-240V, 50/60Hz
- Công suất: 1700W
- Nhiệt độ: 80–200°C
- Hẹn giờ: 1–60 phút
- Điều khiển: Màn hình cảm ứng
- Công nghệ: Luồng khí nóng tuần hoàn
- Kích thước sản phẩm: 330 × 379 × 304mm
- Khối lượng: 4,8kg

1.700.000

NỒI ÁP SUẤT - Pressure Cooker

NEW



NPC2565P (Hồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 650W
- Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính Maifanite, dày 2mm
- Thể tích: 2,5L
- Kích thước sản phẩm: 311 × 263 × 278mm
- Kích thước hộp: 316 × 268 × 288mm
- Khối lượng: 4,28kg

1.380.000



NỒI NẤU CHẬM - Slow cooker



NSC2175P (Hồng)
- Điện áp: 220V/ 50Hz
- Công suất: 175W - Dung tích: 2L
- Chất liệu nắp: Sứ phủ men
- Chất liệu lòng nồi: Sứ phủ men
- Chất liệu thành nồi: Nhôm & nhựa
- Chức năng: có 7 chức năng nấu và 1 chế độ giữ ấm
- Có chế độ hẹn giờ
- Kích thước sản phẩm: 256 × 247 × 225mm
- Khối lượng sản phẩm: 2,5kg

870.000







NSC3215 (Trắng)
- Điện áp: 220V/ 50Hz
- Công suất: 215W - Dung tích: 3L
- Chất liệu nắp: Kính cường lực
- Chất liệu lòng nồi: Sứ phủ men
- Chất liệu thành nồi: Nhôm & nhựa
- Chế độ: 3 chế độ Hầm nhanh (Cao) - Hầm chậm (Thấp)- Giữ ấm
- Kích thước sản phẩm: 276 × 274 × 238mm
- Khối lượng sản phẩm: 2,8kg

750.000

NEW



NSC2176BE (Beige)
- Điện áp: 220V/ 50Hz
- Công suất: 175W - Dung tích: 2L
- Chất liệu nắp: Sứ phủ men
- Chất liệu lòng nồi: Sứ phủ men
- Chất liệu thành nồi: Nhôm & nhựa
- Điều khiển: Núm vặn
- Chế độ: 3 chế độ
+ Hầm nhanh (Cao)
+ Hầm tự động
+ Giữ ấm
- Kích thước sản phẩm: 256 × 247 × 225mm
- Khối lượng sản phẩm: 2,5kg

* Dự kiến có hàng 11/2026

660.000

MÁY XAY SINH TỐ - Blender



NBJP587K (Đen)
- Điện áp: 220V - 240V ~ 50Hz
- Công suất: 550W - Dung tích: 1500ml – 500ml
- Chất liệu cối: Nhựa AS
- Chất liệu lưỡi dao: inox 304
- Có 2 loại cối: xay sinh tố và xay khô
- Cấp độ: 2 cấp độ xay – 1 cấp độ nhồi
- Điều khiển: núm vặn
- Có khóa nắp an toàn
- Kích thước sản phẩm: 209 × 174 × 381mm
- Khối lượng sản phẩm: 1,5kg

830.000



NBJG805W (Trắng)
- Điện áp: 220V - 240V ~ 50Hz
- Công suất: 600W - Dung tích: 1500ml – 300ml
- Chất liệu cối: Thủy tinh
- Chất liệu lưỡi dao: inox 304
- Có 2 loại cối: xay sinh tố và xay khô
- Cấp độ: 2 cấp độ xay – 1 cấp độ nhồi
- Điều khiển: núm vặn
- Kích thước sản phẩm: 190 × 180 × 390mm
- Khối lượng sản phẩm: 2,87kg

970.000



MÁY ÉP CHẬM - Slow Juicer



NSJ0640GR
- Điện áp: 220V/ 50Hz
- Công suất: 200W - Dung tích: 800ml
- Chất liệu cối: Nhựa
- Chất liệu lưới lọc: Inox 304
- Cấp độ: 1 cấp độ ép
- Điều khiển: Núm vặn
- Phụ kiện đi kèm: Ly chứa nước, ly chứa bã
- Kích thước sản phẩm: 191 × 158 × 402mm
- Khối lượng sản phẩm: 2,5kg

2.200.000

MÁY VẮT CAM - Citrus Extractor







NCE4007Y (Vàng)
NCE4007G (Xanh)
- Điện áp: 220-240V ~ 50Hz
- Công suất: 40W - Dung tích: 0,7L
- Chất liệu: Nhựa PP, ABS
- Bộ điều chỉnh lưới lọc
- Trang bị 2 đầu vắt
- Kích thước sản phẩm: 190 × 140 × 205mm
- Khối lượng sản phẩm: 0,64kg

340.000



NCE4010OR (Cam)
- Điện áp: 220-240V ~ 50Hz
- Công suất: 40W - Dung tích: 1L
- Chất liệu: Nhựa PP, ABS
- Bộ điều chỉnh lưới lọc
- Trang bị 2 đầu vắt
- Kích thước sản phẩm: 190 × 140 × 205mm
- Khối lượng sản phẩm: 0,69kg

400.000



NCE4008K (Đen)
- Điện áp: 220-240V ~ 50Hz
- Công suất: 40W - Dung tích: 0,8L
- Chất liệu: Nhựa PP, ABS
- Bộ điều chỉnh lưới lọc
- Trang bị 2 đầu vắt
- Kích thước sản phẩm: 198 × 150 × 223mm
- Khối lượng sản phẩm: 0,8kg

500.000

MÁY LÀM SỮA HẠT - Soy Milk Maker



NSM825
- Điện áp sử dụng: 220V ~ 50Hz
- Công suất: 1000W (Xay: 200W – Nấu: 800W)
- Dung tích: 1200ml
- Động cơ: AC
- Điều khiển: Cảm ứng
- Chất liệu cối: Inox 304
- Chất liệu vỏ ngoài: Nhựa
- Chức năng: 7 chức năng nấu/ 1 chức năng xay/ Giữ ấm/ Làm sạch
- Hẹn giờ: 1h – 12h
- Kích thước sản phẩm: 222 × 158 × 325mm
- Khối lượng sản phẩm: 1,8kg

890.000



NSM811
- Điện áp sử dụng: 220V ~ 50Hz
- Công suất: 1000W (Xay: 200W – Nấu: 800W)
- Dung tích: 1200ml
- Động cơ: AC
- Điều khiển: cảm ứng
- Chất liệu cối: inox 304
- Chất liệu vỏ ngoài: nhựa
- Chức năng: 5 chức năng nấu/ 1 chức năng xay/ Giữ ấm/ Làm sạch
- Hẹn giờ: 1h – 12h
- Kích thước sản phẩm: 215 × 160 × 320mm
- Khối lượng sản phẩm: 1,8kg

1.130.000

MÁY XAY THỊT - Meat Chopper



NMC2012
- Điện áp: 220V - 240V ~ 50 - 60Hz
- Công suất: 230W - Dung tích: 1,2L
- Chất liệu cối: Thủy tinh
- Chất liệu vỏ máy: Nhựa
- Chất liệu lưỡi dao: Inox 420
- Chất liệu trục gắn lưỡi dao: Nhựa
- Cấp độ: 1 cấp độ xay
- Điều khiển: Nút nhấn
- Kích thước sản phẩm: 195 × 155 × 255mm
- Khối lượng sản phẩm: 1,45kg

* Dự kiến có hàng 11/2026

600.000



NMC2420
- Điện áp: 220V - 240V ~ 50 - 60Hz
- Công suất: 300W - Dung tích: 2L
- Chất liệu cối: Thủy tinh
- Chất liệu lưới lọc: Inox 304
- Chất liệu vỏ máy: Phủ inox không rỉ
- Chất liệu lưỡi dao: Inox 420
- Chất liệu trục lưỡi dao: Inox 304
- Cấp độ: 2 cấp độ xay
- Điều khiển: Nút nhấn
- Kích thước sản phẩm: 225 × 180 × 250mm
- Khối lượng sản phẩm: 1,65kg

* Dự kiến có hàng 11/2026

740.000

BẾP HỒNG NGOẠI ĐƠN - Single Infrared cooker



NICL665 - Bếp hồng ngoại
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 2.000W
- Chất liệu: Mặt kính Crystal nhám
- Điều khiển: Cảm ứng, màn hình LED
- Kích thước sản phẩm: 360 × 280 × 65mm
- Khối lượng: 2,54kg
- Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện

750.000



NICL350 - Bếp hồng ngoại
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 2.000W
- Chất liệu: Mặt kính Crystal bóng
- Điều khiển: Cảm ứng, màn hình LED
- Kích thước sản phẩm: 420 × 298 × 65mm
- Khối lượng: 2,54kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện

920.000

BẾP TỪ ĐƠN - Single Induction cooker



NICL234 - Bếp điện từ
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 1.700W
- Chất liệu: Mặt kính Crystal bóng
- Điều khiển: Cảm ứng & núm vặn, màn hình LED
- Kích thước sản phẩm: 280 × 360 × 65mm
- Khối lượng: 1,6kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện

1.020.000





Ampo.vn

NICY660 - Bếp điện từ
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 1.800W-2.000W
- Chất liệu:
  + Mặt kính: Crystal bóng
  + Mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng, màn hình LED
- Kích thước: 350 × 280 × 60mm
- Khối lượng: 2,3kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện

1.020.000



NICK667 - Bếp điện từ
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 2.000W
- Chất liệu:
+ Mặt kính: Crystal bóng
+ Mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng, màn hình LED
- Kích thước sản phẩm: 280 × 360 × 65mm
- Khối lượng: 2,15kg
- Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện

1.180.000

DÒNG BẾP MỎNG



NICZ839 - Bếp điện từ
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 1.850W - 2.000W
- Chất liệu: Mặt kính Crystal
- Điều khiển: Cảm ứng, màn hình LED
- Kích thước sản phẩm: 290 × 370 × 42mm
- Khối lượng: 2,8kg
- Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện

1.080.000



NICL662 - Bếp điện từ
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 1.850W-2.000W
- Chất liệu:
+ Mặt kính: Crystal bóng
+ Mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng, màn hình LED
- Kích thước sản phẩm: 280 × 350 × 52mm
- Khối lượng: 2,4kg
- Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện

1.080.000

DÒNG BẾP MỎNG



Ampo.vn

NICS647 - Bếp điện từ
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 2.000W
- Chất liệu:
  + Mặt kính: Ceramic bóng
  + Mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng, màn hình LED
- Kích thước: 350 × 280 × 47mm
- Khối lượng: 2,6kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện

1.180.000

LẮP ÂM VÀ NỔI



INVERTER

NICL679 - Bếp điện từ
- Điện áp: 220-240V, 50-60Hz
- Công suất: 2.000W
- Công suất tăng cường: 2.200W
- Chất liệu:
  + Mặt kính: Crystal bóng
  + Mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng trượt
- Kích thước sản phẩm: 320 × 390 × 80mm
- Kích thước lỗ khoét: 270 × 360mm
- Khối lượng: 3,9kg
- Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện
- Trang bị tính năng chống tràn

1.650.000

BẾP TỪ ĐÔI - Double Induction cooker

LẮP NỔI KHÔNG LẮP ÂM



NICZ485 - Bếp điện từ đôi
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 1.800W+1.700W
- Chất liệu:
+ Mặt kính: Crystal bóng
+ Mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng trượt, màn hình LED
- Kích thước sản phẩm: 578 × 368 × 55mm
- Khối lượng: 5,1kg
- Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện

5.480.000



LẮP ÂM VÀ NỔI



Ampo.vn

NICL290 - Bếp điện kết hợp từ & hồng ngoại
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất vùng nấu từ: 2000W, Booster: 2.200W
- Công suất vùng hồng ngoại: 2.000W
- Loại mâm nhiệt vùng nấu từ: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng trượt
- Chất liệu: Mặt kính Crystal bóng
- Kích thước sản phẩm: 734 × 433 × 84mm
- Kích thước lỗ khoét: 675 × 390mm
- Khối lượng: 10kg
- Tự động tắt khi quá nhiệt & điện
- Trang bị tính năng chống tràn

6.900.000

LẮP ÂM VÀ NỔI



Ampo.vn

MADE IN THAILAND

NICL483 - Bếp điện từ đôi
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 2.000W+2.000W
- Booster 2 vùng lên tới 4400W
- Loại mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng trượt
- Chất liệu: Mặt kính Crystal bóng
- Kích thước sản phẩm: 734 × 433 × 83mm
- Kích thước lỗ khoét: 675 × 390mm
- Khối lượng: 9,6kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện
- Trang bị tính năng chống tràn

8.500.000

BẾP TỪ ĐÔI - Double Induction cooker



NICL482 - Bếp điện từ đôi
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 2.000W+2.000W
- Booster 2 vùng lên tới 4.400W
- Loại mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng trượt
- Chất liệu: Mặt kính Crystal bóng
- Kích thước sản phẩm: 734 × 433 × 82mm
- Kích thước lỗ khoét: 675 × 390mm
- Khối lượng: 10kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện
- Trang bị tính năng chống tràn

10.000.000



NICL481 - Bếp điện từ đôi
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 2.400W+2.400W
- Booster 2 vùng lên tới 5.200W
- Loại mâm nhiệt : 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng trượt
- Chất liệu : Mặt kính Ceramic bóng
- Kích thước sản phẩm: 731 × 431 × 84mm
- Kích thước lỗ khoét: 675 × 390mm
- Khối lượng: 14kg
- Tự động tắt khi quá nhiệt & điện
- Trang bị tính năng chống tràn
- Trang bị công nghệ HALF BRIDGE – sôi liu riu

10.900.000

MÁY HÚT MÙI – Range Hood



NRH701B
- Điện áp: 220 -240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 200W
- Công suất đèn: 3W
- Động cơ: Bạc đạn
- Lực hút tối đa: 800m³/h
- Đường kính lỗ thoát: 150mm
- Tấm lọc: bằng nhôm, 2 cái x 3 lớp
- Kích thước sản phẩm: 695 × 280 × 305mm
- Khối lượng: 9kg
- Đóng gói: 01 bộ/ thùng
- Có than hoạt tính đi kèm sản phẩm

2.900.000



NRH702B
- Điện áp: 220 -240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 200W
- Công suất đèn: 3W
- Động cơ: BLDC – 100% dây đồng
- Lực hút tối đa: 1.280m³/h
- Đường kính lỗ thoát: 160mm
- Tấm lọc: bằng kim loại 2 vách ngăn
- Kích thước sản phẩm: 700 × 420× 400mm
- Khối lượng: 15kg
- Đóng gói: 01 bộ/ thùng
- Có than hoạt tính đi kèm sản phẩm

5.000.000



NRH703M
- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 130W
- Công suất đèn: 3W
- Động cơ: AC motor
- Lực hút tối đa: 550m³/h
- Đường kính lỗ thoát: 120mm
- Tấm lọc: bằng nhôm, 2 cái x 3 lớp
- Kích thước sản phẩm: 695 × 470 × 135mm
- Khối lượng: 7,5kg
- Đóng gói: 01 bộ/ thùng
- Có than hoạt tính đi kèm sản phẩm

2.800.000





NRH703B
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 130W
- Công suất đèn: 3W
- Động cơ: AC motor
- Lực hút tối đa: 550m³/h
- Đường kính lỗ thoát: 120mm
- Tấm lọc: bằng nhôm, 2 cái x 3 lớp
- Kích thước sản phẩm: 695 × 470 × 135mm
- Khối lượng: 7,5kg
- Đóng gói: 01 bộ/ thùng
- Có than hoạt tính đi kèm sản phẩm

2.650.000

MÁY SƯỞI CÓ THÔNG GIÓ - Bathroom Dryer



NBD0330
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Chất liệu: nhựa PC và PP
- Công suất:
  + Sưởi PTC: 2200W
  + Quạt hút: 35W
  + Làm mát: 35W
  + Đèn: 13W
- Kích thước khoét lỗ: 275 × 275mm
- Lưu lượng gió: 140m³/h
- Điều khiển: Remote
- Sản phẩm: 300 × 300 × 166,3mm - 4,2Kg
- Chức năng: Sưởi ấm, sấy khô, gió mát, thông gió và đèn sáng

2.200.000



NBD2560
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Chất liệu: nhựa PC và PP
- Công suất:
  + Sưởi PTC: 2400W
  + Quạt hút: 40W
  + Làm mát: 40W
  + Đèn: 18W
- Kích thước khoét lỗ: 305 × 605mm
- Lưu lượng gió: 150m³/h
- Điều khiển: Remote
- Sản phẩm: 634 × 334 × 138,4mm - 5,9kg
- Chức năng: Sưởi ấm, sấy khô, gió mát, thông gió và đèn sáng

2.750.000



NBD2561
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Chất liệu: nhựa PC và PP
- Công suất:
  + Sưởi PTC: 2600W
  + Quạt hút: 40W
  + Làm mát: 40W
  + Đèn: 25W
- Kích thước khoét lỗ: 305 × 605mm
- Lưu lượng gió: 150m³/h
- Điều khiển: Remote
- Sản phẩm: 600 × 300 × 130mm - 5,8kg
- Chức năng: Sưởi ấm, sấy khô, gió mát, thông gió và đèn sáng

3.250.000



NBD2562
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Chất liệu: nhựa PC và PP
- Công suất:
  + Sưởi PTC: 2400W
  + Quạt hút: 40W
  + Làm mát: 40W
  + Đèn: 24W
- Kích thước khoét lỗ: 305 × 605mm
- Lưu lượng gió: 150m³/h
- Điều khiển: Remote
- Sản phẩm: 634 × 334 × 138,4 mm – 5,9kg
- Chức năng: Sưởi ấm, sấy khô, gió mát, thông gió và đèn sáng

2.950.000

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ

Máy lọc không khí Nanoco NAP9933S sở hữu thiết kế hiện đại, nhỏ gọn cùng hệ thống lọc đa lớp, giúp lọc bụi mịn và khử mùi hiệu quả, mang đến bầu không khí trong lành, dễ chịu cho không gian sống. Phù hợp sử dụng trong gia đình, đặc biệt là những không gian cần được chăm sóc chất lượng không khí mỗi ngày.



NAP9933S

HEPA H13 – LỌC BỤI MỊN 0.3µm
Hệ thống lọc đa lớp kết hợp HEPA H13, Carbon và lưới lọc bụi thô, hỗ trợ lọc bụi mịn PM2.5 và khử mùi hiệu quả.
HEPA H13

CẢM BIẾN PM2.5 – THEO DÕI CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ
Cảm biến bụi PM2.5 cùng hệ thống hiển thị chất lượng không khí bằng màu sắc, giúp dễ dàng theo dõi tình trạng không khí trong phòng.
PM 2.5

ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH – TIỆN NGHI MỖI NGÀY
Điều khiển bằng cảm ứng và ứng dụng, tích hợp hẹn giờ 2–4–8 giờ, khóa trẻ em, cảnh báo thay bộ lọc và chức năng Aroma khuếch tán tinh dầu.
APP

- MÁY LỌC KHÔNG KHÍ



- MÁY LỌC NƯỚC



- MÁY HÚT BỤI
- MÁY HÚT ẨM



- MÁY SƯỞI DẦU
- TỦ SẤY QUẦN ÁO



- MÁY SẤY TÓC
- ĐẦU VÒI SEN TẮM



- MÁY BƠM NƯỚC



MÁY LỌC KHÔNG KHÍ - Air Purifier





NAP2725
- Điện áp: 100-240V ~ 50/60Hz
- Phạm vi sử dụng: 25 - 30m²
- Công suất: 27W
- Lưu lượng không khí (CADR): 210m³/h (118CFM)
- Loại motor: DC
- Điều khiển: cảm ứng
- Cấp độ gió: 3 cấp độ
- Khả năng lọc: Lọc bụi kích thước 0,3µm
- Chế độ: Tự động
- Tích hợp cảm biến bụi PM2.5
- Tích hợp công nghệ Ion âm
- Hẹn giờ: 2h – 4h – 8h
- Chức năng cảnh báo bộ lọc/ Khóa trẻ em/Thể hiện chất lượng không khí qua màu sắc
- Khử khuẩn bằng đèn UV-C
- Loại lưới lọc: HEPA H13 & Carbon
- Có thể lọc lông thú cưng
- Kích thước sản phẩm: 278 × 278 × 515mm
- Khối lượng sản phẩm: 2,9kg

3 cấp độ màu: Tốt | Trung bình | Xấu

3.300.000

NEW





NAP1525
- Điện áp: 24V DC
- Phạm vi sử dụng: 15 - 25m²
- Công suất: 11W
- Lưu lượng không khí (CADR): 120m³/h (70CFM)
- Loại motor: DC
- Điều khiển: cảm ứng
- Cấp độ gió: 3 cấp độ + cấp tự động
- Khả năng lọc: Lọc bụi kích thước 0,3µm
- Chế độ: Ngủ
- Tích hợp cảm biến bụi PM2.5
- Tích hợp công nghệ Ion âm
- Hút gió 360°
- Hẹn giờ: 1h - 2h - 4h - 8h
- Chức năng cảnh báo bộ lọc/ Khóa trẻ em/Thể hiện chất lượng không khí qua màu sắc
- Khuếch tán tinh dầu
- Loại lưới lọc: HEPA H13, Carbon, thô
- Kích thước sản phẩm: 225 × 225 × 310mm
- Khối lượng sản phẩm: 2,5kg

4 cấp độ màu: Rất tốt | Tốt | Trung bình | Xấu

2.350.000





NAP9933S
- Điện áp: 100–240V ~ 50/60Hz
- Phạm vi sử dụng: 30 – 40m²
- Công suất: 35W
- Lưu lượng không khí (CADR): 350m³/h (200CFM)
- Loại motor: DC
- Điều khiển: Cảm ứng và App
- Cấp độ gió: 3 cấp độ & cấp tự động
- Khả năng lọc: Lọc bụi kích thước 0,3µm
- Chế độ: Tự động/ Ngủ
- Tích hợp cảm biến bụi PM2.5
- Hẹn giờ: 2h – 4h – 8h
- Chức năng cảnh báo bộ lọc/ Khóa trẻ em/Thể hiện chất lượng không khí qua màu sắc
- Chức năng khuếch tán tinh dầu
- Loại lưới lọc: Lưới lọc thô & HEPA H13 & Carbon
- Có thể lọc lông thú cưng
- Kích thước sản phẩm: 257 × 253 × 490mm
- Khối lượng sản phẩm: 4,0kg

3 cấp độ màu: Tốt | Trung bình | Xấu

4.600.000



NEW





NAP9948 - Máy lọc không khí tạo ẩm
- Điện áp: 220v ~ / 50Hz
- Phạm vi sử dụng: ≤ 50m²
- Công suất: 42W
- Dung tích bình chứa: 2L
- Lưu lượng không khí (CADR): 380m³/h (224CFM)
- Lưu lượng tạo ẩm: 450ml/h
- Loại motor: DC
- Điều khiển: Cảm ứng & App
- Cấp độ gió: 4 cấp độ & cấp tự động
- Khả năng lọc: Lọc bụi kích thước 0,3µm
- Chế độ: Tự động/ Ngủ/ Hẹn giờ
- Tích hợp cảm biến bụi PM2.5
- Công nghệ lọc: Ion âm
- Tích hợp chức năng tạo ẩm
- Chức năng cảnh báo bộ lọc/ Khóa trẻ em/Thể hiện chất lượng không khí qua màu sắc
- Khử khuẩn bằng đèn UV-C
- Khuếch tán tinh dầu
- Loại lưới lọc: HEPA H13, Carbon, thô và bộ lọc tạo ẩm HEPA
- Kích thước sản phẩm: 270 × 270 × 630mm
- Khối lượng sản phẩm: 5,5kg

4 cấp độ màu: Rất tốt | Tốt | Trung bình | Xấu

5.600.000

NEW

Máy lọc không khí ôtô





NCAP05K - Đen
NCAP05S - Xám bạc
- Điện áp: 5V DC
- Phạm vi sử dụng: 3 - 5m²
- Công suất: 3W
- Cổng nguồn: USB/ TYPE-C
- Lưu lượng không khí (CADR): <15m³/h (<8,8CFM)
- Loại motor: DC
- Điều khiển: Cảm ứng
- Cấp độ gió: 3 cấp độ
- Khả năng lọc: Lọc bụi kích thước 0,3µm
- Tích hợp cảm biến bụi PM2.5
- Hút gió 360°
- Khử khuẩn bằng đèn UV-C
- Tích hợp công nghệ ion âm
- Khuếch tán tinh dầu
- Loại lưới lọc: HEPA H13, Carbon, thô
- Kích thước sản phẩm: 72 × 72 × 185mm
- Khối lượng sản phẩm: ~ 0,3kg

1.200.000

MÁY LỌC NƯỚC - Water purifier

NEW



NWP51P - Máy lọc nước R.O để bàn (Loại nối ống)
- Điện áp: 220-240V ~ 50/ 60Hz
- Công suất định danh: 2200W
- Công suất làm nóng: 2100W
- Công suất làm lạnh: 70W
- Năng suất làm lạnh: 0,5L/h (≤15°C)
- Năng suất làm nóng: 18L/h (≥90°C)
- Lưu lượng lọc nước: 15,6L/h
- Áp lực nước sử dụng: 0,4~0,6MPa
- Nguồn nước đầu vào: Nước máy
- Nhiệt độ nước đầu vào: 5-38°C
- Kích thước sản phẩm: 375 × 225 × 375mm
- Khối lượng sản phẩm: 7,6kg

* Dự kiến có hàng 12/2026

10.000.000

NEW



NWP51T - Máy lọc nước R.O để bàn (Loại bình chứa)
- Điện áp: 220-240V ~ 50/ 60Hz
- Công suất định danh: 2200W
- Công suất làm nóng: 2100W
- Công suất làm lạnh: 70W
- Năng suất làm lạnh: 0.5L/h (≤15°C)
- Năng suất làm nóng: 18L/h (≥90°C)
- Lưu lượng lọc nước: 15.6L/h
- Áp lực nước sử dụng: 0.4~0.6MPa
- Dung tích bình chứa: 4.8L
- Nhiệt độ nước đầu vào: 5-38°C
- Kích thước sản phẩm: 375 × 225 × 375mm
- Khối lượng sản phẩm: 7,6 kg

* Dự kiến có hàng 12/2026

10.000.000

MÁY HÚT BỤI - Vacuum Cleaner



NVC015S - Máy hút bụi sạc pin
- Điện áp sử dụng: 11,1V
- Động cơ: BLDC
- Dung tích khay chứa bụi: 0,2L
- Điều khiển: nút nhấn
- Chất liệu lưới lọc: inox không gỉ và HEPA
- Cấp độ: 3 cấp độ hút - thổi
- Lực hút thổi lớn nhất: 17 – 18Kpa
- Dung lượng pin: 2000mAh x 3
- Phụ kiện đi kèm: 2 đầu hút, 3 đầu thổi và 1 đầu xả khí
- Kích thước sản phẩm: 233 × 190 × 63mm
- Khối lượng sản phẩm: 493g

900.000



NVC012B - Máy hút bụi sạc pin
- Điện áp sử dụng: 7,4V
- Động cơ: BLDC
- Dung tích khay chứa bụi: 0,2L
- Điều khiển: nút nhấn
- Chất liệu lưới lọc: inox không gỉ và HEPA
- Cấp độ: 3 cấp độ hút - thổi
- Lực hút thổi lớn nhất: 12 – 13Kpa
- Dung lượng pin: 2000mAh x 2
- Phụ kiện đi kèm: 2 đầu hút, 3 đầu thổi và 1 đầu xả khí
- Kích thước sản phẩm: 225 × 64 × 172mm
- Khối lượng sản phẩm: 395g

700.000



NVC5202K - Máy hút bụi có dây
- Điện áp sử dụng: 220-240V~ 50/60Hz
- Công suất: 600W
- Dung tích khay chứa bụi: 0,8L
- Điều khiển: nút nhấn
- Chất liệu lưới lọc: HEPA
- Cấp độ: 1 cấp hút
- Lực hút: 17 – 18Kpa
- Chiều dài dây: 4m
- Phụ kiện đi kèm: 2 đầu hút, thanh inox
- Kích thước sản phẩm: 250 × 165 × 1.040mm
- Khối lượng sản phẩm: 1,5kg

730.000



NVC5203GR - Máy hút bụi có dây + tích hợp lau
- Điện áp sử dụng: 220-240V~ 50/60Hz
- Công suất: 600W
- Dung tích khay chứa bụi: 0,6L
- Dung tích khay chứa nước: 0,2L
- Điều khiển: nút nhấn
- Chất liệu lưới lọc: HEPA
- Cấp độ: 1 cấp hút
- Lực hút: 17 – 18Kpa
- Chiều dài dây: 4m
- Phụ kiện đi kèm: 2 đầu hút, thanh inox, khay chứa nước, giẻ lau
- Kích thước sản phẩm: 245 × 175 × 1.050mm
- Khối lượng sản phẩm: 2kg

850.000

MÁY HÚT ẨM - Dehumidifier











Lọc không khí chuyên sâu

Thông số kỹ thuật		NDH103	NDH163	NDH205	NDH256	NDHA259	NDH304
		3.830.000	5.100.000	5.600.000	6.200.000	7.500.000	6.500.000
Phạm vi sử dụng	(m^2)	10 - 15m^2	16 - 24m^2	20 - 30m^2	25 - 42m^2	30 - 42m^2	30 - 45m^2
Khả năng hút ẩm (30°C - 80%)	(L/D)	10	16	20	25	25	30
Công suất (32°C-90%)	(W)	200	290	360	400	400	420
Bình chứa	(L)	2,5	3,5	5,5	6,5	6,7	4,7
Loại máy		Nén lạnh	Nén lạnh	Nén lạnh	Nén lạnh	Nén lạnh	Nén lạnh
Điều khiển		Cảm ứng – Thanh trượt Điều chỉnh tăng giảm	Cảm ứng - Thanh trượt Điều chỉnh tăng giảm	Cảm ứng	Cảm ứng	Cảm ứng	Nút nhấn
Lực hút	(m^3/h)	120	195	195	195	266	220
Tốc độ		2	2	2	2	2	2
Khóa trẻ em		-	-	•	•	•	•
Gas làm lạnh		R290	R290	R290	R290	R290	R290
Hẹn giờ	(h)	1-24h	1-24h	1-24h	1-24h	1-24h	1-24h
Báo độ ẩm		Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc	Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc	Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc	Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc	Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc	
Báo và tự động tắt khi đầy bình chứa		•	•	•	•	•	•
Tích hợp sấy quần áo		•	•	•	•	•	-
Chế độ lọc không khí		-	-	-	-	Công nghệ Ion âm	-
Màng lọc		Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô	Hepa, Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô
Cảnh báo thay bộ lọc		-	-	-	-	-	•
Tuổi thọ màng lọc		1năm	1năm	1năm	1năm	1năm	1năm
Chế độ hoạt động		Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ	Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ quạt Chế độ ngủ	Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ hút ẩm mạnh Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ	Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ hút ẩm mạnh Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ	Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ hút ẩm mạnh Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ	Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ hút ẩm mạnh Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ
Khối lượng sản phẩm	(Kg)	8,5	12	12,5	13	14	14
Kích thước sản phẩm (C x R x S)	(mm)	250×250×528	260×260×618	350×200×600	340×240×570	365×210×605	390×260×500

*Giá bán đã bao gồm VAT

MÁY SƯỞI DẦU - Oil Heater



NOH2614RC
- Điện áp sử dụng: 220-240V/ 50-60Hz
- Công suất: 2.600W
- Phạm vi sử dụng: 15-20m²
- Điều khiển: Cảm ứng + remote
- Mức độ nhiệt: 3 mức độ (1.000W – 1.500W – 2.600W)
- Nhiệt độ: từ 15°C đến 45°C
- Số thanh tỏa nhiệt: 13 thanh
- Kích thước thanh: 145×575mm
- Hẹn giờ: Có
- Có giá treo quần áo, hộp đựng tinh dầu
- Tự động ngắt khi đổ ngã
- Kích thước sản phẩm: 550 × 290 × 620mm

2.750.000



NOH2613
- Điện áp sử dụng: 220-240V/ 50-60Hz
- Công suất: 2.600W
- Phạm vi sử dụng: 15-20m²
- Điều khiển: Nút vặn
- Mức độ nhiệt: 3 mức độ (1.000W – 1.500W – 2.600W)
- Nhiệt độ: từ 15°C đến 45°C
- Số thanh tỏa nhiệt: 13 thanh
- Kích thước thanh: 145×575mm
- Có giá treo quần áo, hộp đựng tinh dầu
- Tự động ngắt khi đổ ngã
- Kích thước sản phẩm: 550 × 290 × 620mm

2.100.000

TỦ SẤY QUẦN ÁO - Clothes dryer



NCD1502
- Điện áp: 220V/ 50Hz
- Công suất: 1500W
- Sức chứa quần áo khô: ≤20kg
- Hẹn giờ: tối đa 180 phút
- Điều khiển: Nút vặn
- Kích thước sản phẩm: 800 × 450 × 1700mm
- Khối lượng sản phẩm: 4,5kg

1.440.000



NCD2006
- Điện áp: 220V/ 50Hz
- Công suất: 2000W
- Sức chứa quần áo khô: ≤30kg
- Hẹn giờ: tối đa 180 phút
- Điều khiển: Nút vặn
- Kích thước sản phẩm: 900 × 500 × 1700mm
- Khối lượng sản phẩm: 6,0kg

1.770.000



NCD2024RC
- Điện áp: 220V/ 50Hz
- Công suất: 2000W
- Sức chứa quần áo khô: ≤ 30kg
- Hẹn giờ tối đa: 240 phút
- Điều khiển: Remote + Cảm ứng
- 3 cấp độ: Quạt (Lạnh) - 1000W (Nóng) - 2000W (Nóng)
- Kích thước sản phẩm: 900 × 500 × 1700mm
- Khối lượng sản phẩm: 5,7kg

2.020.000



NCD2207
- Điện áp: 220V/50 Hz
- Công suất: 2200W
- Sức chứa quần áo khô: ≤ 50kg
- Hẹn giờ tối đa: 180 phút
- Điều khiển: Nút vặn
- Kích thước sản phẩm: 1000 × 500 × 1800mm
- Khối lượng sản phẩm: 6,9kg

1.990.000

MÁY SẤY TÓC - Hair dryer

NEW



NHD120PL (Tím)
NHD120G (Xanh)
NHD120PK (Hồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 1400W
- Chế độ: Sấy nóng & Sấy mát, có ION âm
- Kích thước sản phẩm: 247 × 67,5 × 77,5mm
- Kích thước hộp: 340 × 80 × 134mm
- Khối lượng: 0,78kg

730.000



NEW



NHD230D-PL (Tím)
NHD230D-G (Xanh)
NHD230D-PK (Hồng)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 1400W
- Chế độ: Sấy nóng & Sấy mát, có ION âm
- Kích thước sản phẩm: 247 × 67,5 × 77,5mm
- Kích thước hộp: 340 × 80 × 134mm
- Khối lượng: 0,78kg

850.000

NEW



NHD340G (Xanh)
NHD340BE (Beige)
- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 1600W
- Chế độ: Sấy nóng & Sấy mát
- Kích thước sản phẩm: 164 × 75 × 263mm
- Kích thước hộp: 164 × 75 × 263mm
- Khối lượng: 0,58kg

400.000

ĐẦU VÒI SEN TẮM - Shower head

NEW



NSE904K - Đầu vòi sen tắm
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Phun nước: 4 chế độ (Phun mưa/ phun kết hợp/ phun sương/ phun xịt)
- Lõi lọc: Cotton và đá lọc
- Áp suất làm việc tối đa: 0,5 MPa
- Khối lượng sản phẩm: 220g
- Kích thước sản phẩm: 24,5 × 9cm

220.000

NEW



NSE905S - Đầu vòi sen tắm
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Phun nước: 5 chế độ (Phun mưa/ phun tia/ phun sương cắt/ phun massage/ phun sương mù)
- Lõi lọc: 4 loại đá chức năng
- Áp suất làm việc tối đa: 0,5 MPa
- Khối lượng sản phẩm: 300g
- Kích thước sản phẩm: 28,6 × 11,8 cm

250.000



MÁY BƠM NƯỚC TĂNG ÁP 1 THIẾT BỊ



NEW

*Cấp bảo vệ IP68 *Độ ồn <50 db(A) *Đầu vào/ra: G1/2
*Nhựa kĩ thuật *Nhiệt độ chất lỏng ≤ 75 ˚C

Mã hàng	Điện áp	Công suất (W)	lưu lượng tối đa (lít/phút)	Đường kính ống hút/xả (mm)	Cột áp tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NMBP50	24V (DC)	50	15	21	11	●	●	1.390.000
NMBP80		80	21,7	21	16	●	●	1.440.000

MÁY BƠM NƯỚC TĂNG ÁP TỰ ĐỘNG

Tăng áp điện tử

*Bơm có cảm biến dòng chảy *Cổ bầu áp lực bằng kim loại
*Dây điện 1,8m + phích cắm *Bơm dùng được cho cả nước NÓNG VÀ LẠNH



Mã hàng	Công suất (W)	Công suất (HP)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Cột áp tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NCPS128-A	128	0,17	30	34	25	●	●	2.450.000
NCPS200-A	200	0,24	36	34	28	●	●	2.670.000
NCPS300-A	300	0,4	38	34	30	●	●	2.760.000
NCPS400-A	400	0,53	40	34	32	●	●	2.860.000



NCPS250-AT	250	0,34	37	34	30	●	●	2.680.000
NCPS370-AT	370	0,5	40	34	36	●	●	2.760.000
NCPS550-AT	550	0,7	50	34	42	●	●	3.700.000
NCPS750-AT	750	1	57	34	50	●	●	3.880.000

Biến tần

*Dây điện 1,5m + phích cắm *Nhiệt độ nước khuyến nghị sử dụng <75ºC



Mã hàng	Công suất (W)	Công suất (HP)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Cột áp tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NIP400	400	0,53	66	34	42	●	●	4.530.000
NIP600	600	0,8	70	34	52	●	●	5.930.000

MÁY BƠM NƯỚC ĐẨY CAO

Có tay xách

*Dây điện 1,8m + phích cắm



Mã hàng - Giá bán				Công suất (W)	Công suất (HP)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính ống hút/xả (mm)	Chiều sâu hút tối đa (m)	Cột áp (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%
NSP128	1.580.000	NGP128	1.830.000	128	0,17	30	34	8	25	●	●
NSP200	1.700.000	NGP200	1.910.000	200	0,24	36	34	8	28	●	●
NSP300	1.850.000	NGP300	2.080.000	300	0,4	38	34	8	30	●	●
NSP400	2.000.000	NGP400	2.200.000	400	0,53	40	34	8	32	●	●

Không có tay xách

*Dây điện 20cm



Mã hàng	Công suất (W)	Công suất (HP)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Chiều sâu hút tối đa (m)	Cột áp tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NCLP550	550	0,7	45	34	8	42	●	●	2.150.000
NCLP750	750	1	54	34	8	46	●	●	2.280.000

MÁY BƠM NƯỚC HOẠT ĐỘNG LY TÂM

Đầu jet

* Dây điện 20cm



Mã hàng	Công suất (W)	Công suất (HP)	Lưu lượng nước (lít/phút)	Chiều sâu hút tối đa (m)	Độ cao hút đẩy tối đa (m)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NJET750	750	1	50	8	40	34	●	●	2.330.000

Ly tâm

* Dây điện 20cm



Mã hàng	Công suất (W)	Công suất (HP)	Lưu lượng nước (lít/phút)	Chiều sâu hút tối đa (m)	Độ cao hút đẩy tối đa (m)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NCP750	750	1	90	8	28	34	●	●	2.400.000

Lưu lượng

* Dây điện 20cm * Bơm lưu lượng không dùng để đẩy cao



Mã hàng	Công suất (W)	Công suất (HP)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Cột áp tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NHF750	750	1	300	60	10	●	●	2.250.000



Mã hàng	Công suất (W)	Công suất (HP)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Cột áp tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NDK1100	1.100	1,5	450	60	15	●	●	3.290.000
NDK1500	1.500	2	485	60	17	●	●	3.410.000



Máy bơm nanoco
Hiệu suất mạnh mẽ
Bền bỉ theo thời gian

Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước có chất rắn có thể gây kẹt bơm.


Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất, sỏi, đá, cát.


Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm.


Không để ngập bơm trong nước


Trường hợp đặt bơm ngoài trời phải có mái che

ĐÈN SPOTLIGHT ÂM TRẦN

Mang đến ánh sáng tập trung, chân thực, Spotlight âm trần Nanoco giúp tạo điểm nhấn tinh tế cho không gian. Linh hoạt điều chỉnh hướng chiếu, kết hợp đa dạng màu ánh sáng và màu chóa đèn, dễ dàng hòa hợp với nhiều phong cách nội thất.



NSP07WB244

360°
XOAY 360° – LINH HOẠT CHIẾU SÁNG
Điều chỉnh hướng chiếu ngay cả sau khi lắp đặt.

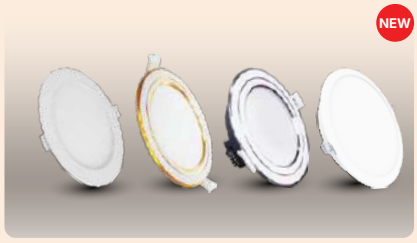
CRI Ra90
TÁI HIỆN MÀU SẮC CHÂN THỰC
Ánh sáng trung thực, tôn nổi màu sắc và vật thể.

UGR <10
CHỐNG CHÓI TỐI ƯU
Ánh sáng êm dịu - Bảo vệ thị lực

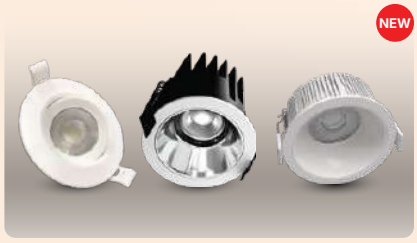
LINH HOẠT ÁNH SÁNG – ĐA DẠNG PHONG CÁCH
Tùy chọn màu ánh sáng và màu chóa đèn theo từng không gian.



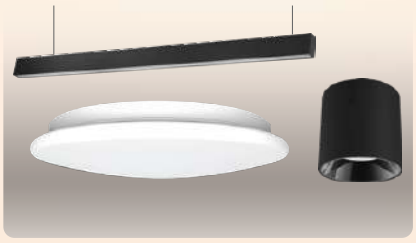
- ĐÈN DOWNLIGHT
- ĐÈN SLIM PANEL



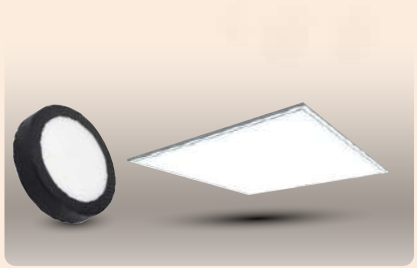
- ĐÈN DOWNLIGHT CHỈNH GÓC
- ĐÈN SPOTLIGHT ÂM TRẦN



- ĐÈN TRẦN CHỐNG ẨM
- ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR
- ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ



- ĐÈN ỐP NỔI TRẦN
- ĐÈN OFFICE PANEL



- ĐÈN BULB TRỤ - TRÒN
- ĐÈN BULB TRANG TRÍ - HOA CÚC
- DÂY BULB KÍN NƯỚC



- ĐÈN T8 - MÁNG ĐÈN
- ĐÈN BÁN NGUYỆT



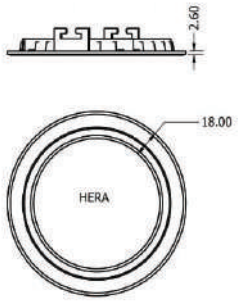
ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN HERA SERIES

CRI Ra80 | 120° | IP 20

* Chất liệu thân đèn: Nhôm
* Thiết kế driver nguồn rời
* Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn







Hình ảnh	Màu viền	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
	viền trắng	NSD076W90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	125.000
		NSD074W90		550	Trung tính 4000K				
		NSD073W90		500	Vàng 3000K				
		NSD07CW90	7W/220V	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	145.000
		NSD096W110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	40	149.000
		NSD094W110		700	Trung tính 4000K				
		NSD093W110		630	Vàng 3000K				
		NSD09CW110	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	40	175.000
		NSD126W135	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	40	180.000
		NSD124W135		1.000	Trung tính 4000K				
		NSD123W135		900	Vàng 3000K			30	
		NSD12CW135	12W/220V	900-1.000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø146/H22	Ø135	40	201.000
	viền vàng	NSD076G90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	135.000
		NSD074G90		550	Trung tính 4000K				
		NSD073G90		500	Vàng 3000K				
		NSD07CG90	7W/220V	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	155.000
		NSD096G110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	40	165.000
		NSD094G110		700	Trung tính 4000K			36	
		NSD093G110		630	Vàng 3000K				
		NSD09CG110	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	40	185.000
		NSD126G135	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	40	191.000
		NSD124G135		1.000	Trung tính 4000K			30	
		NSD123G135		900	Vàng 3000K				
		NSD12CG135	12W/220V	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø146/H22	Ø135	40	211.000
	viền bạc	NSD076S90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	135.000
		NSD074S90		550	Trung tính 4000K				
		NSD073S90		500	Vàng 3000K				
		NSD07CS90	7W/220V	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	155.000
		NSD096S110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	40	165.000
		NSD094S110		700	Trung tính 4000K			36	
		NSD093S110		630	Vàng 3000K				
		NSD09CS110	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	40	185.000
		NSD126S135	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	40	191.000
		NSD124S135		1.000	Trung tính 4000K				
		NSD123S135		900	Vàng 3000K			30	
		NSD12CS135	12W/220V	900-1.000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø146/H22	Ø135	40	211.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN MIRA SERIES

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



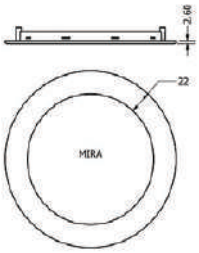


CRI Ra80 | IP 20

* Chất liệu: Nhôm nhựa
* Thiết kế driver nguồn rời

Ampo.vn NPM09C

Ampo.vn NPM126





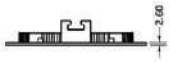
Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPM096	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø132/H22	Ø110	40	135.000
NPM094		700	Trung tính 4000K				
NPM093		630	Vàng 3000K				
NPM09C	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø132/H22	Ø110	40	154.000
NPM126	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø151/H22	Ø135	40	160.000
NPM124		1.000	Trung tính 4000K				
NPM123		900	Vàng 3000K				
NPM12C	12W/220V	900-1.000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø151/H22	Ø135	40	181.000

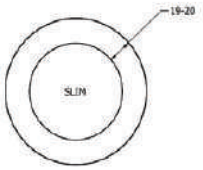
ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN

Đèn Slim Panel âm trần

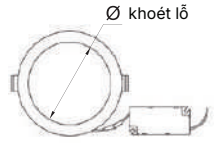
CRI Ra80 | IP 20

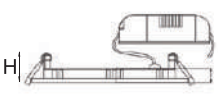
* Chất liệu thân đèn: Nhôm
* Thiết kế driver nguồn rời
* Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí











Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSD0661	6W/ 220V	420	Trắng 6500K	Φ120/ H22	Φ110	40	130.000
NSD0641		400	Trung tính 4000K				
NSD0631		360	Vàng 3000K				
NSD06C1	6W/ 220V	420-462	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ120/ H22	Φ110	36	150.000
NSD0961	9W/ 220V	630	Trắng 6500K	Φ145/ H22	Φ135	40	165.000
NSD0941		620	Trung tính 4000K				
NSD0931		600	Vàng 3000K				
NSD09C1	9W/ 220V	630-693	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ145/ H22	Φ135	40	215.000
NSD1261	12W/ 220V	840	Trắng 6500K	Φ174/ H22	Φ160	40	191.000
NSD1241		820	Trung tính 4000K				
NSD1231		800	Vàng 3000K				
NSD12C1	12W/ 220V	824-840	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ174/ H22	Φ160	40	252.000
NSD1561	15W/ 220V	1.125	Trắng 6500K	Φ200/ H22	Φ185	40	252.000
NSD1541		1.125	Trung tính 4000K				
NSD1531		1.050	Vàng 3000K			20	

*Giá bán đã bao gồm VAT

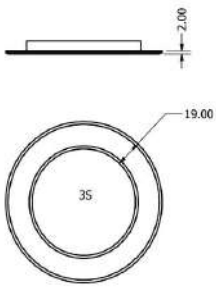
ĐÈN DOWNLIGHT 3S SERIES

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

CRI Ra80 | IP 20

* Chất liệu thân đèn: Nhôm
* Thiết kế driver nguồn rời
* Thiết kế đa dạng mẫu với 3 màu viền đèn: trắng - vàng - bạc
* **Sử dụng LED Seoul Semiconductor**
* **Độ sáng cao: 105lm/W**







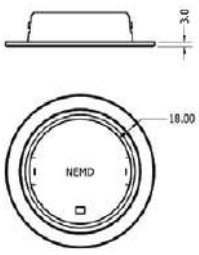
Mã sản phẩm			Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Viền trắng	Viền vàng	Viền bạc							
NDL096W90	NDL096G90	NDL096S90	9W/ 220V	945	Trắng 6500K	Ø112/H35	Ø90	40	174.000
NDL094W90	NDL094G90	NDL094S90		945	Trung tính 4000K				
NDL093W90	NDL093G90	NDL093S90		900	Vàng 3000K				
NDL09CW90	NDL09CG90	NDL09CS90	9W/220V	900-945	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø112/H35	Ø90	40	205.000
NDL126W110	NDL126G110	NDL126S110	12W/ 220V	1.260	Trắng 6500K	Ø130/H35	Ø110	40	200.000
NDL124W110	NDL124G110	NDL124S110		1.260	Trung tính 4000K			40	
NDL123W110	NDL123G110	NDL123S110		1.200	Vàng 3000K			36	
NDL12CW110	NDL12CG110	NDL12CS110	12W/220V	1.200-1.260	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø130/H35	Ø110	40	235.000

ĐÈN DOWNLIGHT ECO METAL SERIES

CRI Ra80 | IP 20

* Chất liệu: Thân đèn nhôm
* Thiết kế driver tích hợp
* **Độ sáng cao: 100lm/W**







Mã sản phẩm			Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Viền trắng	Viền vàng	Viền bạc							
NEMD106W90	NEMD106G90	NEMD106S90	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	Ø118/H36	Ø90	40	136.000
NEMD104W90	NEMD104G90	NEMD104S90			Trung tính 4000K				
NEMD103W90	NEMD103G90	NEMD103S90			Vàng 3000K				
NEMD10CW90	NEMD10CG90	NEMD10CS90	10W/220V	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø118/H36	Ø90	40	152.000
NEMD106W110	NEMD106G110	NEMD106S110	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	156.000
NEMD104W110	NEMD104G110	NEMD104S110			Trung tính 4000K				
NEMD103W110	NEMD103G110	NEMD103S110			Vàng 3000K				
NEMD10CW110	NEMD10CG110	NEMD10CS110	10W/220V	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	172.000
NEMD126W110	NEMD126G110	NEMD126S110	12W/220V	1.200	Trắng 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	163.000
NEMD124W110	NEMD124G110	NEMD124S110			Trung tính 4000K				
NEMD123W110	NEMD123G110	NEMD123S110			Vàng 3000K				
NEMD12CW110	NEMD12CG110	NEMD12CS110	12W/220V	1080-1200	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	186.000

ĐÈN DOWNLIGHT ECO SERIES

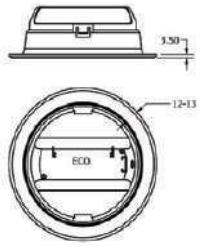
(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

CRI Ra80 | IP 20

* Chất liệu: thân đèn nhựa PP
* Thiết kế driver tích hợp
* **Độ sáng cao: 90lm/W**

ĐÈN DOWNLIGHT ECO SERIES



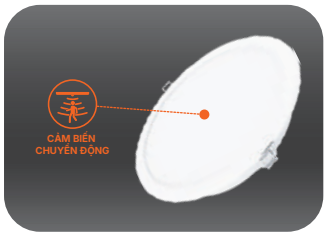


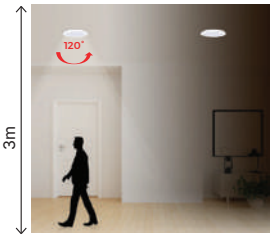
Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NED076	7W/ 220V	630	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	113.000
NED074		630	Trung tính 4000K				
NED073		595	Vàng 3000K				
NED07C	7W/220V	595-630	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	133.000
NED096	9W/ 220V	810	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	130.000
NED094		810	Trung tính 4000K				
NED093		765	Vàng 3000K				
NED09C	9W/220V	765-810	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	146.000
NED123	12W/220V	910	Vàng 3000K	Ø140/H45	Ø120	40	150.000
NED12C	12W/220V	910-980	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø140/H45	Ø120	40	174.000
NED1261	12W/ 220V	1.080	Trắng 6500K	Ø130/H45	Ø110	40	150.000
NED1241		1.080	Trung tính 4000K				
NED1231		1.020	Vàng 3000K				
NED12C1	12W/220V	1.020-1.080	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø130/H45	Ø110	40	174.000
NED156	15W/ 220V	1.350	Trắng 6500K	Ø170/H45	Ø145	40	191.000
NED154		1.350	Trung tính 4000K				
NED153		1.275	Vàng 3000K				
NED186	18W/ 220V	1.620	Trắng 6500K	Ø170/H45	Ø145	40	208.000
NED184		1.620	Trung tính 4000K				
NED183		1.530	Vàng 3000K				
NED246	24W/ 220V	2.160	Trắng 6500K	Ø220/H45	Ø195	40	281.000
NED244		2.160	Trung tính 4000K				
NED243		2.040	Vàng 3000K				

CRI Ra80 | IP 20

* Chất liệu: Thân đèn nhựa PP
* Thiết kế driver, cảm biến được tích hợp bên trong đèn

Đèn tự động bật khi có người chuyển động trong vùng phát hiện cảm biến bán kính 5m, độ cao trần 3m
Đèn tự động tắt sau khoảng 60 giây kể từ khi không còn phát hiện chuyển động
Khoảng cách lắp đặt giữa các đèn cảm biến nên cách nhau 2,5m
Cảm biến radar có thể phát hiện chuyển động sau tường, cửa





ĐÈN DOWNLIGHT ECO SERIES CẢM BIẾN

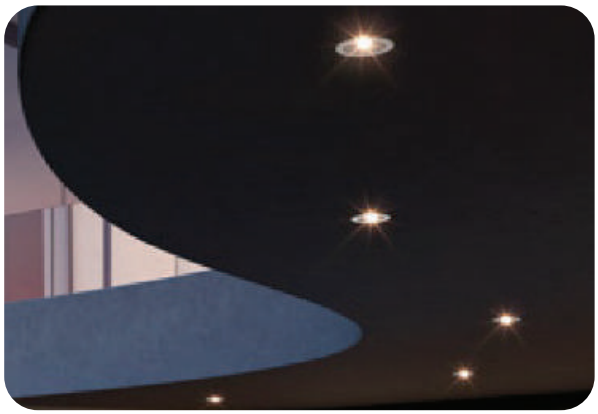
Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NED096S	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	195.000
NED094S NEW		700	Trung tính 4000K				
NED093S		655	Vàng 3000K				
NED126S	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø130/H45	Ø110	40	240.000
NED124S NEW		1.000	Trung tính 4000K				
NED123S		936	Vàng 3000K				

ĐÈN DOWNLIGHT CHỈNH GÓC

CRI Ra80 | IP 20

*Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa thấu kính nhựa PC trong suốt.
*Điều chỉnh được góc xoay tối đa 20 độ, tùy theo mục đích sử dụng trong nhà, thích hợp chiếu điểm trưng bày sản phẩm, tranh tường.







Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NADL076	7W/ 220V	630	Trắng 6500K	Ø95/H46	Ø75-80	20	166.000
NADL074			Trung tính 4000K				
NADL073			Vàng 3000K				
NADL096	9W/ 220V	810	Trắng 6500K	Ø95/H46	Ø75-80	20	183.000
NADL094			Trung tính 4000K				
NADL093			Vàng 3000K				

ĐÈN SPOTLIGHT ÂM TRẦN

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN SPOTLIGHT ÂM TRẦN - NOVA SERIES

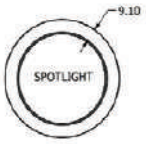




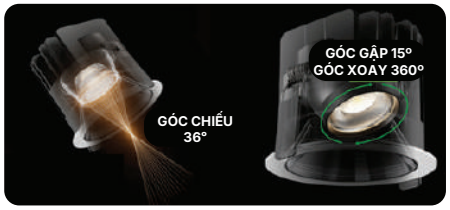


** Chất liệu: Nhôm sơn tĩnh điện, thân đèn màu đen mờ, viền đèn màu trắng*
**** Sử dụng Driver Lifud, chip LED Bridgelux***
**** Có thể điều chỉnh hướng chiếu của đèn sau khi gắn trần***









Mã sản phẩm			Góc chiếu	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Chóa chrome	Chóa trắng	Chóa đen								
NSP07WC246	NSP07WW246	NSP07WB246	24°	07W/220V	500	Trắng 6500K	Φ69/ L62	Ø55	10	538.000
NSP07WC244	NSP07WW244	NSP07WB244				Trung tính 4000K				
NSP07WC243	NSP07WW243	NSP07WB243				Vàng 3000K				
NSP12WC246	NSP12WW246	NSP12WB246		12W/220V	1.080	Trắng 6500K	Φ83/ L72	Ø75	10	635.000
NSP12WC244	NSP12WW244	NSP12WB244				Trung tính 4000K				
NSP12WC243	NSP12WW243	NSP12WB243				Vàng 3000K				
NSP07WC366	NSP07WW366	NSP07WB366	36°	07W/220V	500	Trắng 6500K	Φ69/ L62	Ø55	10	538.000
NSP07WC364	NSP07WW364	NSP07WB364				Trung tính 4000K				
NSP07WC363	NSP07WW363	NSP07WB363				Vàng 3000K				
NSP12WC366	NSP12WW366	NSP12WB366		12W/220V	1.080	Trắng 6500K	Φ83/ L72	Ø75	10	635.000
NSP12WC364	NSP12WW364	NSP12WB364				Trung tính 4000K				
NSP12WC363	NSP12WW363	NSP12WB363				Vàng 3000K				

ĐÈN SPOTLIGHT ÂM TRẦN - AURA SERIES

NEW

* Chất liệu: Nhôm sơn tĩnh điện, thân đèn màu trắng
* Sử dụng Driver Eaglerise
* Chip LED Bridgelux











Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSPA07WW606	7W/ 220V	525	Trắng 6000K	Ø85/ H55	Ø75	10	232.000
NSPA07WW604		525	Trung tính 4000K				
NSPA07WW603		525	Vàng 3000K				
NSPA12WW606	12W/ 220V	900	Trắng 6000K	Ø105/ H57	Ø95	10	338.000
NSPA12WW604		900	Trung tính 4000K				
NSPA12WW603		900	Vàng 3000K				
NSPA15WW606	15W/ 220V	1.125	Trắng 6000K	Ø130/ H59	Ø120	10	466.000
NSPA15WW604		1.125	Trung tính 4000K				
NSPA15WW603		1.125	Vàng 3000K				

*Giá bán đã bao gồm VAT

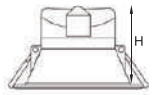
ĐÈN DOWNLIGHT

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

CRI Ra80 | IP 20

* Chất liệu: thân đèn nhựa PC * Thiết kế driver nguồn tích hợp * Độ sáng cao 95 lm/W





Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NDL0569	5W/ 220V	460	Trắng 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	171.000
NDL0549		460	Trung tính 4000K				
NDL0539		430	Vàng 3000K				
NDL05C	5W/ 220V	430 - 460	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	224.000
NDL086	8W/ 220V	780	Trắng 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	179.000
NDL083		730	Vàng 3000K				
NDL08C	8W/ 220V	730 - 780	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	238.000
NDL123	12W/ 220V	1.120	Vàng 3000K	Ø145/H65,8	Ø120	40	252.000
NDL12C	12W/ 220V	1.120 - 1.200	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø145/H65,8	Ø120	40	333.000
NDL144	14W/ 220V	1.400	Trung tính 4000K	Ø145/H65,8	Ø120	40	265.000
NDL143		1.300	Vàng 3000K				

ĐÈN TRẦN CHỐNG ẨM

CRI Ra80 | IP 44



** Chất liệu: Đế hợp kim + chụp đèn nhựa kỹ thuật PMMA*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Diện tích chiếu sáng (m^2)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NCL186MP1	18W/220V	1.440	Trắng 6500K	Φ253/ H57	8-12	6	371.000
NCL184MP1		1.440	Trung tính 4000K				
NCL183MP1		1.400	Vàng 3000K				
NCL18CMP1	18W/220V	1.440	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ253/ H57	8-12	6	408.000
NCL246MP1	24W/220V	1.920	Trắng 6500K	Φ330/ H58	10-15	6	416.000
NCL244MP1		1.920	Trung tính 4000K				
NCL243MP1		1.870	Vàng 3000K				
NCL24CMP1	24W/220V	1.920	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ330/ H58	10-15	6	478.000

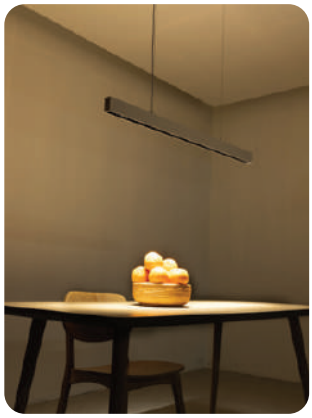
ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR

IP 20

* Chất liệu: Thân nhôm, chóa đèn nhựa
*** Sử dụng LED Osram**

* Chiều dài dây 1,2m
* Kèm bộ phụ kiện lắp thả trần





CRI Ra80



CRI Ra90



Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Góc chiếu	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (LxWxHmm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Trắng	Đen							
NLNF405W	NLNF405B	40W/ 220V	120°	3600	Trắng 5700K	1.068x33x60	10	1.150.000
NLNF404W	NLNF404B				Trung tính 4000K			
NLNF403W	NLNF403B				Vàng 3000K			
NLNG365W	NLNG365B	36W/ 220V	24°	2160	Trắng 5700K	1.068x33x60	10	1.480.000
NLNG364W	NLNG364B				Trung tính 4000K			
NLNG363W	NLNG363B				Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn thả trần - Linear



NLN-S
Phụ kiện lắp nối đèn thả trần
Kích thước 90x34mm
Chiều dài dây 207mm
Đóng gói: 1 bộ/túi, 200 bộ/thùng
47.000





ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

50,000H | CRI Ra80 | IP 20

** Chất liệu: Thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa*
**** Sử dụng LED Bridgelux***











Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Loại LED	Màu ánh sáng	Góc chiếu	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Trắng	Đen								
NSDLC105W	NSDLC105B	10W/220V	800	COB	Trắng 5000K	36°	Φ71/H75	30	420.000
NSDLC104W	NSDLC104B		800		Trung tính 4000K				
NSDLC103W	NSDLC103B		800		Vàng 3000K				
NSDLC155W	NSDLC155B	15W/220V	1.200		Trắng 5000K	36°	Φ91/H90	30	500.000
NSDLC154W	NSDLC154B		1.200		Trung tính 4000K				
NSDLC153W	NSDLC153B		1.200		Vàng 3000K				
NSDL105W	NSDL105B	10W/220V	800	SMD	Trắng 5000K	110°	Φ71/ H75	30	410.000
NSDL104W	NSDL104B		800		Trung tính 4000K				
NSDL103W	NSDL103B		800		Vàng 3000K				
NSDL155W	NSDL155B	15W/220V	1.200		Trắng 5000K	110°	Φ91/H90	30	480.000
NSDL154W	NSDL154B		1.200		Trung tính 4000K				
NSDL153W	NSDL153B		1.200		Vàng 3000K				

Phụ kiện dùng cho đèn LED Downlight Trụ





NSDL-CB
Đế gắn thả trần đèn downlight trụ đen
Chất liệu hợp kim, chiều dài dây 1,5m, AC220-240V
Kích thước: Φ60/H30mm, 30 cái/thùng
140.000





NSDL-CW
Đế gắn thả trần đèn downlight trụ trắng
Chất liệu hợp kim, chiều dài dây 1,5m, AC220-240V
Kích thước: Φ60/H30mm, 30 cái/thùng
140.000

ĐÈN ỐP NỔI TRÀN VIỀN - NANCY SERIES

25,000H | CRI Ra80 | 120° | IP 54

** Chất liệu: thân đèn nhựa, chóa đèn nhựa*
** Ứng dụng linh hoạt lắp trần & tường*











	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
 TRÒN	NRP1561R	15W/220V	1.350	Trắng 6500K	Φ170/H36	20	220.000
	NRP1541R			Trung tính 4000K			
	NRP1531R			Vàng 3000K			
	NRP15C1R	15W/220V	1.350	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ170/H36	20	250.000
	NRP2261R	22W/ 220V	1.980	Trắng 6500K	Φ220/H36	20	290.000
	NRP2241R			Trung tính 4000K			
	NRP2231R			Vàng 3000K			
	NRP22C1R	22W/ 220V	1.980	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ220/H36	20	324.000
	NRP3061R	30W/220V	2.700	Trắng 6500K	Φ300/H36	10	405.000
	NRP3041R			Trung tính 4000K			
	NRP3031R			Vàng 3000K			
	NRP30C1R	30W/220V	2.700	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ300/H36	10	472.000
 VUÔNG	NRP1561S	15W/220V	1.350	Trắng 6500K	170x170x38	20	230.000
	NRP1541S			Trung tính 4000K			
	NRP1531S			Vàng 3000K			
	NRP15C1S	15W/220V	1.350	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	170x170x38	20	260.000
	NRP2261S	22W/ 220V	1.980	Trắng 6500K	220x220x38	20	300.000
	NRP2241S			Trung tính 4000K			
	NRP2231S			Vàng 3000K			
	NRP22C1S	22W/ 220V	1.980	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	220x220x38	20	335.000
	NRP3061S	30W/220V	2.700	Trắng 6500K	300x300x38	10	440.000
	NRP3041S			Trung tính 4000K			
	NRP3031S			Vàng 3000K			
	NRP30C1S	30W/220V	2.700	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	300x300x38	10	510.000

ĐÈN ỐP NỔI TRÀN VIỀN – NANCY SERIES CẢM BIẾN CHUYỂN ĐỘNG

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

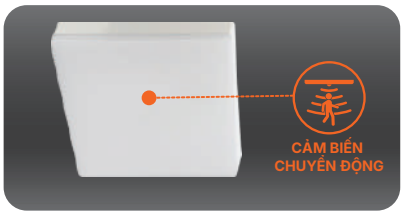


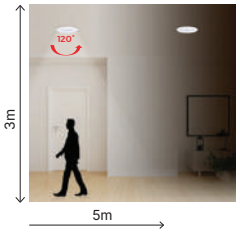


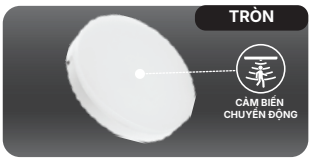


CRI Ra80 | 120° | IP 54

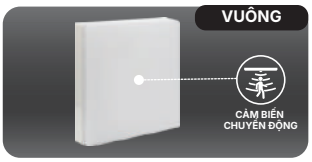
** Chất liệu: Thân đèn nhựa PP*
** Thiết kế driver, cảm biến được tích hợp bên trong đèn*
** Đèn tự động bật khi có phát hiện chuyển động trong vùng cảm biến có bán kính 5m, độ cao trần 3m*
** Đèn tự động tắt sau khoảng 60 giây kể từ khi không còn phát hiện chuyển động*
** Khoảng cách lắp đặt giữa các đèn cảm biến nên cách nhau 2,5m*
** Cảm biến radar có thể phát hiện chuyển động sau tường, cửa*







Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NRP1561RS	15W/220V	1.350	Trắng 6500K	Ø170/ H36	20	330.000
NRP2261RS	22W/220V	1.980	Trắng 6500K	Ø220/ H36	20	405.000
NRP3061RS	30W/220V	2.700	Trắng 6500K	Ø300/ H36	10	600.000



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NRP1561SS	15W/220V	1.350	Trắng 6500K	170 x 170 x H38	20	350.000
NRP2261SS	22W/220V	1.980	Trắng 6500K	220 x 220 x H38	20	440.000
NRP3061SS	30W/220V	2.700	Trắng 6500K	300 x 300 x H38	10	645.000

ĐÈN ỐP NỔI TRÀN VIỀN

CRI Ra80 | 120° | IP 20

** Chất liệu: thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa*



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NRP126R	12W/220V	1.020	Trắng 6500K	Φ123/ H42	40	198.000
NRP124R		1.020	Trung tính 4000K			
NRP123R		960	Vàng 3000K			
NRP186R	18W/220V	1.530	Trắng 6500K	Φ176/ H43	20	266.000
NRP184R		1.530	Trung tính 4000K			
NRP183R		1.440	Vàng 3000K			
NRP246R	24W/220V	2.040	Trắng 6500K	Φ228/ H43	20	367.000
NRP244R		2.040	Trung tính 4000K			
NRP243R		1.920	Vàng 3000K			

ĐÈN ỐP TRẦN NỔI VIỀN MỎNG

CRI Ra80 | 120° | IP 20

** Chất liệu: thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa*



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSFP126R	12W/220V	1.020	Trắng 6500K	Φ120/ H39,5	40	240.000
NSFP123R		960	Vàng 3000K			
NSFP186R	18W/220V	1.530	Trắng 6500K	Φ174,5/ H39,5	20	346.000
NSFP184R		1.530	Trung tính 4000K			
NSFP183R		1.440	Vàng 3000K			
NSFP246R	24W/220V	2.040	Trắng 6500K	Φ224/ H39,5	20	526.000
NSFP244R		2.040	Trung tính 4000K			
NSFP243R		1.920	Vàng 3000K			

ĐÈN ỐP NỔI

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

CRI Ra80 | IP 20

* Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa
* Ứng dụng linh hoạt lắp trần & tường



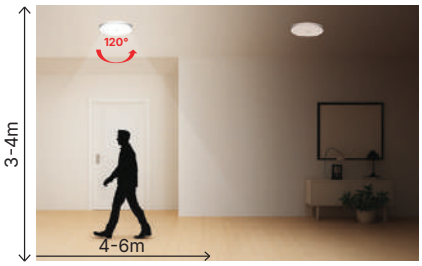
Hình ảnh	Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
	Viền trắng	Viền đen						
Tròn	NPL066R	NPL066RB	6W/ 220V	420	Trắng 6500K	Ø118/H30	40	158.000
	NPL064R	NPL064RB		400	Trung tính 4000K			
	NPL063R	NPL063RB		360	Vàng 3000K			
	NPL06CRW	NPL06CRB	6W/220V	360-420	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø118/H30	40	174.000
	NPL126R	NPL126RB	12W/ 220V	840	Trắng 6500K	Ø164/H30	20	222.000
	NPL124R	NPL124RB		820	Trung tính 4000K			
	NPL123R	NPL123RB		800	Vàng 3000K			
	NPL12CRW	NPL12CRB	12W/220V	800-840	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø164/H30	20	252.000
	NPL186R	NPL186RB	18W/ 220V	1.300	Trắng 6500K	Ø214/H30	20	275.000
	NPL184R	NPL184RB		1.250	Trung tính 4000K			
	NPL183R	NPL183RB		1.170	Vàng 3000K			
	NPL18CRW	NPL18CRB	18W/220V	1.170-1.300	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø214/H30	20	324.000
	NPL246R	NPL246RB	24W/ 220V	1.700	Trắng 6500K	Ø288/H32	10	407.000
	NPL244R	NPL244RB		1.550	Trung tính 4000K			
	NPL243R	NPL243RB		1.500	Vàng 3000K			
	NPL24CRW	NPL24CRB	24W/220V	1.500-1.700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø288/H32	10	484.000
Vuông	NPL126S	NPL126SB	12W/ 220V	840	Trắng 6500K	162×162×30	20	235.000
	NPL124S	NPL124SB		820	Trung tính 4000K			
	NPL123S	NPL123SB		800	Vàng 3000K			
	NPL12CSW	NPL12CSB	12W/220V	800-840	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	162×162×30	20	264.000
	NPL186S	NPL186SB	18W/ 220V	1.300	Trắng 6500K	213×213×30	20	305.000
	NPL184S	NPL184SB		1.250	Trung tính 4000K			
	NPL183S	NPL183SB		1.170	Vàng 3000K			
	NPL18CSW	NPL18CSB	18W/220V	1.170-1.300	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	213×213×30	20	341.000
	NPL246S	NPL246SB	24W/ 220V	1.700	Trắng 6500K	288×288×32	10	445.000
	NPL244S	NPL244SB		1.550	Trung tính 4000K			
	NPL243S	NPL243SB		1.500	Vàng 3000K			
	NPL24CSW	NPL24CSB	24W/220V	1.500-1.700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	288×288×32	10	514.000

ĐÈN ỐP TRẦN NỔI CẢM BIẾN

CRI Ra80 | IP 20

* Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa
* Thiết kế ốp nổi dễ dàng lắp đặt, thích hợp cho khu vực không đóng trần thạch cao
* Đèn tự động bật khi có phát hiện chuyển động trong vùng của cảm biến
* Đèn tự động tắt sau khoảng 30-45 giây kể từ khi không còn phát hiện chuyển động





TRÒN



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPL126RS	12W/220V	840	Trắng 6500K	Ø 171/ H38	20	419.000
NPL186RS	18W/220V	1.300		Ø 224/ H38	20	495.000
NPL246RS	24W/220V	1.700		Ø 300/ H38	10	662.000

VUÔNG



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPL126SS	12W/220V	840	Trắng 6500K	170×170×38	20	437.000
NPL186SS	18W/220V	1.300		225×225×38	20	515.000
NPL246SS	24W/220V	1.700		300×300×38	10	692.000

ĐÈN BACKLIT OFFICE PANEL - MARIS SERIES

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

CRI Ra80 | 120° | IP 20



*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao
*** Sử dụng LED Bridgelux**
* LED được bố trí phía sau khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang và đi thẳng ra ngoài, có **hiệu suất chiếu sáng cao 100lm/W**
* Với 3 cách lắp đặt:
+ Thả trần
+ Âm trần và treo trần (Cần mua phụ kiện riêng)*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPLB303061	18W/ 220V	1.800	Trắng 6500K	300x300x32	10	449.000
NPLB303041			Trung tính 4000K			
NPLB306061	24W/220V	2.400	Trắng 6500K	300x600x32	5	490.000
NPLB306041			Trung tính 4000K			
NPLB606061	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	600x600x32	5	700.000
NPLB606041			Trung tính 4000K			
NPLB606062	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	600x600x32	5	748.000
NPLB606042			Trung tính 4000K			
NPLB301261	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	300x1200x32	5	835.000
NPLB301241			Trung tính 4000K			
NPLB601261	60W/220V	6.000	Trắng 6500K	600x1200x32	5	1.460.000
NPLB601241			Trung tính 4000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Backlit Office Panel - Maris series



NPLB1-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần
41.000



NPLB1-H4
Bộ 2 dây đèn gắn treo trần
Chiều dài dây treo 1,5m
66.000

ĐÈN BACKLIT OFFICE PANEL

CRI Ra80 | 120° | IP 20



*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao
* LED được bố trí phía sau khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang và đi thẳng ra ngoài, có **hiệu suất chiếu sáng cao 95lm/W***
** Với 3 cách lắp đặt: + Thả trần
+ Âm trần và treo trần (Cần mua phụ kiện riêng)*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPLB30304	18W/220V	1.700	Trung tính 4000K	295x295x30	10	530.000
NPLB60604	40W/220V	4.000	Trung tính 4000K	595x595x30	5	701.000
NPLB30126	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	295x1195x30	5	970.000
NPLB30124			Trung tính 4000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Backlit Office Panel



NPLB-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần
41.000

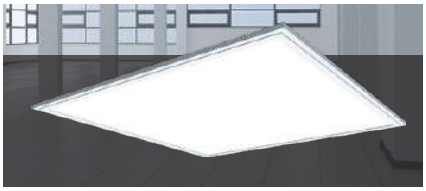


NPLB-H4
Bộ 4 dây đèn gắn treo trần
Chiều dài dây treo 1m
66.000

ĐÈN SIDELIT OFFICE PANEL

CRI Ra80 | 120° | IP 20

*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao.
* LED được bố trí theo viền khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm dẫn quang, tấm phản quang, tấm tán quang. Nhờ đó ánh sáng được phân bố **đều, dịu nhẹ**, hạn chế chói.
* Thiết kế dạng tấm siêu mỏng, hiện đại thích hợp sử dụng. lắp đặt tại văn phòng và các không gian làm việc, ...
* Với 3 cách lắp đặt:
+ Thả trần
+ Âm trần và treo trần (Cần mua phụ kiện riêng)*



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPL30306	18W/220V	1.600	Trắng 6500K	295x295x8,8	10	641.000
NPL30304		1.600	Trung tính 4000K			
NPL30303		1.520	Vàng 3000K			
NPL30606	24W/220V	2.100	Trắng 6500K	595x295x8,8	5	788.000
NPL30604		2.100	Trung tính 4000K			
NPL30603		1.995	Vàng 3000K			
NPL60606	40W/220V	3.600	Trắng 6500K	595x595x8,8	5	956.000
NPL60604		3.600	Trung tính 4000K			
NPL60603		3.420	Vàng 3000K			
NPL30126	40W/220V	3.600	Trắng 6500K	1195x295x9,4	5	1.110.000
NPL30124		3.600	Trung tính 4000K			
NPL30123		3.420	Vàng 3000K			
NPL60126	60W/220V	5.400	Trắng 6500K	1195x595x9,4	4	2.663.000
NPL60124		5.400	Trung tính 4000K			
NPL60123		5.130	Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Sidelit Office Panel



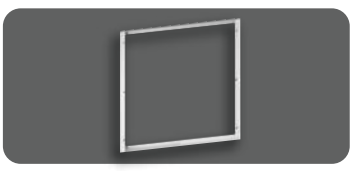
NPL-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần
41.000



NPL-H4
Bộ 4 dây đèn gắn treo trần
Chiều dài dây treo 1m
66.000

KHUNG LẮP NỔI DÙNG CHO ĐÈN OFFICE PANEL BACKLIT VÀ SIDELIT





NPLF6060

Chất liệu nhôm sơn tĩnh điện màu trắng, độ dày 1,2mm
Kích thước: L606xW606xH50mm
Sử dụng với đèn Office Panel 600 x 600 (Chiều cao đèn & nguồn <50mm)
Đóng gói 20 cái/thùng

396.000

ĐÈN BULB TRÒN E27 LITE SERIES - IP 20

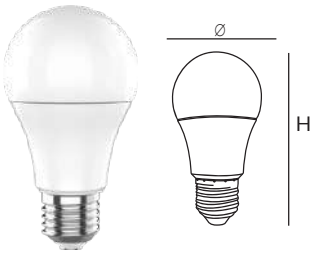
(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

* Đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 19/2019 (BKHCN)

CRI Ra80 | IP 20

* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa
* Thiết kế dạng tròn nhỏ gọn tiện sử dụng, sử dụng đui đèn E27 phù hợp với các loại đèn thông dụng
* Độ sáng cao 100 lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu





Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBL036	3W/220V	300	Trắng 6500K	Φ50/ H85	60	34.000
NLBL033		285	Vàng 3000K			
NLBL056	5W/220V	500	Trắng 6500K	Φ55 / H100	60	38.000
NLBL053		475	Vàng 3000K			
NLBL076	7W/220V	700	Trắng 6500K	Φ60/ H106	60	40.000
NLBL073		665	Vàng 3000K			
NLBL096	9W/220V	900	Trắng 6500K	Φ60/ H118	60	45.000
NLBL093		855	Vàng 3000K			
NLBL126	12W/220V	1.200	Trắng 6500K	Φ70/ H135	60	58.000
NLBL123		1.140	Vàng 3000K			
NLBL156	15W/220V	1.500	Trắng 6500K	Φ80/ H155	30	70.000
NLBL153		1.425	Vàng 3000K			

ĐÈN BULB TRÒN E27 - IP 20

** Sử dụng chip LED Seoul Semiconductor*



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBA036	3W/220V	300	Trắng 6500K	Φ50/ H85	60	42.000
NLBA033		285	Vàng 3000K			
NLBA056	5W/220V	500	Trắng 6500K	Φ55/ H100	60	47.000
NLBA053		475	Vàng 3000K			
NLBA076	7W/220V	700	Trắng 6500K	Φ60/ H108	60	56.000
NLBA073		665	Vàng 3000K			
NLBA096	9W/220V	900	Trắng 6500K	Φ60/ H118	60	65.000
NLBA093		855	Vàng 3000K			
NLBA123	12W/220V	1.140	Vàng 3000K	Φ70/ H138	60	74.000
NLBA156	15W/220V	1.500	Trắng 6500K	Φ80/ H155	40	93.000
NLBA153		1.425	Vàng 3000K			
NLBA206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	Φ95/ H187	12	132.000
NLBA203		1.900	Vàng 3000K			
NLBA306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	Φ120/ H232	12	181.000
NLBA303		2.850	Vàng 3000K			

ĐÈN BULB NÔNG NGHIỆP HOA CÚC





CRI Ra80 | IP 54

* Chất liệu thân đèn nhôm nhựa, chóa nhựa trong, dùng đui đèn E27
* Sử dụng công nghệ chiếu sáng nhân tạo bằng đèn Led chuyên dụng giúp tiết kiệm điện và điều tiết sinh trưởng của hoa cúc

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBC093	9W/220V	900	Vàng 3000K	Φ60/ H108	60	68.000

ĐÈN BULB TRANG TRÍ E27

* Đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 19/2019 (BKHCN)

CRI Ra80 | IP 20

* Chất liệu: thân đèn nhựa, chóa đèn nhựa
* Thiết kế dạng tròn nhỏ gọn tiện sử dụng, sử dụng đui đèn E27 phù hợp với các loại đèn thông dụng



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLB02W	1,5W/220V	Trắng	Φ45/ H68	100	22.000
NLB02Y		Vàng			
NLB02O		Cam			
NLB02R		Đỏ			
NLB02B		Xanh dương			
NLB02G		Xanh lục			
NLB02P		Hồng			
NLB02V		Tím			

ĐÈN BULB TRỤ E27 LITE SERIES - IP 20

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

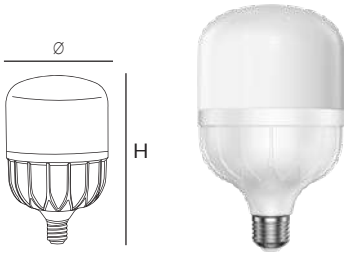
* Đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)





CRI Ra80 | IP 20

** Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa*
** Thiết kế kích thước lớn với phần chiếu sáng rộng, độ sáng cao 100lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu*

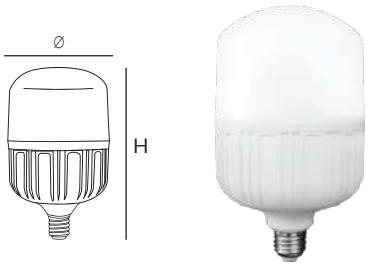


Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBL206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	Φ80/ H135	40	72.000
NLBL203		1.900	Vàng 3000K			
NLBL306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	Φ100 /H160	20	108.000
NLBL303		2.850	Vàng 3000K			
NLBL406	40W/220V	4000	Trắng 6500K	Φ120/ H195	20	146.000
NLBL403		3.800	Vàng 3000K			
NLBL506	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	Φ140/ H220	20	190.000
NLBL503		4.750	Vàng 3000K			

ĐÈN BULB TRỤ E27 TITAN SERIES - IP 20

CRI Ra80 | IP 20

** Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa*
** Thiết kế kích thước lớn với phần chiếu sáng rộng, độ sáng cao 100lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu*
**** Sử dụng chip LED Seoul Semiconductor***



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBT206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	Φ80/ H140	40	113.000
NLBT203		1.800	Vàng 3000K			
NLBT306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	Φ100 /H172	12	155.000
NLBT303		2.700	Vàng 3000K			
NLBT406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	Φ120/ H205	12	211.000
NLBT403		3.600	Vàng 3000K			
NLBT506	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	Φ140/ H242	12	288.000
NLBT503		4.500	Vàng 3000K			

DÂY ĐÈN BULB E27 KÍN NƯỚC NEW

MAX 800W | IP 54 | DÙNG BULB E27

*Chất liệu lõi dây: Hợp kim mạ đồng







NLBS0510
Chiều dài dây: 5m - 10 đui đèn
Tiết diện dây 0.5mm², phích cắm tròn
Công suất tối đa: 800W
Có đầu nối kín nước để nối tiếp các dây đèn; cần đảm bảo mối nối được lắp kín đúng kỹ thuật
Đóng gói: 20 cuộn/thùng
240.000



NLBS1015
Chiều dài dây: 10m - 15 đui đèn
Tiết diện dây 0.5mm², phích cắm tròn
Công suất tối đa: 800W
Có đầu nối kín nước để nối tiếp các dây đèn; cần đảm bảo mối nối được lắp kín đúng kỹ thuật
Đóng gói: 10 cuộn/thùng
372.000



NLBS1020
Chiều dài dây: 10m - 20 đui đèn
Tiết diện dây 0.5mm², phích cắm tròn
Công suất tối đa: 800W
Có đầu nối kín nước để nối tiếp các dây đèn; cần đảm bảo mối nối được lắp kín đúng kỹ thuật
Đóng gói: 10 cuộn/thùng
450.000

ĐÈN TUÝP T8

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

CRI Ra80 | 180° | IP 20

* Đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 19/2019 (BKHCN)



Đèn LED tuýp T8 Lite Series


Thuỷ tinh

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8G106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	Dài 0,6m	25	70.000
NT8G103		1.200	Vàng 3000K			
NT8G206	20W/220V	2.400	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	90.000
NT8G203		2.400	Vàng 3000K			
NT8G406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	108.000
NT8G403		4.000	Vàng 3000K			


Thuỷ tinh bọc nhựa

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8P106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	Dài 0,6m	25	89.000
NT8P103		1.200	Vàng 3000K			
NT8P226	22W/220V	2.640	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	125.000
NT8P223		2.640	Vàng 3000K			

Đèn LED tuýp T8


Thuỷ tinh

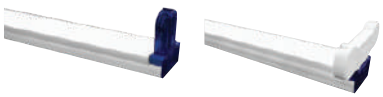
Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8T103	10W/220V	1.150	Vàng 3000K	Dài 0,6m	25	79.000
NT8T206	20W/220V	2.400	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	107.000
NT8T203		2.250	Vàng 3000K			
NT8T403	40W/220V	4.000	Vàng 3000K	Dài 1,2m	25	125.000


Thuỷ tinh bọc nhựa

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8T0961	9W/220V	900	Trắng 6500K	Dài 0,6m	25	81.000
NT8T0931		860	Vàng 3000K			
NT8T1861	18W/220V	1.800	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	114.000
NT8T1831		1.750	Vàng 3000K			
NT8T226	22W/220V	2.200	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	132.000
NT8T223		2.010	Vàng 3000K			

MÁNG ĐÈN TUÝP T8

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



** Chất liệu: thân đèn kim loại dày 0,3mm, sơn tĩnh điện trắng*

Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Đầu đèn	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8F106	220V	G13	35x618x18	1 bóng T8 0,6m	25	45.000
NT8F112	220V	G13	35x1228x18	1 bóng T8 1,2m	25	53.000
NT8F212	220V	G13	40x1228x23	2 bóng T8 1,2m	25	91.000



CRI Ra80 | 180° | IP 20

Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Đầu đèn	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8F109N	220V	G13	43,5x620x18,5	1 bóng T8 0,6m	25	73.000
NT8F118N	220V	G13	43,5x1230x18,5	1 bóng T8 1,2m	25	95.000

MÁNG ĐÈN KÍN NƯỚC

180° | IP 65 | IK 08

** Chất liệu: thân nhựa PC màu xám, chóa nhựa trong*
** Độ chống nước cao IP65 thích hợp sử dụng nơi có độ ẩm cao*
** Nhiệt độ sử dụng thích hợp từ -20°C đến 40°C*
** Sản phẩm không kèm bóng*
** Sử dụng với bóng LED tuýp T8 ≤ 22W để phù hợp với nhiệt độ sử dụng*





Máng loại 1 bóng



Máng loại 2 bóng

Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NWP106	220V	660 x 70 x 75	1 bóng T8 0,6m	18	268.000
NWP112		1270 x 70 x 75	1 bóng T8 1,2m	12	453.000
NWP212		1270 x 110 x 72	2 bóng T8 1,2m	8	608.000

BỘ MÁNG ĐÈN T8

CRI Ra80 | 180° | IP 20

* Đèn đạt tiêu chuẩn Hiệu suất năng lượng và dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)

Bộ máng đèn T8 thủy tinh



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại đơn (1 bóng) (Mã máng + Mã bóng)	Đóng gói (bộ/thùng)	Giá bán (cái)
NT8FG106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	35 x 618 x 18	NT8F106 + NT8G106	15	120.000
NT8FG206	20W/220V	2.400		35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8G206		145.000
NT8FG406	40W/220V	4.000			NT8F112 + NT8G406		175.000



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại đơn (1 bóng) (Mã máng + Mã bóng)	Đóng gói (bộ/thùng)	Giá bán (cái)
NT8F1106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	35 x 618 x 18	NT8F106 + NT8T106	15	125.000
NT8F1206	20W/220V	2.400	Trắng 6500K	35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8T206	15	163.000
NT8F1406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8T406	15	187.000

Bộ máng đèn T8 thủy tinh bọc nhựa



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại đơn (1 bóng) (Mã máng + Mã bóng)	Đóng gói (bộ/thùng)	Giá bán (cái)
NT8F109N6	9W/220V	900	Trắng 6500K	43,5 x 620 x 18,5	NT8F109N + NT8T0961	15	147.000
NT8F109N3		860	Vàng 3000K		NT8F109N + NT8T0931		
NT8F118N6	18W/220V	1.800	Trắng 6500K	43,5 x 1230 x 18,5	NT8F118N + NT8T1861	15	206.000
NT8F118N3		1.750	Vàng 3000K		NT8F118N + NT8T1831		

ĐÈN BÁN NGUYỆT

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

CRI Ra80 | 160° | IP 20



Bán nguyệt ECO

** Chất liệu: Nhựa PC nguyên khối*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHE206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	600 x 60 x 28	10	160.000
NSHE204			Trung tính 4000K			
NSHE203			Vàng 3000K			
NSHE406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	1200 x 60 x 28	10	230.000
NSHE404			Trung tính 4000K			
NSHE403			Vàng 3000K			
NSHE506	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	1200 x 60 x 28	10	250.000
NSHE504			Trung tính 4000K			
NSHE503			Vàng 3000K			

CRI Ra80 | 120° | IP 20



Bán nguyệt Oval - Nhựa

** Chất liệu: Thân và chóa đèn nhựa PC trắng*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHOP256	25W/220V	3.000	Trắng 6500K	600 x 60 x 31	10	199.000
NSHOP254			Trung tính 4000K			
NSHOP253			Vàng 3000K			
NSHOP506	50W/220V	6.000	Trắng 6500K	1200 x 60 x 31	10	299.000
NSHOP504			Trung tính 4000K			
NSHOP503			Vàng 3000K			
NSHOP706	70W/220V	8.400	Trắng 6500K	1203 x 80 x 31	10	380.000
NSHOP704			Trung tính 4000K			
NSHOP703			Vàng 3000K			

CRI Ra80 | 160° | IP 20

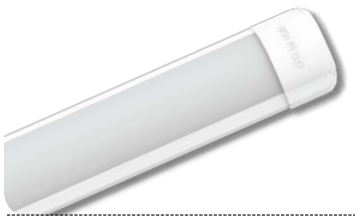


Bán nguyệt Oval - Nhôm

** Chất liệu: Khung đèn nhôm màu trắng, chóa nhựa PC*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHO206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	600 x 61 x 31	10	202.000
NSHO204		2.000	Trung tính 4000K			
NSHO203		1.820	Vàng 3000K			
NSHO406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	1200 x 61 x 31	10	328.000
NSHO404		4.000	Trung tính 4000K			
NSHO403		3.630	Vàng 3000K			
NSHO606	60W/220V	6.600	Trắng 6500K	1200 x 86 x 30	10	410.000
NSHO604		6.600	Trung tính 4000K			
NSHO603		6.000	Vàng 3000K			

CRI Ra80 | 160° | IP 20



** Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm sơn trắng, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC*

**** Sử dụng LED Bridgelux***

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHV186	18W/220V	1.800	Trắng 6500K	600 x 75 x 30	10	199.000
NSHV184		1.800	Trung tính 4000K			
NSHV183		1.710	Vàng 3000K			
NSHV366	36W/220V	3.600	Trắng 6500K	1200 x 75 x 30	10	320.000
NSHV364		3.600	Trung tính 4000K			
NSHV363		3.420	Vàng 3000K			
NSHV456	45W/220V	4.500	Trắng 6500K	1200 x 75 x 30	10	340.000

CRI Ra80 | 160° | IP 20



** Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm màu bạc, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSH186	18W/220V	1.600	Trắng 6500K	600 x 75 x 27	10	249.000
NSH184			Trung tính 4000K			
NSH183			Vàng 3000K			
NSH366	36W/220V	3.000	Trắng 6500K	1200 x 75 x 27		425.000
NSH364			Trung tính 4000K			
NSH363			Vàng 3000K			

ĐÈN LED THANH RAY NAM CHÂM

Đèn LED thanh ray nam châm Nanoco là một sản phẩm đột phá trong ngành thiết bị chiếu sáng. Với khả năng linh hoạt và đa dạng mẫu mã, sản phẩm không chỉ mang đến ánh sáng chất lượng mà còn là điểm nhấn độc đáo cho không gian.

NMGFG123B

Chất liệu: Thân đèn nhôm màu đen, chóa đèn nhựa

30,000H | IP 42 | CRI Ra90



- **ĐÈN TRACK LIGHT & RAY NAM CHÂM**
  - ĐÈN TRACK LIGHT
  - ĐÈN THANH RAY NAM CHÂM
- **ĐÈN LED DÂY**
  - ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI
  - ĐÈN LED DÂY NEON
  - ĐÈN LED DÂY COB
  - ĐÈN LED DÂY TRONG NHÀ
  - ĐÈN LED DÂY ĐỔI MÀU
- **ĐÈN LED PHA, ĐÈN ĐƯỜNG**
  - ĐÈN LED PHA
  - ĐÈN PHA SOLAR
  - ĐÈN SOLAR SÂN VƯỜN
  - KHỚP NỐI KÍN NƯỚC
  - ĐÈN ĐƯỜNG







- **ĐÈN TRANG TRÍ**
  - ĐÈN TRẦN
  - ĐÈN GẮN TƯỜNG
  - ĐÈN LỐI ĐI - CẢM BIẾN
  - ĐÈN ÂM ĐẤT
  - ĐÈN SÂN VƯỜN
- **ĐÈN DÂN DỤNG**
  - ĐÈN SẠC
  - ĐÈN BÀN
  - ĐÈN BẮT MUỖI
  - ĐÈN SƯỞI - NHÀ TẮM
  - VỢT MUỖI
- **ĐÈN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG**
  - ĐÈN KHẨN CẤP THOÁT HIỂM
  - ĐÈN HIGHBAY

https://kimquang.vn

ĐÈN TRACK LIGHT T2 - SORA SERIES

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



* Chất liệu thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa
* Đèn tracklight thiết kế lắp trực tiếp không cần sử dụng với thanh ray
* Góc chiếu 24°, góc xoay 350°









Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Đen	Trắng						
NTRS105B	NTRS105W	10W/220V	900	Trắng 5000K	Φ50/ L120	20	390.000
NTRS104B	NTRS104W		900	Trung tính 4000K			
NTRS103B	NTRS103W		900	Vàng 3000K			
NTRS205B	NTRS205W	20W/220V	1.800	Trắng 5000K	Φ70/ L150	20	560.000
NTRS204B	NTRS204W		1.800	Trung tính 4000K			
NTRS203B	NTRS203W		1.800	Vàng 3000K			

ĐÈN TRACK LIGHT T2 - EIRA SERIES



* Chất liệu thân đèn: Thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa trong
* Thiết kế thân đèn thon gọn, sang trọng
* Dùng kèm với phụ kiện thanh ray T2 bên dưới
* Góc chiếu 24°, góc xoay 350°
* ***Sử dụng chip Bridgelux***











Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Đen	Trắng						
NTRE105B	NTRE105W	10W/220V	850	Trắng 5000K	Φ60/ H120	20	350.000
NTRE104B	NTRE104W		850	Trung tính 4000K			
NTRE103B	NTRE103W		810	Vàng 3000K			
NTRE205B	NTRE205W	20W/220V	1.700	Trắng 5000K	Φ66/ H130	12	460.000
NTRE204B	NTRE204W		1.700	Trung tính 4000K			
NTRE203B	NTRE203W		1.600	Vàng 3000K			
NTRE305B	NTRE305W	30W/220V	2.550	Trắng 5000K	Φ78/ H160	12	590.000
NTRE304B	NTRE304W		2.550	Trung tính 4000K			
NTRE303B	NTRE303W		2.400	Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Track Light T2 - EIRA series

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

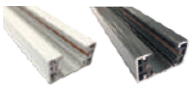






NTRE-CW - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray T2 màu trắng
NTRE-CB - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray T2 màu đen

Đóng gói: 50 cái/thùng — **60.000**

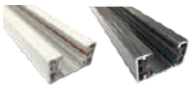


NTRE-HR1W - Thanh ray T2 1m màu trắng
NTRE-HR1B - Thanh ray T2 1m màu đen
Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34,2x19,5 mm
Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20
Đóng gói: 20 cái/thùng — **160.000**



NTRE-MCW - Khớp nối giữa cho thanh ray T2 màu trắng
NTRE-MCB - Khớp nối giữa cho thanh ray T2 màu đen

Đóng gói: 50 cái/thùng — **22.000**

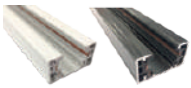


NTRE-HR15W - Thanh ray T2 1,5m màu trắng
NTRE-HR15B - Thanh ray T2 1,5m màu đen
Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34,2x19,5 mm
Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20
Đóng gói: 20 cái/thùng — **270.000**



NTRE-LCW - Khớp nối chữ L cho thanh ray T2 màu trắng
NTRE-LCB - Khớp nối chữ L cho thanh ray T2 màu đen

Đóng gói: 50 cái/thùng — **36.000**



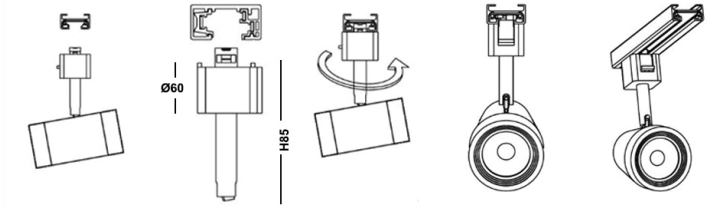
NTRE-HR20W - Thanh ray T2 2m màu trắng
NTRE-HR20B - Thanh ray T2 2m màu đen
Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34,2x19,5 mm
Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20
Đóng gói: 20 cái/thùng — **360.000**



NTRE-CB8W - Đế ngồi gắn đèn track light T2 màu trắng
NTRE-CB8B - Đế ngồi gắn đèn track light T2 màu đen
Kích thước: Ø 92/H22 mm
Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20
Đóng gói: 50 cái/thùng — **70.000**

ĐÈN TRACK LIGHT











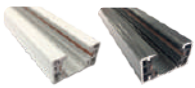


* Chất liệu: Thân đèn nhôm bọc nhựa, chóa đèn nhựa PC
* Có thể điều chỉnh đèn xoay 330° theo phương ngang, 90° theo phương thẳng đứng
* Dùng kèm với phụ kiện đèn track light loại H



Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Đen	Trắng						
NTR076B	NTR076W	7W/220V	500	Trắng 6500K	Φ60/ H85	20	399.000
NTR074B	NTR074W		500	Trung tính 4000K			
NTR073B	NTR073W		475	Vàng 3000K			
NTR146B	NTR146W	14W/220V	1.200	Trắng 6500K	Φ85/ H134	20	599.000
NTR143B	NTR143W		1.140	Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Track Light Nanoco



NTR-HR1W - Thanh ray loại H 1m màu trắng
NTR-HR1B - Thanh ray loại H 1m màu đen
Chưa gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 35x18mm
Loại T3 (L+N+PE) 75-270V/50Hz Max20A IP20
Đóng gói: 12 cái/thùng — **295.000**



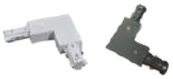
NTR-CW - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-CB - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 100 cái/thùng — **80.000**



NTR-MCW - Khớp nối giữa thanh ray loại H màu trắng
NTR-MCB - Khớp nối giữa thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 200 cái/thùng — **57.000**



NTR-LCW - Khớp nối chữ L cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-LCB - Khớp nối chữ L cho thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 100 cái/thùng — **119.000**



NTR-TCW - Khớp nối chữ T cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-TCB - Khớp nối chữ T cho thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 100 cái/thùng — **156.000**



NTR-4CW - Khớp nối chữ thập cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-4CB - Khớp nối chữ thập cho thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 60 cái/thùng — **202.000**

ĐÈN RAY NAM CHÂM

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

30,000H

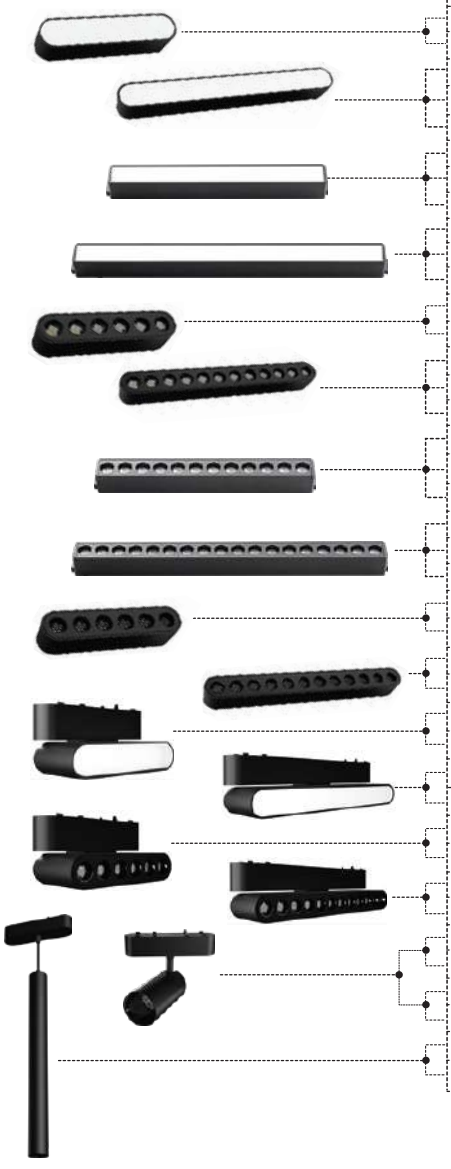
CRI Ra90

IP 42





Chất liệu: Thân đèn nhôm màu đen, chóa đèn nhựa



Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Góc chiếu	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NMGF063B	Đèn pha nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K Trung tính 4000K	110°	26x26x120	40	210.000
NMGF064B								
NMGF123B		12W/ DC48V	720	Vàng 3000K Trung tính 4000K Trắng 6000K	110°	26x26x235	40	330.000
NMGF124B								
NMGF126B								
NMGF123BS	NEW	12W/ DC48V	600	Vàng 3000K Trung tính 4000K Trắng 6000K	110°	26x26x222	40	344.000
NMGF124BS								
NMGF126BS								
NMGF183BS		18W/ DC48V	990	Vàng 3000K Trung tính 4000K Trắng 6000K	110°	26x26x333	40	403.000
NMGF184BS								
NMGF186BS								
NMGG063B	Đèn chiếu điểm nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K Trung tính 4000K	24°	26x26x120	40	260.000
NMGG064B								
NMGG123B		12W/ DC48V	720	Vàng 3000K Trung tính 4000K Trắng 6000K	24°	26x26x235	40	430.000
NMGG124B								
NMGG126B								
NMGG123BS	NEW	12W/ DC48V	480	Vàng 3000K Trung tính 4000K Trắng 6000K	24 °	26x26x222	40	363.000
NMGG124BS								
NMGG126BS								
NMGG183BS		18W/ DC48V	720	Vàng 3000K Trung tính 4000K Trắng 6000K	24 °	26x26x333	40	439.000
NMGG184BS								
NMGG186BS								
NMGNG063B	Đèn chiếu điểm lưới nam châm chống chói	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K Trung tính 4000K	24°	26x26x120	40	270.000
NMGNG064B								
NMGNG123B		12W/ DC48V	720	Vàng 3000K Trung tính 4000K	24°	26x26x235	40	450.000
NMGNG124B								
NMGFF063B	Đèn pha gập nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K Trung tính 4000K	110°	26x90x120	40	330.000
NMGFF064B								
NMGFF123B		12W/ DC48V	720	Vàng 3000K Trung tính 4000K	110°	26x90x235	40	510.000
NMGFF124B								
NMGFG063B	Đèn chiếu điểm gập nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K Trung tính 4000K	24°	26x90x120	40	390.000
NMGFG064B								
NMGFG123B		12W/ DC48V	720	Vàng 3000K Trung tính 4000K	24°	26x90x235	40	590.000
NMGFG124B								
NMGT103B	Đèn tracklight nam châm	10W/ DC48V	600	Vàng 3000K Trung tính 4000K	24°	45x100	40	450.000
NMGT104B								
NMGT203B	NEW	20W/ DC48V	1200	Vàng 3000K Trung tính 4000K	24°	55x120	40	816.000
NMGT204B								
NMGH083B	Đèn thả trần nam châm	8W/ DC48V	600	Vàng 3000K Trung tính 4000K	60°	30x300 Dây dài 1m	40	590.000
NMGH084B								

PHỤ KIỆN ĐÈN RAY NAM CHÂM

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn






















Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói	Giá bán/cái
NMG-PC150	Bộ nguồn 150W - Đầu vào AC110-220V Đầu ra DC 48V	277x26,5x28	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	620.000
NMG-PC200	NEW Bộ nguồn 200W - Đầu vào AC110-220V Đầu ra DC 48V	267x26x26	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	925.000
NMG-SR10	Thanh ray nam châm lắp nổi siêu mỏng	26x6x1000	25 cái/thùng	190.000
NMG-SR15		26x6x1500		280.000
NMG-SR20		26x6x2000		380.000
NMG-SRI	Khớp nối thẳng thanh ray lắp nổi	30x26x6,1	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	50.000
NMG-SRL	Khớp nối góc thanh ray lắp nổi	55x55x6,1	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	80.000
NMG-SRLW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp nổi	35x35x6,1		100.000
NMG-RR10	Thanh ray nam châm lắp âm Khoét trần W35,4/H21,1 mm	66,2x33,6x1000	5 cái/thùng	360.000
NMG-RR15		66,2x33,6x1500		540.000
NMG-RRL	Khớp nối góc thanh ray lắp âm NMGxxxx	80x66,8x33,6	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	170.000
NMG-RRLW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp âm NMGxxxx	80x66,8x33,6		170.000
NMG1-RR10	Thanh ray nam châm lắp âm Khoét trần W34,2/H22 mm	63x33,2x1000	5 cái/thùng	360.000
NMG1-RR15		63x33,2x1500		540.000
NMG1-RR20		63x33,2x2000		720.000
NMG2-RR10	Thanh ray nam châm lắp âm kèm nắp nhựa Khoét trần W34,2/H22 mm Độ dày 1,4 mm	63x33,2x1000	5 cái/thùng	360.000
NMG2-RR15		63x33,2x1500		540.000
NMG2-RR20		63x33,2x2000		720.000
NMG1-RRL	Khớp nối góc thanh ray lắp âm NMG1xxxx và NMG2xxxx	80x63x33,2	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	170.000
NMG1-RRLW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp âm NMG1xxxx và NMG2xxxx	80x63x33,2		170.000
NMG-RRC	Nắp chụp nhựa thanh ray nam châm âm NMG1xxxx và NMG2xxxx	29,4x6,6x1000 Dày: 1mm	15 cái/thùng	20.000
NMG-RRI	Khớp nối trong thanh ray nam châm lắp âm các loại	26x15x190	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	100.000

Cảnh báo: - Không bật dài LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

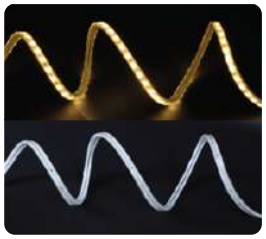
ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 60 CHIP LED

30,000H | IP 65 | Ra 70 | m 50





* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau phủ trắng, ánh sáng đẹp, tuổi thọ cao
* Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NST0604	4.5W/m 230V	180	Trung tính 4000K	60	10 x 7,3 Cuộn 50m	5	1	1	2.574.000
NST0606			Trắng 6500K						
NST060R			Đỏ						2.827.000
NST060G			Xanh lục						

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 72 CHIP LED

30,000H | IP 65 | Ra 80 | m 50



* Chất liệu: PVC Anti-UV
* Mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng tập trung và đều hơn
* Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NST0722	4.5W/m 230V	300	Vàng 2700K	72	10 x 7 Cuộn 50m	5,5	1	1	2.585.000
NST0724			Trung tính 4000K						
NST0726			Trắng 6500K						
NST072R			Đỏ						2.791.000
NST072G			Xanh lục						
NST072B			Xanh dương						

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 72 CHIP LED - ERIS SERIES

20,000H | IP 65 | Ra 80 | m 50



* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau trong
* Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTE0722	4.5W/m 230V	300	Vàng 2700K	72	10 x 7 Cuộn 50m	5,3	1	1	1.872.000
NSTE0724			Trung tính 4000K						
NSTE0726			Trắng 6500K						

Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 60 và 72 chip LED



NST60-PC
Driver nguồn - IP65(Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói: 1 bộ/túi,
50 bộ/thùng
89.000



NST60-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/túi
14.500



NST60-P
Chân cắm nối nguồn
Đóng gói: 20 cái/túi
2.300



NST60-C
Nẹp gắn tường
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 cái/túi
2.300



NST60-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/túi
2.300

Cảnh báo: - Không bật dải LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - 1 DÃY LED

30,000H | IP 65 | Ra 80 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt chiếu nhám mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng tập trung và đều hơn
* 1 dãy LED có khoảng cách giữa các LED ngắn, hạn chế thấy hạt ánh sáng
* Kèm 1 bộ phụ kiện





Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NST12072	7W/m 230V	600	Vàng 2700K	120	14 x 7 Cuộn 50m	7,5	1	1	3.873.000
NST12074			Trung tính 4000K						
NST12076			Trắng 6500K						
NST1207R			Đỏ						4.161.000
NST1207G			Xanh lục						
NST1207B			Xanh dương						

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - ERIS SERIES

20,000H | IP 65 | Ra 80 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau trong
* 2 dãy LED
* Kèm 1 bộ phụ kiện



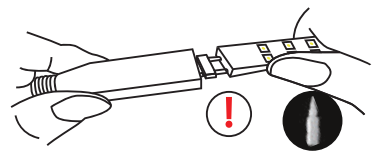


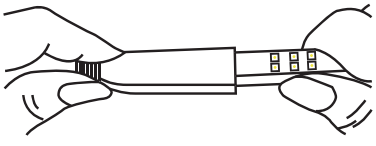


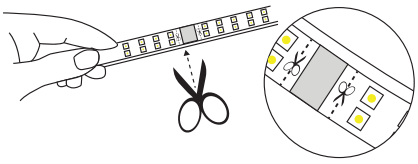
Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTE1202	7W/m 230V	600	Vàng 2700K	120	14 x 7 Cuộn 50m	7,5	1	1	2.506.000
NSTE1204			Trung tính 4000K						
NSTE1206			Trắng 6500K						

Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED - 1 dãy LED và ERIS SERIES











NST1207-PC
Driver nguồn - IP65 (Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói: 1 bộ/túi,
50 bộ/thùng
98.000



NST1207-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/túi
14.500



NST1207-P
Chân cắm nối nguồn
Đóng gói: 20 cái/túi
2.300



NST1207-C
Nẹp gắn tường (Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/túi
2.300



NST1207-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/túi
2.300

Cảnh báo: - Không bật dài LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

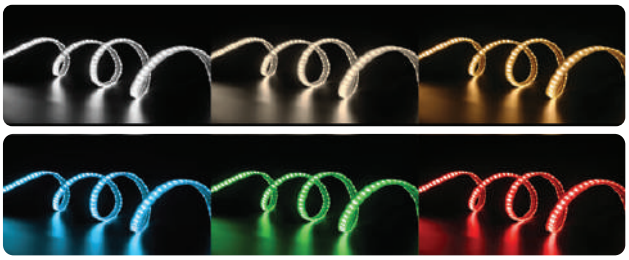
ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - 2 DÃY LED

30,000H | IP 65 | Ra 70 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV
* Mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng đẹp, tập trung và đều hơn

* Kèm 1 bộ phụ kiện



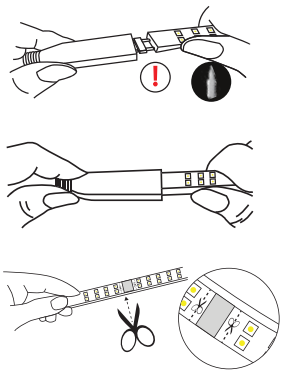




Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NST1202	8W/ m 230V	600	Vàng 2700K	120	18 x 8 Cuộn 50m	9	1	1	4.260.000
NST1204			Trung tính 4000K						
NST1206			Trắng 6500K						
NST120R	9W/ m 230V		Đỏ						4.577.000
NST120G			Xanh lục						
NST120B			Xanh dương						

Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED - 2 dãy LED







NST-PC
Driver nguồn - IP65
(Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói: 1 bộ/túi,
50 bộ/thùng
98.000



NST-C
Nẹp gắn tường
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/túi
2.300



NST-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/túi
14.500



NST-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/túi
2.300



NST-P
Chân cắm nối nguồn
Đóng gói: 20 cái/túi
2.300

ĐÈN LED DÂY DOB

30,000H | IP 65 | Ra 80 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV
* **Đoạn cắt nhỏ: 0,1m**
* Kèm 1 bộ phụ kiện

* Mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng tập trung và đều hơn
* 1 dãy LED, có khoảng cách giữa các LED ngắn, hạn chế thấy hạt ánh sáng







Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTD1202	8W/ m 230V	780	Vàng 2700K	120	10x5 Cuộn 50m	5	0,1	1	2.820.000
NSTD1204			Trung tính 4000K						
NSTD1206			Trắng 6500K						

Phụ kiện LED dây DOB



NSTD120-PC
Khớp nối nguồn IP65 (max 50m)
Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít
1 bộ/túi, 50 bộ/thùng
41.000



NSTD120-C
Nẹp gắn tường
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 cái/túi
2.300



NSTD120-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/túi
30.000



NSTD120-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/túi
2.300

Cảnh báo: - Không bật dài LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI - NEON

30,000H | IP 65 | Ra 80 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV

* Kèm 1 bộ phụ kiện

*Ánh sáng đều và dịu mắt, không gây chói

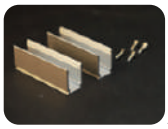


Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTN1202	8W/m 230V	300	Vàng 2700K	120	15 x 14 Cuộn 50m	13,5	1	1	7.571.000
NSTN1204			Trung tính 4000K						
NSTN1206			Trắng 6500K						

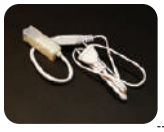
Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED NEON



NSTN120-C
Nẹp gắn tường nhựa
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/túi
7.300



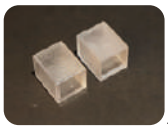
NSTN120-CA
Nẹp gắn tường nhôm
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/túi
14.500



NSTN120-PC
Driver nguồn - IP65
(Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói: 1 bộ/túi, 50 bộ/thùng
124.000



NSTN120-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/túi
28.000



NSTN120-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/túi
4.200









PHỤ KIỆN ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI DRIVER NON FLICKER



* Sử dụng với LED dây ngoài trời, chiều dài tối đa 50m

* Giúp LED dây không nhấp nháy khi quay video

NST-PC4
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W
cho LED dây NST120X
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
Kích thước: L146xW42xH33mm
Độ bảo vệ: IP65
Đóng gói: 25 cái/thùng
520.000

NSTD120-PC4
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W
cho LED dây NSTD120X
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
Kích thước: L146xW42xH33mm
Độ bảo vệ: IP65
Đóng gói: 25 cái/thùng
520.000

NST60-PC2
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 250W
cho LED dây NST060X, NSTX072X
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
Kích thước: L133xW35xH33mm
Độ bảo vệ: IP65
Đóng gói: 25 cái/thùng
473.000

NST1207-PC4
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W
cho LED dây NST1207X và NSTE120X
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
Kích thước: L146xW42xH33mm
Độ bảo vệ: IP65
Đóng gói: 25 cái/thùng
520.000

NSTN120-PC4
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W
cho LED dây NSTN120X
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz
Kích thước: L146xW42xH33mm
Độ bảo vệ: IP65
Đóng gói: 25 cái/thùng
520.000

Cảnh báo: - *Không bật dài LED sáng quá 30s khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.*
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 5m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY NEON - DC24V

30,000H | IP 65 | Ra 90 | m 5 | DC 24V

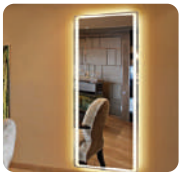
*Chất liệu: PVC Anti-UV, ánh sáng đều và dịu, không gây chói mắt
*Đoạn cắt rất nhỏ, đa dạng PCB và kích thước

Ứng dụng phù hợp với các vị trí có tính thẩm mỹ cao, tính an toàn
+ LED dây Side bend: ứng dụng cho uốn chữ, logo, nhiều nét cong...
+ LED dây Top bend: viền gương, hắt trần, viền tủ, chữ đơn giản, hắt gián tiếp...

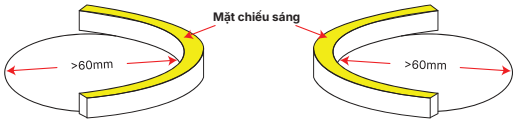
TOP BEND

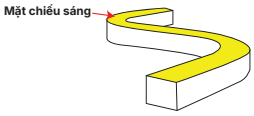




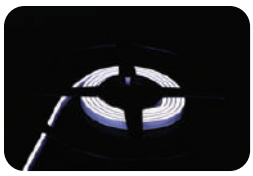


SIDE BEND







	Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt (mm)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
	NSTS04083	Side bend	5W/m, DC24V	250	Vàng 3000K	140 LED/M 2835 PCB 5mm	04 x 08 Cuộn 5m	Điểm bất kì	20	750.000
	NSTS04084				Trung tính 4000K					
	NSTS04086				Trắng 6500K					
	NSTS10103	Side bend	7W/m, DC24V	750	Vàng 3000K	120 LED/M 2835 PCB 6mm	10 x 10 Cuộn 5m	50	20	935.000
	NSTS10104				Trung tính 4000K					
	NSTS10106				Trắng 6500K					
	NSTT06063	Top bend	5W/m, DC24V	350	Vàng 3000K	240 LED/M 2219 PCB 4mm	06 x 06 Cuộn 5m	25	20	550.000
	NSTT06064				Trung tính 4000K					
	NSTT06066				Trắng 6500K					
	NSTT10103	Top bend	9W/m, DC24V	750	Vàng 3000K	126 LED/M 2835 PCB 8mm	10 x 10 Cuộn 5m	55,5	20	1.070.000
	NSTT10104				Trung tính 4000K					
	NSTT10106				Trắng 6500K					

* Sử dụng bộ nguồn DC24V (IP65 ngoài trời hoặc IP20 trong nhà ở trang kế tiếp)
Input AC220-240V, Output DC24V

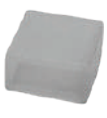
Phụ kiện đèn LED ĐÈN LED DÂY NEON - DC24V







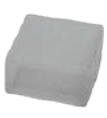
NSTS0408-CW
Khớp nối nguồn cho đèn LED dây Neon 0408 (30cm)
Đóng gói: 10 cái/ túi
200 cái/thùng
26.000



NSTS0408-E
Nút bít cho đèn LED dây Neon 0408
Đóng gói: 50 cái/ túi
200 cái/thùng
4.000



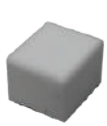
NSTT0606-CW
Khớp nối nguồn cho đèn LED dây Neon 0606 (30cm)
Đóng gói: 10 cái/ túi
200 cái/thùng
26.000



NSTT0606-E
Nút bít cho đèn LED dây Neon 0606
Đóng gói: 50 cái/ túi
200 cái/thùng
4.000



NST1010-CW
Khớp nối nguồn cho đèn LED dây Neon 1010 (30cm)
Đóng gói: 10 cái/ túi
200 cái/thùng
26.000



NST1010-E
Nút bít cho đèn LED dây Neon 1010
Đóng gói: 50 cái/ túi
200 cái/thùng
4.000



NST1010-CA
Nẹp nhôm gắn tường cho LED dây Neon 1010
Đóng gói: 20 cái/ túi
200 cái/thùng
17.000



NSTT1010-MC
Khớp nối giữa LED dây Neon Topbend 1010
Đóng gói: 10 cái/ túi
200 cái/thùng
32.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

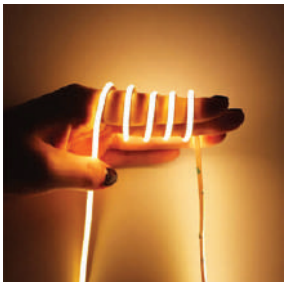
Cảnh báo: - *Không bật dài LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây*
- Khoảng cách từ nguồn đến điểm cuối của LED dây tối đa là 5m (không tính chiều dài dây điện), do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được với chiều dài dây lớn hơn 5m

ĐÈN LED DÂY COB - DC 24V

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

30,000H | Ra 90 | m 5 | DC 24V







*Dùng với bộ nguồn DC24V IP20 (trang kế tiếp) hoặc nguồn DC24V IP65
* Mặt sau có lớp keo dán màu xanh
* Cuộn LED dây không kèm nguồn



Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt (mm)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NSTC3202-20	IP20 Sử dụng trong nhà	10W/M DC24V	850	Vàng 2700K	320	8x2 Cuộn 5m	50	40	360.000
NSTC3204-20				Trung tính 4000K					
NSTC3206-20				Trắng 6500K					
NSTC3202-65	IP65 Sử dụng ngoài trời	10W/M DC24V		Vàng 2700K	320	10x4 Cuộn 5m	50	40	650.000
NSTC3204-65				Trung tính 4000K					
NSTC3206-65				Trắng 6500K					



Phụ kiện khớp nối dùng cho LED dây COB



NSTC320-MC20
Khớp nối giữa dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20
Đóng gói: 10 cái/túi — 36.000

NSTC320-MC201
Khớp nối giữa dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20
Đóng gói: 10 cái/túi — 18.000



NSTC320-CW201
Khớp nối nguồn (15cm) dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20
Đóng gói: 10 cái/túi — 24.000



NSTC320-MC65
Khớp nối giữa dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP65
Đóng gói: 10 cái/túi — 36.000



NSTC320-CW65
Khớp nối dây nguồn (15cm)
Dùng cho loại 320 LED/M COB IP65
Đóng gói: 10 cái/túi — 58.000

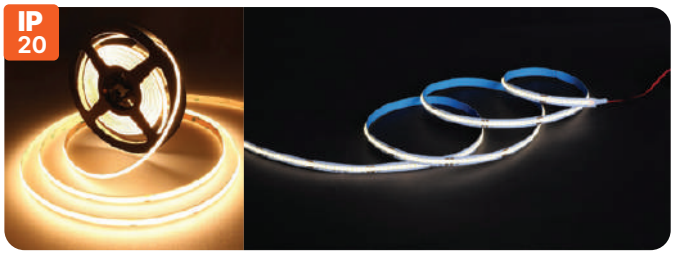


NSTC320-E65
Nút bít dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP65
Đóng gói: 10 cái/túi — 2.300

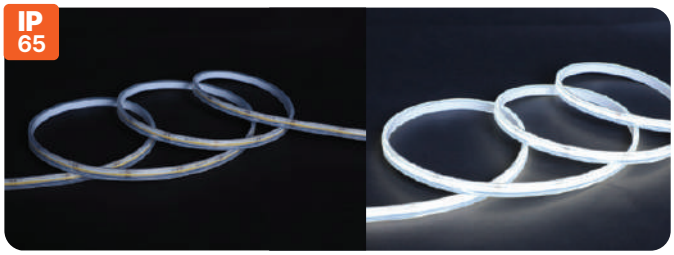


NSTC320-C
Nẹp gắn tường dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20 & IP65
Đóng gói: 10 cái/túi — 2.300

IP 20

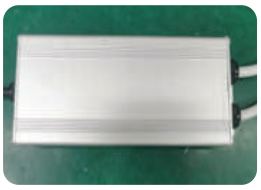


IP 65



Bộ nguồn DC24V IP65 cho LED dây ngoài trời

*Bộ nguồn DC24V IP20 cho LED dây trong nhà trang kế tiếp



NST-PS60-2465
Công suất: 60W - IP65
Kích thước: 207x35x23mm
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 2.5A
Đóng gói: 25 cái/ thùng — 750.000

NST-PS100-2465
Công suất: 100W - IP65
Kích thước: 186x62x34mm
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 4A
Đóng gói: 25 cái/ thùng — 972.000

NST-PS200-2465
Công suất: 200W - IP65
Kích thước: 223x63x34mm
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 8.3A
Đóng gói: 25 cái/ thùng — 1.210.000

Cảnh báo: - Không bật dải LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây
- Khoảng cách từ nguồn đến điểm cuối của LED dây tối đa là 5m (không tính chiều dài dây điện), do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được với chiều dài dây lớn hơn 5m

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY TRONG NHÀ DC 24V - IP20



30,000H | Ra 70 | IP 20 | m 5 | DC 24V



* Chất liệu: nhựa dẻo FPCB uốn cong dễ dàng
* Thích hợp sử dụng trang trí nội thất với thiết kế phức tạp như hắt trần, trang trí tủ, hộp đèn, bảng hiệu...
* LED dây không được phủ silicon chống nước, vì vậy cần sử dụng ở môi trường khô thoáng tránh ẩm ướt để đảm bảo tuổi thọ đèn



Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTID0602	60 LED/M	4,5 W/m DC24V	400 Lm/M	Vàng 2700K	8 x 1,3 Cuộn 5 m	6 chip LED	40	182.000
NSTID0604				Trung tính 4000K				
NSTID0606				Trắng 6500K				



Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTID1202	120 LED/M	9 W/m DC24V	800 Lm/M	Vàng 2700K	8 x 1,3 Cuộn 5 m	6 chip LED	40	252.000
NSTID1204				Trung tính 4000K				
NSTID1206				Trắng 6500K				



Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTID1682	168 LED/M	12 W/m DC24V	1200 Lm/M	Vàng 2700K	10 x 1,3 Cuộn 5 m	7 chip LED	40	420.000
NSTID1684				Trung tính 4000K				
NSTID1686				Trắng 6500K				

Bộ nguồn DC24V IP20 dùng cho LED dây trong nhà

Bộ nguồn trực tiếp



NST-AD30
Công suất: 30W
Điện thế input: AC100 - 240V
Điện thế output: DC24V
Chiều dài dây: 1,1m, kèm 1 chui cái 15 cm
Đóng gói: 40 cái/thùng
194.000



NST-AD60
Công suất: 60W
Điện thế input: AC100 - 240V
Điện thế output: DC24V
Chiều dài dây: 1,1m, kèm 1 chui cái 15 cm
Đóng gói: 20 cái/thùng
293.000

Bộ nguồn tổ ong



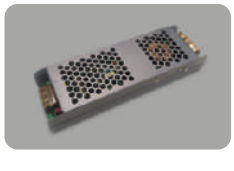
NST-PS60-24
Công suất: 60W
Kích thước sản phẩm: 172x34x23 mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói: 25 cái/thùng
199.000



NST-PS150-24
Công suất: 150W
Kích thước sản phẩm : 195x49x29 mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói: 25 cái/thùng
361.000



NST-PS250-24
Công suất: 250W
Kích thước sản phẩm: 258x48x29 mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói: 25 cái/thùng
504.000



NST-PS360-24-2
Công suất: 360W
Kích thước sản phẩm: 245x63x31mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Giảm tiếng ồn
Đóng gói: 25 cái/thùng
812.000

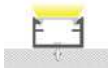
NẸP NHÔM DÙNG CHO LED DÂY TRONG NHÀ

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

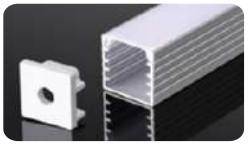



NST-AB1714

Kích thước sản phẩm: 2000x17x14,3mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng

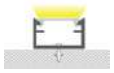

Lắp nổi

220.000




NST-AB1414

Kích thước sản phẩm: 2000x14,2x14,2mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12,5mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng

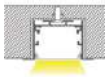

Lắp nổi

227.000




NST-AB2507

Kích thước sản phẩm: 2000x25x7mm
Kích thước lắp âm: 20x8mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng

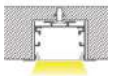

Lắp âm

234.000

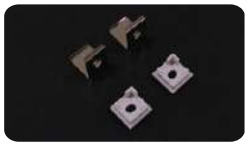



NST-AB2414

Kích thước sản phẩm: 2000x24.5x14,2mm
Kích thước lắp âm: 20x15mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 25 cái/thùng

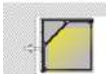

Lắp âm

237.000

NST-AB1515

Kích thước: 2000x15,7x15,7mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 10mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng


Lắp góc

187.000




NST-AB1013

Kích thước sản phẩm: 2000x10x13mm
Dùng với LED dây có chiều rộng tối đa 8mm
(NSTID060X,NSTID120X, NSTC320X-20)
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 70 cái/thùng


Lắp nổi

256.000







Phụ kiện khớp nối dùng cho LED trong nhà



NSTID-CW08
Khớp nối dây nguồn (15cm)
dùng cho đèn LED dây dán 60LED/M
và 120LED/M

8.000



NSTID-CW101
Khớp nối dây nguồn (15cm), dùng cho đèn
LED dây dán 168LED/M

22.000



NSTID-MC08
Khớp nối giữa dùng cho đèn LED dây dán
60LED/M và 120LED/M

5.000



NSTID-MC101
Khớp nối giữa dùng cho đèn
LED dây dán 168LED/M

14.000

ĐÈN LED DÂY ĐỔI MÀU

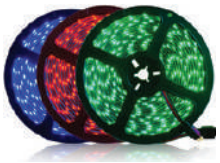
(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

10,000H | IP 20

Điều khiển bằng remote, ứng dụng trên điện thoại qua app
Mặt sau có lớp keo dán
Kèm phụ kiện: Adapter đổi nguồn (dài 1,6m), remote, bộ điều khiển, phụ kiện lắp đặt (kẹp dán, vít)
Ứng dụng đa dạng trang trí phòng ngủ, studio, gaming setup hoặc làm đèn nền TV...





Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu ánh sáng	Tính năng	Số LED/m	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
 NSTID0324C	07W; Output DC24V Input AC100V-240V	Đổi màu RGB	- RGBIC (RGB + IC Chip) cho phép hiển thị nhiều màu cùng lúc trên một dải LED - Tùy chỉnh từng phân đoạn đèn để phối màu cá nhân hóa không gian sống - Hiệu ứng ánh sáng động đa dạng: Chạy màu, sóng, cầu vồng, flash, lượn sóng, và nhiều kiểu khác tùy chỉnh theo phong cách của bạn - Chế độ cảm biến âm nhạc: Đèn nhấp nháy và đổi màu theo giai điệu nhạc - Tùy chỉnh lịch trình, hẹn giờ thông minh - Điều khiển bằng giọng nói (tương thích Google assistant, Amazon alexa)	30	10x3mm Cuộn 3M	20	550.000
 NSTID1524C	19W; Output DC24V Input AC100V-240V		- Nhiều hiệu ứng cài sẵn, dễ dàng điều chỉnh độ sáng - Đồng bộ âm nhạc qua app: Đèn nhấp nháy theo giai điệu nhạc - Hẹn giờ thông minh - Điều khiển bằng giọng nói (tương thích Google assistant, Amazon alexa)	15	10x2mm Cuộn 15M	20	980.000

ĐÈN PHA - TECH SERIES

25,000H | CRI Ra80 | 120° | IP IK 66 06

** Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06*
** Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao phù hợp chiếu sáng bảng hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn...*
** PF>0,9 đối với đèn pha từ 30W trở lên*
** Có van thoát khí đối với đèn pha từ 30W trở lên*




Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFT0106	10W/220V	1.100	Trắng 6500K	86 x 74 x 26	0,15	30	180.000
NLFT0104			Trung tính 4000K				
NLFT0103			Vàng 3000K				
NLFT0206	20W/220V	2.200	Trắng 6500K	98 x 82 x 24	0,18	30	215.000
NLFT0204			Trung tính 4000K				
NLFT0203			Vàng 3000K				
NLFT0306	30W/220V	3.600	Trắng 6500K	124 x 104 x 27	0,26	30	275.000
NLFT0304			Trung tính 4000K				
NLFT0303			Vàng 3000K				
NLFT0506	50W/220V	6.000	Trắng 6500K	172 x 135 x 28	0,48	20	400.000
NLFT0504			Trung tính 4000K				
NLFT0503			Vàng 3000K				
NLFT1006	100W/220V	12.000	Trắng 6500K	232 x 196 x 37	0,92	8	930.000
NLFT1004			Trung tính 4000K				
NLFT1003			Vàng 3000K				
NLFT1506	150W/220V	18.000	Trắng 6500K	303 x 235 x 39	1,61	6	1.365.000
NLFT1504			Trung tính 4000K				
NLFT1503			Vàng 3000K				
NLFT2006	200W/220V	24.000	Trắng 6500K	368 x 295 x 44	2,35	4	2.025.000
NLFT2004			Trung tính 4000K				
NLFT2003			Vàng 3000K				
NLFT3006	300W/220V	36.000	Trắng 6500K	405 x 325 x 48	3,25	4	3.080.000
NLFT3004			Trung tính 4000K				
NLFT3003			Vàng 3000K				

ĐÈN PHA - JANUS SERIES



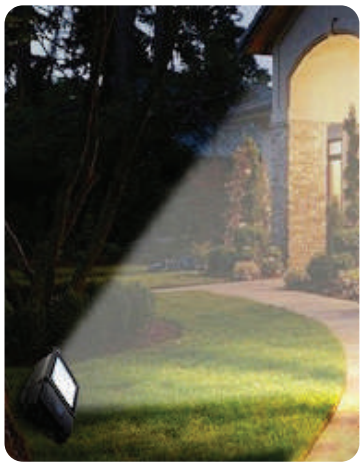

25,000H | CRI Ra80 | 110° | IP IK 66 06

** Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06*
** Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao, phù hợp chiếu sáng bảng hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn...*
** PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFM0106	10W/220V	700	Trắng 6500K	101 x 81 x 22	0,135	20	180.000
NLFM0103			Vàng 3000K				
NLFM0206	20W/220V	1.400	Trắng 6500K	125 x 101 x 24	0,2	20	265.000
NLFM0203			Vàng 3000K				
NLFM0306	30W/220V	2.100	Trắng 6500K	143 x 115 x 28	0,29	20	365.000
NLFM0303		2.100	Vàng 3000K				
NLFM0506	50W/220V	4.500	Trắng 6500K	163 x 133 x 29	0,43	20	585.000
NLFM0503		4.250	Vàng 3000K				
NLFM1006	100W/220V	9.000	Trắng 6500K	231 x 182 x 33	0,84	10	1.150.000
NLFM1003		8.500	Vàng 3000K				
NLFM1506	150W/220V	13.500	Trắng 6500K	270 x 221 x 36	1,26	10	1.490.000
NLFM1503		12.750	Vàng 3000K				
NLFM2006	200W/220V	18.000	Trắng 6500K	320 x 260 x 36	1,72	10	2.330.000
NLFM2003		17.000	Vàng 3000K				

ĐÈN PHA - VENUS SERIES

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn





25,000H | CRI Ra80 | 110° | IP IK 65 08

* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06
* Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao phù hợp chiếu sáng bảng hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn ....
* PF>0,9 đối với đèn pha từ 50W trở lên





Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFV0106	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	94 x 117 x 35	0,304	30	250.000
NLFV0104		1.000	Trung tính 4000K				
NLFV0103		950	Vàng 3000K				
NLFV0206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	94 x 117 x 35	0,304	30	340.000
NLFV0204		2.000	Trung tính 4000K				
NLFV0203		1.900	Vàng 3000K				
NLFV0306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	107 x 141 x38	0,423	30	425.000
NLFV0304		3.000	Trung tính 4000K				
NLFV0303		2.850	Vàng 3000K				
NLFV0506	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	135 x 175 x 42	0,664	20	655.000
NLFV0504		5.000	Trung tính 4000K				
NLFV0503		4.750	Vàng 3000K				
NLFV1006	100W/220V	12.000	Trắng 6500K	195 x 255 x 40	1,467	8	1.600.000
NLFV1003		11.400	Vàng 3000K				
NLFV1506	150W/220V	18.000	Trắng 6500K	240 x 300 x 42	2,259	6	2.050.000
NLFV1503		17.100	Vàng 3000K				
NLFV2006	200W/220V	24.000	Trắng 6500K	285 x 345 x 46	3,241	4	3.250.000
NLFV2003		22.800	Vàng 3000K				

ĐÈN PHA - HIGH SERIES

30,000H | CRI Ra80 | 110° | IP IK 66 08

** Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK08*
** Thiết kế mặt kính thủy tinh truyền thống, kích thước lớn tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao , phù hợp chiếu sáng bảng hiệu, các khu vực ngoài trời không gian rộng cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn..*
** PF>0,9 đối với đèn pha từ 50W trở lên*



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFH0106	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	130 x 110 x 41	0,38	20	300.000
NLFH0103		950	Vàng 3000K				
NLFH0206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	181 x 158 x 50	0,67	20	415.000
NLFH0203		1.900	Vàng 3000K				
NLFH0306	30W/220V	3,000	Trắng 6500K	196 x 172 x 52	0,79	20	495.000
NLFH0503	50W/220V	4.750	Vàng 3000K	240 x 210 x 60	1,13	10	720.000
NLFH0706	70W/220V	7.000	Trắng 6500K	255 x 285 x 60	1,74	5	1.245.000
NLFH1006	100W/220V	11.000	Trắng 6500K	310 x 345 x 80	3,5	1	2.100.000
NLFH1506	150W/220V	16.500	Trắng 6500K	350 x 380 x 97	5	1	2.730.000
NLFH2006	200W/220V	22.000	Trắng 6500K	430 x 480 x 105	9,8	1	4.350.000

ĐÈN PHA

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

25,000H | CRI Ra80 | 110° | IP 65

* Chất liệu: thân đèn kim loại, chóa đèn nhựa PC chịu lực cao
* Được lựa chọn là thiết bị chiếu sáng hắt tường ngoài trời cho các tòa nhà, biệt thự, đường hầm, sân vận động, chiếu sáng sân vườn, đèn pha biển quảng cáo... tạo màu ánh sáng tốt và tạo điểm nhấn cho các công trình công cộng.
* PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên







Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLF1106	10W/220V	800	Trắng 6000K	117 x 27 x 138	0,29	12	209.000
NLF1206	20W/220V	1600	Trắng 6000K	134 x 27 x 159	0,37	12	285.000
NLF1303	30W/220V	2280	Vàng 3000K	167 x 36 x 220	0,65	12	418.000
NLF1504	50W/220V	4000	Trung tính 4000K	222 x 38 x 301	1,1	6	637.000
NLF1503		3800	Vàng 3000K				

KHỚP NỐI KÍN NƯỚC NEW

IP 68

* Chất liệu: PVC
* Bảo vệ các điểm nối dây, tăng cường khả năng kín nước cho đèn pha
* Phù hợp sử dụng trong các thiết bị chiếu sáng ngoài trời





NSK2
Khớp nối thẳng
Số lượng chân cắm: 2
Kích thước sản phẩm (mm): Ø26×102
Kích thước dây (mm): 4-11
Tiết diện dây (mm²): 0,08-2,5

Nhiệt độ hoạt động: -40°C đến +105°C
Điện áp tối đa: 450V
Dòng điện tối đa: 25A
Đóng gói: 20 cái/túi, 200 cái/ thùng

73.000





NSK3
Khớp nối chữ T
Số lượng chân cắm: 3
Kích thước sản phẩm (mm): 104×72×24
Kích thước dây (mm): 4-11
Tiết diện dây (mm²): 0,08-2,5

Nhiệt độ hoạt động: -40°C đến +105°C
Điện áp tối đa: 450V
Dòng điện tối đa: 25A
Đóng gói: 20 cái/túi, 200 cái/ thùng

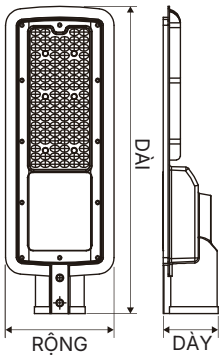
161.000

ĐÈN ĐƯỜNG NEW

30,000H | CRI Ra70 | IP 65 | IK 08

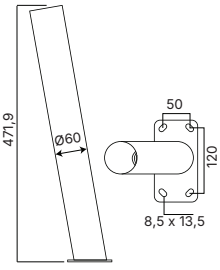
** Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc nguyên khối*
** Độ sáng cao 130lm/W*
** Góc chiếu 140×80°, PF 0,95*
** Việc lắp đặt phải do người có chuyên môn và phải đấu dây nối đất đúng kỹ thuật*
** Đường kính trụ: Ø 60mm*
** Chưa bao gồm cần đỡ đèn*





Sử dụng cần đèn Ø60





ĐÈN ĐƯỜNG



NSTR1006 Ánh sáng trắng 5700K
Điện áp: AC100-277V, 50/60Hz
Công suất: 100W, 470mA
Quang thông:13.000lm
Kích thước (Dài x Rộng x Dày): 428x151x77mm
Đóng gói: 6 cái/thùng
2.292.000



NSTR1506 Ánh sáng trắng 5700K
Điện áp: AC100-277V, 50/60Hz
Công suất: 150W, 775mA
Quang thông: 19.500lm
Kích thước (Dài x Rộng x Dày): 556x175x77mm
Đóng gói: 4 cái/thùng
2.994.000



NSTR2006 Ánh sáng trắng 5700K
Điện áp: AC100-277V, 50/60Hz
Công suất: 200W, 1050mA
Quang thông: 26.000lm
Kích thước (Dài x Rộng x Dày): 659x201x78mm
Đóng gói: 4 cái/thùng
3.283.000

CẦN ĐỠ ĐÈN ĐƯỜNG



NSTR-C60
Đường kính trụ: Ø60 mm
Chiều cao trụ: 472 mm
Gồm 1 bộ ốc vít
237.000

ĐÈN PHA SOLAR SUNNY SERIES - ĐÈN PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn







IP IK 66 06

30,000H

CRI >Ra80

- Thời gian chiếu sáng:
+ 12 giờ (auto)
+ 5-6h ở chế độ full sáng
- Thời gian sạc đầy pin: 6-8 giờ

Chất liệu đèn LED: thân nhôm đúc, mặt kính cường lực

Nguyên lý hoạt động cơ bản:
1.Năng lượng ánh sáng mặt trời được chuyển thành điện năng thông qua tấm solar để sạc cho bộ pin LiFePO4 tích hợp bên trong bộ đèn vào ban ngày.
2.(*) Khi đèn hoạt động bộ pin LiFePO4 cung cấp điện năng cho bộ đèn sáng duy trì tới 12H (AUTO MODE) trước khi cạn hết điện.
3.Quá trình 1 và 2 được lặp lại.

THÔNG SỐ ĐÈN PHA						THÔNG SỐ TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI			THÔNG SỐ PIN LƯU ĐIỆN		ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Tính năng điều khiển bằng Remote	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công nghệ	Công suất (W)	Kích thước sản phẩm (mm)	Công nghệ	Dung lượng (Ah)	(bộ/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFSS1006	100W	1.ON/OFF 2.DIMMING 3.TIMER 4.AUTO	Trắng 5700K	1000	220 x 232 x 60.4	Poly Crystalline	7	190 x 240 x 17	LiFePO4	6	3	1.700.000
NLFSS2006	200W			2000	220 x 232 x 60.4		13	240 x 350 x 17		12	3	2.450.000
NLFSS3006	300W			3000	320 x 340 x 63.5		20	350 x 350 x 17		18	2	3.600.000
NLFSS4006	400W			4800	320 x 340 x 63.5		32	350 x 500 x 17		36	2	4.350.000

THÔNG SỐ ĐÈN PHA						THÔNG SỐ TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI			THÔNG SỐ PIN LƯU ĐIỆN		ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Tính năng điều khiển bằng Remote	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công nghệ	Công suất (W)	Kích thước sản phẩm (mm)	Công nghệ	Dung lượng (Ah)	(bộ/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFSS10061	100W	1.ON/OFF 2.DIMMING 3.TIMER 4.AUTO	Trắng 6500K	1000	220 x 232 x 60.4	Poly Crystalline	5V/ 15 W	350 x 350 x 15	LiFePO4	12	3	2.100.000
NLFSS20061	200W			2000	220 x 232 x 60.4		5V/ 25 W	500 x 350 x 15		24	3	3.060.000
NLFSS30061	300W			3000	320 x 340 x 63.5		5V/ 35 W	500 x 500 x 15		30	2	4.430.000
NLFSS40061	400W			4000	320 x 340 x 63.5		5V/ 45 W	445 x 670 x 15		42	2	5.380.000

ĐÈN PHA SOLAR - ĐÈN PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

IP IK 67 08

30,000H

CRI >Ra80



Các chức năng điều khiển bằng remote





* Nguyên lý hoạt động:
- Sử dụng tấm năng lượng mặt trời solar để tạo ra điện năng
- Điện năng tạo ra từ tấm solar được sạc cho pin gắn tích hợp bên trong đèn pha LED
- Điện năng tích trữ bên trong pin cung cấp cho đèn nên hoạt động của đèn ổn định trong thời gian pin dự trữ còn đủ dù thời tiết không đủ nắng.

** Chất liệu đèn: thân kim loại đúc, mặt kính cường lực*
** Chất liệu solar: Polycrystal*
** Thời gian chiếu sáng khi đầy pin ở chế độ Auto: 12 giờ*
** Thời gian sạc: 8 giờ*
** Loại 40W, 60W có độ sáng cao > 150lm/W*

THÔNG SỐ ĐÈN PHA								THÔNG SỐ TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI				GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Loại chip LED	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công suất pin dự trữ	Đóng gói (cái/thùng)	Mã tấm solar	Công suất tấm solar	Kích thước solar Dài x Cao x Rộng (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFS040610L	40W	Epistar	Trắng 6500K	600	213 x 70 x 190	3,2V 10Ah	10	NLFS040610S	6V10WP	230 x 350 x 17	10	1.200.000
NLFS060615L	60W			960	237 x 77 x 211	3,2V 15Ah	10	NLFS060615S	6V15WP	350 x 350 x 17	10	1.500.000
NLFS100625L	100W			1100	285 x 91 x 249	3,2V 20Ah	5	NLFS100625S	6V25WP	530 x 350 x 17	5	1.990.000
NLFS200635L	200W			1700	351 x 91 x 285	3,2V 30Ah	5	NLFS200635S	6V35WP	680 x 350 x 17	5	2.520.000
NLFS300650L	300W			3000	435 x 95 x 370	3,2V 40Ah	4	NLFS300650S	6V50WP	670 x 535 x 30	4	4.250.000

ĐÈN SOLAR SÂN VƯỜN - ĐÈN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI SÂN VƯỜN

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

IP 65



NTZ10200 — Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 3W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PMMA - Quang thông: 135lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200×200×197mm
- Kích thước tấm solar: 160×160±1×2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 3600mAH 5V 4,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 4 bộ ốc vít
- Đóng gói: 6 cái/thùng

615.000

IP 65



NTZ06200 — Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC, chóa trong - Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200×200×270mm
- Kích thước tấm solar: Ø134±1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAH 5V 1,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít

Đóng gói: 6 cái/thùng

600.000

IP 65



NTZ06250 — Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC, chóa trong
- Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 250×250×320mm
- Kích thước tấm solar: Ø134±1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAH 5V 1.5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 4 cái/thùng

690.000

IP 65



NTZ08200 — Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200×200×270mm
- Kích thước tấm solar: Ø134±1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAH 5V 1,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 6 cái/thùng

580.000

IP 65



NTZ08250 — Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 250×250×320mm
- Kích thước tấm solar: Ø134±1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAH 5V 1,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít

-Đóng gói: 4 cái/thùng

665.000







ĐÈN GẮN TƯỜNG - Stella Series - Tuổi thọ 30,000 giờ

NEW

IP 20





NRL031B - Đèn đọc sách âm tường

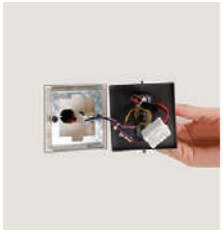
- Điện thế đầu vào: 220-240V AC
- Công suất: 3W
- Quang thông: 200lm
- Màu ánh sáng: Vàng 3000K
- Kích thước: 86x86mm (khoét lỗ 85x85x50mm)
- CRI: Ra80, Độ chống chói: UGR<19
- Góc chiếu: 30 độ
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu đen, chip LED Cree
- Đèn lắp âm, có thể sử dụng được với hộp âm NA105/NA1051, hộp nổi NN105, công tắc ấn sau bóng đèn
- Đóng gói: 50 cái/thùng

710.000











ĐÈN GẮN TƯỜNG - Stella Series - Tuổi thọ 30,000 giờ

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

IP 65



NBLS015 - Đen



NBLS015W - Trắng

Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 4W/ AC85-265V
- Kích thước: 120x80x35mm
- Quang thông: 260lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

190.000

IP 65



NBLS016 - Đen



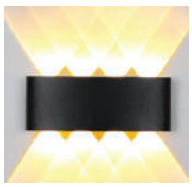
NBLS016W - Trắng

Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 175x80x40mm
- Quang thông: 420lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

200.000

IP 65



NBLS031 - Đen



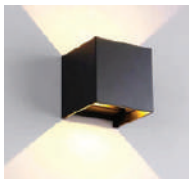
NBLS031W - Trắng

Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/ AC85-265V
- Kích thước: 220x80x45mm
- Quang thông: 600lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

260.000

IP 65



NBLS13SQ - Đen



NBLS13SQW - Trắng

Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 100x100x100mm
- Quang thông: Tùy thuộc vào điều chỉnh hướng sáng
- CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

310.000

IP 65



NBLS22411 Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 5W/ AC85-265V
- Kích thước: 90x160mm
- Quang thông: 350lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

520.000

IP 65



NBLS04 Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 3W/ AC85-265V
- Kích thước: 80x75x63mm
- Quang thông: 225lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

180.000

IP 65



NBLS80041 Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 3W/ AC85-265V
- Kích thước: 76x76x66mm
- Quang thông: 162lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

260.000

IP 65



NBLS80031 Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 3W/ AC85-265V
- Kích thước: 76x76x66mm
- Quang thông: 186lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

280.000

IP 65

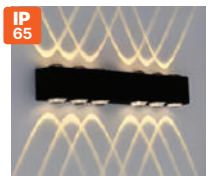


NBLS017 NEW Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/ AC85-265V
- Kích thước: 200x55x35mm
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux - Tuổi thọ: 30.000H
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

516.000

IP 65



NBLS018 NEW Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 12W/ AC85-265V
- Kích thước: 280x55x35mm
- Quang thông: 600lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux - Tuổi thọ: 30.000H
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

710.000

IP 65



NBLS252 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 2W/AC85-265V
- Kích thước: 66x66x55mm
- Quang thông: 130lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

240.000

IP 65



NBLS254 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 4W/ AC85-265V
- Kích thước: 75x75x52mm
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

270.000

IP 65

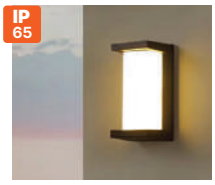


NBLS222 NEW Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 10W/ AC85-265V
- Kích thước: 200x100x100mm
- Quang thông: 600lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux - Tuổi thọ: 30.000H
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

438.000

IP 65



NBLS213 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 12W/ AC85-265V
- Kích thước: 125x125x260mm
- Quang thông: 564lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Sanan SMD
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

660.000

IP 65

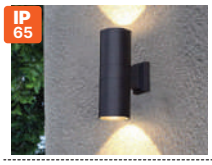


NBLS22512 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 60x71x141mm
- Quang thông: 265lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

440.000

IP 65



NBLS22412 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 2x5W/ AC85-265V
- Kích thước: 90x260mm
- Quang thông: 700lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

670.000

IP 65



NBLS05 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 140x76x63mm
- Quang thông: 510lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

220.000

IP 65

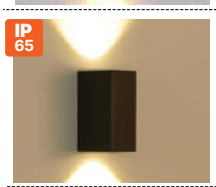


NBLS8004 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất:6W/ AC85-265V
- Kích thước: 150x65x70mm
- Quang thông: 360lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

340.000

IP 65



NBLS8003 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 150x65x70mm
- Quang thông: 348lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

360.000

ĐÈN LỐI ĐI - Stella Series

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn









25,000H | CRI Ra90 | IP 65 | Ánh sáng vàng 3000K

**Chất liệu: Thân nhôm, chóa đèn nhựa*
**Đèn lối đi cảm biến có khoảng cách hoạt động từ 1-3m, góc 120 độ, thời gian hoạt động 30-45 giây sau khi kết thúc chuyển động*

LẮP NỔI



LẮP ÂM



Mã sản phẩm		Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Góc chiếu	CHIP LED	Quang thông (lumen)	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Trắng	Đen								
NSLM901W	NSLM901B	Lắp nổi	03W/ 220V	90°	CREE XPE	33-50lm	L88xH88 xW25mm	40	510.000
NSLM901WS	NSLM901BS	Lắp nổi, cảm biến							660.000
NSLX901W	NSLX901B	Lắp âm					L90xH90x W57mm (Khoét lỗ L81xH81xW50mm)		460.000
NSLX901WS	NSLX901BS	Lắp âm, cảm biến							590.000

ĐÈN TRỤ SÂN VƯỜN - Stella Series - Tuổi thọ 30,000 giờ NEW

IP 65



Đèn sân vườn LED
NGL6001B — Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 10W/ AC85-265V
- Kích thước: 108x150x600mm
- Quang thông: 308lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 30°
- Đóng gói: 10 cái/thùng

798.000

IP 65



Đèn sân vườn LED
NGL6003B — Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 10W/ AC85-265V
- Kích thước: 163x60x600mm
- Quang thông: 236lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 120°
- Đóng gói: 10 cái/thùng

798.000

IP 65



Đèn sân vườn LED
NGL6002B — Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 10W/ AC85-265V
- Kích thước: 108x155x600mm
- Quang thông: 244lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 120°
- Đóng gói: 10 cái/thùng

798.000



ĐÈN ÂM ĐẤT - Stella Series - Tuổi thọ 30,000 giờ NEW

25,000H | IP 65



Đèn sân vườn LED âm đất
NGLS013-24 — Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 1W/ DC24V
- Kích thước: Ø65x72mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø65x70mm
- Quang thông: 60lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhựa, bề mặt đèn nhôm
- Góc chiếu: 30°
- Đóng gói: 50 cái/thùng

462.000

25,000H | IP 65



Đèn sân vườn LED âm đất
NGLS123-24 — Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 12W/ DC24V
- Kích thước: Ø160x92mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø160x90mm
- Quang thông: 1226lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 30°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

992.000

25,000H | IP 65



Đèn sân vườn LED âm đất
NGLS063-24 — Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 6W/ DC24V
- Kích thước: Ø120x91mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø120x87mm
- Quang thông: 124lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 30°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

668.000

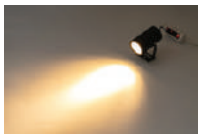
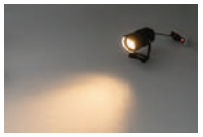


ĐÈN SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 30,000 giờ NEW

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn





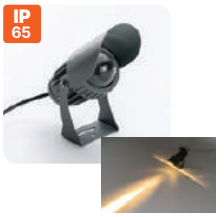


Đèn sân vườn

NSP10053 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 10W/ AC85-265V
- Kích thước: Ø70 x 126 x 128mm
- Quang thông: 303lm - CRI: Ra80
- PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 5°/10-15m
- Đóng gói: 40 cái/ thùng

418.000



Đèn sân vườn

NSPH10053 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 10W/ AC85-265V
- Kích thước: Ø77 x 176 x 124mm
- Quang thông: 274lm - CRI: Ra80
- PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 5°/10-15m
- Đóng gói: 40 cái/ thùng

515.000

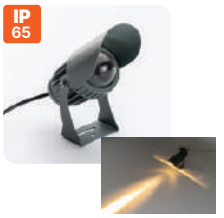


Đèn sân vườn

NSP20053 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 20W/ AC85-265V
- Kích thước: Ø80 x 158 x 158mm
- Quang thông: 357lm - CRI: Ra80
- PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 5°/10-15m
- Đóng gói: 20 cái/ thùng

993.000



Đèn sân vườn

NSPH20053 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 20W/ AC85-265V
- Kích thước: Ø88 x 200 x 158mm
- Quang thông: 375lm - CRI: Ra80
- PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 5°/10-15m
- Đóng gói: 20 cái/ thùng

1.115.000



Đèn sân vườn

NSP10243 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 10W/ AC85-265V
- Kích thước: Ø65 x 110 x 116mm
- Quang thông: 785lm - CRI: Ra80
- PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 24°/5-10m
- Đóng gói: 40 cái/ thùng

681.000



Đèn sân vườn

NSPH10243 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 10W/ AC85-265V
- Kích thước: Ø65 x 170 x 116mm
- Quang thông: 682lm - CRI: Ra80
- PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 24°/5-10m
- Đóng gói: 40 cái/ thùng

715.000



Đèn sân vườn

NSP20243 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 20W/ AC85-265V
- Kích thước: Ø80 x 128 x 153mm
- Quang thông: 1559lm - CRI: Ra80
- PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 24°/5-10m
- Đóng gói: 20 cái/ thùng

1.202.000



Đèn sân vườn

NSPH20243 Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 20W/ AC85-265V
- Kích thước: Ø80 x 177 x 153mm
- Quang thông: 1503lm - CRI: Ra80
- PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 24°/5-10m
- Đóng gói: 20 cái/ thùng

1.254.000

ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ



35,000H | CRI Ra90 | 40° | IP 54 | PF 0.9

** Chất liệu: Nhôm*
** Sử dụng Triac Dimmer*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu ánh sáng	Màu thân đèn/ Chóa phản quang	Quang thông (lumen)	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSDL12W309040W54	12W/ 220V	Vàng 3000K	Trắng/ Trắng	960	Ø75xH100	50	**1.009.000**
NSDL12W409040W54		Trung tính 4000K	Trắng/ Trắng	960			**1.009.000**
NSDL12W309040B54		Vàng 3000K	Đen/ Đen	960			**1.009.000**
NSDL12W409040B54		Trung tính 4000K	Đen/ Đen	960			**1.009.000**

ĐÈN TRẦN - Tuổi thọ 20,000 giờ

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

IP 54



NCL1333 Ánh sáng vàng 3000K
NCL1333-6 Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 15W/AC220-240V
- Kích thước: Ø280mm/H63mm
- Trọng lượng: 0,9kg
- Quang thông: 1057lm - CRI: Ra84 - PF: 0,93
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám, nắp chụp nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 116°

1.903.000

IP 54



NSDL7205W - Màu trắng
NSDL7205B - Màu xám đậm

- Sử dụng bóng E27 (H_{max}<116mm)/AC110-240V
- Kích thước: Ø108mm/H155mm - Trọng lượng: 0,8kg
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Không bao gồm bóng

793.000

IP 65



NDL1833-73 Ánh sáng vàng 3000K
NDL1833-76 Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 7W/AC220V
- Kích thước: Ø110/ H60 mm - Khoét trần: Ø 90mm
- Quang thông: 470lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: thân đèn nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 36°

981.000

IP 54



NSDL2236-73 Ánh sáng vàng 3000K
NSDL2236-76 Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 7W/AC220-240V
- Kích thước: Ø90mm/H95mm - Trọng lượng: 0,8kg
- Quang thông: 581lm - CRI: Ra82 - PF: 0,53
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 17°

1.371.000

IP 65



NDL1831-103 Ánh sáng vàng 3000K
NDL1831-106 Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 10W/AC220V
- Kích thước: Ø115/H75mm - Khoét trần: Ø 105mm
- Quang thông: 709lm - CRI: Ra83
- Chất liệu: thân đèn nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 39°
- Điều chỉnh góc chiếu 20°

1.212.000



ĐÈN GẮN TƯỜNG - Tuổi thọ 20,000 giờ

IP 65



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL1291A Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 20W/ AC220-240V~50Hz
- Kích thước: L500 x W60 x H60mm - Trọng lượng: 3,1kg
- Quang thông: 1818lm - CRI: Ra84
- PF: 0,92
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 107°

2.564.000



IP 65



Đèn tường LED vàng màu gỗ

NBL1291AWD Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 20W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 500x65x60mm
- Chip LED: Philips2835
- Quang thông: 1742lm - CRI: 84 - PF: 0,92
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 107°

3.320.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2891 Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K
NBL2891-6 Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6000K
NBL2891B Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 7W/ AC200-240V
- Kích thước: L82xW58xH82mm - Trọng lượng: 0,4kg
- Quang thông: 218lm - CRI: Ra85 - PF: 0,9
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 96°

930.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2541 Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K
NBL2541-6 Màu xám nhạt, ánh sáng trắng 6000K
NBL2541B Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW111xH115mm - Trọng lượng: 1,7kg
- Quang thông: 841lm - CRI: Ra83 - PF: 0,90
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 21°

1.860.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2553 Màu trắng, ánh sáng vàng 3000K
NBL2553-6 Màu trắng, ánh sáng trắng 6000K
NBL2553S Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 9W/AC200-240V
- Kích thước: L109xW63xH173mm - Trọng lượng: 0,6kg
- Quang thông: 160lm - CRI: Ra80 - PF: 0,93
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 15°/75°

1.244.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2621 Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K
NBL2621-6 Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6000K
NBL2621B Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH145mm - Trọng lượng: 0,84kg
- Quang thông: 1116lm - CRI: Ra82 - PF: 0,93
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 73°

1.709.000

ĐÈN GẮN TƯỜNG - Tuổi thọ 20,000 giờ

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2621WD Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 2x7W/ 220V-240V, 50-60Hz
- Kích thước: 62x87x144mm
- Chip LED: CREE1304
- Quang thông: 1365lm - CRI: >80 - PF: 0,87
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 73°

1.900.000

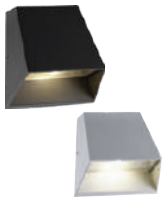
IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2233 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 14W (2x7W)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L135xW96xH135mm
- Trọng lượng: 1,5kg
- Quang thông: 1153lm - CRI: Ra81 - PF: 0,91
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 18°

1.817.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2691 Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K
NBL2691S Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K
- Công suất 7W/AC220-240V
- Kích thước: L125xW63xH125mm - Trọng lượng: 0,5kg
- Quang thông: 374lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 108°

1.136.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2721 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L220xW130xH55mm
- Trọng lượng: 0,8kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 126°

1.709.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng
NBL3181
- Công suất: Sử dụng bulb E27 max 15W (H< 11cm)
- Kích thước: 290x137x100mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn nhựa
- Giá không bao gồm bóng

1.350.000

IP 65



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL1791 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 7W /AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L222xW165xH282mm
- Trọng lượng: 1,6kg
- Quang thông: 555lm - CRI: Ra85 - PF: 0,5
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 105°

1.860.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng
NBB1466
- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW160xH290mm
- Trọng lượng: 2,6kg
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong.
- Giá không bao gồm bóng

1.634.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng
NGL3431WD
- Công suất: Sử dụng bulb E27 max 15W (H< 11cm)
- Kích thước: 135x135x220mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa đèn thủy tinh.
- Giá không bao gồm bóng

1.660.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL1141B Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 1x7W/ 220V-240V, 50-60Hz
- Kích thước: 120x120x58 mm
- Chip LED: Cree
- Quang thông: 355lm - CRI: Ra80 - PF: 0,9
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn thủy tinh mờ
- Góc chiếu: 98°

1.580.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2851 Ánh sáng vàng 3000K
NBL2851-6 Ánh sáng trắng 6000K
- Công suất: 14W (2x7W)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L75xW100xH160mm - Trọng lượng: 0,9kg
- Quang thông: 995lm - CRI: Ra82 - PF: 0,92
- Chất liệu: Nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 37°

1.936.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2613WD Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 8W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 115x90x90mm
- Chip LED: CREE
- Quang thông: 460lm - CRI: >80 - PF: 0,88
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 22/90°

1.660.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL1951B Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 80x0,11W
- Kích thước: 243x132x122mm
- Chip LED: Philips4014
- Quang thông: 782lm - CRI >Ra80 - PF: 0,89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 98°

2.060.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2622 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH95mm
- Trọng lượng: 0,64kg
- Quang thông: 577lm - CRI: Ra82 - PF: 0,88 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 72°

1.168.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL5705A Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 15W/AC200-240V
- Kích thước: L110xW103xH250 mm
- Trọng lượng: 1,1kg
- Quang thông: 850lm - CRI: Ra85 - PF: 0,99
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa.
- Góc chiếu: 103°

1.557.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL3062WD Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 7W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 125x126x250mm
- Chip LED: Philips3014
- Quang thông: 234lm - CRI: >80 - PF: 0,93
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa nhựa
- Góc chiếu: 66°

1.900.000



ĐÈN SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 20,000 giờ

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

IP 54



Đèn gắn trụ ngoài trời dùng bóng
NBB1463
- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max15W/AC220-240V)
- Kích thước: L140xW140xH350mm
- Trọng lượng: 2,5kg
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Giá không bao gồm bóng

1.860.000

IP 54



Đèn sân vườn LED
NGL8453 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW108xH200mm
- Trọng lượng: 0,95kg
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra84 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 38°

1.557.000

IP 54



Đèn sân vườn LED
NGL8464 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 9W/ AC110-240V~50Hz
- Kích thước: L110xW110xH650mm - Trọng lượng: 2,75kg
- Quang thông: 370lm - CRI: Ra85 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 38°

2.542.000

IP 54



Đèn sân vườn dùng bóng
NGL3433WD
- Công suất: Sử dụng bulb E27 max 15W (H< 11cm)
- Kích thước: 145x145x600 mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa đèn thủy tinh
-Giá không bao gồm bóng

2.810.000

IP 65



Đèn sân vườn LED
NGL3483 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 8W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: Ø240xH650 mm
- Quang thông: 610lm - CRI: >80 - PF: 0,9
- Chip LED: Philips4014
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn nhựa
- Chỉnh góc: 90°

2.890.000

IP 54



Đèn sân vườn LED
NGL2723 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L120xW40xH650mm
- Trọng lượng: 2,4kg
- Quang thông: 290lm - CRI: Ra82
- PF: 0,89 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 45°

1.936.000

IP 54



Đèn sân vườn LED
NGL1913 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 7W /AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø90mm/H650mm
- Trọng lượng: 1,22kg
- Quang thông: 415lm - CRI: Ra85
- PF: 0,5
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 71°

1.774.000

IP 54



Đèn sân vườn LED
NGL8434A Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 8W /AC200-240V
- Kích thước: L108xW108xH650mm - Trọng lượng: 2,9kg
- Quang thông: 449lm - CRI: Ra84 - PF: 0,94
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 270°

2.250.000

IP 54



Đèn sân vườn LED
NGL8414 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 15W (1x15W)/ AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø120mm/H650mm - Trọng lượng: 2,75kg
- Quang thông: 370lm - CRI: Ra82 - PF: 0,88
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 82°

2.629.000

ĐÈN ÂM ĐẤT

IP 67



Đèn sân vườn LED âm đất
NGL2291 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 1W/AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø67xH117mm - Trọng lượng: 0,29kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø63xH117mm
- Quang thông: 89lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, mặt đèn inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

757.000

IP 67



Đèn sân vườn LED âm đất
NGL2641 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH105mm - Trọng lượng: 0,97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81 - PF: 0,89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

1.417.000

IP 67



Đèn sân vườn LED âm đất
NGL1211 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1,3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 67lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong.
- Góc chiếu: 110°

1.634.000

IP 67



Đèn sân vườn LED âm đất
NGL1214 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1,3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 188lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 70°

1.634.000

IP 67



Đèn sân vườn LED âm đất
NGL2292 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 1W/AC100-240V~50Hz
- Kích thước: L67xW67xH117mm - Trọng lượng: 0,31kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø63xH117mm
- Quang thông: 89lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, mặt đèn inox, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 28°

800.000

IP 67



Đèn sân vườn LED âm đất
NGL2642 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L125xW125xH105mm - Trọng lượng: 0,97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81 - PF: 0,89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

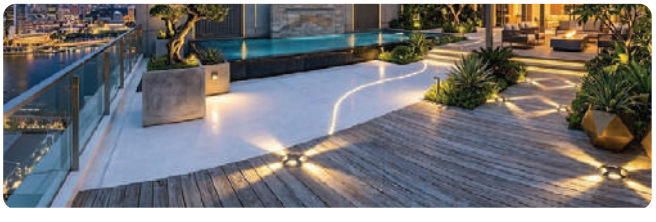
1.557.000

IP 67



Đèn sân vườn LED âm đất
NGL1212 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1,3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 135lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong.
- Góc chiếu: 99°

1.634.000



(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LỐI ĐI - Tuổi thọ 20,000 giờ

IP 65



Đèn LED chiếu chân lắp nổi
NSL1713A Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 3W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L95xW31xH95mm - Trọng lượng: 0,3kg
- Quang thông: 133lm - CRI: Ra83
- PF: 0,5
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 52°

855.000

IP 65



Đèn LED chiếu chân lắp nổi
NSL1711A Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 8W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L160xW31xH160mm - Trọng lượng: 0,7kg
- Quang thông: 450lm - CRI: Ra83
- PF: 0,5
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 53°

1.557.000

IP 65



Đèn sân vườn LED chiếu chân
NSL2781 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø95xH81mm - Trọng lượng: 0,4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 25lm - CRI: Ra80 - PF: 0,53
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

855.000

IP 65



Đèn LED gắn chiếu chân âm tường
NSL1121A Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 4W (12x0,3W)/AC200-240V
- Kích thước: L107xW65xH75mm - Trọng lượng: 0,5kg
- Kích thước khoét lỗ: L100xW57xH65mm
- Quang thông: 129lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 33°

908.000

IP 65



Đèn sân vườn LED chiếu chân
NSL2782 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L95xW81xH95mm - Trọng lượng: 0,4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 25lm - CRI: Ra80 - PF: 0,53
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

855.000

IP 65



Đèn LED chiếu chân âm tường
NSL2102 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L40xW40xH50mm - Trọng lượng: 0,13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxi hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

660.000



IP 65



Đèn LED chiếu chân âm tường
NSL2101 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø40xH50mm - Trọng lượng: 0,13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxi hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

617.000

ĐÈN SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 20,000 giờ



IP 65



Đèn spotlight sân vườn LED
NSP1802 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 1W(1x1W COB)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L40xW40xH40mm - Trọng lượng: 0,18kg
- Quang thông: 95lm - PF: 0,45 - CRI: Ra80
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

844.000

IP 65



Đèn spotlight sân vườn LED
NSP2746 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 10W(1x10W COB)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L81xW76xH118mm - Trọng lượng: 0,9kg
- Quang thông: 656lm - CRI: Ra83
- PF: 0,99
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 26°

1.396.000

IP 65



Đèn spotlight sân vườn LED
NSP2862 Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 6W(3x2W COB)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L83xW107xH380mm - Trọng lượng: 0,79kg
- Quang thông: 360lm - CRI: Ra80
- PF: 0,81
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 24°

1.601.000

IP 65



Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1663	- 7W(1x7W) - 613lm	**1.482.000**
NSP1666	- 10W(1x10W) - 934lm	**1.634.000**
NSP1669	- 20W(1x20W) - 1283lm	**1.709.000**

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W120xH210mm - Trọng lượng: 1,1kg
- PF: 0,99 - CRI: Ra82
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°

Ánh sáng vàng 3000K

IP 65



Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1673	- 7W(1x7W) - 713lm	**1.634.000**
NSP1676	- 15W(1x15W) - 934lm	**1.785.000**
NSP1679	- 20W(1x20W) - 1283lm	**1.860.000**

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W120xH520mm - Trọng lượng: 1,38kg
- PF: 0,99 - CRI: Ra82
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°

Ánh sáng vàng 3000K

ĐÈN BÀN - *Khi mua tặng kèm 1 bóng bulb 5W sử dụng đui đèn E27*

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



NDKC01P - Đèn bàn thỏ hồng
NDKC01BE - Đèn bàn thỏ xanh dương
- Cần đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu
- Chất liệu: Thân đèn nhựa, chóa đèn kim loại, đui đèn sứ
- Kích thước sản phẩm: 125 x 145 x 410 mm
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

235.000



NDKC03WG - Đèn bàn xanh lá
NDKC03WGY - Đèn bàn xám
NDKC03WP - Đèn bàn hồng
- Chóa đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh góc chiếu
- Chất liệu: Thân và chóa đèn kim loại, đế gỗ
- Kích thước sản phẩm: 165 x 165 x 400mm
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

395.000



NDKC02W - Đèn bàn trắng
NDKC02B - Đèn bàn đen
- Cần đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu
- Chất liệu: Thân đèn nhựa, chóa đèn kim loại, đui đèn sứ
- Kích thước sản phẩm: 125 x 142 x 378mm
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

217.000



NDKC04IB - Đèn bàn vàng đen
- Thiết kế cổ điển sang trọng
- Điều chỉnh chiều cao và góc chiếu ở 2 vị trí khóa vặn
- Chất liệu: Hợp kim cao cấp
- Kích thước sản phẩm: 178 x 178 x 420mm
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

610.000

ĐÈN BÀN LED - NESSA SERIES







NDKR908 - Trắng
- Công suất: 8W
- Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V
- Quang thông: 490lm - Độ rọi: 1.800lux
- Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
- Tính năng:
  + Điều chỉnh độ sáng 3 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ
  + Tích hợp điều chỉnh màu đèn ngủ vô cấp ở đế đèn
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Kích thước sản phẩm: 149 x 150 x 311mm
- Kèm adapter
- Đóng gói: 8 cái/thùng

865.000



NDKC618 - Trắng
- Công suất: 8W
- Điện áp: Đầu ra DC5V, đầu vào 100-240V
- Quang thông: 480lm - Độ rọi: 1.200lux
- Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
- Tính năng:
  + Điều chỉnh độ sáng 6 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ
  + Tích hợp pin lithium dùng khi mất điện: thời gian sạc 4h, thời gian sử dụng 2h30
  + Tích hợp đèn ngủ ở đế đèn
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Kích thước sản phẩm: 375 x 170 x 405mm
- Không kèm adapter (đầu ra cáp sạc USB, dùng với adapter 5V 2A)
- Đóng gói: 12 cái/thùng

1.030.000



NDKR478 - Trắng
- Công suất: 8W
- Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V
- Quang thông: 400lm - Độ rọi: 1600lux
- Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
- Tính năng:
  + Điều chỉnh độ sáng 6 cấp độ, màu ánh sáng 5 cấp độ
  + Tích hợp mặt đồng hồ điện tử (thể hiện thời gian, ngày, nhiệt độ, báo thức)
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Kích thước sản phẩm: 340 x 160 x 384mm
- Kèm adapter, kèm pin CR2032 dùng cho mặt đồng hồ
- Đóng gói: 8 cái/thùng

1.130.000



NDKC668 - Trắng bạc ánh kim
- Công suất: 8W
- Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V
- Quang thông: 560lm - Độ rọi: 1155lux
- Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
- Tính năng: Điều chỉnh độ sáng 3 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ
- Chất liệu: Thân đèn nhôm ánh kim cao cấp, đế đèn nhựa ABS
- Kích thước sản phẩm: 445 x 130 x 394mm
- Kèm adapter
- Đóng gói: 12 cái/thùng

1.130.000

ĐÈN BÀN LED





** Chất liệu: Nhựa ABS trắng*
** Cần đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu*
** Độ rọi trên bàn 1300lux đảm bảo độ sáng học tập và làm việc*
** Điều chỉnh cường độ sáng vô cấp bằng phím cảm ứng một chạm*
** Thời gian sạc 4h, thời gian sử dụng 1,5h khi mất điện*
** Tính năng hẹn giờ tắt 30 phút*
** Tích hợp khay đựng bút và giá đỡ điện thoại tiện dụng*
** Kèm dây cáp USB*

NDK10WC - Đèn bàn LED
- Công suất/ Điện thế sử dụng: 10W/Cốc sạc DC 5V 2A
- Pin Lithium 18650 3,7V, dung lượng 1.500mAh
- Quang thông: 400lm
- Tùy chỉnh nhiệt độ màu: 3500K - 4000K - 4500K
- Kích thước sản phẩm: 130 x 150 x 350mm
- Khối lượng sản phẩm: 0,709kg
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

507.000



ĐÈN PIN NEW





NRFL03B
Điện áp: DC5V 1A, 2.5W
Pin: Lithium 1500mAh 3.7V
Màu ánh sáng: Trắng
Chất liệu: Nhựa ABS và nhôm màu đen
Quang thông: Front light: 180lm, Side light: 70lm
Thời gian sạc: 3-5H
Thời gian sử dụng: >= 4H
Kích thước sản phẩm: φ55x198mm
Kích thước chóa đèn: φ55mm
Chức năng:
+ Chế độ sáng (High - Low - SOS - Side Light - OFF)
+ Nhấn giữ để điều chỉnh cường độ sáng
+ Điều chỉnh chiếu sáng xa - gần bằng cách vặn đầu đèn
+ 4 mức pin
Phụ kiện: Kèm dây sạc Type-C cổng USB
Đóng gói: 1 cái/hộp, 50 cái/thùng

186.000

ĐÈN SẠC CẦM TAY NEW





NRHL05B
Điện áp: DC5V 1A, 5W
Pin: Lithium 2x1500mAh 3.7V
Màu ánh sáng: Trắng
Chất liệu: Nhựa ABS và nhôm màu đen
Quang thông: Front light: 220lm, Side light: 160lm
Thời gian sạc: 3-6H
Thời gian sử dụng: >= 6H
Kích thước sản phẩm: 235x118x160mm
Kích thước chóa đèn: φ106mm
Chức năng:
+ Chế độ sáng:
Front light: High - Low - SOS - OFF
Side light: High - Low - OFF
+ Nhấn giữ để điều chỉnh cường độ sáng
+ 4 mức pin
Phụ kiện: Kèm dây sạc Type-C cổng USB, dây đeo dài 100cm
Đóng gói: 1 cái/hộp, 30 cái/thùng

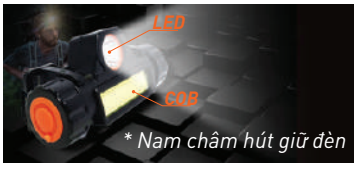
355.000

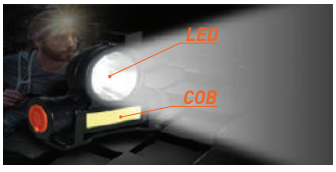
ĐÈN ĐỘI ĐẦU

* Chất liệu: Nhựa ABS
* Pin Lithium 3000mAh 3.7V
* 4 mức pin
* Thời gian sạc: 4-6H
* Thời gian sử dụng ≥ 9H
* Góc xoay đèn: 90°
* Nhấn giữ để điều chỉnh cường độ sáng
* Phụ kiện: Kèm dây sạc Type-C cổng USB và dây đội đầu



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Rộng x Cao (mm)	Chế độ	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NHL05B	4,5W/ Cốc sạc DC 5V 2A	Spotlight: 190lm, Floodlight: 450lm	Trắng	87 x 60 x 60 (chóa đèn Ø45mm)	(Spotlight - Floodlight - Spotlight + Floodlight - SOS - OFF) nhấn giữ điều chỉnh độ sáng	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	252.000







* Chất liệu: Nhựa ABS
* Pin Lithium 1200mAh
* Thời gian hoạt động 4h
* Thời gian sạc 8h





Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Rộng x Cao (mm)	Chế độ	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NHL0361B	3,5W/ Cốc sạc DC 5V 2A	260	Trắng	84 x 30 x 68	LED - FLASH - COB- OFF	30	117.000
NHL0362B		300	Trắng	84 x 30 x 45	LED - COB- OFF nhấn giữ điều chỉnh độ sáng		

ĐÈN BẮT MUỖI









5.000H

IP 20

* Chất liệu: Nhựa ABS
* Chiều dài dây 1,2m
* Tặng kèm 1 cây cọ vệ sinh
* Khay đựng xác côn trùng dễ dàng tháo lắp, vệ sinh

* Thu hút muỗi bằng bước sóng ánh sáng 365nm, từ nhiều hướng 360°
* Tiêu diệt nhanh muỗi và các loại côn trùng nhờ lưới điện mạnh mẽ
* Nên đặt đèn ở nơi tối, độ cao từ 1m đến 2m, xuất hiện nhiều muỗi để đạt hiệu suất cao nhất


NML06B

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Lưới điện (V)	Diện tích sử dụng (m²)	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NML06B	06W/220V	800-1000V	16	138 x 292	0.6	6	391.000
NML18B1	18W/220V	4000V	100	170 x170 x 28.5	0.9	6	720.000


NML18B1





DIỆT MUỖI/ CÔN TRÙNG

LƯỚI ĐIỆN CỰC MẠNH

NHỰA ABS CAO CẤP

VỢT MUỖI - *An toàn, tiện lợi, luôn bảo vệ gia đình bạn*



NMR103BE - THÔNG MINH 2 IN 1
- Màu: Kem
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- 6 đèn thu hút muỗi ánh sáng tím
- Sạc nhanh 2 - 4 giờ
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Cổng sạc Type C và dây sạc
- Không bao gồm củ sạc
- Đế cắm di động và móc treo
- Đóng gói: 20 cái/thùng

220.000



NMR102B - Màu xanh dương
NMR102BE - Màu kem
- Pin lithium độ bền cao 500mAh
- Thời gian sạc đầy: 8 giờ
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Có đèn Led chiếu sáng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Đóng gói: 20 cái/thùng

135.000



NMR101G - Xanh lá
NMR101P - Hồng
- Pin lithium độ bền cao 500mAh
- Thời gian sạc đầy: 8 giờ
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Có đèn Led chiếu sáng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa PP
- Đóng gói: 30 cái/thùng

120.000

NEW



NMR106B - Xanh dương
- Tích hợp đèn pin 0.5W có thể tháo rời
- Pin lithium độ bền cao 500mAh
- Có đèn Led chiếu sáng
- Thời gian sạc đầy: 8 giờ
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Chân sạc 2 chấu trên đèn pin
- Đóng gói: 20 cái/thùng

145.000



NMR105B - Xanh dương
- 2 đèn LED siêu sáng
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- Cổng sạc Type-C và dây sạc
- Thời gian sạc đầy: 4 - 6 giờ
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Chất liệu nhựa ABS
- Không bao gồm củ sạc
- Đóng gói: 20 cái/ thùng

165.000



NMR104O - Cam
- 1 đèn LED siêu sáng
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- Cổng sạc Type-C và dây sạc
- Thời gian sạc đầy: 4 - 6 giờ
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Chất liệu nhựa ABS
- Không bao gồm củ sạc
- Đóng gói: 20 cái/ thùng

165.000



ĐÈN PIN CÓ THỂ THÁO RỜI

DIỆT MUỖI

PIN LITHIUM 500MAH

ĐÈN LED CHIẾU SÁNG

XẢ ĐIỆN NHANH

KHUNG LƯỚI 3 LỚP

*Cảnh báo: * Chỉ sử dụng đèn khi đã lắp đặt trên tường/ trần, cách với sàn nhà lớn hơn 2,1m*
** Bỏ túi nilong bên ngoài đèn trước khi sử dụng*

ĐÈN SƯỞI TREO TƯỜNG

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

IP 54

** Thân đèn nhựa PC*
** Kèm phụ kiện thanh treo, ốc vít*
** Chiều dài dây điện 3m*
**** Dùng với bóng đèn sưởi NBH275G***





	Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
	NBH634BE	2 bóng	550W/220V/50Hz	Bề mặt màu beige, thân đèn màu bạc	410x191x227	6	930.000
	NBH649G	2 bóng	550W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc	410x189x227	6	930.000
	NBH626G	3 bóng	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu trắng	519x221x233	4	1.490.000
	NBH641S	3 bóng	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu bạc, thân đèn màu bạc	528x225x249	4	1.230.000
	NBH650G	3 bóng	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc	504x224x249	4	1.240.000

ĐÈN SƯỞI ÂM TRẦN - CÓ QUẠT HÚT

IP 54

** Bề mặt nhựa PC*
** Kèm remote, ống dẫn*
** Chiều dài dây điện 1m*
** Điều khiển bằng remote*
** Quạt hút giúp luân chuyển không khí trong phòng và phân tán nhiệt đều*
** Phù hợp phòng tắm ẩm và kín*
**** Dùng với bóng đèn sưởi NBH275G***



	Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Công suất quạt hút (W)	Lưu lượng gió (m³/h)	Kích thước ống dẫn	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
	NBHR201G	Lắp âm 2 bóng remote	550W + 6W LED 220V/50Hz	30	220	Ø100mm, chiều dài ống 1,5m	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu trắng	400x226x170	345x190	4	2.210.000
	NBHR401G	Lắp âm 4 bóng remote	1100W + 6W LED 220V/50Hz	30	220	Ø100mm, chiều dài ống 1,5m	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu trắng	364x364x175	290X290	2	2.600.000

ĐÈN SƯỞI ÂM TRẦN

IP 54

** Chất liệu: Bề mặt nhựa PC*
** Kèm dây cắm dài 1,5m*
** Điều khiển bằng công tắc*
** Chỉ tỏa nhiệt trực tiếp ở khu vực gắn đèn*
** Phù hợp phòng tắm thoáng và diện tích nhỏ*
**** Dùng với bóng NBH275G1***

	Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
	NBHR202W	Lắp âm 2 bóng công tắc	550W 220V/50Hz	Màu trắng	300x300x146	275x275	4	960.000

BÓNG ĐÈN SƯỞI E27



Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NBH275G	Bóng rời E27 275W	275W/220V/50Hz	Bóng đèn màu vàng E27	D125xH183	20	150.000
NBH275G1				D115xH160	20	170.000

ĐÈN EXIT - Đèn thoát hiểm

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn







IP 40

NEX2108C1 - Đèn thoát hiểm LED
(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 5,5W/AC220-240V/50Hz~60Hz, 0.07A
- Kích thước: 290mm x 182mm x 40mm
- Trọng lượng: 0,9kg
- Pin: LiFePO4 3,2V/1,5Ah
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Độ rọi:10 cd/m²
- Nguồn sáng: SMD LED WHITE - 6500K
- Khoảng cách nhìn thấy: 24m
- Cấp độ bảo vệ: IP40
- Chất liệu: Nhựa PC
- Kèm 1 hình chỉ hướng lối thoát mã NEXF-E
- Đóng gói: 12 cái/thùng

850.000

Phụ kiện dùng kèm đèn thoát hiểm

Hình chỉ hướng



NEXF-L
1 mặt trái — 26.000



NEXF-R
1 mặt phải — 26.000



NEXF-D
1 mặt xuống — 26.000



NEXF-U
1 mặt lên — 26.000



NEXF-LR
1 mặt trái & phải — 26.000



NEXF-TL
1 mặt toilet trái — 26.000



NEXF-TR
1 mặt toilet phải — 26.000



NEXF-TD
1 mặt toilet xuống — 26.000



NEXF-TU
1 mặt toilet lên — 26.000



NEXF-E
Đèn báo Exit — 26.000



Bộ phụ kiện gắn treo trần
NEXA-C
Gồm 2 bộ dây treo trần
Chiều dài dây treo 1m — 50.000



Bộ phụ kiện gắn tường
NEXA-W
Gồm 2 bộ pát gắn tường — 13.000

ĐÈN EMERGENCY - Đèn chiếu sáng khẩn cấp

NEM21351 - Đèn LED chiếu sáng khẩn cấp
(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 2W/AC220-240V/50Hz~60Hz
- Kích thước: 280 x 280 x 78mm - Trọng lượng: 1kg
- Pin: Li-ion 3,7V/2,2A
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: ≥180lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chóa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Có thể điều chỉnh đèn theo 340º theo phương ngang, 90º theo phương thẳng đứng
- Đóng gói: 6 cái/thùng

890.000

IP 20









ĐÈN DOWNLIGHT EMERGENCY - Đèn Downlight chiếu sáng khẩn cấp

NDLE036 - Đèn LED Downlight chiếu sáng khẩn cấp
(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 3.5W/AC220-240V/50Hz~60Hz
- Kích thước: Ø140 x 23mm/ Khoét trần: Ø65 - 70mm/H50mm
- Trọng lượng: 220g
- Pin: LiFePO4 3,2V/1,5Ah
- Thời gian sạc: 16 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: ≥125lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chóa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Đóng gói: 48 cái/thùng

720.000

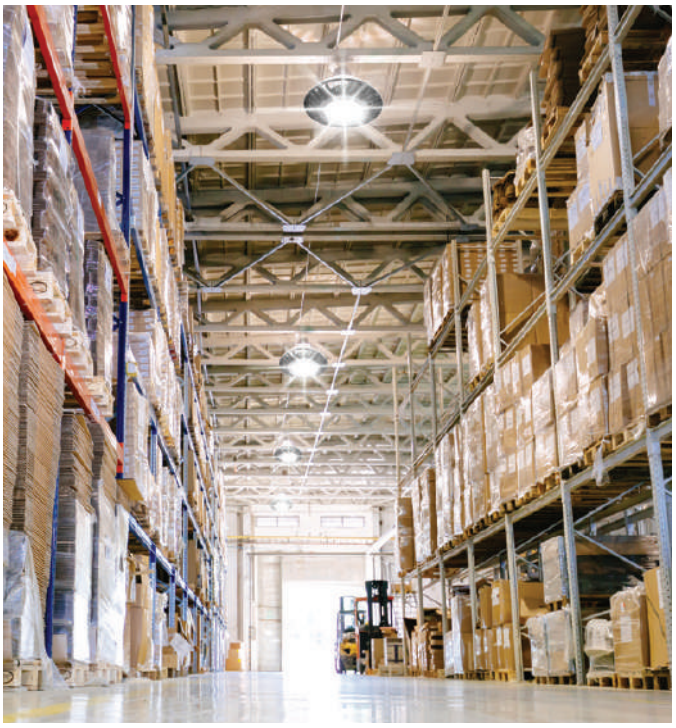
IP 20





ĐÈN HIGHBAY - Đèn nhà xưởng

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn





- *Điện thế sử dụng: 220-240V AC, 50/60Hz*
- *Ánh sáng trắng 6500K*
- *Nhiệt độ hoạt động: -20 đến +45°C*
- *Chất liệu: thân đèn hợp kim nhôm ADC12*
- *Đóng gói: 1 cái/thùng*





NHB10061
Công suất: 100W - Quang thông: 13.000lm
Kích thước: Ø220mm/H: 98,5mm — **1.540.000**



NHB15061
Công suất: 150W - Quang thông: 19.500lm
Kích thước: Ø260mm/H: 98,5mm — **2.075.000**

NHB20061
Công suất 200W - Quang thông: 26.000lm
Kích thước: Ø300mm/H: 98,5mm — **2.530.000**

PIN







* Pin lithium dung lượng chuẩn đảm bảo thiết bị hoạt động hiệu quả và ổn định

* An toàn vượt trội với vỏ kín ngăn ngừa rò rỉ, không gây ô nhiễm môi trường và thiệt hại tiềm tàng cho các thiết bị.

Hình ảnh		Mã sản phẩm	Loại pin	Điện áp (V)	Dung lượng (mAh)	Kích thước sản phẩm (mm)	Bảo hành (Năm)	Đóng gói (pin/vỉ)	Đóng gói (pin/hộp)	Giá bán/pin	Giá bán/vỉ
		**NLR03-2**	Alkaline AAA	1,5V	1,200	D: 10,5±0,2 L: 44,5±0,2	10	2	24	10.000	20.000
		**NLR03-4**	Alkaline AAA	1,5V	1,200	D: 10,5±0,2 L: 44,5±0,2	10	4	48	10.000	40.000
		**NLR6-2**	Alkaline AA	1,5V	2,600	D: 14,5±0,2 L: 50,5±0,2	10	2	24	13.000	26.000
		**NLR6-4**	Alkaline AA	1,5V	2,600	D: 14,5±0,2 L: 50,5±0,2	10	4	48	13.000	52.000
		**NCR2025**	Lithium	3V	160	20x2,5	3	5	50	17.600	88.000
		**NCR2032**	Lithium	3V	220	20x3,2	3	5	50	17.600	88.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ProClub

TÍCH ĐIỂM CỰC DỄ NHẬN QUÀ THÍCH MÊ



Kích hoạt bảo hành ngay khi **tích điểm thành công**

Thêm bạn **thưởng vô hạn**

Xem thêm chi tiết tại:

Zalo Nanoco Group

fb.com/nanoco.com.vn

info@nanoco.com.vn

www.nanoco.com.vn

ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Thợ Thầu

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN



BƯỚC 1:
Đăng ký tài khoản

* Chọn đối tượng là Nhà phân phối cấp 2

* Điền thông tin và mật khẩu để đăng ký tài khoản



BƯỚC 2:
Quét QR trên sản phẩm

* Nhấn vào mục "Quét QR" trên app để quét mã QR trên sản phẩm



BƯỚC 3:
Kích hoạt bảo hành/ tích điểm

* Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành" nếu muốn kích hoạt bảo hành cho mình

* Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành cho người khác" nếu kích hoạt bảo hành cho người khác và điền thông tin vào

19006711

Bảo hành Panasonic: 18001593

Zalo

FB Messenger

Youtube

https://kimquang.vn